BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Nghệ An;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03 /2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là *tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó:* P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện", TX. Là chữ viết tắt của "thị xã".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Vinh	3
2	Thị xã Cửa Lò	17
3	Thị xã Thái Hoà	21
4	Huyện Anh Sơn	28
5	Huyện Con Cuông	40
6	Huyện Diễn Châu	52
7	Huyện Đô Lương	71
8	Huyện Hưng Nguyên	88
9	Huyện Kỳ Sơn	99
10	Huyện Nam Đàn	114
11	Huyện Nghi Lộc	128
12	Huyện Nghĩa Đàn	146
13	Huyện Quế Phong	162
14	Huyện Quỳ Châu	173
15	Huyện Quỳ Hợp	183
16	Huyện Quỳnh Lưu	199
17	Huyện Tân Kỳ	225
18	Huyện Thanh Chương	239
19	Huyện Tương Dương	263
20	Huyện Yên Thành	278

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 1	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 42' 03"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 40' 04"	105° 42' 12"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 52"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 53"	105° 42' 02"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 42"	105° 41' 49"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 42' 05"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 35"	105° 41' 53"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 38"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 25"	105° 41' 52"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 21"	105° 42' 05"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 26"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 13"	105° 41' 56"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 03"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
cầu Bến Thuỷ	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 38' 51"	105° 42' 24"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Du	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Trường Đại học Vinh	KX	P. Bến Thuỷ	TP. Vinh	18° 39' 35"	105° 41' 37"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 08"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 25"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 13"	105° 39' 54"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 02"	105° 40' 06"					E-48-32-C-b
khối 6A	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 02"					E-48-32-C-b
khối 6B	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 03"	105° 39' 51"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 39' 51"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 39' 27"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 11	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 39' 15"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 39' 06"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 19"	105° 39' 05"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 38' 55"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 43"	105° 38' 48"					E-48-32-C-b
sông Cầu Đước	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"	E-48-32-C-b
hồ Cửa Nam	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh	18° 40' 00"	105° 39' 39"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Sinh Sắc	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"	E-48-32-C-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Cửa Nam	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"	E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 06"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 40' 06"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 29"	105° 39' 49"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 38"	105° 39' 40"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 39' 39"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 20"	105° 39' 40"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 39' 37"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 15"	105° 39' 40"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Đội Cung	TP. Vinh	18° 40' 10"	105° 39' 42"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 33"	105° 39' 46"	18° 40' 32"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đội Cung	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"	E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 00"	105° 39' 38"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 19"	105° 39' 27"					E-48-32-C-b
khối 19	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 25"	105° 39' 36"					E-48-32-C-b
sông Cầu Đước	TV	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"	E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối Đại Lợi	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 35"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b
sông Kẽ Gai	TV	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 42' 26"	105° 38' 06"	E-48-32-C-b
khối Mỹ Thành	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 12"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b
khối Trung Nghĩa	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 37"	105° 39' 33"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Lâm	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 15"	105° 39' 24"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Quang	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Thành	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 46"	105° 39' 35"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Thịnh	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 37"	105° 39' 28"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Xuân	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 23"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Yên	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 40' 53"	105° 39' 27"					E-48-32-C-b
khối Yên Duệ	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 25"	105° 39' 18"					E-48-32-C-b
khối Yên Giang	DC	P. Đông Vĩnh	TP. Vinh	18° 41' 09"	105° 38' 46"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 42' 29"	105° 40' 09"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 42' 16"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 57"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 47"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 31"	105° 40' 35"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 35"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 24"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 18"	105° 40' 33"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 23"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 25"	105° 40' 50"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 31"	105° 41' 01"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 40' 56"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 17"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
đường Hà Huy Tập	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			18° 41' 59"	105° 40' 23"	18° 41' 15"	105° 40' 46"	E-48-32-C-b
đường Mai Hắc Đế	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối Tân Hoà	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 20"					E-48-32-C-b
khối Trung Hoà	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 21"	105° 41' 35"					E-48-32-C-b
đường Xô Viết Nghệ	KX	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 25"	18° 43' 13"	105° 40' 12"	E-48-32-C-b
khối Yên Hoà	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 32"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
khối Yên Sơn	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 41"	105° 41' 03"					E-48-32-C-b
khối Yên Toàn	DC	P. Hà Huy Tập	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 53"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 13"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 40' 17"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 49"	105° 40' 24"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 28"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 58"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 48"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 41' 05"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 54"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
đường Lê Mao	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 39' 54"	105° 40' 51"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"	E-48-32-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Chợ Vinh	KX	P. Hồng Sơn	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 40' 18"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 45"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b
khối 18	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 44"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối 19	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 44"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
khối 20	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
khối 22	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 47"	105° 40' 49"					E-48-32-C-b
khối 23	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 40' 59"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 24	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 33"	105° 40' 48"					E-48-32-C-b
khối Bình Yên	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 41' 04"					E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Lê Lợi	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối Liên Cơ	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 33"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hưng Bình	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
khối Quang Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 55"	105° 40' 35"					E-48-32-C-b
khối Tân Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 48"	105° 40' 32"					E-48-32-C-b
khối Tân Yên	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 54"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối Trường Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 40' 34"	105° 41' 02"					E-48-32-C-b
khối Vinh Quang	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 40' 35"					E-48-32-C-b
khối Vinh Tiến	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối Yên Phúc A	DC	P. Hưng Bình	TP. Vinh	18° 41' 06"	105° 40' 48"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
khối Đông Lâm	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 24"	105° 42' 14"					E-48-32-C-b
khối Đông Thọ	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 42' 16"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
sông Rào Đừng	TV	P. Hưng Dũng	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
khối Tân Hợp	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 08"	105° 41' 35"					E-48-32-C-b
khối Tân Lâm	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 42' 00"					E-48-32-C-b
khối Tân Lộc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 41' 42"					E-48-32-C-b
khối Tân Nam	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 13"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b
khối Tân Phúc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 42"	105° 41' 52"					E-48-32-C-b
khối Tân Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 50"	105° 41' 37"					E-48-32-C-b
khối Trung Định	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 42' 02"					E-48-32-C-b
khối Trung Đô	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 02"	105° 41' 33"					E-48-32-C-b
khối Trung Đông	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 11"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
khối Trung Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 07"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối Trung Yên	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 00"	105° 41' 39"					E-48-32-C-b
khối Văn Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối Văn Trung	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 42' 04"					E-48-32-C-b
khối Xuân Bắc	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 57"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b
khối Xuân Đông	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 41' 05"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
khối Xuân Nam	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 42' 07"					E-48-32-C-b
khối Xuân Tiến	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 53"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
khối Xuân Trung	DC	P. Hưng Dũng	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 42' 13"					E-48-32-C-b
khối An Vinh	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 41' 18"					E-48-32-C-b
khối Hưng Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 06"	105° 40' 53"					E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Hưng Phúc	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
khối Minh Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hưng Phúc	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
khối Quang Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
khối Tân Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 41' 03"					E-48-32-C-b
khối Trường Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 52"	105° 41' 01"					E-48-32-C-b
khối Vinh Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 09"	105° 41' 11"					E-48-32-C-b
khối Yên Bình	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 52"	105° 41' 10"					E-48-32-C-b
khối Yên Phúc	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 40' 50"	105° 41' 20"					E-48-32-C-b
khối Yên Vinh	DC	P. Hưng Phúc	TP. Vinh	18° 41' 12"	105° 41' 18"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 42"	105° 40' 18"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 40' 13"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 40' 10"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 54"	105° 40' 18"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 58"	105° 40' 16"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 05"	105° 40' 17"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 40' 11"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 51"	105° 39' 51"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 47"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 43"	105° 39' 50"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 45"	105° 39' 41"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 12	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 40' 49"	105° 39' 44"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 04"	105° 39' 45"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 14"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 03"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	P. Lê Lợi	TP. Vinh	18° 41' 08"	105° 39' 55"					E-48-32-C-b
đường Lê Lợi	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Lê Lợi	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 56"	105° 39' 47"	E-48-32-C-b
đường Lê Mao	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			18° 39' 54"	105° 40' 51"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
khối Tân Phong	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b
khối Tân Quang	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 40' 31"					E-48-32-C-b
khối Tân Thành 1	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 19"	105° 40' 47"					E-48-32-C-b
khối Tân Thành 2	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 40' 43"					E-48-32-C-b
khối Tân Tiến	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 24"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
khối Tân Vinh	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 40' 37"					E-48-32-C-b
đường Trần Phú	KX	P. Lê Mao	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối Trung Hoà 1	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 44"					E-48-32-C-b
khối Trung Hoà 2	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 08"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
khối Trung Mỹ	DC	P. Lê Mao	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 27"	105° 40' 10"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 40' 04"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 39' 55"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 26"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 39"	105° 40' 05"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 50"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 52"	105° 39' 50"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 12"	105° 40' 04"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 16"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 11	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 42' 46"	105° 39' 59"					E-48-32-C-b
đường Mai Hắc Đế	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Ga Vinh	KX	P. Quán Bàu	TP. Vinh	18° 41' 19"	105° 39' 45"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 40' 23"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 10"	105° 40' 23"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 17"	105° 40' 22"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 40' 25"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 25"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 35"	105° 40' 23"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 29"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 22"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 04"	105° 40' 12"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 11"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 36"	105° 40' 15"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Quang Trung	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 40"	105° 39' 46"	18° 40' 39"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 45"	105° 40' 21"	18° 40' 15"	105° 40' 55"	E-48-32-C-b
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 33"	105° 39' 46"	18° 40' 32"	105° 40' 21"	E-48-32-C-b
đường Phan Đình Phùng	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			18° 40' 04"	105° 39' 45"	18° 40' 00"	105° 40' 20"	E-48-32-C-b
đường Quang Trung	KX	P. Quang Trung	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 03"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 46"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 05"	105° 41' 16"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 4	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 17"	105° 41' 23"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 18"	105° 41' 34"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 25"	105° 41' 37"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 38"	105° 41' 25"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 55"	105° 41' 12"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 06"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 12"	105° 41' 36"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 19"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 12"	105° 41' 51"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
đập Ba Ra	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 38"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
đường Lê Duẩn	KX	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Du	KX	P. Trung Đô	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
Núi Quyết	SV	P. Trung Đô	TP. Vinh	18° 38' 51"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
khối 1	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 21"	105° 41' 07"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 41' 13"					E-48-32-C-b
khối 3	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 32"	105° 41' 13"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 55"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 41' 47"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 41"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 43"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 12"	105° 41' 41"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 39' 57"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
khối 12	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 41' 49"					E-48-32-C-b
khối 13	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 34"					E-48-32-C-b
khối 14	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 14"	105° 41' 34"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 16"	105° 41' 48"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 16	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 01"	105° 41' 23"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 05"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
Hồ Goong	TV	P. Trường Thi	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b
đường Lê Duẩn	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 40' 39"	105° 40' 21"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 41' 15"	105° 40' 46"	18° 40' 21"	105° 41' 15"	E-48-32-C-b
đường Trường Thi	KX	P. Trường Thi	TP. Vinh			18° 39' 58"	105° 41' 15"	18° 40' 36"	105° 41' 33"	E-48-32-C-b
khối Cộng Hoà	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 36"	105° 40' 20"					E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 39' 55"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
Sông Đào	TV	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
khối 1	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 27"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
khối 2	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 01"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b
đường Phạm Hồng Thái	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh			18° 39' 52"	105° 40' 03"	18° 36' 53"	105° 36' 13"	E-48-32-C-b
khối Phúc Lộc	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
khối Phúc Tân	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 54"					E-48-32-C-b
khối Phúc Vinh	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b
khối Quang Tiến	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 49"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
khối Quang Trung	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 50"	105° 40' 34"					E-48-32-C-b
khối Tân Hoà	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 34"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b
khối Tân Phượng	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 17"	105° 40' 41"					E-48-32-C-b
khối Vĩnh Mỹ	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 47"	105° 39' 28"					E-48-32-C-b
khối Yên Cư	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 01"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
khối Yên Giang	DC	P. Vinh Tân	TP. Vinh	18° 39' 44"	105° 40' 02"					E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 26"	105° 38' 39"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 18"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 06"	105° 38' 39"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 56"	105° 38' 51"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 51"	105° 38' 48"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 41"	105° 38' 57"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 39' 36"	105° 39' 16"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VT độ	Kinh độ	VT độ	Kinh độ	VT độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 8	DC	xã Hưng Chính	TP. Vinh	18° 40' 09"	105° 38' 22"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	xã Hưng Chính	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
sông Cầu Đước	TV	xã Hưng Chính	TP. Vinh			18° 42' 26"	105° 38' 08"	18° 39' 56"	105° 39' 08"	E-48-32-C-b
Sông Đào	TV	xã Hưng Chính	TP. Vinh			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-b
xóm Đông Vinh	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 46"	105° 39' 16"					E-48-32-C-b
xóm Mai Lộc	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 37"	105° 38' 35"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hậu	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 41"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 32"	105° 38' 44"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Long	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 21"	105° 38' 51"					E-48-32-C-b
xóm Trung Mỹ	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 38' 55"					E-48-32-C-b
xóm Trung Thành	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 02"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b
xóm Trung Thuận	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 56"	105° 39' 04"					E-48-32-C-b
xóm Trung Tiến	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 39' 10"					E-48-32-C-b
xóm Vinh Xuân	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 42"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b
xóm Yên Bình	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 00"	105° 39' 37"					E-48-32-C-b
xóm Yên Khang	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 39' 36"					E-48-32-C-b
xóm Yên Vinh	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 14"	105° 39' 20"					E-48-32-C-b
xóm Yên Xá	DC	xã Hưng Đông	TP. Vinh	18° 42' 36"	105° 39' 25"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Hoà	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Hoà Lam	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 30"	105° 45' 32"					E-48-32-D-a
xóm Khánh Hậu	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 41"	105° 43' 31"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Hưng Hoà	TP. Vinh			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
xóm Phong Đăng	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 51"	105° 43' 57"					E-48-32-C-b
xóm Phong Hảo	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 28"	105° 44' 31"					E-48-32-C-b
xóm Phong Phú	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 43' 33"					E-48-32-C-b
xóm Phong Quang	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 41' 10"	105° 44' 06"					E-48-32-C-b
xóm Phong Yên	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 41' 50"	105° 44' 41"					E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Hưng Hoà	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
sông Rào Đừng	TV	xã Hưng Hoà	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
xóm Thuận 1	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 25"	105° 45' 01"					E-48-32-D-a
xóm Thuận 2	DC	xã Hưng Hoà	TP. Vinh	18° 40' 31"	105° 45' 18"					E-48-32-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 535	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Đức Thịnh	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 43' 01"					E-48-32-C-b
xóm Đức Thọ	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 10"	105° 42' 49"					E-48-32-C-b
xóm Đức Vinh	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 25"	105° 42' 45"					E-48-32-C-b
xóm Hoà Tiến	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 42' 21"					E-48-32-C-b
xóm Mẫu Đơn	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 36"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b
xóm Mậu Lâm	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 29"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Hạ	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 55"	105° 42' 37"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Thượng	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 20"	105° 42' 05"					E-48-32-C-b
xóm Mỹ Trung	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 13"	105° 42' 19"					E-48-32-C-b
xóm Ngũ Lộc	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 51"	105° 41' 51"					E-48-32-C-b
xóm Ngũ Phúc	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 40"	105° 42' 00"					E-48-32-C-b
Viện Quân Y 4	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 45"	105° 42' 11"					E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
sông Rào Đừng	TV	xã Hưng Lộc	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 54"	18° 41' 55"	105° 43' 31"	E-48-32-C-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Vinh	KX	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 42' 23"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Hùng	DC	xã Hưng Lộc	TP. Vinh	18° 41' 18"	105° 42' 01"					E-48-32-C-b
xóm Kim Bình	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 26"	105° 41' 24"					E-48-32-C-b
xóm Kim Chi	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 13"	105° 40' 37"					E-48-32-C-b
xóm Kim Đông	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 49"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
xóm Kim Hoà	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 20"	105° 41' 12"					E-48-32-A-d
xóm Kim Hợp	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 01"	105° 41' 12"					E-48-32-A-d
xóm Kim Khánh	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 03"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
xóm Kim Liên	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 45' 04"	105° 40' 42"					E-48-32-A-d
xóm Kim Mỹ	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 43' 52"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b
xóm Kim Nghĩa	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 12"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
xóm Kim Phúc	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 55"	105° 40' 26"					E-48-32-C-b
xóm Kim Sơn	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 31"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b
xóm Kim Tân	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 58"	105° 40' 58"					E-48-32-A-d
xóm Kim Trung	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 50"	105° 40' 51"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường Nghệ An/Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Ân	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d, E-48-32-C-b
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghi Ân	TP. Vinh	18° 44' 40"	105° 41' 06"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Đức	TP. Vinh			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm Hương Tín	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 03"	105° 41' 38"					E-48-32-C-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Vinh	KX	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 30"	105° 42' 23"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Bình 13	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 42' 12"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Bình 14	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 17"	105° 42' 03"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Đồng	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Đức	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 58"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Hoa	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 44"	105° 41' 43"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Hương	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 41' 47"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Mỹ	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 47"	105° 41' 44"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 42' 48"	105° 42' 26"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Tín	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 18"	105° 41' 25"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Trang	DC	xã Nghi Đức	TP. Vinh	18° 43' 08"	105° 42' 28"					E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 32"	105° 39' 32"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 21"	105° 39' 33"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 06"	105° 39' 35"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 07"	105° 39' 17"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 35"	105° 39' 07"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 19"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 31"	105° 38' 41"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 34"	105° 38' 52"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 49"	105° 38' 45"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 44' 00"	105° 38' 40"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 23"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 01"	105° 39' 48"					E-48-32-C-b
xóm 13A	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 11"	105° 39' 55"					E-48-32-C-b
xóm 13B	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 03"	105° 39' 58"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 14	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 20"	105° 39' 50"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Nghi Kim	TP. Vinh	18° 43' 32"	105° 39' 47"					E-48-32-C-b
kênh 17	TV	xã Nghi Kim	TP. Vinh			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"	E-48-32-C-b
đường Nghệ An/Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Kim	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Thăng Long	KX	xã Nghi Kim	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 36"	105° 38' 45"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 19"	105° 38' 49"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 02"	105° 39' 01"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 15"	105° 39' 09"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 23"	105° 39' 21"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 38"	105° 39' 21"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 52"	105° 39' 07"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 05"	105° 39' 06"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 34"	105° 39' 45"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 56"	105° 39' 30"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 30"	105° 39' 20"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 41"	105° 39' 18"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 39"	105° 39' 03"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 45' 30"	105° 38' 47"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 37"	105° 39' 08"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 46"	105° 39' 37"					E-48-32-C-b
xóm 18A	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 52"	105° 39' 34"					E-48-32-C-b
xóm 18B	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 44"	105° 39' 52"					E-48-32-C-b
xóm 18C	DC	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 43' 59"	105° 39' 41"					E-48-32-C-b
đường Thăng Long	KX	xã Nghi Liên	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d, E-48-32-C-b
Cảng Hàng không Vinh	KX	xã Nghi Liên	TP. Vinh	18° 44' 02"	105° 40' 10"					E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 48"	105° 40' 04"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 01"	105° 40' 14"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 11"	105° 40' 25"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 24"	105° 40' 45"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 40' 52"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 43' 04"	105° 40' 43"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 55"	105° 40' 30"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 49"	105° 40' 13"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 36"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 44"	105° 40' 47"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 37"	105° 41' 12"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 31"	105° 41' 02"					E-48-32-C-b
xóm 13	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 26"	105° 40' 51"					E-48-32-C-b
xóm 14	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 40' 39"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 22"	105° 40' 29"					E-48-32-C-b
xóm 16	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 07"	105° 40' 27"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 09"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
xóm 18	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 54"	105° 40' 38"					E-48-32-C-b
xóm 19	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 59"	105° 40' 50"					E-48-32-C-b
xóm 20	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 09"	105° 41' 08"					E-48-32-C-b
xóm 21	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 19"	105° 41' 17"					E-48-32-C-b
xóm 22	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 24"	105° 41' 24"					E-48-32-C-b
xóm 23	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 42' 07"	105° 41' 25"					E-48-32-C-b
xóm 24	DC	xã Nghi Phú	TP. Vinh	18° 41' 46"	105° 41' 28"					E-48-32-C-b
đường Nghệ An/Xiêng Khoảng	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
đường Nguyễn Trãi	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-C-b
đường Xô Viết Nghệ	KX	xã Nghi Phú	TP. Vinh			18° 41' 16"	105° 41' 25"	18° 43' 13"	105° 40' 12"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 535	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d, E-48-32-B-c
đường tỉnh 542	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
cảng cá Cửa Hội	KX	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 38"	105° 45' 05"					E-48-32-B-c
khối Hải Bình	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 37"	105° 44' 23"					E-48-32-A-d
khối Hải Giang 1	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 59"	105° 45' 02"					E-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối Hải Giang 2	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 46"	105° 44' 51"					E-48-32-A-d
khối Hải Lam	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 51"	105° 44' 40"					E-48-32-A-d
khối Hải Tân	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 38"	105° 44' 03"					E-48-32-A-d
khối Hải Thanh	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 39"	105° 44' 34"					E-48-32-A-d
khối Hải Triều	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 37"	105° 44' 13"					E-48-32-A-d
khối Hải Trung	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 49"	105° 44' 23"					E-48-32-A-d
Cửa Hội	TV	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 52"	105° 45' 45"					E-48-32-B-c
Sông Lam	TV	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-A-d
khối Tân Lộc	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 11"	105° 44' 07"					E-48-32-A-d
khối Tân Nho	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 04"	105° 44' 01"					E-48-32-A-d
khối Tân Quang	DC	P. Nghi Hải	TX. Cửa Lò	18° 45' 22"	105° 44' 09"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d, E-48-32-B-c
khối Bắc Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 57"	105° 43' 43"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
khối Đông Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 54	105° 44' 07"					E-48-32-A-d
khối Hải Bằng 1	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 46' 02"	105° 44' 37"					E-48-32-A-d
khối Hải Bằng 2	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 46' 20"	105° 44' 42"					E-48-32-A-d
khối Liên Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 34"	105° 43' 59"					E-48-32-A-d
khối Phúc Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 46' 15"	105° 44' 15"					E-48-32-A-d
khối Tân Diện	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 12"	105° 43' 59"					E-48-32-A-d
khối Tân Phúc	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 21"	105° 44' 00"					E-48-32-A-d
khối Tây Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 46"	105° 43' 41"					E-48-32-A-d
khối Tây Nam	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 30"	105° 43' 54"					E-48-32-A-d
khối Trung Hoà	DC	P. Nghi Hoà	TX. Cửa Lò	18° 45' 57"	105° 43' 55"					E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 48' 02"	105° 42' 59"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 47"	105° 43' 06"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 52"	105° 43' 27"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 30"	105° 43' 19"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 20"	105° 43' 20"					E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 09"	105° 43' 33"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 7	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 50"	105° 43' 42"					E-48-32-A-d
khối 8	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 41"	105° 43' 52"					E-48-32-A-d
khối 9	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 46' 29"	105° 43' 39"					E-48-32-A-d
khối 10	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 03"	105° 42' 55"					E-48-32-A-d
khối 11	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 04"	105° 42' 26"					E-48-32-A-d
khối 12	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 31"	105° 42' 34"					E-48-32-A-d
khối 13	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 22"	105° 42' 22"					E-48-32-A-d
khối 14	DC	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 47' 34"	105° 42' 14"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
Hòn Ngư	TV	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò	18° 48' 04"	105° 46' 27"					E-48-32-B-c
đường Nguyễn Sinh Cung	KX	P. Nghi Hương	TX. Cửa Lò			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b, E-48-31-B-d, E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 09"	105° 42' 19"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 32"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 40"	105° 42' 08"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 38"	105° 42' 04"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 35"	105° 42' 00"					E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 34"	105° 41' 55"					E-48-32-A-d
khối 7	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 28"	105° 41' 46"					E-48-32-A-d
khối 8	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49 38"	105° 41' 37"					E-48-32-A-d
khối 9	DC	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 36"	105° 41' 24"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d, E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-32-C-b, E-48-31-D
cảng Cửa Lò	KX	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 47"	105° 42' 21"					E-48-32-A-d
Núi Gươm	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 37"	105° 41' 29"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Hang	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 08"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
núi Lô Sơn	SV	P. Nghi Tân	TX. Cửa Lò	18° 49' 25"	105° 42' 05"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d, E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-32-C-b, E-48-31-D
khối Bắc Hải	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 29"	105° 42' 45"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
khối Cát Liễu	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 57"	105° 42' 39"					E-48-32-A-d
khối Đại Thống	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 11"	105° 42' 06"					E-48-32-A-d
khối Đông Hải	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 53"	105° 42' 17"					E-48-32-A-d
khối Đông Khánh	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 49"	105° 42' 52"					E-48-32-A-d
khối Đông Quyền	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 10"	105° 42' 11"					E-48-32-A-d
khối Hiếu Hạp	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 09"	105° 42' 48"					E-48-32-A-d
khối Hoà Đình	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 47' 58"	105° 42' 12"					E-48-32-A-d
khối Nam Phượng	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 03"	105° 41' 55"					E-48-32-A-d
khối Tây Khánh	DC	P. Nghi Thu	TX. Cửa Lò	18° 48' 50"	105° 42' 28"					E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 40"	105° 42' 37"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 34"	105° 42' 33"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 19"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 30"	105° 42' 32"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 11"	105° 42' 27"					E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 26"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
khối 7	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 20"	105° 42' 50"					E-48-32-A-d
khối 8	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 07"	105° 42' 36"					E-48-32-A-d
khối 9	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 31"	105° 42' 39"					E-48-32-A-d
khối 10	DC	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 14"	105° 42' 48"					E-48-32-A-d
sông Cửa Lò	TV	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
Cồn Khơi	TV	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 50' 40"	105° 45' 55"					E-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Lan Châu	SV	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 16"	105° 43' 11"					E-48-32-A-d
Cồn Lộng	TV	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 59"	105° 43' 29"					E-48-32-A-d
đường Nguyễn Xý	KX	P. Nghi Thuỷ	TX. Cửa Lò			18° 49' 13"	105° 43' 03"	18° 50' 22"	105° 38' 59"	E-48-32-A-d
khối 1	DC	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 48' 41"	105° 43' 02"					E-48-32-A-d
khối 2	DC	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 48' 59"	105° 42' 49"					E-48-32-A-d
khối 3	DC	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 02"	105° 42' 49"					E-48-32-A-d
khối 4	DC	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 48' 57"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
khối 5	DC	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 48' 48"	105° 42' 39"					E-48-32-A-d
khối 6	DC	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 48' 41"	105° 42' 36"					E-48-32-A-d
đường Bình Minh	KX	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò			18° 49' 10"	105° 42' 56"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
núi Lan Châu	SV	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò	18° 49' 16"	105° 43' 11"					E-48-32-A-d
đường Nam Cấm	KX	P. Thu Thuỷ	TX. Cửa Lò			18° 49' 13"	105° 43' 03"	18° 50' 22"	105° 38' 59"	E-48-32-A-d
quốc lộ 15	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
khối Đồng Tâm 1	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 15"	105° 27' 13"					E-48-19-B-d
khối Đồng Tâm 2	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 23"	105° 26' 40"					E-48-19-B-d
khối Đồng Tiến	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 29"	105° 26' 18"					E-48-19-B-d
Cầu Hiếu	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 25"	105° 25' 25"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Kim Tân	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 31"	105° 25' 43"					E-48-19-B-d
khối Liên Thắng	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 41"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
ga Nghĩa Đàn	KX	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 21"	105° 26' 19"					E-48-19-B-d
khối Quyết Thắng	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 48"	105° 25' 41"					E-48-19-B-d
Hồ Sen	TV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 36"	105° 25' 52"					E-48-19-B-d
khối Tân Liên	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 44"	105° 25' 57"					E-48-19-B-d
khối Tân Phú	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 17"	105° 26' 17"					E-48-19-B-d
khối Tân Sơn	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 35"	105° 26' 03"					E-48-19-B-d
khối Tân Thắng	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 20' 02"	105° 25' 48"					E-48-19-B-d
khối Tân Thành	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 22"	105° 26' 02"					E-48-19-B-d
khối Tân Tiến	DC	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 19"	105° 25' 39"					E-48-19-B-d
Khe Tọ	TV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 20' 20"	105° 26' 05"	19° 19' 56"	105° 25' 34"	E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Tọ	SV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 20' 13"	105° 26' 12"					E-48-19-B-d
Núi Vẹt	SV	P. Hoà Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 35"	105° 27' 06"					E-48-19-B-d
khối 1	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 47"	105° 26' 42"					E-48-19-B-d
khối 2	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 32"	105° 26' 42"					E-48-19-B-d
khối 3	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 59"	105° 26' 08"					E-48-19-B-d
khối 4	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 58"	105° 25' 34"					E-48-19-B-d
khối 5	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 51"	105° 25' 31"					E-48-19-B-d
khối 6	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 25' 34"					E-48-19-B-d
khối 7	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 13"	105° 26' 22"					E-48-19-B-d
khối 8	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 19' 05"	105° 26' 37"					E-48-19-B-d
khối 9	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 57"	105° 26' 23"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
Hòn Cái	SV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 17"	105° 27' 02"					E-48-19-B-d
Núi Giồng	SV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 17' 54"	105° 26' 11"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
hồ Khe Bưởi	TV	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 18' 54"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
khối Tân Long	DC	P. Long Sơn	TX. Thái Hoà	19° 19' 08"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
quốc lộ 15	KX	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 1	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 11"	105° 25' 25"					E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 2	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 19"	105° 25' 33"					E-48-19-B-d
khối Chế Biến Lâm Sản 3	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 12"	105° 25' 37"					E-48-19-B-d
khối Cồn Vang	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 21' 13"	105° 24' 07"					E-48-19-B-d
Suối Dền	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 22' 56"	105° 24' 11"	19° 20' 19"	105° 25' 04"	E-48-19-B-d
Khối Đóng	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 55"	105° 24' 36"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
núi Hòn Bàn	SV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 39"	105° 25' 59"					E-48-19-B-d
Núi Lẹn	SV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
khe Mè Mẹ	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 21' 03"	105° 24' 57"	19° 20' 17"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Nam Cường	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 50"	105° 25' 20"					E-48-19-B-d
khối Nghĩa Sơn	DC	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 41"	105° 24' 57"					E-48-19-B-d
đồ Phà Lở	KX	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà	19° 20' 15"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Tọ	TV	P. Quang Phong	TX. Thái Hoà			19° 20' 20"	105° 26' 05"	19° 19' 56"	105° 25' 34"	E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
khối 250	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 46"	105° 25' 03"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 545	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
hồ Cao Trai	TV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 57"	105° 24' 02"					E-48-19-B-d
khối Dốc Cao	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 26"	105° 23' 55"					E-48-19-B-d
Cầu Hiếu	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 25"	105° 25' 25"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Lam Sơn	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 59"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d
khối Lê Lợi	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 20' 13"	105° 24' 03"					E-48-19-B-d
khối Liên Hương	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 52"	105° 24' 19"					E-48-19-B-d
Núi Nậy	SV	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 24"	105° 23' 28"					E-48-19-B-d
đồ Phà Lở	KX	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 20' 15"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d
khối Quang Phú	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 34"	105° 25' 18"					E-48-19-B-d
khối Quang Thịnh	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 48"	105° 25' 17"					E-48-19-B-d
khối Quang Trung	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 40"	105° 24' 51"					E-48-19-B-d
khối Tây Hồ 1	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 22"	105° 25' 09"					E-48-19-B-d
khối Tây Hồ 2	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 26"	105° 24' 56"					E-48-19-B-d
khối Thí Nghiệm	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 28"	105° 24' 34"					E-48-19-B-d
khối Trung Nghĩa	DC	P. Quang Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 03"	105° 24' 02"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
Khe Cái	TV	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 15' 34"	105° 29' 33"	19° 14' 29"	105° 27' 44"	E-48-19-B-d
xóm Đông Du 1	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 13"	105° 29' 19"					E-48-19-B-d
xóm Đông Du 2	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 50"	105° 29' 20"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hà	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 27' 43"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hải	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 50"	105° 28' 29"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hồng	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 43"	105° 28' 39"					E-48-19-B-d
xóm Đông Mỹ	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 25"	105° 28' 21"					E-48-19-B-d
xóm Đông Phú	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 25"	105° 29' 39"					E-48-19-B-d
xóm Đông Quang	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 25' 48"					E-48-19-B-d
xóm Đông Sơn	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 28"	105° 27' 42"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Đông Thắng	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 39"	105° 26' 48"					E-48-19-B-d
xóm Đông Thành	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 39"	105° 27' 09"					E-48-19-B-d
xóm Đông Thịnh	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 36"	105° 29' 01"					E-48-19-B-d
xóm Đông Tiến	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 44"	105° 28' 34"					E-48-19-B-d
xóm Đông Xuân	DC	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 14"	105° 28' 40"					E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-d
cầu Làng Mẹ	KX	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 43"	105° 29' 33"					E-48-19-B-d
Khe Son	TV	xã Đông Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 13' 37"	105° 31' 20"	19° 15' 34"	105° 29' 33"	E-48-19-B-d
xóm 1	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 43"	105° 26' 06"					E-48-19-B-d
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 24"	105° 26' 22"					E-48-19-B-d
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 16' 56"	105° 25' 52"					E-48-19-B-d
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 16' 16"	105° 25' 07"					E-48-19-B-d
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 25"	105° 25' 19"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hoà	DC	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 10"	105° 25' 44"					E-48-19-B-d
Núi Giang	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 16' 55"	105° 26' 30"					E-48-19-B-d
Núi Giồng	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 54"	105° 26' 11"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 14' 49"	105° 25' 43"					E-48-19-D-b
Hòn Láo	SV	xã Nghĩa Hoà	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 26' 49"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d
xóm Bệnh Viện	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 27' 15"					E-48-19-B-d
xóm Đông Hưng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 24"	105° 27' 17"					E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-d
hồ Khe Bưởi	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 54"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
hồ Khe Vĩnh	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 01"	105° 27' 14"					E-48-19-B-d
Hòn Láo	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 26' 49"					E-48-19-B-d
xóm Long Hạ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 03"	105° 27' 35"					E-48-19-B-d
xóm Long Thượng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 48"	105° 27' 41"					E-48-19-B-d
Núi Ngang	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 27"	105° 27' 03"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Dũng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 35"	105° 27' 32"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Thắng	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 58"	105° 27' 47"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Ôi	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 10"	105° 27' 24"					E-48-19-B-d
núi Ông Qui	SV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 29' 52"					E-48-19-B-d
xóm Thịnh Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 52"	105° 28' 10"					E-48-19-B-d
xóm Tiên Lộ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 51"	105° 28' 49"					E-48-19-B-d
xóm Tiên Phúc	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 41"	105° 28' 33"					E-48-19-B-d
Hồ Trúm	TV	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 53"	105° 27' 41"					E-48-19-B-d
xóm Trung Đình	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 43"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
xóm Trung Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 26"	105° 28' 37"					E-48-19-B-d
xóm Xuân Thọ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 02"	105° 27' 59"					E-48-19-B-d
xóm Yên Mỹ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 17' 55"	105° 28' 41"					E-48-19-B-d
xóm Yên Thọ	DC	xã Nghĩa Mỹ	TX. Thái Hoà	19° 18' 00"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
xóm 1	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 06"	105° 30' 36"					E-48-20-A-c
xóm 2	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 22"	105° 30' 33"					E-48-20-A-c
xóm 3	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 16"	105° 29' 57"					E-48-20-A-c
xóm 4	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 28"	105° 30' 01"					E-48-19-B-d
xóm 5A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 05"	105° 30' 37"					E-48-20-A-c
xóm 5B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 00"	105° 29' 51"					E-48-19-B-d
xóm 6	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 30' 07"					E-48-19-B-d
xóm 7A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 51"	105° 29' 23"					E-48-19-B-d
xóm 7B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 10"	105° 29' 32"					E-48-19-B-d
xóm 8	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 18"	105° 29' 00"					E-48-19-B-d
xóm 9	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 32"	105° 28' 08"					E-48-19-B-d
xóm 10	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 23"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm 11	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 11"	105° 29' 37"					E-48-19-B-d
xóm 12	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 49"	105° 30' 18"					E-48-20-A-c
xóm 13	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 18"	105° 30' 17"					E-48-20-A-c
xóm 14	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 59"	105° 30' 32"					E-48-20-A-c
xóm 15A	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 12"	105° 31' 06"					E-48-20-A-c
xóm 15B	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 45"	105° 30' 56"					E-48-20-A-c
xóm 16	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 44"	105° 29' 38"					E-48-19-B-d
xóm 20	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 07"	105° 30' 15"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 21	DC	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 42"	105° 28' 19"					E-48-19-B-d
hồ 32	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 42"	105° 29' 49"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d, E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
núi Ba Động	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 22"	105° 29' 49"					E-48-19-B-d
Đập Bồng	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 34"	105° 30' 31"					E-48-20-A-c
núi Chóp Đỉnh	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 29"	105° 32' 01"					E-48-20-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
núi K/7	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 32"	105° 31' 44"					E-48-20-A-c
đập Khe Dứa	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 57"	105° 30' 57"					E-48-20-A-c
đập Khe Lằng	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 14' 50"	105° 31' 06"					E-48-20-C-a
hồ Khe Lau 1	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 17' 37"	105° 29' 32"					E-48-19-B-d
hồ Khe Thung	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 18' 00"	105° 30' 57"					E-48-20-A-c
cầu Làng Mẹ	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 15' 43"	105° 29' 33"					E-48-19-B-d
Núi Lọ	SV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 18' 43"	105° 29' 52"					E-48-19-B-d
ga Nghĩa Thuận	KX	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà	19° 16' 16"	105° 29' 15"					E-48-19-B-d
Khe Son	TV	xã Nghĩa Thuận	TX. Thái Hoà			19° 13' 37"	105° 31' 20"	19° 15' 34"	105° 29' 33"	E-48-19-B-d, E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 27"	105° 25' 02"					E-48-19-B-d
xóm 2	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 15"	105° 25' 02"					E-48-19-B-d
xóm 3	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 04"	105° 25' 02"					E-48-19-B-d
xóm 4	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 10"	105° 22' 54"					E-48-19-B-d
xóm 5	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 33"	105° 23' 02"					E-48-19-B-d
xóm 6	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 57"	105° 23' 35"					E-48-19-B-d
xóm 7	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 08"	105° 23' 14"					E-48-19-B-d
xóm 8	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 17' 52"	105° 22' 52"					E-48-19-B-d
xóm 9	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d
xóm 10	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 54"	105° 24' 56"					E-48-19-B-d
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
xóm An Ninh	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 15"	105° 24' 37"					E-48-19-B-d
xóm Chế Biến 1	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 25' 08"					E-48-19-B-d
xóm Chế Biến 2	DC	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 00"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d
Núi Dần	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 23' 31"					E-48-19-B-d
Núi Én	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 17' 24"	105° 24' 00"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Hồ Mỹ	TV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 18' 44"	105° 24' 06"					E-48-19-B-d
Núi Nậy	SV	xã Nghĩa Tiến	TX. Thái Hoà	19° 19' 24"	105° 23' 28"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
đường tỉnh 545	KX	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
hồ 26/3	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 17"	105° 21' 09"					E-48-19-B-c
xóm An Ninh	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 15"	105° 24' 37"					E-48-19-B-d
Núi Én	SV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 24"	105° 24' 00"					E-48-19-B-d
Hồ Gián	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 09"	105° 23' 29"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hiếu Thành	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 33"	105° 25' 11"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Bắc	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 19' 00"	105° 24' 54"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Công	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 54"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c
xóm Hưng Lợi	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 24' 24"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Nam	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 23"	105° 24' 17"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Phú	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 58"	105° 25' 01"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Tân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 44"	105° 24' 50"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Tây	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 08"	105° 24' 19"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Thành	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 15' 19"	105° 21' 00"					E-48-19-B-c
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 35"	105° 24' 26"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Xuân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 59"	105° 24' 28"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Xuân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 59"	105° 24' 28"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Hưng	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 18' 34"	105° 24' 18"					E-48-19-B-d
xóm Phú An	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 17' 49"	105° 24' 45"					E-48-19-B-d
xóm Phú Cường	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 21"	105° 21' 15"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Phú Mỹ	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 22"	105° 23' 27"					E-48-19-B-d
xóm Phú Tân	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 32"	105° 24' 39"					E-48-19-B-d
xóm Phú Thuận	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 58"	105° 23' 14"					E-48-19-B-d
hồ Thống Nhất	TV	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 54"	105° 21' 44"					E-48-19-B-c
xóm Thống Nhất	DC	xã Tây Hiếu	TX. Thái Hoà	19° 16' 25"	105° 22' 00"					E-48-19-B-c
khối 1A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 12"	105° 04' 29"					E-48-31-A
khối 1B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 07"	105° 04' 37"					E-48-31-A
khối 2	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 04' 30"					E-48-31-A
khối 3	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 44"	105° 04' 47"					E-48-31-A
khối 4A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 05"	105° 04' 46"					E-48-31-A
khối 4B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 55"	105° 05' 07"					E-48-31-A
khối 5	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 41"	105° 05' 04"					E-48-31-A
khối 6A	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 53"	105° 05' 28"					E-48-31-A
khối 6B	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 52"	105° 05' 42"					E-48-31-A
khối 7	DC	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 20"	105° 05' 36"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Lê	TV	TT. Anh Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"	E-48-31-A
xóm 1	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 36"	105° 04' 26"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 02"	105° 04' 16"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 04' 03"					E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 01"	105° 03' 48"					E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 25"	105° 03' 45"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 25"	105° 03' 26"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 28"	105° 04' 06"					E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 31"	105° 03' 40"					E-48-19-C
xóm 9	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 48"	105° 02' 52"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 42"	105° 02' 36"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 21"	105° 02' 32"					E-48-19-C
xóm 12	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 03"	105° 02' 28"					E-48-19-C
xóm 13	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 49"	105° 02' 01"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 14	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 09"	105° 02' 02"					E-48-19-C
xóm 15	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 32"	105° 02' 05"					E-48-19-C
xóm 16	DC	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 48"	105° 01' 26"					E-48-19-C
đồi 28	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 55"	105° 00' 53"					E-48-19-C
núi Bù Thành	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 46"	104° 59' 55"					E-48-19-C
Núi Con	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 50"	105° 02' 04"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Loá	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 06' 14"	105° 06' 00"	19° 03' 05"	105° 03' 02"	E-48-19-C
Suối Nhạp	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 37"	105° 00' 34"	19° 03' 51"	105° 01' 16"	E-48-19-C
Núi Thân	SV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	105° 03' 10"					E-48-19-C
Suối Trắng	TV	xã Bình Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"	E-48-19-C
quốc lộ 7	KX	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1/5	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 32"	104° 58' 38"					E-48-18-D
Núi Bậm	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 57"	104° 59' 18"					E-48-18-D
thôn Cẩm Hoà	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 26"	104° 59' 40"					E-48-18-D
thôn Cẩm Lợi	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 59"	104° 58' 50"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Cẩm Thắng	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 02"	104° 58' 24"					E-48-18-D
đập Cây Choại	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 36"	104° 57' 58"					E-48-18-D
núi Cây Vang	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 59"	105° 00' 56"					E-48-19-C
thôn Hạ Du	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 14"	104° 58' 17"					E-48-18-D
thôn Hội Lâm	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 42"	104° 58' 43"					E-48-18-D
thôn Kẻ May	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 07"	104° 59' 17"					E-48-30-B, E-48-30-D
Sông Lam	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D
núi Mói Môn	SV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 42"	105° 00' 24"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nhân Tài	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 21"	104° 58' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Nhân Tiến	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 10"	104° 58' 50"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Tân Lâm	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 15"	104° 58' 33"					E-48-18-D
thôn Tân Tiến	DC	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 21"	104° 58' 00"					E-48-18-D
Suối Tùm	TV	xã Cẩm Sơn	H. Anh Sơn			18° 58' 41"	104° 58' 21"	18° 59' 56"	104° 59' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 22"	105° 09' 14"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 22"	105° 09' 54"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 23"	105° 10' 27"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 49"	105° 11' 31"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 52' 30"	105° 10' 35"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 52' 47"	105° 09' 49"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 35"	105° 11' 13"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 52"	105° 11' 34"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 20"	105° 12' 17"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 52"	105° 08' 49"					E-48-31-A
đồi 81	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 48"	105° 11' 02"					E-48-31-A
đồi 103	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 09"	105° 09' 59"					E-48-31-A
đồi Cây Quéo	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 12"	105° 08' 23"					E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Núi Sím	SV	xã Cao Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 35"	105° 09' 16"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 09"	104° 56' 01"					E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 35"	104° 56' 34"					E-48-18-D
thôn 3	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 24"	104° 57' 12"					E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 26"	104° 57' 35"					E-48-18-D
thôn 5	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	104° 57' 56"					E-48-18-D
thôn 6	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 18"	104° 57' 31"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn 7	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 28"	104° 58' 36"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 8	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 46"	104° 56' 11"					E-48-18-D
thôn 8	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 40"	104° 57' 19"					E-48-18-D
thôn 323	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	104° 56' 14"					E-48-18-D
thôn 3/2	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 40"	104° 56' 19"					E-48-18-D
thôn 19/5	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 13"	104° 56' 55"					E-48-18-D
thôn Cây Chanh	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 16"	104° 57' 16"					E-48-18-D
Sông Con	TV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
thôn Hoà Tiến	DC	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 47"	104° 57' 11"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
núi Lèn Quán	SV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 26"	104° 56' 04"					E-48-18-D
Núi Vung	SV	xã Đỉnh Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 19"	104° 57' 24"					E-48-18-D
thôn 1	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 02' 59"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 03' 22"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 55"	105° 03' 17"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 49"	105° 03' 30"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 04"	105° 03' 46"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 50"	105° 03' 56"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 42"	105° 04' 06"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 23"	105° 03' 54"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 26"	105° 04' 31"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 37"	105° 04' 24"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 09"	105° 04' 18"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 27"	105° 04' 44"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 11"	105° 04' 50"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 24"	105° 04' 54"					E-48-31-A
thôn 15	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 12"	105° 05' 18"					E-48-31-A
thôn 16	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 57"	105° 05' 18"					E-48-31-A
thôn 17	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 45"	105° 05' 47"					E-48-31-A
hồ 32	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 03' 46"					E-48-31-A
núi Bù Cây Trung	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 07' 19"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đập Chò Xà	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 42"	105° 04' 37"					E-48-31-A
núi Đá Bạc	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 51"	105° 06' 55"					E-48-31-A
Suối Dài	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			18° 58' 57"	105° 06' 33"	18° 57' 46"	105° 05' 41"	E-48-31-A
núi Khe Táy	SV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 56"	105° 06' 31"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Nậy	TV	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn			19° 00' 06"	105° 05' 10"	18° 59' 55"	105° 04' 14"	E-48-31-A
thôn Trung Tâm	DC	xã Đức Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 15"	105° 04' 03"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 02' 51"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 14"	105° 02' 52"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 03' 23"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 38"	105° 02' 27"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 54"	105° 02' 11"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 24"	105° 01' 58"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 02' 06"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	105° 02' 16"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 00"	105° 02' 24"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 50"	105° 03' 23"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 02' 33"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 42"	105° 01' 52"					E-48-31-A
Khe Cạn	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			18° 55' 19"	105° 01' 04"	18° 56' 45"	105° 02' 48"	E-48-31-A
lèn Kim Nhan	SV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 30"	105° 03' 13"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Suối Sừng	TV	xã Hoa Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"	E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 29"	105° 03' 01"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 03' 23"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 03' 43"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 03' 57"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 35"	105° 04' 20"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 48"	105° 04' 18"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 7	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 02"	105° 04' 13"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 10"	105° 04' 20"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 25"	105° 04' 08"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 28"	105° 02' 25"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Sừng	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"	E-48-31-A
núi Trèo Vòng	SV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 41"	105° 01' 10"					E-48-31-A
đập Vĩnh Kim	TV	xã Hội Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 03' 01"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 21"	104° 59' 43"					E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 53"	104° 59' 41"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 3	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 52"	105° 00' 08"					E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 41"	105° 00' 03"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 02"	105° 00' 14"					E-48-19-C
thôn 6	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 56"	105° 00' 35"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 06"	105° 01' 00"					E-48-19-C
thôn 8	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 02"	105° 01' 14"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 00' 04"	105° 01' 33"					E-48-19-C
núi Cây Vang	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 59"	105° 00' 56"					E-48-19-C
Núi Con	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 50"	105° 02' 04"					E-48-19-C
Sông Lam	TV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D, E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A
núi Làng Điền	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 23"	105° 02' 16"					E-48-19-C
Núi Thân	SV	xã Hùng Sơn	H. Anh Sơn	19° 01' 30"	105° 03' 10"					E-48-19-C
thôn 1	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 59"	105° 08' 33"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 09"	105° 08' 48"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 26"	105° 08' 43"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 28"	105° 09' 08"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 09' 07"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 6	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 18"	105° 09' 24"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 08"	105° 09' 42"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 10' 12"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 15"	105° 08' 35"					E-48-31-A
đập Chò Quan	TV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 18"	105° 08' 59"					E-48-31-A
Núi Chuông	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 08' 16"					E-48-31-A
núi Đa Dương	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 09' 11"					E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
cầu Tri Lễ	KX	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 09' 27"					E-48-31-A
Núi Truông	SV	xã Khai Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 32"	105° 09' 46"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 23"	105° 09' 31"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 58"	105° 10' 05"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 49"	105° 10' 32"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 11' 36"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 47"	105° 11' 07"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 39"	105° 11' 33"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 55"	105° 12' 13"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 48"	105° 12' 28"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 30"	105° 12' 24"					E-48-31-A
hồ Đồng Quan	TV	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	105° 11' 30"	18° 57' 22"					E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
cầu Tri Lễ	KX	xã Lạng Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 57"	105° 09' 27"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 52"	105° 11' 25"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 14"	105° 11' 59"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 23"	105° 12' 34"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 12' 59"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 43"	105° 13' 14"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 40"	105° 13' 22"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 7	KX	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 13' 31"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 28"	105° 13' 55"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 14' 04"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 52"	105° 13' 28"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 25"	105° 13' 57"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 15"	105° 14' 00"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 26"	105° 14' 35"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 41"	105° 14' 39"					E-48-31-A
núi Đồng Cao	SV	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 48"	105° 12' 42"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Lĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 58"	105° 06' 49"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 45"	105° 07' 00"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 40"	105° 07' 11"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 06' 55"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 10"	105° 07' 03"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 43"	105° 07' 05"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Long Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 59"	105° 07' 20"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 02"	105° 07' 43"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 39"	105° 07' 52"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 48"	105° 07' 47"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 50"	105° 08' 16"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 00"	105° 08' 11"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 12"	105° 08' 02"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 37"	105° 06' 35"					E-48-31-A
thôn 15	DC	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 23"	105° 07' 16"					E-48-31-A
hồ Ba Cươi	TV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 18"	105° 06' 58"					E-48-31-A
đồi Bàu Đung	SV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 42"	105° 07' 36"					E-48-31-A
núi Cồn Sen	SV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 06' 23"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Long Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 49"	105° 05' 54"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 44"	105° 06' 03"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 50"	105° 06' 19"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 05"	105° 06' 30"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 07"	105° 06' 19"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 12"	105° 06' 16"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 03"	105° 06' 07"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 33"	105° 06' 12"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 06"	105° 05' 50"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 11"	105° 05' 45"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 23"	105° 05' 59"					E-48-31-A
thôn 13	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 34"	105° 05' 54"					E-48-31-A
thôn 14	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 34"	105° 04' 56"					E-48-31-A
thôn 15	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 54"	105° 05' 12"					E-48-31-A
thôn 16	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 56"	105° 05' 32"					E-48-31-A
thôn Bãi Đá	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 18"	105° 04' 15"					E-48-31-A
thôn Bãi Lim	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 44"	105° 02' 46"					E-48-31-A
hồ Cao Cang	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 01"	105° 05' 07"					E-48-31-A
bản Cao Vều 1	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 01"	105° 00' 33"					E-48-31-A
thôn Cao Vều 2	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 27"	105° 00' 39"					E-48-31-A
bản Cao Vều 3	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 20"	105° 01' 39"					E-48-31-A
bản Cao Vều 4	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 51' 00"	105° 02' 03"					E-48-31-A
thôn Cồn Đèn	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 20"	105° 05' 36"					E-48-31-A
núi Cồn Sen	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 07"	105° 06' 23"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Nông trường Chè Kim Long	KX	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 53' 55"	105° 06' 02"					E-48-31-A
lèn Kim Nhan	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 30"	105° 03' 13"					E-48-31-A
thôn Kim Tiến	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 00"	105° 05' 33"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Lê	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"	E-48-31-A
Đập Môn	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 54' 36"	105° 04' 17"					E-48-31-A
thôn Trà Lân	DC	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	18° 55' 08"	105° 04' 28"					E-48-31-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Vều	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 50' 25"	104° 57' 50"	18° 50' 37"	105° 00' 03"	E-48-30-B, E-48-30-D
suối Vực Bù	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 52' 00"	105° 03' 48"	18° 51' 33"	105° 02' 35"	E-48-31-A
Suối Yên	TV	xã Phúc Sơn	H. Anh Sơn			18° 51' 17"	104° 55' 17"	18° 54' 28"	104° 59' 19"	E-48-30-B, E-48-30-D
thôn 1	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 59"	104° 54' 13"					E-48-18-D
thôn 2	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 56"	104° 54' 35"					E-48-18-D
thôn 3	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 48"	104° 55' 28"					E-48-18-D
thôn 4	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 44"	104° 55' 56"					E-48-18-D
thôn 5	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 32"	104° 56' 08"					E-48-18-D
thôn 6	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 30"	104° 56' 22"					E-48-18-D
thôn 7	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 31"	104° 56' 33"					E-48-18-D
thôn 8	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 41"	104° 56' 52"					E-48-18-D
thôn 9	DC	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 32"	104° 56' 56"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Tam Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
thôn 1	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 52"	105° 12' 56"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 17"	105° 14' 18"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 11"	105° 14' 00"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 13' 09"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 13' 54"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 12' 58"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 13' 46"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 25"	105° 13' 39"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 30"	105° 13' 30"					E-48-31-A
thôn 10	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 16"	105° 14' 01"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 19"	105° 13' 46"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 50"	105° 13' 36"					E-48-31-A
núi Cồn Đợi	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 59"	105° 12' 04"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Hội	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 33"	105° 14' 35"					E-48-31-A
hồ Khe Chung	TV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 31"	105° 13' 10"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
núi Tào Diên	SV	xã Tào Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 12"	105° 11' 50"					E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 40"	105° 05' 38"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	105° 05' 37"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 26"	105° 05' 23"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 32"	105° 05' 13"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 44"	105° 05' 20"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 54"	105° 05' 31"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 44"	105° 05' 07"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
Khe Lê	TV	xã Thạch Sơn	H. Anh Sơn			18° 54' 33"	105° 05' 05"	18° 56' 12"	105° 05' 02"	E-48-31-A
xóm 1	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 00' 36"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 19"	105° 00' 36"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 27"	104° 59' 12"					E-48-18-D
xóm 4	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 28"	104° 59' 37"					E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 54"	104° 59' 02"					E-48-18-D
xóm 6	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 45"	104° 59' 40"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 03' 13"	104° 59' 06"					E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 37"	104° 59' 19"					E-48-18-D
đồi 2B	SV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 55"	105° 00' 53"					E-48-19-C
núi Bù Thành	SV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn	19° 02' 46"	104° 59' 55"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Nhạp	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 37"	105° 00' 34"	19° 03' 51"	105° 01' 16"	E-48-19-C
Suối Trắng	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"	E-48-19-C
Suối Xan	TV	xã Thành Sơn	H. Anh Sơn			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"	E-48-18-D
xóm 1	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 18"	105° 02' 22"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 06' 26"	105° 02' 04"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 58"	105° 02' 11"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu *mảnh bản đồ* địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 43"	105° 02' 15"					E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 26"	105° 02' 06"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 14"	105° 02' 14"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 14"	105° 02' 33"					E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 04' 35"	105° 02' 33"					E-48-19-C
xóm 9	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 06"	105° 01' 57"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 04' 46"	105° 01' 19"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 05' 03"	105° 00' 31"					E-48-19-C
núi Bù Chăn	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 28"	105° 01' 20"					E-48-19-C
núi Con Gà	SV	*xã Thọ Sơn*	*H. Anh Sơn*	*19° 06' 06"*	*105° 01' 05"*					*E-48-19-C*
núi Hang Trâu	SV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn	19° 07' 56"	105° 03' 06"					E-48-19-C
núi Pa Lồ	SV	*xã Thọ Sơn*	*H. Anh Sơn*	*19° 05' 51"*	*105° 02' 43"*					*E-48-19-C*
Suối Trắng	TV	xã Thọ Sơn	H. Anh Sơn			19° 09' 28"	105° 03' 27"	19° 03' 41"	105° 01' 16"	E-48-19-C
thôn 1	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 37"	105° 00' 06"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 51"	105° 00' 24"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 32"	105° 00' 55"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 46"	105° 01' 09"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 23"	105° 01' 01"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 10"	105° 01' 22"					E-48-31-A
quốc lộ 7	KX	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A
thôn 7	DC	*xã Tường Sơn*	*H. Anh Sơn*	*18° 58' 28"*	*105° 02' 14"*					*E-48-31-A*
thôn 8	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 54"	105° 01' 54"					E-48-31-A
thôn 9	DC	*xã Tường Sơn*	*H. Anh Sơn*	*18° 57' 57"*	*105° 01' 45"*					*E-48-31-A*
thôn 10	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 05"	105° 01' 38"					E-48-31-A
thôn 11	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 13"	105° 01' 32"					E-48-31-A
thôn 12	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 26"	105° 01' 21"					E-48-31-A
bản Già Hóp	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 56' 24"	104° 59' 56"					E-48-30-B, E-48-30-D
Sông Lam	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Ô Ô	DC	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	104° 59' 04"					E-48-31-A
suối Ọ Ô	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			18° 57' 12"	104° 59' 38"	18° 56' 02"	105° 00' 16"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Sừng	TV	xã Tường Sơn	H. Anh Sơn			18° 56' 29"	105° 01' 00"	18° 56' 24"	105° 04' 24"	E-48-31-A
thôn 1	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 03"	105° 07' 15"					E-48-31-A
thôn 2	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 12"	105° 07' 00"					E-48-31-A
thôn 3	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 20"	105° 06' 39"					E-48-31-A
thôn 4	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 07' 21"					E-48-31-A
thôn 5	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 33"	105° 07' 42"					E-48-31-A
thôn 6	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 47"	105° 07' 31"					E-48-31-A
thôn 7	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 16"	105° 07' 52"					E-48-31-A
thôn 8	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 09"	105° 08' 23"					E-48-31-A
thôn 9	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 57' 17"	105° 08' 38"					E-48-31-A
núi 150	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 02"	105° 08' 24"					E-48-31-A
núi Châm Phù	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 59' 20"	105° 07' 19"					E-48-31-A
núi Đá Bàn	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn	18° 58' 35"	105° 07' 48"					E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Anh Sơn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-A
khối 1	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 02' 53"	104° 52' 58"					E-48-18-D
khối 2	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 05"	104° 53' 08"					E-48-18-D
khối 3	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 10"	104° 52' 50"					E-48-18-D
khối 4	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 12"	104° 52' 15"					E-48-18-D
khối 5	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 05"	104° 52' 38"					E-48-18-D
khối 6	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 07"	104° 52' 31"					E-48-18-D
khối 7	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 01"	104° 52' 33"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	TT. Con Cuông	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
khối 8	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 03' 03"	104° 52' 25"					E-48-18-D
khối 9	DC	TT. Con Cuông	H. Con Cuông	19° 02' 46"	104° 53' 05"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	TT. Con Cuông	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
quốc lộ 48C	KX	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-D
núi Can Nập	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 33"	104° 59' 06"					E-48-18-D
núi Cha Hàng	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 11' 14"	104° 56' 50"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khe Cha Lan	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 16' 46"	104° 57' 06"	19° 13' 55"	104° 54' 31"	E-48-18-D
Khe Chọi	TV	*xã Bình Chuẩn*	*H. Con Cuông*			19° 11' 22"	104° 57' 15"	19° 11' 32"	104° 51' 14"	E-48-18-D
Khe Chon	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 14' 42"	104° 40' 03"	E-48-18-D
Nặm Cồ	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 18' 36"	104° 58' 30"	19° 17' 44"	104° 57' 28"	E-48-18-B
Núi Cồng	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 11' 16"	104° 55' 53"					E-48-18-D
Núi Cúm	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 36"	104° 59' 29"					E-48-18-D
Khe Cùng	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 11' 32"	104° 51' 04"	19° 07' 42"	104° 47' 25"	E-48-18-D
Bản Đình	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 06"	104° 54' 37"					E-48-18-D
khe Khổ Khế	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 21' 00"	104° 58' 57"	19° 18' 36"	104° 58' 30"	E-48-18-B
Bản Mét	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 07"	104° 54' 14"					E-48-18-D
Khe Mét	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 18' 27"	104° 55' 00"	19° 13' 55"	104° 54' 31"	E-48-18-D, E-48-18-B
Núi Muông	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 34"	104° 51' 32"					E-48-18-D
bản Nà Cọ	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 17"	104° 55' 29"					E-48-18-D
Khe Nẩy	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 17' 44"	104° 57' 28"	19° 17' 44"	104° 57' 28"	E-48-18-B
bản Piềng Tông	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 12"	104° 53' 32"					E-48-18-D
núi Pù Chè	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 33"	104° 57' 39"					E-48-18-D
núi Pù Cườm	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 15"	104° 58' 53"					E-48-18-D
bản Pù Lản	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 32"	104° 56' 04"					E-48-18-D
Bản Quăn	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 49"	104° 52' 41"					E-48-18-D
Khe Quăn	TV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông			19° 14' 32"	104° 57' 31"	19° 14' 56"	104° 56' 56"	E-48-18-D
Bản Que	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 12' 18"	104° 52' 00"					E-48-18-D
Núi Que	SV	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 13' 11"	104° 56' 43"					E-48-18-D
Bản Tông	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 08"	104° 53' 33"					E-48-18-D
bản Trung Poọng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 06"	104° 55' 34"					E-48-18-D
Bản Xiềng	DC	xã Bình Chuẩn	H. Con Cuông	19° 14' 09"	104° 55' 05"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn 2/9	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 14"	104° 55' 13"					E-48-18-D
núi Ba Hoàng	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 04' 05"	104° 53' 58"					E-48-18-D
núi Cây kéo	SV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 41"	104° 54' 23"					E-48-18-D
núi Cua Giao	SV	*xã Bồng Khê*	*H. Con Cuông*	19° 01' 53"	104° 52' 28"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Diêm	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 01' 04"	104° 53' 20"	19° 02' 28"	104° 55' 31"	E-48-18-D
thôn Khe Rạn	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 17"	104° 53' 12"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
thôn Lam Bồng	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 36"	104° 53' 50"					E-48-18-D
thôn Lam Trà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 38"	104° 53' 04"					E-48-18-D
thôn Liên Tân	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 37"	104° 53' 21"					E-48-18-D
khe Ông Thọ	TV	xã Bồng Khê	H. Con Cuông				19° 02' 21"	104° 53' 07"	19° 02' 42"	E-48-18-D
thôn Tân Dân	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 37"	104° 53' 35"					E-48-18-D
thôn Tân Hoà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 04' 10"	104° 51' 23"					E-48-18-D
thôn Tân Lập	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 46"	104° 52' 07"					E-48-18-D
thôn Tân Trà	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 45"	104° 52' 49"					E-48-18-D
thôn Thanh Đào	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 49"	104° 52' 01"					E-48-18-D
thôn Thành Nam	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 03' 42"	104° 52' 34"					E-48-18-D
thôn Vĩnh Hoàn	DC	xã Bồng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 18"	104° 54' 49"					E-48-18-D
bản Bạch Sơn	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 09' 50"	104° 47' 03"					E-48-18-D
suối Bạch Sơn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 10' 44"	104° 46' 28"	19° 09' 19"	104° 46' 43"	E-48-18-D
Bản Cai	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 08' 50"	104° 48' 21"					E-48-18-D
Bản Cam	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 10' 21"	104° 48' 27"					E-48-18-D
núi Căn Hin	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 10' 29"	104° 50' 20"					E-48-18-D
Bản Cống	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 07' 54"	104° 47' 37"					E-48-18-D
Suối Cùng	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 11' 32"	104° 51' 04"	19° 07' 42"	104° 47' 25"	E-48-18-D
núi Kha Côn	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 12' 28"	104° 47' 43"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
bản Liên Hồng	DC	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 06' 32"	104° 47' 30"					E-48-18-D
Khe Nguồn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 09' 53"	104° 46' 11"	19° 09' 19"	104° 46' 43"	E-48-18-D
núi Ô Ô	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 11' 31"	104° 46' 30"					E-48-18-D
núi Pha Pun	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 12' 25"	104° 48' 44"					E-48-18-D
Khe Phèn	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 10' 10"	104° 58' 31"	19° 05' 54"	104° 47' 48"	E-48-18-D
đồi Phòng Không	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"					E-48-18-D
núi Pù Coạc	SV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông	19° 08' 44"	104° 47' 03"					E-48-18-D
Khe Quạ	TV	xã Cam Lâm	H. Con Cuông			19° 07' 07"	104° 48' 32"	19° 06' 47"	104° 48' 30"	E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 7	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn 2/9	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 07' 52"	104° 46' 34"					E-48-18-D
bản Bãi Gạo	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 07' 32"	104° 47' 22"					E-48-18-D
Bản Bủng	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 06"	104° 46' 19"					E-48-18-D
Núi Can	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D
Suối Chai	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
Suối Chang	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 31"	104° 40' 31"	18° 58' 40"	104° 42' 48"	E-48-30-A
Núi Chát	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 54' 32"	104° 38' 18"					E-48-30-A
bản Châu Định	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 52"	104° 47' 41"					E-48-18-D
bản Châu Sơn	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 24"	104° 46' 56"					E-48-18-D
Dốc Chò	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 48"	104° 45' 50"					E-48-18-D
Suối Choang	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 04' 58"	104° 45' 06"	19° 06' 26"	104° 47' 21"	E-48-18-D
Suối Choàng	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 58' 40"	104° 42' 48"	19° 02' 35"	104° 43' 40"	E-48-18-C
núi Đen Đin	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 56' 31"	104° 33' 18"					E-48-30-A
Bản Diềm	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 00"	104° 45' 11"					E-48-18-D
suối Đón Cán	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 03"	104° 32' 55"	18° 59' 39"	104° 35' 49"	E-48-30-A
núi Đôn Cần	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 58' 56"	104° 33' 29"					E-48-30-A
Núi Hiêng	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 58"	104° 46' 55"					E-48-18-D
Núi Hoi	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 30"	104° 45' 54"					E-48-18-D
núi Huổi Ngoa	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 53' 46"	104° 38' 08"					E-48-30-A
bản Khe Bu	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 31"	104° 43' 48"					E-48-18-C
thôn Khe Choăng	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 06' 39"	104° 46' 58"					E-48-18-D
cầu Khe Lội	KX	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 31"	104° 47' 37"					E-48-18-D
bản Khe Nà	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 45"	104° 44' 00"					E-48-18-C
Sông Lam	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
Suối Mật	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 45"	104° 39' 34"	19° 00' 42"	104° 38' 57"	E-48-18-C
Suối Mộc	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 54' 21"	104° 45' 53"	18° 57' 46"	104° 41' 33"	E-48-30-A
Suối Na	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 02"	104° 34' 39"	18° 56' 28"	104° 37' 45"	E-48-30-A
suối Nam Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			19° 00' 42"	104° 38' 57"	19° 02' 35"	104° 43' 40"	E-48-18-C
Suối Ngoa	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 51' 53"	104° 39' 20"	18° 57' 38"	104° 40' 25"	E-48-30-A
Núi Nhông	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 41"	104° 37' 00"					E-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Nóng	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 58' 43"	104° 47' 32"	18° 59' 57"	104° 45' 23"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Noong	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 57"	104° 45' 23"	19° 01' 07"	104° 44' 13"	E-48-18-D
Khe Pắt	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 22"	104° 45' 02"	18° 58' 40"	104° 42' 48"	E-48-30-A
núi Pha Phá	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 45"	104° 47' 02"					E-48-18-D
núi Phu Nòng	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 44"	104° 45' 54"					E-48-30-A
Suối Phương	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 56' 25"	104° 34' 16"	18° 57' 38"	104° 40' 26"	E-48-30-A
Nậm Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 59' 20"	104° 31' 54"	19° 00' 42"	104° 38' 57"	E-48-30-A
Suối Pu	TV	xã Châu Khê	H. Con Cuông			18° 57' 56"	104° 36' 45"	18° 57' 31"	104° 40' 31"	E-48-30-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-A
núi Xam Hòi	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	18° 57' 04"	104° 34' 28"					E-48-30-A
núi Xam Nga	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 02' 27"	104° 39' 59"					E-48-18-C
núi Xanh Liêm	SV	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 01' 37"	104° 33' 47"					E-48-18-C
Bản Xát	DC	xã Châu Khê	H. Con Cuông	19° 05' 28"	104° 45' 43"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn Bãi Ổi	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 28"	104° 50' 13"					E-48-18-D
thôn Bãi Văn	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 29"	104° 49' 40"					E-48-18-D
Núi Can	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D
núi Cây Chanh	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 18"	104° 50' 15"					E-48-18-D
Khe Chai	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 02' 52"	104° 47' 41"	19° 04' 06"	104° 49' 49"	E-48-18-D
thôn Chằn Nằn	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 55"	104° 48' 40"					E-48-18-D
Núi Đuôn	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 31"	104° 49' 18"					E-48-18-D
cầu Khe Lội	KX	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 31"	104° 47' 37"					E-48-18-D
xóm Khe Lội	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 21"	104° 50' 53"					E-48-18-D
xóm Khe Rún	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 50"	104° 50' 50"					E-48-18-D
thôn Khe Tát	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 31"	104° 51' 08"					E-48-18-D
Sông Lam	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-D
thôn Lam Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 59"	104° 49' 17"					E-48-18-D
thôn Liên Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 11"	104° 49' 36"					E-48-18-D
Đồi Mê	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 31"	104° 51' 01"					E-48-18-D
thôn Nam Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 04"	104° 49' 39"					E-48-18-D
xóm Pai Căm	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 17"	104° 47' 58"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Pha Phá	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 05' 45"	104° 47' 02"					E-48-18-D
đồi Phòng Không	SV	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"					E-48-18-D
thôn Quyết Tiến	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 04' 05"	104° 50' 46"					E-48-18-D
thôn Sơn Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 02' 50"	104° 49' 19"					E-48-18-D
Suối Tai	TV	xã Chi Khê	H. Con Cuông			19° 02' 57"	104° 46' 55"	19° 04' 59"	104° 48' 47"	E-48-18-D
xóm Thung Cong	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 02' 31"	104° 50' 42"					E-48-18-D
thôn Thuỷ Khê	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 51"	104° 50' 24"					E-48-18-D
thôn Tiến Thành	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 49"	104° 51' 30"					E-48-18-D
thôn Tổng Chai	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 38"	104° 49' 23"					E-48-18-D
thôn Trung Đình	DC	xã Chi Khê	H. Con Cuông	19° 03' 10"	104° 49' 31"					E-48-18-D
núi Bù Liu	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 10' 25"	104° 52' 03"					E-48-18-D
núi Cần Hin	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 10' 29"	104° 50' 20"					E-48-18-D
núi Cây Chanh	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 18"	104° 50' 15"					E-48-18-D
núi Cha Hàng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 14"	104° 56' 50"					E-48-18-D
núi Chà Hia	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 51"	104° 52' 40"					E-48-18-D
khe Chủ Hụ	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 05' 54"	104° 49' 39"	19° 06' 53"	104° 49' 11"	E-48-18-D
khe Co Chanh	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 06' 10"	104° 50' 39"	19° 06' 37"	104° 50' 28"	E-48-18-D
bản Hồng Điện	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 25"	104° 52' 09"					E-48-18-D
bản Hồng Thắng	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 08"	104° 51' 46"					E-48-18-D
thôn Hợp Thành	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 05' 59"	104° 52' 20"					E-48-18-D
Khe Phèn	TV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông			19° 10' 10"	104° 58' 31"	19° 05' 54"	104° 47' 48"	E-48-18-D
đồi Phòng Không	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 29"	104° 49' 00"					E-48-18-D
Bản Phục	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 50"	104° 51' 20"					E-48-18-D
núi Pù Cả	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 18"	104° 48' 35"					E-48-18-D
núi Pù Cỏ	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 08' 34"	104° 49' 36"					E-48-18-D
núi Pù Cổng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 16"	104° 55' 53"					E-48-18-D
núi Pù Đuồn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 31"	104° 49' 18"					E-48-18-D
núi Pù Hóm	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 09' 18"	104° 51' 31"					E-48-18-D
núi Pù Làn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 09' 01"	104° 54' 29"					E-48-18-D
núi Pù Loóng	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 07' 44"	104° 49' 54"					E-48-18-D
núi Pù Tàn	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 11' 08"	104° 53' 22"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Tổng Tiến	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 55"	104° 49' 35"					E-48-18-D
bản Tổng Tờ	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 06' 58"	104° 49' 13"					E-48-18-D
núi Xăn Cang	SV	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 12' 08"	104° 59' 07"					E-48-18-D
Bản Xiềng	DC	xã Đôn Phục	H. Con Cuông	19° 07' 14"	104° 51' 45"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-C, E-48-18-D
Bản Boong	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 37"	104° 45' 31"					E-48-18-D
Dốc Chò	KX	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 06' 48"	104° 45' 50"					E-48-18-D
bản Chôm Lôm	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 35"	104° 44' 38"					E-48-18-C
khe Chôm Lôm	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 11' 57"	104° 46' 06"	19° 08' 29"	104° 44' 52"	E-48-18-C, E-48-18-D
Khe Đá	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 06' 57"	104° 34' 49"	19° 05' 35"	104° 38' 26"	E-48-18-C
suối Đồng Đàm	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 11' 49"	104° 45' 19"	19° 08' 09"	104° 43' 35"	E-48-18-C, E-48-18-D
bản Đồng Tiến	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 20"	104° 43' 06"					E-48-18-C
bản Huổi Mác	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 58"	104° 44' 19"					E-48-18-C
bản Khe Thơi	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 01"	104° 44' 37"					E-48-18-C
Khe Khố	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 02' 28"	104° 38' 45"	19° 05' 42"	104° 41' 29"	E-48-18-C
núi Kim Gia	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 10' 01"	104° 43' 04"					E-48-18-C
Sông Lam	TV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-C, E-48-18-D
núi Mu Nấu	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 06' 32"	104° 41' 48"					E-48-18-C
Núi Nhoọng	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 05' 23"	104° 42' 40"					E-48-18-C
núi Ô Ô	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 11' 31"	104° 46' 30"					E-48-18-D
núi Pa Cu	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 09' 31"	104° 43' 47"					E-48-18-C
bản Piềng Khử	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 08"	104° 44' 40"					E-48-18-C
bản Piềng Pục	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 06"	104° 44' 03"					E-48-18-C
núi Pù Coạc	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 08' 44"	104° 47' 03"					E-48-18-D
núi Xam Nga	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 02' 27"	104° 39' 59"					E-48-18-C
núi Xo Le	SV	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 11' 22"	104° 43' 22"					E-48-18-C
bản Yên Hoà	DC	xã Lạng Khê	H. Con Cuông	19° 07' 22"	104° 45' 53"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Bù Ông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 59' 34"	104° 54' 41"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Cá	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 55' 50"	104° 50' 07"	18° 58' 33"	104° 53' 09"	E-48-30-B, E-48-30-D
Lâm trường Con Cuông	KX	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 56' 30"	104° 48' 44"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Hồng Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 27"	104° 54' 47"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Hua Nà	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 35"	104° 55' 26"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Kim Đa	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 40"	104° 54' 30"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Liên Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 50"	104° 54' 29"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Lục Sơn	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 55"	104° 52' 44"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Mét	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 40"	104° 54' 59"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Mọi	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 29"	104° 51' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Mọi	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 56' 58"	104° 46' 21"	18° 57' 41"	104° 48' 57"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Mọi	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			19° 12' 06"	104° 41' 12"	19° 12' 17"	104° 39' 58"	E-48-18-C
núi Phu Luông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 55' 48"	104° 50' 04"					E-48-30-B, E-48-30-D
núi Phu Nông	SV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 44"	104° 45' 54"					E-48-30-A
Suối Sú	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 55' 37"	104° 52' 23"	18° 58' 04"	104° 54' 01"	E-48-30-B, E-48-30-D
Kênh Tà	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 58' 38"	104° 53' 25"	18° 58' 15"	104° 54' 46"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Tân Hợp	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 48"	104° 54' 39"					E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Trung Thành	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 44"	104° 54' 02"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Xẳng	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 52"	104° 52' 35"					E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Xộc	TV	xã Lục Dạ	H. Con Cuông			18° 59' 25"	104° 48' 31"	18° 58' 49"	104° 50' 04"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Yên Hoà	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 57' 46"	104° 53' 45"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Yên Thành	DC	xã Lục Dạ	H. Con Cuông	18° 58' 44"	104° 53' 35"					E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Bỏi	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 07' 40"	104° 57' 05"	19° 04' 47"	104° 56' 13"	E-48-18-D
Khe Cang	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 08' 48"	104° 54' 32"	19° 07' 14"	104° 54' 19"	E-48-18-D
Khe Chan	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"	E-48-18-D
bản Chòm Bỏi	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 06' 10"	104° 53' 22"					E-48-18-D
bản Chòm Muộng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 06' 43"	104° 53' 29"					E-48-18-D
suối Chuông Luông	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 06' 37"	104° 55' 19"	19° 04' 47"	104° 56' 12"	E-48-18-D
núi Đồng Mẻ	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 03' 55"	104° 55' 41"					E-48-18-D
bản Kẻ Mẻ	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 41"	104° 56' 31"					E-48-18-D
bản Kẻ Nóc	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 28"	104° 53' 47"					E-48-18-D
bản Kẻ Sùng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 55"	104° 55' 01"					E-48-18-D
bản Kẻ Trằng	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 04' 54"	104° 55' 33"					E-48-18-D
Khe Khướng	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 09' 02"	104° 54' 37"	19° 07' 46"	104° 56' 08"	E-48-18-D
Núi Lản	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 09' 01"	104° 54' 29"					E-48-18-D
bản Nà Đười	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 32"	104° 53' 49"					E-48-18-D
núi Pù Ôm	SV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 07' 20"	104° 57' 04"					E-48-18-D
Suối Sản	TV	xã Mậu Đức	H. Con Cuông			19° 06' 31"	104° 55' 07"	19° 05' 16"	104° 54' 14"	E-48-18-D
thôn Thống Nhất	DC	xã Mậu Đức	H. Con Cuông	19° 05' 47"	104° 53' 11"					E-48-18-D
bản Bắc Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 48"	104° 57' 38"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Bê	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 51"	104° 40' 08"	18° 53' 20"	104° 45' 22"	E-48-30-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Bê	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 49' 47"	104° 43' 04"	18° 52' 00"	104° 46' 58"	E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Bòn	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 54' 58"	104° 56' 21"	18° 55' 52"	104° 57' 38"	E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Búng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 21"	104° 54' 09"	18° 52' 29"	104° 50' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Ca	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 10"	104° 48' 14"	18° 51' 33"	104° 49' 47"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Cang	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 20"	104° 55' 51"	18° 52' 59"	104° 52' 27"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Cò Phạt	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 53' 07"	104° 52' 25"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Còng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 28"	104° 48' 12"	18° 52' 07"	104° 48' 29"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Còng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 47' 34"	104° 47' 20"	18° 50' 28"	104° 48' 12"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Cửa Rào	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 53"	104° 57' 12"					E-48-30-B, E-48-30-D
Sông Giăng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-30-B, E-48-30-D
Suối Khăng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 54' 05"	104° 42' 56"	18° 52' 29"	104° 50' 11"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Khe Búng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 52' 24"	104° 50' 13"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Khe Ló	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 14"	104° 55' 23"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Làng Cẳng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 10"	104° 55' 49"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Làng Yên	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 54' 24"	104° 59' 19"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Màng	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 55' 22"	104° 49' 34"	18° 53' 01"	104° 51' 28"	E-48-30-B, E-48-30-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Mọi	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 55' 00"	104° 46' 29"	18° 56' 41"	104° 57' 06"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Nam Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 06"	104° 57' 11"					E-48-30-B, E-48-30-D
Khe Nghẹn	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 48' 10"	104° 44' 15"	18° 51' 49"	104° 48' 03"	E-48-30-B, E-48-30-D
núi Pù Loóng	SV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 48"	104° 50' 04"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Tân Hoà	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 05"	104° 58' 28"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Tân Sơn	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 57' 12"	104° 56' 59"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Thái Hoà	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 55' 23"	104° 58' 01"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Thái Sơn 1	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 34"	104° 56' 40"					E-48-30-B, E-48-30-D
bản Thái Sơn 2	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 48"	104° 56' 49"					E-48-30-B, E-48-30-D
Bản Xiềng	DC	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	18° 56' 54"	104° 55' 55"					E-48-30-B, E-48-30-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông	16° 28' 51"	106° 54' 56"					30-B+DE-48-30- A
Suối Yên	TV	xã Môn Sơn	H. Con Cuông			18° 50' 38"	104° 56' 15"	18° 54' 28"	104° 59' 19"	E-48-30-B, E-48-30-D
bản Bá Hạ	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 10' 48"	105° 01' 00"					E-48-19-C
núi Bù Chẳn	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 05' 48"	104° 59' 06"					E-48-19-C
Khe Chan	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 04' 47"	104° 56' 12"	19° 03' 14"	104° 59' 31"	E-48-18-D
núi Cheo Heo	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 09' 30"	105° 01' 36"					E-48-19-C
Suối Đông	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 08' 44"	105° 01' 26"	19° 03' 50"	104° 58' 38"	E-48-18-D
bản Đồng Tâm	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 03' 51"	104° 58' 56"					E-48-18-D
bản Đồng Thắng	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 08"	104° 58' 52"					E-48-18-D
Suối Gia	TV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông			19° 11' 18"	104° 59' 07"	19° 03' 27"	104° 58' 38"	E-48-18-D
bản Kẻ Da	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 06' 49"	104° 58' 50"					E-48-18-D
bản Kẻ Tắt	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 08' 41"	104° 59' 40"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Kẻ Trai	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 25"	104° 57' 27"					E-48-18-D
bản Kẻ Tre	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 05' 56"	104° 57' 14"					E-48-18-D
bản Khe Đóng	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 51"	104° 59' 24"					E-48-18-D
Khe Mui	TV	*xã Thạch Ngàn*	*H. Con Cuông*			*19° 06' 40"*	*104° 56' 13"*	*19° 05' 29"*	*104° 58' 03"*	*E-48-18-D*
núi Pù Ôm	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 07' 20"	104° 57' 04"					E-48-18-D
bản Thạch Sơn	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 08' 03"	104° 59' 17"					E-48-18-D
bản Thạch Tiến	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 43"	104° 59' 42"					E-48-18-D
bản Thanh Bình	DC	*xã Thạch Ngàn*	*H. Con Cuông*	19° 04' 15"	104° 58' 04"					E-48-18-D
bản Tổng Xan	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 34"	104° 58' 29"					E-48-18-D
xóm Xăm Mới	DC	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 04' 03"	104° 57' 26"					E-48-18-D
núi Xăn Cang	SV	xã Thạch Ngàn	H. Con Cuông	19° 12' 08"	104° 59' 07"					E-48-18-D
quốc lộ 7	KX	xã Yên Khê	H. Con Cuông			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-D
thôn Bản Nưa	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 58"	104° 53' 01"					E-48-18-D
thôn Bản Pha	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 58"	104° 53' 54"					E-48-18-D
thôn Bản Tờ	DC	*xã Yên Khê*	*H. Con Cuông*	*19° 01' 04"*	*104° 53' 09"*					*E-48-18-D*
thôn Bản Trung Chính	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	18° 59' 50"	104° 49' 58"					E-48-30-B, E-48-30-D
thôn Bản Trung Hương	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 29"	104° 50' 23"					E-48-18-D
núi Bù Càn	SV	*xã Yên Khê*	*H. Con Cuông*	19° 00' 15"	104° 51' 24"					*E-48-18-D*
Khe Cù	TV	*xã Yên Khê*	*H. Con Cuông*			*18° 59' 50"*	*104° 50' 04"*	*19° 00' 40"*	*104° 51' 00"*	30-D E-48-18-D
Khe Diêm	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			19° 01' 04"	104° 53' 20"	19° 02' 28"	104° 55' 31"	E-48-18-D
Suối Khai	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A
thôn Khe Tín	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 03"	104° 51' 08"					E-48-18-D
khe Nà An	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			19° 01' 12"	104° 50' 37"	19° 00' 56"	104° 53' 21"	E-48-18-D
núi Nà Mười	SV	*xã Yên Khê*	*H. Con Cuông*	*19° 00' 40"*	*104° 53' 49"*					*E-48-18-D*
núi Pha Tấu	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 46"	104° 52' 22"					E-48-18-D
núi Quan Hựu	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 26"	104° 56' 04"					E-48-18-D
bản Tân Hương	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 49"	104° 53' 08"					E-48-18-D
thôn Trung Thành	DC	*xã Yên Khê*	*H. Con Cuông*	*19° 00' 53"*	*104° 50' 47"*					*E-48-18-D*
thôn Trung Yên	DC	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 01' 16"	104° 51' 24"					E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Tung Tăn	SV	xã Yên Khê	H. Con Cuông	19° 00' 03"	104° 52' 54"					E-48-18-D
Suối Xộc	TV	xã Yên Khê	H. Con Cuông			18° 59' 25"	104° 48' 31"	18° 58' 49"	104° 50' 04"	E-48-30-B, E-48-30-D
quốc lộ 1	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a
khối 1	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 24"	105° 35' 56"					E-48-32-A-a
khối 2	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 15"	105° 35' 55"					E-48-32-A-a
khối 3	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 58"	105° 35' 54"					E-48-32-A-a
khối 4	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 41"	105° 36' 00"					E-48-32-A-a
khối 5	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 26"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
khối 6	DC	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 58' 15"	105° 35' 52"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
cầu Diễn Thành	KX	TT. Diễn Châu	H. Diễn Châu	18° 59' 27"	105° 35' 46"					E-48-32-A-a
quốc lộ 1	KX	xã Diễn An	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 47"	105° 35' 44"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 13"	105° 35' 56"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 25"	105° 35' 52"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 09"	105° 36' 08"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 00"	105° 36' 14"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 08"	105° 36' 19"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 58"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 34"	105° 36' 01"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 55' 17"	105° 36' 23"					E-48-32-A-a
đền An Dương Vương	KX	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 54' 20"	105° 36' 11"					E-48-32-A-a
Rú Lịn	SV	xã Diễn An	H. Diễn Châu	18° 53' 46"	105° 36' 16"					E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn An	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
xóm Bắc Chiến Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 48"	105° 36' 23"					E-48-20-C-c
xóm Chiến Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 50"	105° 36' 18"					E-48-20-C-c
xóm Hải Bắc	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 53"	105° 35' 56"					E-48-20-C-c
xóm Hải Đông	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 36"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c
xóm Hải Nam	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 30"	105° 36' 09"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hải Trung	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 38"	105° 35' 58"					E-48-20-C-c
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 35"	105° 36' 18"					E-48-20-C-c
xóm Quyết Thành	DC	xã Diễn Bích	H. Diễn Châu	19° 00' 43"	105° 36' 12"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 39"	105° 32' 24"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 49"	105° 32' 28"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 59"	105° 32' 38"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 11"	105° 32' 32"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 02"	105° 32' 19"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 05"	105° 32' 10"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 58' 04"	105° 32' 02"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
núi Lèn Hai Vai	SV	xã Diễn Bình	H. Diễn Châu	18° 57' 36"	105° 31' 50"					E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 45"	105° 33' 55"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 43"	105° 33' 18"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 45"	105° 33' 03"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 28"	105° 33' 13"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 08"	105° 33' 14"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 21"	105° 33' 28"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 57' 59"	105° 33' 39"					E-48-32-A-a
xóm 2A	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 58' 14"	105° 33' 55"					E-48-32-A-a
xóm 2B	DC	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu	18° 58' 14"	105° 33' 44"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
kênh N201	TV	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn Cát	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 19"	105° 35' 29"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 08"	105° 35' 24"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 06"	105° 35' 08"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Doài	H. Diễn Châu	19° 07' 01"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 52"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 42"	105° 34' 59"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 36"	105° 34' 52"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 26"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 18"	105° 34' 41"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 09"	105° 34' 38"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 28"	105° 35' 13"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 33"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
xóm 15	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 00"	105° 34' 32"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 07' 22"	105° 34' 12"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a E-48-20-C-c
xóm Cao Minh	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 36"	105° 35' 16"					E-48-20-C-c
đập Cây Xôi	TV	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 07' 39"	105° 34' 26"					E-48-20-C-c
núi Hòn Đẳng	SV	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 42"	105° 34' 01"					E-48-20-C-c
núi Hòn Trò	SV	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 13"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
núi Hòn Voi	SV	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
cầu Khe Cát	KX	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 05' 46"	105° 34' 34"					E-48-20-C-c
kênh N13	TV	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu			19° 06' 30"	105° 34' 08"	19° 05' 35"	105° 35' 43"	E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Núi Sợi	SV	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 07' 17"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c
xóm Xuân Chi	DC	xã Diễn Đoài	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 34' 55"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 14"	105° 33' 04"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 24"	105° 33' 07"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 33"	105° 33' 00"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 52"	105° 33' 03"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 01' 03"	105° 32' 16"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 34"	105° 32' 24"					E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
xóm Diễn Phúc	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 17"	105° 32' 34"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Trung	DC	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu	19° 00' 15"	105° 32' 24"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Sở	TV	xã Diễn Đồng	H. Diễn Châu			19° 01' 55"	105° 32' 22"	19° 00' 11"	105° 33' 01"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 37"	105° 37' 40"					E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 41"	105° 37' 34"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 10"	105° 37' 22"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 03' 02"	105° 37' 34"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 45"	105° 37' 29"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 33"	105° 37' 22"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 51"	105° 37' 13"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 42"	105° 37' 13"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 54"	105° 37' 05"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu	19° 02' 43"	105° 36' 48"					E-48-20-C-c
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Hải	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 59"	105° 33' 51"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 59"	105° 34' 01"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 40"	105° 34' 02"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 31"	105° 34' 04"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 18"	105° 34' 09"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 09"	105° 34' 12"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 21"	105° 34' 18"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu	18° 59' 35"	105° 34' 15"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Hạnh	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 48"	105° 34' 47"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 49"	105° 34' 59"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 40"	105° 34' 55"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 38"	105° 35' 02"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 32"	105° 34' 57"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 10"	105° 34' 55"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu	18° 59' 08"	105° 34' 40"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Hoa	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC *cấp xã*	Tên ĐVHC *cấp huyện*	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	*Kinh độ*	*Vĩ độ*	*Kinh độ*	*Vĩ độ*	*Kinh độ*	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 14"	105° 38' 37"					E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 51"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 38' 25"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 57"	105° 38' 19"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 51"	105° 38' 09"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 45"	105° 37' 49"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 32"	105° 37' 19"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 27"	105° 37' 27"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 33"	105° 37' 40"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 25"	105° 37' 45"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 17"	105° 37' 44"					E-48-20-C-d
xóm 12	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 09"	105° 37' 45"					E-48-20-C-d
xóm 13	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 00"	105° 38' 00"					E-48-20-C-d
xóm 14	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 58"	105° 37' 51"					E-48-20-C-d
xóm 15	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 44"	105° 37' 25"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 05' 03"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm 17	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 52"	105° 37' 02"					E-48-20-C-c
xóm 18	DC	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 04' 52"	105° 36' 50"					E-48-20-C-c
núi Hòn Thè	SV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
xóm Ái Quốc	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 11"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
Khối Bắc	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 07"	105° 34' 51"					E-48-20-C-c
xóm Bắc Hồng	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 30"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
Chợ Dàn	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 47"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
xóm Hoa Thành	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 36"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 18"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
Cầu Lồi	KX	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 03' 31"	105° 34' 48"					E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Khối Nam	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 38"	105° 34' 53"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Trung Hồng	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 55"	105° 34' 59"					E-48-20-C-c
xóm Trung Thành	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 53"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Xuân Đỉnh	DC	xã Diễn Hồng	H. Diễn Châu	19° 02' 26"	105° 35' 06"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 21"	105° 39' 11"					E-48-20-C-d
xóm 2	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 08"	105° 38' 56"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 14"	105° 38' 34"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 51"	105° 38' 42"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 58"	105° 38' 18"					E-48-20-C-d
xóm 6A	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 46"	105° 38' 11"					E-48-20-C-d
xóm 6B	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 30"	105° 38' 25"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 18"	105° 38' 16"					E-48-20-C-d
xóm 8	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 19"	105° 37' 50"					E-48-20-C-d
xóm 9	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 04' 10"	105° 37' 46"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 03' 59"	105° 37' 40"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu	19° 05' 27"	105° 38' 28"					E-48-20-C-d
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Hùng	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-d
xóm Bắc Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 34"	105° 36' 45"					E-48-20-C-c
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
xóm Đại Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 11"	105° 37' 04"					E-48-20-C-c
xóm Hoàng Châu	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 47"	105° 37' 07"					E-48-20-C-c
xóm Kim Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 24"	105° 36' 39"					E-48-20-C-c
cửa Lạch Vạn	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	18° 59' 00"	105° 36' 48"					E-48-32-A-a
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
xóm Nam Liên	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 36' 31"					E-48-20-C-c
xóm Phú Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 06"	105° 37' 09"					E-48-20-C-c
xóm Thái Thịnh	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 26"	105° 36' 50"					E-48-20-C-c
xóm Thịnh Thành	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 02' 17"	105° 36' 57"					E-48-20-C-c
xóm Tiền Tiến	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 20"	105° 36' 47"					E-48-20-C-c
xóm Tiền Tiến 1	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 36' 52"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tiền Tiến 2	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 06"	105° 36' 42"					E-48-20-C-c
xóm Xuân Châu	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 35"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm Yên Thịnh	DC	xã Diễn Kim	H. Diễn Châu	19° 01' 19"	105° 37' 00"					E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
Cầu Bùng	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 34"	105° 35' 10"					E-48-20-C-c
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
thôn Cầu Bùng	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 41"	105° 35' 12"					E-48-20-C-c
thôn Đông Kỷ A	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 01' 22"	105° 35' 15"					E-48-20-C-c
thôn Đông Kỷ B	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 01' 11"	105° 35' 13"					E-48-20-C-c
thôn Đông Trai	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 56"	105° 34' 47"					E-48-20-C-c
thôn Hưng Tân	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 01' 30"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
thôn Mỹ Lý	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 32"	105° 34' 40"					E-48-20-C-c
Chợ Sy	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 36"	105° 35' 14"					E-48-20-C-c
Ga Sy	KX	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 33"	105° 34' 26"					E-48-20-C-c
thôn Tân Trai	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 02' 00"	105° 35' 02"					E-48-20-C-c
thôn Xuân Khánh A	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 51"	105° 35' 01"					E-48-20-C-c
thôn Xuân Khánh B	DC	xã Diễn Kỷ	H. Diễn Châu	19° 00' 56"	105° 34' 55"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-c
xóm 1 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 13"	105° 33' 07"					E-48-20-C-a
xóm 1 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 06' 59"	105° 33' 14"					E-48-20-C-c
xóm 2 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 30"	105° 33' 16"					E-48-20-C-a
xóm 2 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 12"	105° 33' 19"					E-48-20-C-c
xóm 3 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 33"	105° 33' 33"					E-48-20-C-a
xóm 3 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 20"	105° 32' 28"					E-48-20-C-c
xóm 4 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 52"	105° 33' 21"					E-48-20-C-a
xóm 4 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 20"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
xóm 5 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 11"	105° 33' 24"					E-48-20-C-a
xóm 5 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 31"	105° 33' 18"					E-48-20-C-a
xóm 6 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 37"	105° 33' 12"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 6 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 42"	105° 33' 15"					E-48-20-C-a
xóm 7 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 53"	105° 32' 50"					E-48-20-C-a
xóm 7 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 14"	105° 33' 32"					E-48-20-C-a
xóm 8 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 57"	105° 32' 30"					E-48-20-C-a
xóm 8 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 20"	105° 33' 20"					E-48-20-C-a
xóm 9 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 32"	105° 32' 34"					E-48-20-C-a
xóm 9 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 34"	105° 31' 57"					E-48-20-C-a
xóm 10 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 16"	105° 32' 20"					E-48-20-C-a
xóm 10 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 14"	105° 32' 15"					E-48-20-C-a
xóm 11 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 58"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
xóm 11 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 06"	105° 32' 02"					E-48-20-C-a
xóm 12 Bắc Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 09"	105° 32' 12"					E-48-20-C-a
xóm 12 Nam Lâm	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 57"	105° 31' 40"					E-48-20-C-a
đập Bàu Da	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 28"	105° 31' 37"					E-48-20-C-a
đập Bàu Gáo	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 19"	105° 32' 07"					E-48-20-C-a
cầu Bình Minh	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 22"	105° 32' 45"					E-48-20-C-a
đập Đình Du	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 16"	105° 32' 20"					E-48-20-C-a
xóm Đồng Nông	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 07"	105° 30' 25"					E-48-20-C-a
núi Hòn Đầm	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-a
núi Hòn Gai	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
đồi Hòn Lé	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 38"	105° 32' 02"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Ngang	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 39"	105° 32' 51"					E-48-20-C-a
núi Hòn Nghè	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 36"	105° 33' 54"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Nhọn	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 42"	105° 32' 30"					E-48-20-C-a
núi Hòn Thờ	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 08"	105° 32' 31"					E-48-20-C-a
đồi Hòn Voi	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 26"	105° 32' 15"					E-48-20-C-a
xóm Hùng Sơn	DC	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 16"	105° 33' 57"					E-48-20-C-a
đập Khe Rọ	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 10' 19"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
suối Mả Tổ	TV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu			19° 10' 06"	105° 30' 18"	19° 08' 57"	105° 30' 41"	E-48-20-C-a
Núi Sợi	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 17"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c
cầu Tào 1	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 07' 54"	105° 33' 09"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Tảo 2	KX	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 08' 32"	105° 33' 06"					E-48-20-C-a
núi Truông Tràng	SV	xã Diễn Lâm	H. Diễn Châu	19° 09' 38"	105° 29' 40"					E-48-19-D-b
xóm 1	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 03"	105° 33' 05"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 14"	105° 33' 10"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 28"	105° 33' 14"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 50"	105° 33' 14"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 32"	105° 32' 20"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 01' 57"	105° 33' 09"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 10"	105° 33' 10"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 13"	105° 33' 18"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 21"	105° 33' 09"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 31"	105° 33' 06"					E-48-20-C-c
xóm 11	DC	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu	19° 02' 27"	105° 33' 20"					E-48-20-C-c
kênh 26/3	TV	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu			19° 00' 37"	105° 32' 41"	19° 04' 02"	105° 33' 00"	E-48-20-C-c
Sông Sở	TV	xã Diễn Liên	H. Diễn Châu			19° 01' 55"	105° 32' 22"	19° 00' 11"	105° 33' 01"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 18"	105° 34' 51"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 55"	105° 35' 02"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 45"	105° 34' 58"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 34"	105° 35' 09"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 28"	105° 34' 51"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 55' 08"	105° 35' 01"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 54' 41"	105° 35' 07"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 54' 24"	105° 35' 24"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 07"	105° 35' 16"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 24"	105° 35' 10"					E-48-32-A-a
xóm 11	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 53' 56"	105° 35' 43"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 09"	105° 35' 38"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 14"	105° 35' 38"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 24"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm 15	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 56' 35"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm 16	DC	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 53' 07"	105° 35' 50"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Bạc	SV	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 53' 46"	105° 35' 37"					E-48-32-A-a
Núi Mụa	SV	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu	18° 54' 21"	105° 34' 48"					E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn Lộc	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 56' 18"	105° 33' 35"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 56' 08"	105° 33' 23"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 56' 12"	105° 33' 10"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 56' 31"	105° 33' 00"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 55' 36"	105° 32' 30"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 56' 03"	105° 32' 24"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 55' 53"	105° 32' 31"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 55' 22"	105° 32' 38"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 55' 09"	105° 32' 29"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu	18° 54' 50"	105° 32' 30"					E-48-32-A-a
Khe Cát	TV	xã Diễn Lợi	H. Diễn Châu			18° 54' 35"	105° 31' 22"	18° 57' 10"	105° 28' 49"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 57' 21"	105° 31' 32"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 57' 18"	105° 31' 18"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 57' 21"	105° 31' 22"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 57' 32"	105° 31' 27"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 57' 54"	105° 31' 13"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 58' 08"	105° 31' 04"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 58' 15"	105° 31' 06"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
núi Lèn Hai Vai	SV	xã Diễn Minh	H. Diễn Châu	18° 57' 36"	105° 31' 50"					E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 10"	105° 36' 38"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 21"	105° 36' 46"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 24"	105° 36' 47"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 37"	105° 36' 43"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 39"	105° 36' 52"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 42"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 55"	105° 36' 14"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 55"	105° 36' 47"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 54"	105° 37' 01"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 03' 55"	105° 37' 14"					E-48-20-C-c
xóm 11	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 04"	105° 37' 10"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 21"	105° 37' 22"					E-48-20-C-c
xóm 13	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 29"	105° 37' 27"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu	19° 04' 09"	105° 36' 43"					E-48-20-C-c
sông Nhà Lê	TV	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
kênh Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Mỹ	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
cầu Diễn Thành	KX	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	18° 59' 27"	105° 35' 46"					E-48-32-A-a
xóm Đông Lộc	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 03"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Yên	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 23"	105° 35' 55"					E-48-20-C-c
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
xóm Nam Thịnh	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 14"	105° 36' 02"					E-48-20-C-c
xóm Ngọc Minh	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	18° 59' 38"	105° 36' 07"					E-48-32-A-a
xóm Ngọc Tân	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 00"	105° 35' 34"					E-48-20-C-c
xóm Ngọc Văn	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 06"	105° 35' 49"					E-48-32-A-a
xóm Tây Lộc	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 08"	105° 35' 54"					E-48-20-C-c
xóm Trung Thành	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 22"	105° 36' 06"					E-48-20-C-c
xóm Trung Yên	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 06"	105° 35' 45"					E-48-20-C-c
xóm Trường Tiến	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 16"	105° 35' 42"					E-48-20-C-c
xóm Yên Quang	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	18° 59' 56"	105° 35' 58"					E-48-20-C-c
xóm Yên Thịnh	DC	xã Diễn Ngọc	H. Diễn Châu	19° 00' 15"	105° 36' 13"					E-48-20-C-c
Sông Bùng	TV	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
sông Cầu Bà	TV	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 29"	105° 31' 24"	E-48-20-C-c
xóm Tân Cảnh	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 04"	105° 31' 48"					E-48-32-A-a
xóm Tân Cao	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 42"	105° 32' 34"					E-48-32-A-a
xóm Tân Châu	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 29"	105° 32' 02"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Ninh	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 28"	105° 32' 31"					E-48-32-A-a
xóm Tân Phong 1	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 02"	105° 32' 16"					E-48-32-A-a
xóm Tân Phong 2	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 59' 03"	105° 32' 06"					E-48-32-A-a
xóm Tân Thịnh	DC	xã Diễn Nguyên	H. Diễn Châu	18° 58' 55"	105° 32' 34"					E-48-32-A-a
xóm Đậu Vinh	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 02' 54"	105° 35' 27"					E-48-20-C-c
xóm Đông Tác	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 02' 56"	105° 35' 52"					E-48-20-C-c
xóm Dương Đoài	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 12"	105° 35' 58"					E-48-20-C-c
xóm Dương Đông	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 13"	105° 36' 09"					E-48-20-C-c
xóm Dương Tiên	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 10"	105° 35' 22"					E-48-20-C-c
xóm Nhạ Nghi	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 03' 03"	105° 35' 42"					E-48-20-C-c
xóm Tây Hồ	DC	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu	19° 02' 47"	105° 36' 02"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Diễn Phong	H. Diễn Châu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 52' 58"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 05"	105° 35' 13"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 18"	105° 34' 43"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 24"	105° 34' 19"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 43"	105° 34' 44"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 41"	105° 34' 30"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 27"	105° 34' 22"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 00"	105° 34' 37"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 52"	105° 34' 18"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 59"	105° 35' 01"					E-48-32-A-a
xóm 11	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 43"	105° 35' 27"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 27"	105° 33' 48"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 37"	105° 33' 20"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 43"	105° 32' 52"					E-48-32-A-a
xóm 15	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 11"	105° 32' 56"					E-48-32-A-a
xóm 16	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 37"	105° 32' 55"					E-48-32-A-a
xóm 17	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 24"	105° 33' 22"					E-48-32-A-a
xóm 18	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 22"	105° 33' 32"					E-48-32-A-a
xóm 19	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 11"	105° 33' 30"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 20	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 24"	105° 33' 39"					E-48-32-A-a
xóm 21	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 13"	105° 33' 56"					E-48-32-A-a
xóm 22	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 07"	105° 34' 07"					E-48-32-A-a
xóm 23	DC	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 53"	105° 33' 41"					E-48-32-A-a
Núi Bạc	SV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 46"	105° 35' 37"					E-48-32-A-a
Núi Chạch	SV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 03"	105° 34' 06"					E-48-32-A-a
núi Đại Bạc	SV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 51' 37"	105° 33' 10"					E-48-32-A-c
rú Động Lim	SV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 53' 48"	105° 32' 03"					E-48-32-A-a
Núi Mác	SV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 05"	105° 33' 46"					E-48-32-A-a
Núi Mụa	SV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 54' 21"	105° 34' 48"					E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a, E-48-32-A-c
núi Thần Vũ	SV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 52' 02"	105° 35' 42"					E-48-32-A-c
hồ Xuân Dương	TV	xã Diễn Phú	H. Diễn Châu	18° 52' 50"	105° 33' 15"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 58' 30"	105° 35' 17"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
xóm Phúc Nguyên	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 58' 22"	105° 34' 26"					E-48-32-A-a
xóm Phúc Thiêm	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 57' 45"	105° 34' 33"					E-48-32-A-a
Xóm Sò	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 58' 03"	105° 35' 54"					E-48-32-A-a
xóm Tân Đoài	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 58' 00"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm Tân Minh	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 58' 06"	105° 35' 43"					E-48-32-A-a
xóm Trảng Thân	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 58' 16"	105° 35' 16"					E-48-32-A-a
xóm Yên Xuân	DC	xã Diễn Phúc	H. Diễn Châu	18° 58' 26"	105° 35' 10"					E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Quảng	H. Diễn Châu	18° 59' 10"	105° 33' 57"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Quảng	H. Diễn Châu	18° 58' 53"	105° 33' 57"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Quảng	H. Diễn Châu	18° 58' 35"	105° 33' 18"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Quảng	H. Diễn Châu	18° 59' 36"	105° 33' 07"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Quảng	H. Diễn Châu	19° 00' 06"	105° 32' 45"					E-48-20-C-c
Sông Bùng	TV	xã Diễn Quảng	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 21"	105° 34' 23"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 18"	105° 34' 39"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 12"	105° 34' 32"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 56' 51"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 04"	105° 35' 27"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 01"	105° 35' 52"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 14"	105° 35' 48"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 30"	105° 35' 40"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu	18° 57' 39"	105° 35' 34"					E-48-32-A-a
kênh N201	TV	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn Tân	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	18° 59' 50"	105° 31' 33"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	18° 59' 57"	105° 31' 24"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 00' 11"	105° 31' 26"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 00' 27"	105° 31' 11"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 00' 29"	105° 31' 22"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 00' 35"	105° 31' 18"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 00' 47"	105° 31' 19"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 00' 44"	105° 30' 58"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 01' 06"	105° 31' 08"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu	19° 00' 56"	105° 31' 22"					E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
sông Cầu Bá	TV	xã Diễn Thái	H. Diễn Châu			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 29"	105° 31' 24"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 56' 32"	105° 31' 23"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 56' 36"	105° 31' 43"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 56' 26"	105° 31' 40"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 56' 15"	105° 32' 12"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 56' 54"	105° 32' 45"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 57' 14"	105° 32' 20"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 57' 23"	105° 32' 16"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Lèn Hai Vai	SV	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu	18° 57' 36"	105° 31' 50"					E-48-32-A-a
kênh N201	TV	xã Diễn Thắng	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 59' 18"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 52"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 57"	105° 35' 45"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 54"	105° 36' 17"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 39"	105° 36' 59"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 39"	105° 36' 21"					E-48-32-A-a
quốc lộ 7	KX	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 19"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 10"	105° 36' 02"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 57' 56"	105° 36' 04"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 15"	105° 36' 26"					E-48-32-A-a
xóm 11	DC	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 58' 02"	105° 36' 36"					E-48-32-A-a
Sông Bùng	TV	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu			18° 57' 10"	105° 28' 49"	19° 00' 18"	105° 35' 24"	E-48-32-A-a
cửa Lạch Vạn	TV	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu	18° 59' 00"	105° 36' 48"					E-48-32-A-a
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Thành	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 01' 46"	105° 34' 40"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 02' 01"	105° 33' 45"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 02' 09"	105° 33' 49"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 02' 18"	105° 33' 40"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 02' 25"	105° 33' 49"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 02' 36"	105° 33' 44"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 02' 47"	105° 33' 46"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 02' 58"	105° 33' 47"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Tháp	H. Diễn Châu	19° 01' 51"	105° 33' 45"					E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a
xóm 1	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 29"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 2	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 20"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 42"	105° 36' 01"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 34"	105° 36' 28"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 29"	105° 36' 25"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 22"	105° 35' 59"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 11"	105° 36' 00"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 56"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
xóm 9A	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 02"	105° 36' 07"					E-48-32-A-a
xóm 9B	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 57' 05"	105° 36' 26"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 42"	105° 36' 35"					E-48-32-A-a
xóm 11A	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 52"	105° 36' 28"					E-48-32-A-a
xóm 11B	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 58"	105° 36' 26"					E-48-32-A-a
xóm 12	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 45"	105° 36' 12"					E-48-32-A-a
xóm 13	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 36"	105° 36' 10"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 29"	105° 36' 09"					E-48-32-A-a
xóm 15	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 18"	105° 36' 10"					E-48-32-A-a
xóm 16	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 34"	105° 36' 43"					E-48-32-A-a
xóm 17	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 31"	105° 36' 32"					E-48-32-A-a
xóm 18	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 24"	105° 36' 39"					E-48-32-A-a
xóm 19	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 18"	105° 36' 39"					E-48-32-A-a
xóm 20	DC	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu	18° 56' 18"	105° 36' 03"					E-48-32-A-a
kênh N201	TV	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
đường Quốc Phòng	KX	xã Diễn Thịnh	H. Diễn Châu			18° 56' 15"	105° 29' 29"	18° 51' 58"	105° 41' 15"	E-48-32-A-a
xóm 1 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 31"	105° 34' 14"					E-48-32-A-a
xóm 1 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 12"	105° 33' 53"					E-48-32-A-a
xóm 2 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 26"	105° 34' 12"					E-48-32-A-a
xóm 2 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 06"	105° 33' 54"					E-48-32-A-a
xóm 3 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 24"	105° 34' 20"					E-48-32-A-a
xóm 3 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 14"	105° 34' 01"					E-48-32-A-a
xóm 4 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 18"	105° 34' 23"					E-48-32-A-a
xóm 4 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 16"	105° 34' 07"					E-48-32-A-a
xóm 5 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 16"	105° 34' 15"					E-48-32-A-a
xóm 5 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 21"	105° 34' 02"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 6 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 09"	105° 34' 17"					E-48-32-A-a
xóm 6 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 26"	105° 34' 05"					E-48-32-A-a
xóm 7 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 00"	105° 34' 22"					E-48-32-A-a
xóm 7 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 32"	105° 34' 05"					E-48-32-A-a
xóm 8 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 05"	105° 34' 29"					E-48-32-A-a
xóm 8 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 33"	105° 33' 59"					E-48-32-A-a
xóm 9 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 10"	105° 34' 29"					E-48-32-A-a
xóm 9 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 35"	105° 33' 49"					E-48-32-A-a
xóm 10 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 09"	105° 34' 23"					E-48-32-A-a
xóm 10 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 23"	105° 33' 55"					E-48-32-A-a
xóm 11 Đông	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 05"	105° 34' 16"					E-48-32-A-a
xóm 11 Tây	DC	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu	18° 56' 28"	105° 33' 54"					E-48-32-A-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Diễn Thọ	H. Diễn Châu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-32-A-a
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Trung	*H. Diễn Châu*			*19° 18' 42"*	*105° 43' 15"*	*18° 38' 51"*	*105° 42' 24"*	E-48-32-A-a
xóm 1A	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 50"	105° 36' 21"					E-48-32-A-a
xóm 1B	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 58"	105° 36' 47"					E-48-32-A-a
xóm 2A	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 36"	105° 36' 28"					E-48-32-A-a
xóm 2B	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 46"	105° 36' 40"					E-48-32-A-a
xóm 3	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 42"	105° 36' 55"					E-48-32-A-a
xóm 4	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 41"	105° 36' 43"					E-48-32-A-a
xóm 5	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 24"	105° 36' 50"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 30"	105° 36' 24"					E-48-32-A-a
xóm 7A	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 01"	105° 36' 32"					E-48-32-A-a
xóm 7B	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 05"	105° 36' 53"					E-48-32-A-a
xóm 8	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 10"	105° 37' 13"					E-48-32-A-a
xóm 9	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 55' 04"	105° 37' 23"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 54"	105° 37' 14"					E-48-32-A-b
xóm 11	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 25"	105° 36' 29"					E-48-32-A-a
xóm 12A	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 40"	105° 37' 17"					E-48-32-A-a
xóm 12B	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 44"	105° 37' 32"					E-48-32-A-b
xóm 13	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 37"	105° 37' 22"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 14	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 32"	105° 37' 33"					E-48-32-A-b
xóm 15	DC	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu	18° 54' 22"	105° 36' 39"					E-48-32-A-a
đường Quốc Phòng	KX	xã Diễn Trung	H. Diễn Châu			18° 56' 15"	105° 29' 29"	18° 51' 58"	105° 41' 15"	E-48-32-A-a, E-48-32-A-b
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
xóm 1B	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 58"	105° 35' 48"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 23"	105° 35' 59"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 34"	105° 35' 58"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 41"	105° 36' 01"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 50"	105° 36' 11"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 36' 12"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 09"	105° 36' 18"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 21"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c
xóm 9B	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 06"	105° 36' 25"					E-48-20-C-c
xóm 9N	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 11"	105° 36' 24"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 19"	105° 36' 32"					E-48-20-C-c
xóm 11	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 27"	105° 36' 39"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 01"	105° 36' 36"					E-48-20-C-c
xóm 13	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 24"	105° 36' 53"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 11"	105° 36' 55"					E-48-20-C-c
xóm 15	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 00"	105° 36' 46"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 40"	105° 36' 43"					E-48-20-C-c
xóm 17	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 33"	105° 36' 47"					E-48-20-C-c
xóm 18	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 05' 46"	105° 36' 57"					E-48-20-C-c
xóm N1	DC	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu	19° 06' 03"	105° 35' 49"					E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
sông Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Trường	H. Diễn Châu			19° 06' 30"	105° 34' 08"	19° 05' 35"	105° 35' 43"	E-48-20-C-d
sông Cầu Bùng	TV	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
xóm Đồng Én	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 19"	105° 36' 03"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Hà	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 07"	105° 35' 47"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Lạch Vạn	TV	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu			19° 01' 43"	105° 36' 04"	18° 59' 00"	105° 36' 48"	E-48-20-C-c
xóm Trung Hậu	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 52"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c
xóm Trung Phú	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 01"	105° 36' 10"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Vạn Đông	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 58"	105° 36' 32"					E-48-20-C-c
xóm Vạn Nam	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 32"	105° 35' 52"					E-48-20-C-c
xóm Vạn Tài	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 01' 04"	105° 35' 34"					E-48-20-C-c
xóm Xuân Bắc	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 08"	105° 35' 31"					E-48-20-C-c
xóm Yên Đồng	DC	xã Diễn Vạn	H. Diễn Châu	19° 02' 08"	105° 36' 02"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 38"	105° 33' 52"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 49"	105° 33' 47"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 50"	105° 33' 50"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 12"	105° 33' 45"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 21"	105° 33' 42"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 36"	105° 33' 43"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 57"	105° 33' 49"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 01' 06"	105° 33' 53"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 28"	105° 33' 50"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu	19° 00' 16"	105° 33' 56"					E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Diễn Xuân	H. Diễn Châu			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-20-C-c
quốc lộ 1	KX	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 07"	105° 36' 28"					E-48-20-C-c
xóm 2	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 57"	105° 36' 28"					E-48-20-C-c
xóm 3	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 38"	105° 36' 16"					E-48-20-C-c
xóm 4	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 53"	105° 35' 48"					E-48-20-C-c
xóm 5	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 47"	105° 35' 38"					E-48-20-C-c
xóm 6	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 44"	105° 35' 53"					E-48-20-C-c
xóm 7	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 35"	105° 35' 49"					E-48-20-C-c
xóm 8	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 31"	105° 35' 48"					E-48-20-C-c
xóm 9	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 15"	105° 35' 30"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 32"	105° 35' 31"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 11	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 13"	105° 35' 46"					E-48-20-C-c
xóm 12	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 18"	105° 35' 54"					E-48-20-C-c
xóm 13	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 08"	105° 34' 14"					E-48-20-C-c
xóm 14	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 46"	105° 34' 28"					E-48-20-C-c
xóm 15	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 49"	105° 34' 10"					E-48-20-C-c
xóm 16	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 08"	105° 35' 14"					E-48-20-C-c
xóm 17	DC	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 39"	105° 35' 05"					E-48-20-C-c
quốc lộ 48	KX	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-c
núi Hòn Rồng	SV	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 02"	105° 33' 39"					E-48-20-C-c
cầu Khe Cát	KX	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 46"	105° 34' 34"					E-48-20-C-c
kênh N201	TV	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Sơn Tịnh	TV	xã Diễn Hoàng	H. Diễn Châu			19° 04' 16"	105° 34' 42"	19° 03' 30"	105° 37' 27"	E-48-20-C-c
cầu Yên Lý	KX	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 05' 01"	105° 35' 09"					E-48-20-C-c
ga Yên Lý	KX	xã Diễn Yên	H. Diễn Châu	19° 04' 37"	105° 35' 01"					E-48-20-C-c
khối 1	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 23"	105° 18' 10"					E-48-31-B-a
khối 2	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 19"	105° 18' 32"					E-48-31-B-a
khối 3	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 18"	105° 18' 37"					E-48-31-B-a
khối 4	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 10"	105° 18' 30"					E-48-31-B-a
khối 5	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 15"	105° 18' 27"					E-48-31-B-a
khối 6	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 11"	105° 18' 22"					E-48-31-B-a
khối 7	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 06"	105° 18' 17"					E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
khối 8	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 05"	105° 18' 10"					E-48-31-B-a
khối 9	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 53' 58"	105° 18' 03"					E-48-31-B-a
khối 10	DC	TT. Đô Lương	H. Đô Lương	18° 54' 01"	105° 17' 51"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
quốc lộ 46B	KX	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	TT. Đô Lương	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 06"	105° 15' 42"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 19"	105° 15' 48"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 22"	105° 15' 59"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 31"	105° 16' 04"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 53"	105° 16' 32"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 41"	105° 16' 46"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 32"	105° 16' 53"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 01"	105° 17' 10"					E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Bắc Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
đập Đá Bàn	TV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 16"	105° 20' 43"					E-48-31-B-a
xóm Đô Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 37"	105° 20' 45"					E-48-31-B-a
núi Gốc Lim	SV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 42"	105° 21' 06"					E-48-31-B-a
xóm Hương Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 36"	105° 20' 56"					E-48-31-B-a
suối Khe Qum	TV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương			18° 57' 10"	105° 20' 22"	18° 58' 00"	105° 17' 30"	E-48-31-B-a
xóm Lạc Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 53"	105° 20' 01"					E-48-31-B-a
xóm Liên Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 10"	105° 20' 44"					E-48-31-B-a
xóm Mỹ Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 33"	105° 20' 33"					E-48-31-B-a
đập Năm Khe	TV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 15"	105° 20' 22"					E-48-31-B-a
xóm Tân Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 36"	105° 20' 08"					E-48-31-B-a
xóm Thái Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 03"	105° 19' 39"					E-48-31-B-a
núi Tràng Dinh	SV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 59"	105° 19' 18"					E-48-31-B-a
xóm Xuân Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 54"	105° 20' 45"					E-48-31-B-a
núi Yên Du	SV	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 48"	105° 19' 42"					E-48-31-B-a
xóm Yên Sơn	DC	xã Bài Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 34"	105° 19' 03"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 05"	105° 16' 03"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 45"	105° 16' 17"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 07"	105° 16' 24"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 53"	105° 16' 46"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 53"	105° 16' 46"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 11'	105° 16' 45"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 39"	105° 17' 05"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 56"	105° 17' 16"					E-48-31-B-a
suối Cây Thị	TV	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương			18° 59' 25"	105° 19' 58"	18° 55' 42"	105° 17' 25"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu *mảnh bản đồ địa hình*
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Lèn Vụt	SV	xã Bồi Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 19"	105° 16' 26"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 23"	105° 17' 55"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 12"	105° 17' 58"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 04"	105° 18' 04"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 18' 41"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 59"	105° 18' 12"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 50"	105° 18' 12"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 44"	105° 18' 18"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 33"	105° 18' 28"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 22"	105° 18' 00"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 39"	105° 17' 52"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 14"	105° 18' 26"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Đà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 16"	105° 18' 38"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Đà Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
quốc lộ 46B	KX	xã Đà Sơn	H. Đô Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Đà Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 26"	105° 27' 49"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 10"	105° 26' 56"					E-48-31-B-d
xóm 3	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 53"	105° 27' 38"					E-48-31-B-d
xóm 4	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 18"	105° 27' 35"					E-48-31-B-d
xóm 5	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 01"	105° 27' 13"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 36"	105° 27' 23"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 15"	105° 27' 22"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 13"	105° 27' 32"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 17"	105° 28' 01"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 00"	105° 27' 45"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 13"	105° 27' 36"					E-48-31-B-d
sông Bao A	TV	xã Đại Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
sông Bao Tham	TV	xã Đại Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 03"	105° 17' 52"	18° 50' 05"	105° 19' 52"	E-48-31-B-d
núi Động Khơ	SV	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 24"	105° 26' 41"					E-48-31-B-d
núi Động Tri	SV	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 48"	105° 27' 19"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Vàng Neo	SV	xã Đại Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 35"	105° 26' 51"					E-48-31-B-b, E-48-31-B-d
xóm 1	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 17' 34"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 23"	105° 17' 36"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 16' 17"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 30"	105° 17' 39"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 32"	105° 16' 09"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 30"	105° 17' 39"					E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 49"	105° 17' 29"					E-48-31-B-a
đập Ba Ra	TV	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 47"	105° 17' 46"					E-48-31-B-a
cầu Đô Lương	KX	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 06"	105° 17' 30"					E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Đặng Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 19' 16"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 06"	105° 19' 07"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 55"	105° 19' 13"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 20"	105° 19' 04"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 07"	105° 19' 10"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 24"	105° 18' 38"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 43"	105° 18' 36"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 48"	105° 18' 27"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
đập Bà Cụ Thường	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 45"	105° 18' 55"					E-48-31-B-a
cầu Ba Ra	KX	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 17' 57"					E-48-31-B-a
Núi Cam	SV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 56"	105° 18' 46"					E-48-31-B-a
Núi Cơm	SV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 29"	105° 19' 31"					E-48-31-B-a
Kênh Đào	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"	E-48-31-B-a
núi Eo Động Giang	SV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 01"	105° 19' 32"					E-48-31-B-a
suối Khe Qum	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			18° 57' 10"	105° 20' 22"	18° 58' 00"	105° 17' 30"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Đông Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
Chợ Lường	KX	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 33"	105° 18' 24"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Thống Nhất	DC	xã Đông Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 58"	105° 18' 56"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	*xã Giang Sơn Đông*	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-c
xóm Đông Sơn	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 29"	105° 17' 41"					E-48-19-D-c
xóm Đồng Xuân	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 40"	105° 17' 00"					E-48-19-D-c
xóm Hoà Bình	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 53"	105° 17' 13"					E-48-19-D-c
xóm Liên Giang	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	18° 59' 40"	105° 17' 24"					E-48-31-B-a
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 26"	105° 17' 23"					E-48-19-D-c
xóm Nam Tân	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 26"	105° 18' 20"					E-48-19-D-c
xóm Nguyễn Tạo	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 32"	105° 16' 31"					E-48-19-D-c
Xóm Phố	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 21"	105° 17' 07"					E-48-19-D-c
xóm Phương Đông	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 40"	105° 18' 28"					E-48-19-D-c
xóm Quang Giang	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 05"	105° 17' 48"					E-48-19-D-c
xóm Quang Mỹ	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 50"	105° 18' 23"					E-48-19-D-c
xóm Tân Tiến	*DC*	*xã Giang Sơn Đông*	*H. Đô Lương*	*19° 01' 06"*	*105° 16' 37"*					*E-48-19-D-c*
xóm Tây Xuân	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 39"	105° 16' 42"					E-48-19-D-c
xóm Thị Tứ	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 21"	105° 16' 47"					E-48-19-D-c
xóm Thịnh Đồng	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 45"	105° 16' 04"					E-48-19-D-c
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 00' 12"	105° 17' 50"					E-48-19-D-c
xóm Yên Lương	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	19° 01' 21"	105° 17' 44"					E-48-19-D-c
xóm Yên Sơn	DC	xã Giang Sơn Đông	H. Đô Lương	18° 59' 41'	105° 17' 32"					E-48-31-B-a
xóm Yên Tân	*DC*	*xã Giang Sơn Đông*	*H. Đô Lương*	*19° 01' 33"*	*105° 18' 01"*					*E-48-19-D-c*
xóm Bắc Giang	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 11"	105° 14' 59"					E-48-31-B-a, E-48-31-A
xóm Bắc Lam	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 29"	105° 16' 12"					E-48-31-B-a
xóm Bắc Long	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 33"	105° 16' 44"					E-48-31-B-a
xóm Đồng Minh	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 39"	105° 15' 48"					E-48-31-B-a
đập Đồng Thiêng	TV	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 35"	105° 15' 07"					E-48-31-B-a
xóm Lê Lai	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 59"	105° 15' 56"					E-48-31-B-a
xóm Minh Thuận	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 36"	105° 14' 47"					E-48-31-A
đập Mộ Dạ	TV	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	19° 00' 22"	105° 15' 32"					E-48-19-D-c
xóm Ngọc Mỹ	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 28"	105° 15' 28"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Ngọc Thành	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 58' 50"	105° 15' 52"					E-48-31-B-a
Núi Nhuyên	SV	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 58' 34"	105° 16' 07"					E-48-31-B-a
xóm Quang Trung	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	19° 00' 03"	105° 15' 15"					E-48-19-D-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 01"	105° 15' 18"					E-48-31-B-a
xóm Tràng Giang	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	18° 59' 13"	105° 15' 44"					E-48-31-B-a
xóm Trung Hậu	DC	xã Giang Sơn Tây	H. Đô Lương	19° 00' 05"	105° 16' 26"					E-48-31-B-a
xóm Ba Mươi	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 27"	105° 25' 02"					E-48-31-B-d
đập Ba Thi	TV	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 26' 02"	105° 26' 02"					E-48-31-B-d
núi Động Khơ	SV	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 24"	105° 26' 41"					E-48-31-B-d
xóm Gia Khách	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 44"	105° 24' 15"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Bắc	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 44"	105° 25' 15"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Long	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 45"	105° 25' 41"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Minh	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 19"	105° 24' 47"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Nam	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 33"	105° 25' 14"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Phú	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 26"	105° 25' 47"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Thanh	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 13"	105° 24' 29"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Thiện	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 19"	105° 25' 53"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Thọ	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 40"	105° 25' 48"					E-48-31-B-d
xóm Hoà Yên	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 41"	105° 24' 50"					E-48-31-B-d
Bàu Mới	TV	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
xóm Rú Đèn	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 36"	105° 25' 40"					E-48-31-B-d
thôn Rú Hải	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 45"	105° 26' 22"					E-48-31-B-d
xóm Thanh Lương	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 55"	105° 26' 33"					E-48-31-B-d
đập Trọt Lăng	TV	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 29"	105° 26' 14"					E-48-31-B-d
thôn Văn Đồng	DC	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 10"	105° 25' 19"					E-48-31-B-d
núi Vàng Neo	SV	xã Hiến Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 35"	105° 26' 51"					E-48-31-B-b, E-48-31-B-d
quốc lộ 7	KX	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a E-48-31-B-b
Động Cao	SV	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 14"	105° 23' 05"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Cồn Mội	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 31"	105° 21' 35"					E-48-31-B-a
Sông Đào	TV	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
Đập Đình	TV	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 14"	105° 20' 55"					E-48-31-B-a
xóm Đông Xuân	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 11"	105° 21' 53"					E-48-31-B-a
xóm Hiệp Hoà	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 22' 00"					E-48-31-B-a
xóm Hồ Sen	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 20"	105° 21' 32"					E-48-31-B-a
Cầu Khuôn	KX	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 46"	105° 21' 10"					E-48-31-B-a
Xóm Khuôn	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 45"	105° 21' 17"					E-48-31-B-a
xóm Minh Thọ	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 33'	105° 22' 05"					E-48-31-B-a
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 22' 39"					E-48-31-B-b
Suối Sâu	TV	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Núi Ti	SV	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 21"	105° 22' 24"					E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
xóm Vạn Yên	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 11"	105° 22' 18"					E-48-31-B-a
xóm Vũ Vũ	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 42"	105° 22' 28"					E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
xóm Yên Sơn 1	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 54"	105° 21' 12"					E-48-31-B-a
xóm Yên Sơn 2	DC	xã Hoà Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 35"	105° 21' 15"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 28"	105° 17' 24"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 38"	105° 17' 42"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 28"	105° 18' 10"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 51"	105° 17' 41"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 57"	105° 18' 43"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 27"	105° 18' 13"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 59"	105° 17' 58"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 18"	105° 16' 54"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 32"	105° 17' 27"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
suối Cây Thị	TV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương			18° 59' 25"	105° 19' 58"	18° 55' 42"	105° 17' 25"	E-48-31-B-a
núi Đông Quan	SV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 25"	105° 18' 48"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Hồng Sơn	KX	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 19"	105° 17' 24"					E-48-31-B-a
suối Khe Qum	TV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương			18° 57' 10"	105° 20' 22"	18° 58' 00"	105° 17' 30"	E-48-31-B-a
núi Lèn Vụt	SV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 19"	105° 16' 26"					E-48-31-B-a
Núi Nhuyên	SV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 34"	105° 16' 07"					E-48-31-B-a
cầu Tiên Nông	KX	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 49"	105° 17' 20"					E-48-31-B-a
núi Tràng Dinh	SV	xã Hồng Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 59"	105° 19' 18"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 47"	105° 18' 31"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 42"	105° 18' 41"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 01"	105° 18' 58"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 54"	105° 18' 46"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 43"	105° 19' 14"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 38"	105° 19' 25"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 47"	105° 19' 29"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 49"	105° 19' 50"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 22"	105° 20' 21"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 17"	105° 20' 24"					E-48-31-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Lạc Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 10"	105° 15' 05"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 37"	105° 14' 35"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 03"	105° 15' 43"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 11"	105° 15' 50"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 44"	105° 15' 57"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 50"	105° 15' 29"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 52"	105° 14' 53"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 18"	105° 15' 41"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 17"	105° 15' 23"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 45"	105° 15' 37"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 51"	105° 15' 13"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 12	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 52"	105° 14' 43"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 57' 31"	105° 14' 52"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
xóm 14	DC	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 23"	105° 15' 00"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
đập Cồn Lều	TV	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 58' 11	105° 14' 38"					E-48-31-A
Núi Hội	SV	xã Lam Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 33"	105° 14' 35"					E-48-31-A, E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
xóm Điện Biên	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 56"	105° 16' 57"					E-48-31-B-a
xóm Diên Hồng	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 47"	105° 17' 34"					E-48-31-B-a
xóm Diên Tiên	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 58"	105° 17' 37"					E-48-31-B-a
cầu Đô Lương	KX	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 06"	105° 17' 30"					E-48-31-B-a
xóm Hồng Phong	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 57"	105° 16' 13"					E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm Phú Thọ	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 58"	105° 16' 31"					E-48-31-B-a
xóm Quang Trung	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 00"	105° 17' 24"					E-48-31-B-a
xóm Trần Phú	DC	xã Lưu Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 34"	105° 17' 34"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Minh Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-c
xóm Bình Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 52"	105° 21' 35"					E-48-31-B-c
xóm Cát Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 49"	105° 21' 48"					E-48-31-B-c
xóm Đại Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 09"	105° 21' 11"					E-48-31-B-c
xóm Đông Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 51"	105° 22' 11"					E-48-31-B-c
Sông Gang	TV	xã Minh Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-c
xóm Hội Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 50"	105° 21' 26"					E-48-31-B-c
xóm Long Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 45"	105° 21' 41"					E-48-31-B-c
xóm Nguyên Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 29"	105° 22' 04"					E-48-31-B-c
xóm Quang Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 35"	105° 21' 48"					E-48-31-B-c
Suối Sau	TV	xã Minh Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-c
xóm Thái Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 59"	105° 21' 30"					E-48-31-B-c
xóm Thọ Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 36"	105° 22' 11"					E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Thượng Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 07"	105° 20' 59"					E-48-31-B-c
xóm Trung Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 05"	105° 21' 20"					E-48-31-B-c
xóm Văn Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 33"	105° 22' 00"					E-48-31-B-c
xóm Yên Minh	DC	xã Minh Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 40"	105° 22' 00"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 38"	105° 24' 11"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 47"	105° 24' 06"					E-48-31-B-d
xóm 3	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 35"	105° 23' 56"					E-48-31-B-d
xóm 4	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 20"	105° 23' 57"					E-48-31-B-d
xóm 5	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 12"	105° 24' 16"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 53"	105° 24' 14"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 00"	105° 23' 50"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 12"	105° 23' 53"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 47' 54"	105° 24' 20"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 47' 22"	105° 24' 42"					E-48-31-B-d
quốc lộ 15	KX	*xã Mỹ Sơn*	*H. Đô Lương*			*19° 26' 37"*	*105° 26' 54"*	*18° 33' 35"*	*105° 33' 24"*	*E-48-31-B-d*
sông Bao A	TV	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
núi Động Cáo	SV	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 47' 41"	105° 25' 33"					E-48-31-B-d
đập Khe Khế	TV	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 47' 55"	105° 24' 47"					E-48-31-B-d
núi Linh Anh	SV	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 46' 51"	105° 24' 00"					E-48-31-B-d
Bàu Nại	TV	xã Mỹ Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 34"	105° 24' 44"					E-48-31-B-d
xóm 1	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 47"	105° 14' 14"					E-48-31-A
xóm 2	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 5."	105° 14' 51"					E-48-31-A
xóm 3	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 35"	105° 15' 18"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 33"	105° 15' 07"					E-48-31-B-a
xóm 5A	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 51"	105° 15' 35"					E-48-31-B-a
xóm 5B	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 45"	105° 15' 26"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 38"	105° 15' 56"					E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Nam Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 43"	105° 16' 07"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Nam Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 11"	105° 14' 21"					E-48-31-A
đường tỉnh 533	KX	xã Nam Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	xã Nam Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 12"	105° 14' 49"					E-48-31-A
xóm 2	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 43"	105° 14' 48"					E-48-31-A
xóm 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 38"	105° 14' 36"					E-48-31-A
xóm 4	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 47"	105° 14' 25"					E-48-31-A
xóm 5	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 58"	105° 14' 49"					E-48-31-A
xóm 6	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 50"	105° 14' 40"					E-48-31-A
xóm 7	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 18"	105° 14' 39"					E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 16"	105° 15' 22"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 26"	105° 14' 19"					E-48-31-A
Núi Hội	SV	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 33"	105° 14' 35"					E-48-31-B-a, E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Ngọc Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a, E-48-31-A
xóm 1	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 29"	105° 22' 28"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 10"	105° 22' 35"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 55"	105° 22' 35"					E-48-31-B-d
xóm 4	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 07"	105° 22' 48"					E-48-31-B-d
xóm 5	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 17"	105° 23' 09"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 57"	105° 23' 16"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 57"	105° 22' 58"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 33"	105° 23' 09"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 10"	105° 23' 24"					E-48-31-B-d
quốc lộ 15	KX	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b, E-48-31-B-c
Núi Đỉnh	SV	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 40"	105° 22' 17"					E-48-31-B-c, E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Nhân Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-19-B-b, E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 49"	105° 23' 35"					E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 19"	105° 23' 46"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 31"	105° 23' 29"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 12"	105° 23' 30"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 54"	105° 23' 50"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 39"	105° 23' 55"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 50"	105° 24' 19"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 41"	105° 24' 20"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 12"	105° 24' 02"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 28"	105° 23' 46"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 06"	105° 23' 27"					E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-d
núi Tù Lịp	SV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 17"	105° 23' 49"					E-48-31-B-b
núi Tùng Tạo	SV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 50"	105° 23' 32"					E-48-31-B-b
đập Văn Sơn	TV	xã Quang Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 10"	105° 24' 18"					E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 09"	105° 20' 52"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 19"	105° 20' 50"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 21"	105° 20' 44"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 30"	105° 20' 56"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 37"	105° 21' 08"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 34"	105° 21' 18"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 21' 26"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 21' 41"					E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 01"	105° 21' 48"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 22' 04"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 42"	105° 22' 05"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 24"	105° 21' 51"					E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 17"	105° 21' 46"					E-48-31-B-c
xóm 14	DC	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 33"	105° 21' 47"					E-48-31-B-a
Suối Sau	TV	xã Tân Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Núi Ti	SV	xã Tân Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 21"	105° 22' 24"					E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 02"	105° 22' 35"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 59"	105° 23' 07"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 38"	105° 23' 24"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 15"	105° 23' 16"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 10"	105° 23' 10"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 27"	105° 23' 15"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 46"	105° 22' 42"					E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 34"	105° 22' 29"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 22"	105° 22' 18"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 50"	105° 22' 36"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 53"	105° 22' 48"					E-48-31-B-d
xóm 12	DC	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 52"	105° 22' 49"					E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương			18° 26' 02"	105° 26' 02"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-d, E-48-31-B-c
đập Long Thái	TV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 05"	105° 23' 19"					E-48-31-B-d
Suối Sau	TV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-c
Núi Ti	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 21"	105° 22' 24"					E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
núi Tù Lịp	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 17"	105° 23' 49"					E-48-31-B-b
núi Tùng Tạo	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 50"	105° 23' 32"					E-48-31-B-b
núi U Bò	SV	xã Thái Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 14"	105° 23' 05"					E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 53"	105° 20' 23"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 00"	105° 20' 50"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 15"	105° 20' 30"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 04"	105° 20' 45"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 45"	105° 20' 26"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 08"	105° 21' 08"					E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 53"	105° 20' 26"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 55"	105° 20' 18"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 20' 07"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 30	105° 20' 29"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 11	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 43"	105° 20' 28"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 56"	105° 20' 31"					E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 51"	105° 20' 03"					E-48-31-B-a
xóm 14	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 08"	105° 20' 40"					E-48-31-B-a
xóm 15	DC	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 20"	105° 20' 19"					E-48-31-B-a
Kênh Đào	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"	E-48-31-B-a
Đập Đinh	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 14"	105° 20' 55"					E-48-31-B-a
Suối Sau	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 16"	105° 21' 10"	18° 51' 05"	105° 22' 29"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
đập Yên Thế	TV	xã Thịnh Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 07"	105° 20' 14"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 52"	105° 16' 39"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 45"	105° 16' 47"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 44"	105° 17' 41"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 43"	105° 18' 00"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 25"	105° 17' 55"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 50"	105° 18' 39"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 24"	105° 18' 30"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 07"	105° 18' 17"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-a
sông Bao Tham	TV	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 03"	105° 17' 52"	18° 50' 05"	105° 19' 52"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
Đập Và	TV	xã Thuận Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 40"	105° 18' 24"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 22"	105° 25' 48"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 35"	105° 25' 35"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 49"	105° 25' 48"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 02"	105° 25' 59"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 01"	105° 25' 25"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 07"	105° 25' 10"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 31"	105° 25' 03"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 35"	105° 24' 50"					E-48-31-B-b
xóm 9	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 08"	105° 24' 41"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 10	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 23"	105° 24' 36"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 49"	105° 24' 43"					E-48-31-B-d
xóm 12	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 02"	105° 24' 47"					E-48-31-B-d
xóm 13	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 13"	105° 24' 55"					E-48-31-B-d
xóm 14	DC	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 09"	105° 24' 28"					E-48-31-B-d
đập Đồng Hồ	TV	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 09"	105° 26' 34"					E-48-31-B-b
núi Tu Lip	SV	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 35"	105° 27' 10"					E-48-31-B-b
núi Tù Và	SV	xã Thượng Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 53"	105° 26' 22"					E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 28"	105° 17' 37"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 08"	105° 17' 37"					E-48-31-B-a
xóm 3	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 56' 09"	105° 17' 55"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 55"	105° 17' 37"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 50"	105° 18' 08"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 40"	105° 18' 15"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 51"	105° 18' 25"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 19"	105° 18' 21"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 14"	105° 18' 43"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 31"	105° 18' 53"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 37"	105° 18' 16"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 51"	105° 18' 14"					E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 47"	105° 18' 09"					E-48-31-B-a
quốc lộ 15	KX	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-a
cầu Ba Ra	KX	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 17' 57"					E-48-31-B-a
Núi Cam	SV	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 56"	105° 18' 46"					E-48-31-B-a
suối Cây Thị	TV	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương			18° 59' 25"	105° 19' 58"	18° 55' 42"	105° 17' 25"	E-48-31-B-a
Kênh Đào	TV	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"	E-48-31-B-a
Sông Lam	TV	xã Tràng Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 03"	105° 25' 21"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 54"	105° 25' 13"					E-48-31-B-d
xóm 3	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 45"	105° 25' 30"					E-48-31-B-d
xóm 4	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 44"	105° 25' 42"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 02"	105° 26' 04"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 13"	105° 26' 19"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 20"	105° 26' 45"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 30"	105° 26' 48"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 49' 19"	105° 26' 49"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 07"	105° 26' 19"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 14"	105° 26' 23"					E-48-31-B-d
xóm 12	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 09"	105° 26' 32"					E-48-31-B-d
xóm 13	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 14"	105° 26' 42"					E-48-31-B-d
xóm 14	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 09"	105° 26' 58"					E-48-31-B-d
xóm 15	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 04"	105° 26' 36"					E-48-31-B-d
xóm 16	DC	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 03"	105° 26' 33"					E-48-31-B-d
sông Bao A	TV	xã Trù Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
đập Bàu đá	TV	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 55"	105° 26' 58"					E-48-31-B-d
núi Động Cáo	SV	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 47' 41"	105° 25' 33"					E-48-31-B-d
núi Động Lim	SV	xã Trù Sơn	H. Đô Lương	18° 48' 26"	105° 25' 23"					E-48-31-B-d
xóm 1	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 08"	105° 18' 23"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 50"	105° 18' 43"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 49"	105° 17' 57"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 01"	105° 18' 54"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 04"	105° 18' 20"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 10"	105° 17' 50"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 16"	105° 17' 19"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 52' 12"	105° 18' 01"					E-48-31-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Trung Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Trung Sơn	H. Đô Lương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
Núi Cuồi	SV	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 35"	105° 18' 59"					E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Trung Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
Đồi Si	SV	xã Trung Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 57"	105° 17' 47"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 05"	105° 19' 18"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 09"	105° 19' 27"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 05"	105° 19' 37"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 46"	105° 19' 58"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 08"	105° 19' 21"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 36"	105° 19' 54"					E-48-31-B-a
quốc lộ 7	KX	xã Văn Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 51"	105° 20' 03"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 20' 00"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 06"	105° 19' 57"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 15"	105° 19' 46"					E-48-31-B-a
xóm 11	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 19' 49"					E-48-31-B-a
xóm 12	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 50"	105° 19' 40"					E-48-31-B-a
xóm 13	DC	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 57"	105° 20' 14"					E-48-31-B-a
Sông Đào	TV	xã Văn Sơn	H. Đô Lương			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
núi Đông Bắc Trọc	SV	xã Văn Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 47"	105° 19' 55"					E-48-31-B-a
xóm 1	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 51"	105° 20' 25"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 41"	105° 19' 34"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 25"	105° 19' 47"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 05"	105° 20' 00"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 51"	105° 20' 02"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 37"	105° 19' 41"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 20"	105° 19' 45"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 50' 56"	105° 19' 37"					E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 22"	105° 19' 23"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 42"	105° 19' 15"					E-48-31-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-c
sông Bao Tham	TV	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương			18° 51' 03"	105° 17' 52"	18° 50' 05"	105° 19' 52"	E-48-31-B-c
Rú Cuổi	SV	xã Xuân Sơn	H. Đô Lương	18° 51' 35"	105° 18' 59"					E-48-31-B-c
quốc lộ 7	KX	xã Yên Sơn	H. Đô Lương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-a
Kênh Đào	TV	xã Yên Sơn	H. Đô Lương			18° 54' 17"	105° 21' 12"	18° 54' 52"	105° 17' 49"	E-48-31-B-a
xóm Yên Đình	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 58"	105° 18' 59"					E-48-31-B-a
xóm Yên Hoa	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 07"	105° 18' 35"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Yên Hoà	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 54"	105° 19' 11"					E-48-31-B-a
xóm Yên Hương	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 17"	105° 18' 50"					E-48-31-B-a
xóm Yên Khánh	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 11"	105° 19' 16"					E-48-31-B-a
xóm Yên Minh	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 53' 56"	105° 19' 05"					E-48-31-B-a
xóm Yên phú	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 01"	105° 18' 53"					E-48-31-B-a
xóm Yên Quang	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 15"	105° 19' 00"					E-48-31-B-a
xóm Yên Tân	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 45"	105° 19' 34"					E-48-31-B-a
xóm Yên Thế	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 11"	105° 19' 09"					E-48-31-B-a
xóm Yên Thịnh	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 55' 10"	105° 19' 36"					E-48-31-B-a
xóm Yên Trung	DC	xã Yên Sơn	H. Đô Lương	18° 54' 58"	105° 19' 30"					E-48-31-B-a
xóm Yên Trường	*DC*	*xã Yên Sơn*	*H. Đô Lương*	*18° 54' 05"*	*105° 18' 44"*					*E-48-31-B-a*
khối 1	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 31"	105° 37' 09"					E-48-32-C-a
khối 2	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 27"	105° 37' 22"					E-48-32-C-a
khối 3	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 29"	105° 37' 35"					E-48-32-C-b
khối 4	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 36"	105° 37' 40"					E-48-32-C-b
khối 5	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 19"	105° 37' 50"					E-48-32-C-b
khối 6	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 25"	105° 38' 17"					E-48-32-C-b
khối 7	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 06"	105° 37' 42"					E-48-32-C-b
khối 8	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 53"	105° 37' 33"					E-48-32-C-b
khối 9	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 57"	105° 38' 02"					E-48-32-C-b
khối 10	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 44"	105° 37' 54"					E-48-32-C-b
khối 11	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 45"	105° 37' 31"					E-48-32-C-a
khối 12	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 41' 09"	105° 37' 25"					E-48-32-C-a
khối 13	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 20"	105° 37' 15"					E-48-32-C-a
khối 14	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 29"	105° 37' 37"					E-48-32-C-b
khối 15	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 13"	105° 37' 58"					E-48-32-C-b
khối 16	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 40' 11"	105° 38' 10"					E-48-32-C-b
khối 17	DC	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 52"	105° 37' 48"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-b
Xí nghiệp Gạch 22/12	KX	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên	18° 39' 32"	105° 38' 10"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542C	KX	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"	E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Đào	TV	TT. Hưng Nguyên	H. Hưng Nguyên			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 30"	105° 39' 02"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 35' 49"	105° 39' 33"					E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 35' 58"	105° 39' 39"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 06"	105° 39' 42"					E-48-32-C-d
xóm 5	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 13"	105° 39' 51"					E-48-32-C-d
xóm 6	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 18"	105° 39' 55"					E-48-32-C-d
xóm 7	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 30"	105° 40' 11"					E-48-32-C-d
xóm 8	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 37"	105° 40' 19"					E-48-32-C-d
xóm 9	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 17"	105° 40' 07"					E-48-32-C-d
xóm 10	DC	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 24"	105° 40' 01"					E-48-32-C-d
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
đường tỉnh 542C	KX	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 16"	105° 37' 52"	E-48-32-C-d
hói Lam Giang	TV	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên			18° 35' 10"	105° 39' 26"	18° 36' 35"	105° 41' 08"	E-48-32-C-d
Núi Nhón	SV	xã Hưng Châu	H. Hưng Nguyên	18° 36' 42"	105° 39' 07"					E-48-32-C-d
khối 1	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 42"	105° 36' 26"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 39' 44"	105° 35' 30"					E-48-32-C-a
khối 2	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 33"	105° 36' 17"					E-48-32-C-a
xóm 2A	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 39' 54"	105° 35' 36"					E-48-32-C-a
xóm 2B	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 39' 53"	105° 35' 27"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 01"	105° 36' 20"					E-48-32-C-a
xóm 4A	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 31"	105° 36' 48"					E-48-32-C-a
xóm 4B	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 43"	105° 36' 43"					E-48-32-C-a
xóm 5A	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 39' 43"	105° 36' 30"					E-48-32-C-a
xóm 5B	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 39' 40"	105° 36' 35"					E-48-32-C-a
xóm 6A	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 00"	105° 36' 52"					E-48-32-C-a
xóm 6B	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 31"	105° 36' 48"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 39' 57"	105° 36' 53"					E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
sông Hoàng Cần	TV	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên			18° 45' 11"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-b
sông Lam Trà	TV	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Mượu	SV	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 41' 21"	105° 36' 13"					E-48-32-C-a
xóm Nền Dầu	DC	xã Hưng Đạo	H. Hưng Nguyên	18° 40' 20"	105° 37' 15"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 15"	105° 39' 09"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 16"	105° 39' 13"					E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 15"	105° 39' 22"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 26"	105° 39' 23"					E-48-32-C-d
xóm 5	DC	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên	18° 35' 38"	105° 39' 27"					E-48-32-C-d
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
Sông Lam	TV	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d
hói Lam Giang	TV	xã Hưng Khánh	H. Hưng Nguyên			18° 35' 10"	105° 39' 26"	18° 36' 35"	105° 41' 08"	E-48-32-C-d
xóm 1	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 39"	105° 37' 37"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 31"	105° 37' 20"					E-48-32-C-c
xóm 3	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 26"	105° 37' 18"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 30"	105° 37' 14"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 19"	105° 37' 10"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 34' 46"	105° 37' 10"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 34' 45"	105° 37' 12"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 03"	105° 37' 44"					E-48-32-C-c
xóm 9	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 34' 33"	105° 37' 14"					E-48-32-C-c
xóm 10	DC	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 44"	105° 37' 22"					E-48-32-C-c
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
Sông Lam	TV	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c, E-48-32-C-d
Núi Thành	SV	xã Hưng Lam	H. Hưng Nguyên	18° 35' 24"	105° 37' 56"					E-48-32-C-d
xóm 1A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 24"	105° 34' 26"					E-48-32-C-a
xóm 1B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 32"	105° 34' 28"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 37"	105° 34' 11"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 45"	105° 33' 56"					E-48-32-C-a
xóm 4A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 08"	105° 33' 31"					E-48-32-C-a
xóm 4B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 01"	105° 33' 39"					E-48-32-C-a
xóm 5A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 01"	105° 33' 45"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 12"	105° 33' 52"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 21"	105° 34' 01"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 45"	105° 34' 02"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 30"	105° 34' 06"					E-48-32-C-a
xóm 9A	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 02"	105° 34' 13"					E-48-32-C-a
xóm 9B	DC	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 55"	105° 34' 29"					E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
đò Chợ Liêu	KX	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 37' 49"	105° 33' 23"					E-48-32-C-a
núi Chùa Khê	SV	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 22"	105° 34' 21"					E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Hưng Lĩnh	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 36' 45"	105° 40' 39"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 36' 48"	105° 40' 52"					E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 01"	105° 40' 53"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 31"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 33"	105° 40' 42"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 49"	105° 41' 00"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 12"	105° 41' 10"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 45"	105° 40' 58"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
đập Ba Ra	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 38"	105° 41' 50"					E-48-32-C-b
sông Cầu Gãy	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 37' 58"	105° 39' 47"	18° 38' 33"	105° 41' 34"	E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 39' 56"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
xóm Hồng Lam 1	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 37' 54"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
xóm Hồng Lam 2	DC	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên	18° 38' 35"	105° 41' 40"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d
hói Lam Giang	TV	xã Hưng Lợi	H. Hưng Nguyên			18° 35' 10"	105° 39' 26"	18° 36' 35"	105° 41' 08"	E-48-32-C-d
xóm 7A	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 30"	105° 35' 09"					E-48-32-C-a
xóm 7B	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 44"	105° 34' 55"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 17"	105° 35' 33"					E-48-32-C-a
xóm 9A	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 25"	105° 35' 22"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9B	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 24"	105° 35' 29"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 41"	105° 35' 48"					E-48-32-C-a
xóm 11A	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 14"	105° 35' 38"					E-48-32-C-a
xóm 11B	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 06"	105° 35' 56"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 37' 08"	105° 35' 22"					E-48-32-C-a
xóm 16	DC	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên	18° 36' 55"	105° 35' 24"					E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	*xã Hưng Long*	*H. Hưng Nguyên*			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-d
Sông Lam	TV	xã Hưng Long	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a, E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 00"	105° 38' 55"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 11"	105° 38' 49"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 37"	105° 38' 59"					E-48-32-C-b
xóm 4A	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 50"	105° 39' 03"					E-48-32-C-b
xóm 4B	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 51"	105° 38' 56"					E-48-32-C-b
xóm 5A	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 39' 13"	105° 38' 45"					E-48-32-C-b
xóm 5B	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 39' 09"	105° 38' 40"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 39' 01"	105° 38' 18"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 52"	105° 38' 09"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 49"	105° 38' 17"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên	18° 38' 33"	105° 38' 25"					E-48-32-C-b
sông Hoàng Cần	TV	xã Hưng Mỹ	H. Hưng Nguyên			18° 45' 11"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 13"	105° 40' 57"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 55"	105° 40' 41"					E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 23"	105° 40' 43"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 25"	105° 40' 21"					E-48-32-C-d
xóm 5	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 27"	105° 40' 12"					E-48-32-C-d
xóm 6	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 34"	105° 40' 20"					E-48-32-C-d
xóm 7	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 43"	105° 40' 12"					E-48-32-C-d
xóm 8	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 53"	105° 40' 18"					E-48-32-C-d
xóm 9	DC	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 29"	105° 40' 50"					E-48-32-C-d
Sông Lam	TV	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hói Lam Giang	TV	xã Hưng Nhân	H. Hưng Nguyên			18° 35' 10"	105° 39' 26"	18° 36' 35"	105° 41' 08"	E-48-32-C-d
xóm 1	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 07"	105° 39' 03"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 03"	105° 38' 58"					E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 00"	105° 38' 49"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 34' 59"	105° 38' 40"					E-48-32-C-d
xóm 5	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 34' 53"	105° 38' 27"					E-48-32-C-d
xóm 6	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 05"	105° 38' 28"					E-48-32-C-d
xóm 7	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 39"	105° 38' 26"					E-48-32-C-d
xóm 8	DC	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên	18° 35' 54"	105° 38' 32"					E-48-32-C-d
Sông Lam	TV	xã Hưng Phú	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-d
xóm 1	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 31"	105° 40' 19"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 38"	105° 39' 42"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 13"	105° 39' 59"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 10"	105° 39' 40"					E-48-32-C-d
xóm 5	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 36' 56"	105° 39' 33"					E-48-32-C-d
xóm 6	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 15"	105° 39' 21"					E-48-32-C-d
xóm 7	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 11"	105° 39' 17"					E-48-32-C-d
xóm 8	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 26"	105° 39' 04"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 37' 38"	105° 39' 13"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542B	KX	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên			18° 36' 07"	105° 39' 48"	18° 39' 00"	105° 39' 55"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d
Sông Đào	TV	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
Núi Nhồn	SV	xã Hưng Phúc	H. Hưng Nguyên	18° 36' 42"	105° 39' 07"					E-48-32-C-d
xóm 1	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 56"	105° 37' 05"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 44"	105° 37' 16"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 35"	105° 37' 35"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 43"	105° 37' 38"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 22"	105° 37' 37"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 21"	105° 37' 23"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 15"	105° 37' 28"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 00"	105° 37' 47"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên	18° 38' 11"	105° 37' 53"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542C	KX	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-a
sông Hoàng Cần	TV	xã Hưng Tân	H. Hưng Nguyên			18° 45' 11"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-b
kênh 17	TV	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên			18° 47' 50"	105° 34' 17"	18° 42' 32"	105° 38' 05"	E-48-32-C-a, E-48-32-C-b
xóm Bắc Kẻ Gai 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 11"	105° 37' 43"					E-48-32-C-b
xóm Bắc Kẻ Gai 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 02"	105° 37' 47"					E-48-32-C-b
xóm Bắc Kẻ Gai 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 49"	105° 37' 54"					E-48-32-C-b
xóm Bắc Phúc Hoà	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 47"	105° 38' 13"					E-48-32-C-b
xóm Bắc Phúc Long	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 29"	105° 38' 23"					E-48-32-C-b
xóm Đại Đồng	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 19"	105° 36' 35"					E-48-32-C-a
xóm Đại Huệ 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 51"	105° 36' 40"					E-48-32-C-a
xóm Đại Huệ 7	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 30"	105° 36' 39"					E-48-32-C-a
Xóm Đình	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 03"	105° 37' 13"					E-48-32-C-a
xóm Hưng Thịnh 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 44' 05"	105° 37' 14"					E-48-32-C-a
xóm Hưng Thịnh 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 47"	105° 37' 21"					E-48-32-C-a
xóm Hưng Thịnh 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 37"	105° 37' 26"					E-48-32-C-a
xóm Khoa Đà 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 21"	105° 38' 04"					E-48-32-C-b
xóm Khoa Đà 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 15"	105° 38' 06"					E-48-32-C-b
xóm Khoa Đà 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 02"	105° 38' 09"					E-48-32-C-b
Xóm Kỳ	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 42"	105° 37' 20"					E-48-32-C-a
xóm Lam Đồng	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 24"	105° 37' 19"					E-48-32-C-b
núi Lưỡi Hái	SV	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 55"	105° 36' 23"					E-48-32-C-a
xóm Nam Kẻ Gai	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 38"	105° 38' 01"					E-48-32-C-b
xóm Nam Phúc Long	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 23"	105° 38' 24"					E-48-32-C-b
xóm Nam Phúc Hoà	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 35"	105° 38' 18"					E-48-32-C-b
xóm Phúc Điền 1	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 24"	105° 36' 59"					E-48-32-C-a
xóm Phúc Điền 2	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 43' 06"	105° 37' 01"					E-48-32-C-a
xóm Thượng Khê 3	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 52"	105° 37' 04"					E-48-32-C-a
xóm Thượng Khê 4	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 37"	105° 37' 08"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Trung Kẻ Gai	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 42' 55"	105° 37' 57"					E-48-32-C-b
Xóm Vạc	DC	xã Hưng Tây	H. Hưng Nguyên	18° 41' 20"	105° 37' 24"					E-48-32-C-a
xóm 16	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 36' 53"	105° 38' 43"					E-48-32-C-d
xóm 17	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 07"	105° 38' 19"					E-48-32-C-d
xóm 18	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 23"	105° 38' 25"					E-48-32-C-d
xóm 19	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 22"	105° 38' 12"					E-48-32-C-d
Xóm Ao	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 44"	105° 38' 23"					E-48-32-C-b
đường sắt Bắc Nam	KX	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên			18° 35' 49"	105° 36' 48"	18° 41' 43"	105° 39' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d
Xóm Đồng	DC	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 37' 53"	105° 38' 28"					E-48-32-C-b
kênh Lê Xuân Đào	TV	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên			18° 37' 04"	105° 38' 44"	18° 38' 52"	105° 36' 17"	E-48-32-C-a, E-48-32-C-d
Núi Nhón	SV	xã Hưng Thắng	H. Hưng Nguyên	18° 36' 42"	105° 39' 07"					E-48-32-C-d
đường tỉnh 542B	KX	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 36' 07"	105° 39' 48"	18° 39' 00"	105° 39' 55"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d
sông Cầu Gáy	TV	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 37' 58"	105° 39' 47"	18° 38' 33"	105° 41' 34"	E-48-32-C-b
sông Cửa Tiền	TV	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 39' 56"	105° 39' 07"	18° 38' 25"	105° 42' 16"	E-48-32-C-b
xóm Đồng Phong	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 14"	105° 39' 44"					E-48-32-C-b
sông Hoàng Cần	TV	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên			18° 45' 11"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-b
đền Ông Mười	KX	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 31"	105° 41' 22"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Am	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 18"	105° 40' 46"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Tân	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 28"	105° 40' 40"					E-48-32-C-b
xóm Yên Đồng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 01"	105° 39' 42"					E-48-32-C-b
xóm Yên Hạ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 33"	105° 40' 16"					E-48-32-C-b
xóm Yên Hoà	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 21"	105° 40' 00"					E-48-32-C-b
xóm Yên Phong	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 50"	105° 39' 56"					E-48-32-C-b
xóm Yên Phú	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 09"	105° 39' 51"					E-48-32-C-b
xóm Yên Thọ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 58"	105° 39' 57"					E-48-32-C-b
xóm Yên Thượng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 39"	105° 40' 04"					E-48-32-C-b
xóm Yên Trung	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 16"	105° 40' 06"					E-48-32-C-b
xóm Yên Tuỳ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Hưng Nguyên	18° 38' 03"	105° 40' 37"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 48"	105° 36' 28"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 42"	105° 36' 20"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 41"	105° 36' 29"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 57"	105° 36' 43"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 09"	105° 36' 42"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 38' 03"	105° 36' 48"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 44"	105° 37' 01"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 38"	105° 36' 53"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 33"	105° 37' 03"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 26"	105° 37' 05"					E-48-32-C-c
xóm 11	DC	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên	18° 37' 12"	105° 37' 05"					E-48-32-C-c
đường tỉnh 542C	KX	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"	E-48-32-C-a
kênh Lê Xuân Đào	TV	xã Hưng Thông	H. Hưng Nguyên			18° 37' 04"	105° 38' 44"	18° 38' 52"	105° 36' 17"	E-48-32-C-a, E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 40"	105° 37' 31"					E-48-32-C-d
xóm 2	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 43"	105° 37' 33"					E-48-32-C-d
xóm 3	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 56"	105° 37' 45"					E-48-32-C-d
xóm 4	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 50"	105° 37' 55"					E-48-32-C-d
xóm 5	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 36' 53"	105° 38' 00"					E-48-32-C-d
xóm 6	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 37' 12"	105° 37' 41"					E-48-32-C-d
xóm 7	DC	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên	18° 37' 11"	105° 37' 48"					E-48-32-C-d
đường sắt Bắc Nam	KX	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên			18° 35' 49"	105° 36' 48"	18° 41' 43"	105° 39' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-C-d
kênh Lê Xuân Đào	TV	xã Hưng Tiến	H. Hưng Nguyên			18° 37' 04"	105° 38' 44"	18° 38' 52"	105° 36' 17"	E-48-32-C-c, E-48-32-C-d
xóm 1	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 46' 42"	105° 36' 34"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 08"	105° 36' 36"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 30"	105° 36' 41"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 48"	105° 36' 16"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 26"	105° 36' 11"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 22"	105° 36' 00"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 7	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 15"	105° 36' 16"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 11"	105° 36' 01"					E-48-32-A-c
xóm 9A	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 03"	105° 35' 55"					E-48-32-A-c
xóm 9B	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 03"	105° 35' 40"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 36"	105° 35' 10"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 37"	105° 35' 18"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 47' 20"	105° 35' 23"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 46' 44"	105° 35' 12"					E-48-32-A-c
xóm 14	DC	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên	18° 46' 36"	105° 34' 57"					E-48-32-A-c
kênh 17	TV	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên			18° 47' 50"	105° 34' 17"	18° 42' 32"	105° 38' 05"	E-48-32-A-c
sông Thanh Hương	TV	xã Hưng Trung	H. Hưng Nguyên			18° 48' 31"	105° 32' 39"	18° 47' 43"	105° 36' 46"	E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 37' 05"	105° 36' 03"					E-48-32-C-c
xóm 2	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 37' 03"	105° 36' 11"					E-48-32-C-c
xóm 3	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 57"	105° 36' 13"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 57"	105° 36' 23"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 57"	105° 36' 35"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên	18° 36' 58"	105° 36' 41"					E-48-32-C-c
đường tỉnh 542C	KX	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên			18° 36' 53"	105° 36' 13"	18° 40' 18"	105° 37' 52"	E-48-32-C-c
Sông Đào	TV	xã Hưng Xá	H. Hưng Nguyên			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 55"	105° 36' 48"					E-48-32-C-c
xóm 2	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 43"	105° 36' 50"					E-48-32-C-c
xóm 3	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 25"	105° 36' 57"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 19"	105° 36' 59"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 08"	105° 37' 14"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 57"	105° 37' 19"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 54"	105° 37' 58"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 52"	105° 37' 04"					E-48-32-C-c
xóm 9	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 45"	105° 37' 05"					E-48-32-C-c
xóm 10	DC	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 37"	105° 37' 57"					E-48-32-C-c
đường tỉnh 542	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-c
đường sắt Bắc Nam	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên			18° 35' 49"	105° 36' 48"	18° 41' 43"	105° 39' 45"	E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c
cầu Yên Xuân	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 35' 49"	105° 36' 45"					E-48-32-C-c
ga Yên Xuân	KX	xã Hưng Xuân	H. Hưng Nguyên	18° 36' 13"	105° 37' 05"					E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 49"	105° 35' 02"					E-48-32-A-c
xóm 2A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 44"	105° 35' 03"					E-48-32-A-c
xóm 2B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 54"	105° 35' 04"					E-48-32-A-c
xóm 3A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 37"	105° 35' 06"					E-48-32-A-c
xóm 3B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 35"	105° 35' 16"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 49"	105° 35' 02"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 43"	105° 35' 37"					E-48-32-A-c
xóm 6A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 31"	105° 35' 46"					E-48-32-A-c
xóm 6B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 45' 34"	105° 35' 55"					E-48-32-A-c
xóm 7A	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 46' 02"	105° 36' 24"					E-48-32-A-c
xóm 7B	DC	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 46' 08"	105° 36' 28"					E-48-32-A-c
kênh Nhà Lê	TV	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên			18° 48' 31"	105° 32' 39"	18° 44' 22"	105° 36' 55"	E-48-32-C-a
hồ Thạch Tiền	TV	xã Hưng Yên Bắc	H. Hưng Nguyên	18° 43' 39"	105° 35' 28"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 05"	105° 34' 42"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 15"	105° 35' 16"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 18"	105° 35' 32"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 24"	105° 35' 51"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 21"	105° 36' 05"					E-48-32-C-a
xóm 6A	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 33"	105° 36' 13"					E-48-32-A-c
xóm 6B	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 38"	105° 36' 19"					E-48-32-C-a
xóm 7A	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 27"	105° 36' 25"					E-48-32-A-c
xóm 7B	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 45' 25"	105° 36' 34"					E-48-32-C-a
xóm 8A	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 21"	105° 35' 46"					E-48-32-C-a
xóm 8B	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 34"	105° 36' 00"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 33"	105° 36' 12"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 42"	105° 35' 31"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 44' 13"	105° 34' 51"					E-48-32-C-a
kênh Nhà Lê	TV	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên			18° 48' 31"	105° 32' 39"	18° 44' 22"	105° 36' 55"	E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Thạch Tiền	TV	xã Hưng Yên Nam	H. Hưng Nguyên	18° 43' 39"	105° 35' 28"					E-48-32-C-a
khối 1	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 24' 05"	104° 08' 33"					E-48-17-A
khối 2	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 24' 00"	104° 08' 58"					E-48-17-A
khối 3	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 23' 38"	104° 09' 11"					E-48-17-A
khối 4	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 23' 33"	104° 09' 32"					E-48-17-A
khối 5	DC	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn	19° 23' 31"	104° 09' 53"					E-48-17-A
quốc lộ 7	KX	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-A
Nậm Mộ	TV	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A
Khe Toăng	TV	TT. Mường Xén	H. Kỳ Sơn			19° 21' 43"	104° 07' 41"	19° 24' 08"	104° 08' 35"	E-48-17-A
Bản Buộc	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 58"	104° 14' 55"					E-48-5-C
Suối Cáng	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 33' 21"	104° 16' 08"	19° 35' 36"	104° 16' 11"	E-48-5-D
bản Cha Nga	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 39' 25"	104° 11' 01"					E-48-5-C
bản Huổi Bắc	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 35"	104° 13' 19"					E-48-5-C
bản Huổi Cáng 1	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 33"	104° 16' 06"					E-48-5-D
bản Huổi Cáng 2	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 03"	104° 16' 07"					E-48-5-D
bản Kẹo Nam	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 39' 59"	104° 11' 26"					E-48-5-C
bản Kẹo Pha Tú	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 17"	104° 12' 39"					E-48-5-C
bản Na Kho	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 45"	104° 16' 08"					E-48-5-D
Suối Nháng	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 35' 54"	104° 13' 58"	19° 35' 11"	104° 14' 00"	E-48-5-C
Suối Nho	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 34' 47"	104° 17' 17"	19° 35' 24"	104° 16' 08"	E-48-5-D
bản Nhọt Kho	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 23"	104° 13' 06"					E-48-5-C
Suối Niếng	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 36' 08"	104° 11' 52"	19° 36' 49"	104° 14' 04"	E-48-5-D
bản Phà Coóng	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 16"	104° 17' 21"					E-48-5-D
núi Pha Han	SV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 01"	104° 17' 08"					E-48-5-D
núi Pha Lai	SV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 33"	104° 16' 19"					E-48-5-D
suối Phà Nét	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 33' 58"	104° 15' 53"	19° 34' 53"	104° 16' 15"	E-48-5-D
bản Phìa Khăm 1	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 34' 58"	104° 14' 39"					E-48-5-C
bản Phìa Khăm 2	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 15"	104° 14' 04"					E-48-5-C
Huổi Sắc	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 37' 37"	104° 11' 08"	19° 36' 49"	104° 14' 04"	E-48-5-C
Suối Tắm	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 34' 06"	104° 13' 18"	19° 36' 44"	104° 18' 44"	E-48-5-C
bản Xám Thang	DC	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 29"	104° 11' 49"					E-48-5-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Xiềng Dưới	TV	xã Bắc Lý	H. Kỳ Sơn			19° 36' 49"	104° 14' 04"	19° 37' 05"	104° 17' 02"	E-48-5-C
bản Hín Pẻn	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 26"	104° 17' 09"					E-48-17-B
bản Huổi Hốc	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 26' 04"	104° 18' 46"					E-48-17-B
khe Huổi Kha	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 30' 24"	104° 14' 42"	19° 28' 05"	104° 16' 21"	E-48-17-B
bản Huổi Lau	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 28' 42"	104° 16' 42"					E-48-17-B
khe Huổi Phan	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 26' 52"	104° 18' 09"	19° 26' 45"	104° 16' 27"	E-48-17-B
bản Khe Nạp	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 29' 07"	104° 16' 35"					E-48-17-B
bản Lưu Tân	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 47"	104° 18' 25"					E-48-17-B
Núi Mòn	SV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 25' 13"	104° 17' 09"					E-48-17-B
bản Nam Tiến 1	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 21"	104° 15' 52"					E-48-17-B
bản Nam Tiến 2	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 24' 48"	104° 16' 24"					E-48-17-B
Suối Nhị	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"	E-48-17-B
bản Phìa Khoáng	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 29' 05"	104° 17' 12"					E-48-17-B
bản Thảo Đi	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 25' 53"	104° 17' 08"					E-48-17-B
Suối Thay	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 27' 44"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"	E-48-17-B
bản Xà Lồng	DC	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn	19° 29' 19"	104° 16' 47"					E-48-17-B
khe Xà Lồng	TV	xã Bảo Nam	H. Kỳ Sơn			19° 31' 26"	104° 18' 48"	19° 29' 03"	104° 17' 37"	E-48-17-B
bản Ca Da	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 25' 32"	104° 25' 20"					E-48-17-B
bản Cha Ca 1	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 23' 50"	104° 23' 52"					E-48-17-B
bản Cha Ca 2	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 24' 07"	104° 23' 56"					E-48-17-B
Khe Com	TV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn			19° 27' 02"	104° 22' 35"	19° 23' 56"	104° 31' 21"	E-48-17-B
Suối Con	TV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
núi Huổi Com	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 27' 03"	104° 23' 22"					E-48-17-B
Khe Lem	TV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn			19° 27' 08"	104° 26' 32"	19° 24' 55"	104° 27' 40"	E-48-17-B
Núi Nghếch	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 25' 51"	104° 21' 10"					E-48-17-B
núi Ten Tạo	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 24' 21"	104° 23' 13"					E-48-17-B
bản Thà Lạng	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 25' 49"	104° 24' 40"					E-48-17-B
núi Xa Khao	SV	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 24' 13"	104° 21' 45"					E-48-17-B
bản Xao Va	DC	xã Bảo Thắng	H. Kỳ Sơn	19° 26' 26"	104° 22' 42"					E-48-17-B
quốc lộ 7	KX	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
suối Ca Nan	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 18' 49"	104° 13' 15"	19° 20' 33"	104° 16' 53"	E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Ca Tang	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 18' 29"	104° 16' 45"	19° 20' 09"	104° 18' 07"	E-48-17-B
Núi Côn	SV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 42"	104° 14' 29"					E-48-17-A
Bản Cù	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 21' 00"	104° 16' 25"					E-48-17-B
bản Hồng Tiến	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 19' 12"	104° 19' 29"					E-48-17-B
bản Khe Nằn	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 20' 31"	104° 17' 18"					E-48-17-B
bản Khe Tang	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 20' 15"	104° 17' 49"					E-48-17-B
bản La Ngan	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 44"	104° 17' 18"					E-48-17-B
Bản Lăn	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 21' 21"	104° 15' 23"					E-48-17-B
bản Lưu Hoà	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 47"	104° 16' 39"					E-48-17-B
bản Lưu Thắng	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 12"	104° 20' 14"					E-48-17-B
bản Lưu Tiến	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 19' 57"	104° 18' 38"					E-48-17-B
Nậm Mộ	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-16-B
núi Pa Ca	SV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 23' 41"	104° 19' 08"					E-48-17-B
núi Pa Khèm	SV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 03"	104° 17' 04"					E-48-17-B
bản Tạt Thoong	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 22' 24"	104° 19' 09"					E-48-17-B
Suối Thay	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 27' 44"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"	E-48-17-B
Suối Thoong	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 17' 03"	104° 16' 46"	19° 19' 11"	104° 19' 34"	E-48-17-B
Suối Thù	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 14' 14"	104° 17' 10"	19° 15' 12"	104° 18' 57"	E-48-17-B
Suối Tiêu	TV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn			19° 21' 30"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"	E-48-17-B
bản Xiêng Thù	DC	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 21' 27"	104° 15' 51"					E-48-17-B
Núi Xung	SV	xã Chiêu Lưu	H. Kỳ Sơn	19° 25' 11"	104° 20' 33"					E-48-17-B
khe Huổi Ha	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 33' 22"	104° 08' 57"	19° 31' 56"	104° 09' 57"	E-48-5-C
khe Huổi Hèo	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 33' 24"	104° 08' 39"	19° 32' 11"	104° 08' 16"	E-48-5-C
khe Huổi Ho	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 32' 52"	104° 10' 30"	19° 32' 26"	104° 10' 49"	E-48-5-C
bản Huổi Khơ	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 38' 31"	104° 10' 22"					E-48-5-C
khe Huổi Lê	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 34' 31"	104° 06' 29"	19° 36' 25"	104° 08' 14"	E-48-5-C
khe Huổi Tông	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 34' 35"	104° 07' 06"	19° 35' 37"	104° 08' 22"	E-48-5-C
bản Huổi Viêng	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 33' 57"	104° 08' 54"					E-48-5-C
khe Huổi Xiếng	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 36' 08"	104° 11' 52"	19° 36' 49"	104° 14' 04"	E-48-5-C
khe Nậm Sốt	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 58"	104° 11' 11"	19° 35' 57"	104° 10' 03"	E-48-5-C
Suối Nháng	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 54"	104° 13' 58"	19° 35' 11"	104° 14' 00"	E-48-5-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Noọng Hán	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 36' 36"	104° 11' 32"					E-48-5-C
bản Phả Lếch Phay	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 34' 02"	104° 10' 33"					E-48-5-C
bản Phà Nọi	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 36' 28"	104° 10' 02"					E-48-5-C
suối Phà Tá	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 33' 30"	104° 12' 24"	19° 34' 47"	104° 13' 47"	E-48-5-C
bản Phà Tả	DC	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn	19° 34' 39"	104° 10' 36"					E-48-5-C
khe Phà Va	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 09"	104° 09' 31"	19° 36' 25"	104° 08' 14"	E-48-5-C
Huổi Sắc	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 37' 37"	104° 11' 08"	19° 36' 49"	104° 14' 04"	E-48-5-C
Khe Sòi	TV	xã Đoọc May	H. Kỳ Sơn			19° 35' 36"	104° 10' 27"	19° 35' 57"	104° 10' 03"	E-48-5-C
khe Huổi Dun	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 30' 23"	104° 14' 22"	19° 28' 36"	104° 13' 21"	E-48-5-D
bản Huổi Đun	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 21"	104° 14' 26"					E-48-5-C
bản Huổi Khả	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 31' 39"	104° 15' 10"					E-48-5-D
bản Huổi Lệ	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 22"	104° 14' 11"					E-48-5-C
bản Huổi Mú	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 24"	104° 11' 57"					E-48-5-C
bản Huổi Thăng	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 28' 55"	104° 14' 08"					E-48-5-C
bản Huổi Ức 1	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 32' 34"	104° 14' 21"					E-48-5-C
bản Huổi Ức 2	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 32' 53"	104° 14' 21"					E-48-5-C
Suối Lê	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 32' 34"	104° 15' 18"	19° 32' 38"	104° 12' 00"	E-48-5-D
bản Na Ni	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 32' 39"	104° 16' 28"					E-48-5-D
Suối Nhị	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"	E-48-17-B
núi Phà Bún	SV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 33' 17"	104° 15' 31"					E-48-5-D
núi Phà Công	SV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 34' 39"	104° 17' 43"					E-48-5-D
núi Phà Mo	SV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 34' 42"	104° 19' 05"					E-48-5-D
núi Phà Mứt	SV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 34' 16"	104° 19' 14"					E-48-17-B
khe Phà Nách	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 33' 24"	104° 14' 40"	19° 34' 47"	104° 13' 47"	E-48-5-D
khe Pha Ne	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 30' 33"	104° 12' 57"	19° 31' 09"	104° 12' 59"	E-48-5-C
suối Phà Tá	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 33' 30"	104° 12' 24"	19° 34' 47"	104° 13' 47"	E-48-5-C
bản Phà Xắc	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 31' 42"	104° 18' 31"					E-48-5-D
Khe Phe	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 31' 45"	104° 14' 57"	19° 31' 30"	104° 14' 06"	E-48-5-D
khe Sa Mát	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 32' 12"	104° 18' 57"	19° 33' 33"	104° 17' 37"	E-48-5-D
bản Trung Tâm	DC	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn	19° 30' 28"	104° 14' 26"					E-48-5-C
Suối Tụ	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 33' 14"	104° 16' 25"	19° 35' 37"	104° 20' 04"	E-48-5-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khe Xà Lồng	TV	xã Huổi Tụ	H. Kỳ Sơn			19° 31' 26"	104° 18' 48"	19° 29' 03"	104° 17' 37"	E-48-5-D
quốc lộ 7	KX	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-A
Bản Bà	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 12"	104° 13' 10"					E-48-17-A
suối Ca Nan	TV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 18' 49"	104° 13' 15"	19° 20' 33"	104° 16' 53"	E-48-17-A
Suối Chiếng	TV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 19' 23"	104° 11' 21"	19° 18' 49"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Núi Côn	SV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 42"	104° 14' 29"					E-48-17-A
bản Đỉnh Sơn 1	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 18"	104° 12' 54"					E-48-17-A
bản Đỉnh Sơn 2	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 20' 49"	104° 11' 30"					E-48-17-A
núi Đọc May	SV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 11"	104° 10' 47"					E-48-17-A
Suối Hốc	TV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 17' 36"	104° 12' 11"	19° 18' 49"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Bản Hòm	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 38"	104° 12' 41"					E-48-17-A
bản Huổi Thợ	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 02"	104° 14' 26"					E-48-17-A
bản Khe Tỳ	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 23' 16"	104° 10' 20"					E-48-17-A
núi La Ne	SV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 21' 18"	104° 12' 19"					E-48-17-A
Nậm Mộ	TV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A
bản Na Chảo	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 48"	104° 12' 05"					E-48-17-A
bản Na Lượng 1	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 23' 07"	104° 10' 52"					E-48-17-A
bản Na Lượng 2	DC	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 22' 55"	104° 11' 32"					E-48-17-A
Suối Nhinh	TV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 21' 22"	104° 10' 01"	19° 22' 53"	104° 11' 47"	E-48-17-A
Suối Pa	TV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Núi Thiên	SV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 19' 47"	104° 12' 45"					E-48-17-A
Núi Thông	SV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn	19° 19' 25"	104° 10' 59"					E-48-17-A
Suối Tỉ	TV	xã Hữu Kiệm	H. Kỳ Sơn			19° 21' 07"	104° 08' 37"	19° 23' 36"	104° 10' 20"	E-48-17-A
núi Cầu Thàn	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 28' 24"	104° 13' 44"					E-48-17-A
bản Chà Lắn	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 24' 44"	104° 14' 26"					E-48-17-B
khe Chà Lắn	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn			19° 27' 27"	104° 14' 30"	19° 23' 27"	104° 13' 40"	E-48-17-A
Núi Côn	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 22' 42"	104° 14' 29"					E-48-17-A
núi Huổi Tang	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 27' 46"	104° 14' 20"					E-48-17-A
núi Kẻo Kha	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 27' 24"	104° 15' 01"					E-48-17-B
Núi Lôm	SV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 24' 43"	104° 13' 40"					E-48-17-A
Nậm Mộ	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Na	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 41"	104° 13' 43"					E-48-17-A
Suối Nhị	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn			19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"	E-48-17-B
bản Noọng Ó	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 27' 43"	104° 15' 24"					E-48-17-B
Khe Thạng	TV	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn			19° 26' 40"	104° 13' 02"	19° 23' 31"	104° 12' 55"	E-48-17-A
bản Xốp Nhị	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 34"	104° 11' 49"					E-48-17-A
bản Xốp Thạng	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 45"	104° 12' 58"					E-48-17-A
bản Xốp Thập	DC	xã Hữu Lập	H. Kỳ Sơn	19° 23' 25"	104° 14' 21"					E-48-17-A
Suối Chải	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 37' 34"	104° 05' 10"	19° 38' 13"	104° 04' 03"	E-48-5-C
Suối Chót	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 36' 05"	104° 06' 21"	19° 37' 34"	104° 05' 10"	E-48-5-C
bản Hạt Tà Vén	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 01"	104° 07' 52"					E-48-5-C
bản Hoà Xuân	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 38"	104° 09' 40"					E-48-5-C
bản Huổi Cáng	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 38"	104° 07' 38"					E-48-5-C
bản Huổi Lê	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 35' 34"	104° 06' 56"					E-48-5-C
bản Huổi Phoóc	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 21"	104° 09' 40"					E-48-5-C
bản Huổi Phuôn 1	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 45"	104° 05' 54"					E-48-5-C
bản Huổi Phuôn 2	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 24"	104° 06' 10"					E-48-5-C
bản Huổi Tông	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 35' 03"	104° 07' 33"					E-48-5-C
bản Keng Đu	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 39' 56"	104° 05' 41"					E-48-5-C
bản Kẻo Cơn	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 38' 32"	104° 05' 28"					E-48-5-C
bản Khe Linh	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 37' 38"	104° 04' 18"					E-48-5-C
Suối Lê	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 34' 31"	104° 06' 29"	19° 36' 25"	104° 08' 14"	E-48-5-C
Khe Linh	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 37' 05"	104° 04' 31"	19° 37' 46"	104° 03' 45"	E-48-5-C
Nậm Nơn	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 17' 13"	104°25' 35"	E-48-5-C
Suối Phuôn	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 36' 31"	104° 06' 55"	19° 37' 35"	104° 07' 39"	E-48-5-C
bản Quyết Thắng	DC	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn	19° 35' 37"	104° 08' 56"					E-48-5-C
Nậm Sống	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 34' 59"	104° 05' 02"	19° 40' 58"	104° 04' 07"	E-48-5-C
Nậm Xốc	TV	xã Keng Đu	H. Kỳ Sơn			19° 36' 25"	104° 08' 14"	19° 40' 02"	104° 09' 05"	E-48-5-C
Núi Hồng	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 20' 00"	103° 56' 08"					E-48-16-B
bản Huổi Khe	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 17' 28"	103° 59' 30"					E-48-16-B
suối Huổi Khuân	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn			19° 15' 44"	103° 57' 09"	19° 18' 07"	103° 52' 57"	E-48-16-B
Núi Miếng	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 15' 23"	103° 59' 30"					E-48-16-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Nậm Mộ	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-16-B
suối Nậm Típ	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn			19° 17' 17"	104° 00' 31"	19° 19' 53"	103° 57' 02"	E-48-17-A
bản Nhà Nang	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 17' 20"	103° 58' 53"					E-48-16-B
Suối Pản	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn			19° 14' 44"	104° 02' 20"	19° 17' 14"	104° 01' 24"	E-48-17-A, E-48-17-C
Bản Pụng	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 17' 05"	104° 00' 43"					E-48-17-A
núi Sòng Voi	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 19' 08"	103° 54' 53"					E-48-16-B
Suối Than	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn			19° 15' 03"	104° 00' 18"	19° 17' 17"	104° 00' 31"	E-48-17-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	16° 28' 51"	106° 54' 56"					30-B+DE-48-30-A
Suối Xẳng	TV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn			19° 15' 40"	103° 58' 19"	19° 17' 44"	103° 58' 12"	E-48-16-B
núi Xang Noi	SV	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 18' 51"	103° 53' 56"					E-48-16-B
bản Xốp Lau	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 18' 33"	103° 57' 38"					E-48-16-B
bản Xốp Phong	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 20' 05"	103° 57' 01"					E-48-16-B
bản Xốp Xẳng	DC	xã Mường Ải	H. Kỳ Sơn	19° 17' 48"	103° 58' 05"					E-48-16-B
Suối Chính	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 32' 12"	104° 23' 59"	19° 33' 28"	104° 25' 37"	E-48-17-B
Suối Con	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
dốc Cổng Trời	KX	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 54"	104° 19' 49"					E-48-5-D
bản Huổi Khun	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 29' 47"	104° 24' 09"					E-48-17-B
Suối Khúa	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 28' 47"	104° 19' 54"	19° 32' 12"	104° 23' 59"	E-48-17-B
bản Long Kèo	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 32"	104° 20' 39"					E-48-5-D
bản Mò Nừng	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 33' 58"	104° 19' 51"					E-48-5-D
bản Mường Lống 1	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 54"	104° 20' 39"					E-48-5-D
bản Mường Lống 2	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 26"	104° 20' 42"					E-48-5-D
xóm Nậm Nơn	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 17' 13"	104°25' 35"	E-48-5-C
Núi Nghếch	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 25' 38"	104° 20' 47"					E-48-17-B
suối Nhật Khống	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 33' 00"	104° 20' 46"	19° 30' 38"	104° 23' 37"	E-48-5-D
suối Nhật Na	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 31' 49"	104° 22' 06"	19° 32' 12"	104° 23' 59"	E-48-5-D
Suối Nhị	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 32' 06"	104° 20' 07"	19° 22' 55"	104° 12' 02"	E-48-17-B
núi Nhót Nhi	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 33' 06"	104° 19' 46"					E-48-5-D
núi Nông Pa Pinh	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 33' 09"	104° 23' 28"					E-48-5-D
bản Sa Lầy	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 53"	104° 19' 49"					E-48-5-D
núi Sam Soum	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 47"	104° 22' 01"					E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Sam Sum	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 28' 52"	104° 23' 14"					E-48-17-B
núi Tám He Ne	SV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 08"	104° 18' 29"					E-48-17-B
bản Thà Lạng	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 32' 34"	104° 22' 16"					E-48-5-D
suối Thà Lạng	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 32' 16"	104° 21' 23"	19° 34' 55"	104° 22' 33"	E-48-5-D
bản Tham Hang	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 47"	104° 18' 23"					E-48-17-B
bản Tham Hốc	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 35"	104° 19' 18"					E-48-17-B
bản Tham Lực	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 42"	104° 20' 22"					E-48-5-D
bản Tham Pạng	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 30' 40"	104° 21' 24"					E-48-5-D
Suối Thay	TV	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn			19° 27' 44"	104° 19' 48"	19° 22' 44"	104° 17' 10"	E-48-17-B
bản Trung Tâm	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 31' 58"	104° 20' 08"					E-48-5-D
bản Xám Xúm	DC	xã Mường Lống	H. Kỳ Sơn	19° 27' 51"	104° 21' 04"					E-48-17-B
bản Chà Lạt	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 20' 31"	103° 59' 38"					E-48-16-B
khe Chà Lạt	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 22' 38"	103° 58' 40"	19° 23' 31"	103° 58' 09"	E-48-16-B
khe Huổi Ha	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 02"	104° 04' 47"	19° 16' 30"	104° 02' 59"	E-48-17-A
bản Huổi Khí	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 22' 20"	104° 00' 21"					E-48-17-A
bản Huổi Khói	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 21' 29"	103° 59' 18"					E-48-16-B
Nậm Mộ	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A
bản Na Mỳ	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 19' 19"	103° 57' 28"					E-48-16-B
khe Na Nhu	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 19' 45"	104° 02' 57"	19° 20' 17"	104° 00' 27"	E-48-17-A
suối Nậm Típ	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 17' 17"	104° 00' 31"	19° 19' 53"	103° 57' 02"	E-48-17-A
khe Năm Típ	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 16' 40"	104° 04' 42"	19° 17' 37"	104° 00' 17"	E-48-17-A
Suối Nhi	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 20' 17"	104° 00' 27"	19° 21' 46"	104° 00' 26"	E-48-17-A
Suối Pản	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 19' 44"	104° 02' 20"	19° 17' 14"	104° 01' 24"	E-48-17-A, E-48-17-C
Suối Péc	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 46"	104° 03' 47"	19° 17' 14"	104° 01' 24"	E-48-17-A
bản Phà Nọi	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 16' 34"	104° 03' 33"					E-48-17-A
Suối Pụng	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 19' 29"	104° 02' 53"	19° 17' 17"	104° 00' 55"	E-48-17-A
khe Sốp Khăm	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 14"	104° 00' 50"	19° 17' 37"	104° 00' 17"	E-48-17-A
bản Sốp Phe	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 22' 20"	103° 57' 31"					E-48-16-B
bản Sốp Típ	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 21' 24"	103° 57' 06"					E-48-16-B
bản Ta Đo	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 03"	104° 00' 35"					E-48-16-B
núi Tho Lếu	SV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 21' 14"	103° 57' 51"					E-48-16-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Thông	TV	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn			19° 14' 48"	104° 03' 02"	19° 16' 22"	104° 03' 35"	E-48-17-A
bản Vang Phao	DC	xã Mường Típ	H. Kỳ Sơn	19° 20' 13"	103° 57' 09"					E-48-16-B
suối Xốp Phe	TV	*xã Mường Típ*	*H. Kỳ Sơn*			19° 20' 38"	103° 59' 09"	19° 22' 16"	103° 57' 27"	E-48-16-B
suối Chà Lần	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 39' 36"	104° 14' 10"	19° 42' 15"	104° 15' 31"	E-48-5-D
bản Cha Nga	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 42' 27"	104° 13' 57"					E-48-5-D
núi Cha Nga	SV	*xã Mỹ Lý*	*H. Kỳ Sơn*	19° 41' 04"	104° 14' 23"					E-48-5-C
suối Cha Nga	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 40' 23"	104° 12' 33"	19° 42' 29"	104° 14' 00"	E-48-5-C
phu Đén Đin	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 42' 03"	104° 24' 44"					E-48-5-D
bản Hoà Lý	DC	*xã Mỹ Lý*	*H. Kỳ Sơn*	19° 35' 18"	104° 21' 39"					E-48-5-D
Núi Hung	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 15"	104° 20' 34"					E-48-5-D
núi Huổi Phuôn	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 34"	104° 23' 32"					E-48-5-D
bản Huổi Pún	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 31"	104° 24' 23"					E-48-5-D
Suối Ké	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 36' 16"	104° 22' 13"	19° 35' 27"	104° 21' 25"	E-48-5-D
Suối Kho	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 21' 25"	104° 52' 06"	19° 18' 25"	104° 49' 29"	E-48-18-B
Suối Lợi	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 42' 05"	104° 23' 48"	19° 41' 49"	104° 22' 14"	E-48-5-D
Suối Mai	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a
suối Nanh Héo	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 38' 26"	104° 17' 00"	19° 38' 58"	104° 17' 27"	E-48-5-D
bản Nhọt Lợt	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 41' 37"	104° 24' 13"					E-48-5-D
núi Nhọt Lợt	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 54"	104° 25' 01"					E-48-5-D
Nậm Nơn	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 17' 13"	104°25' 35"	E-48-5-C
Suối Pa	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
núi Phà Chéng	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 11"	104° 24' 48"					E-48-5-D
bản Phà Chiếng	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 39' 04"	104° 24' 34"					E-48-5-D
núi Pha Cọc	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 02"	104° 17' 22"					E-48-5-D
núi Pha Han	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 01"	104° 17' 08"					E-48-5-D
núi Phà Khửm	SV	*xã Mỹ Lý*	*H. Kỳ Sơn*	19° 39' 36"	104° 24' 08"					E-48-5-D
núi Pha Lai	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 33"	104° 16' 19"					E-48-5-D
núi Phà Mứt	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 34' 16"	104° 19' 14"					E-48-17-B
núi Phà Nu	SV	*xã Mỹ Lý*	*H. Kỳ Sơn*	19° 34' 38"	104° 21' 43"					E-48-5-D
núi Pha Phả	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 09"	104° 16' 56"					E-48-5-D
bản Piêng Pèn	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 01"	104° 21' 50"					E-48-5-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Piêng Vai	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 33' 20"	104° 22' 13"					E-48-5-D
Suối Pún	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 38' 27"	104° 23' 50"	19° 37' 28"	104° 24' 21"	E-48-5-D
Suối Sán	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 38' 15"	104° 18' 03"	19° 38' 39"	104° 18' 20"	E-48-5-D
Suối Tắm	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 34' 06"	104° 13' 18"	19° 36' 44"	104° 18' 44"	E-48-5-C
núi Thẩm Len	SV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 40' 38"	104° 17' 20"					E-48-5-D
Suối Tôm	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 35' 51"	104° 17' 35"	19° 36' 52"	104° 17' 44"	E-48-5-D
Suối Tụ	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 33' 14"	104° 16' 25"	19° 35' 37"	104° 20' 04"	E-48-5-D
Suối Tuộc	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 29' 16"	104° 30' 02"	19° 30' 28"	104° 31' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Vặt	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 37' 21"	104° 22' 39"	19° 35' 53"	104° 20' 23"	E-48-5-D
Suối Xá	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 39' 12"	104° 24' 57"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D
Suối Xang	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 41' 27"	104° 24' 28"	19° 37' 40"	104° 19' 00"	E-48-5-D
Suối Xăng	TV	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn			19° 38' 27"	104° 17' 41"	19° 38' 54"	104° 17' 49"	E-48-5-D
bản Xẳng Trên	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 38' 35"	104° 18' 51"					E-48-5-D
bản Xiềng Tắm	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 36' 38"	104° 18' 39"					E-48-5-D
bản Xốp Dương	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 41' 29"	104° 18' 32"					E-48-5-D
bản Xốp Tụ	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 35' 22"	104° 18' 38"					E-48-5-D
bản Yên Hoà	DC	xã Mỹ Lý	H. Kỳ Sơn	19° 37' 43"	104° 18' 57"					E-48-5-D
bản Đôi Boọng	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 30' 38"	104° 10' 40"					E-48-5-C
khe Huổi Hẻo	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 24"	104° 08' 39"	19° 32' 11"	104° 08' 16"	E-48-5-C
khe Huổi Hó	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 32' 52"	104° 10' 30"	19° 32' 26"	104° 10' 49"	E-48-5-C
khe Huổi Khạp	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 30' 56"	104° 10' 53"	19° 31' 42"	104° 09' 51"	E-48-5-C
khe Huổi Khúm	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 22"	104° 08' 57"	19° 31' 56"	104° 09' 57"	E-48-5-C
khe Huổi Lề	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 32' 34"	104° 15' 18"	19° 32' 38"	104° 12' 00"	E-48-5-C
bản Huổi Ngôi	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 30' 32"	104° 09' 59"					E-48-5-C
khe Huổi Ngôi	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 30' 36"	104° 10' 06"	19° 31' 27"	104° 10' 02"	E-48-5-C
bản Huổi Sàn	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 32' 44"	104° 12' 19"					E-48-5-C
khe Huổi ức	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 32' 45"	104° 14' 14"	19° 34' 06"	104° 13' 18"	E-48-5-C
Khe Linh	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 31' 42"	104° 09' 51"	19° 33' 30"	104° 12' 24"	E-48-5-C
bản Na Khướng	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 32' 01"	104° 08' 24"					E-48-5-C
bản Na Loi	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 31' 44"	104° 09' 34"					E-48-5-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Nậm Tắm	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 22"	104° 08' 57"	19° 31' 42"	104° 09' 51"	E-48-5-C
khe Pha Ne	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 30' 33"	104° 12' 57"	19° 31' 09"	104° 12' 59"	E-48-5-C
suối Phá Tá	TV	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn			19° 33' 30"	104° 12' 24"	19° 34' 47"	104° 13' 47"	E-48-5-C
bản Piêng Lau	DC	xã Na Loi	H. Kỳ Sơn	19° 32' 30"	104° 11' 07"					E-48-5-C
bản Buộc Mú 1	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 43"	104° 08' 04"					E-48-17-A
bản Buộc Mú 2	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 27"	104° 08' 00"					E-48-17-A
bản Ca Dưới	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 55"	104° 10' 21"					E-48-17-C
suối Ca Na	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 14' 19"	104° 05' 35"	19° 15' 51"	104° 09' 08"	E-48-17-A
suối Ca Nan	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 18' 49"	104° 13' 15"	19° 20' 33"	104° 16' 53"	E-48-17-A
bản Ca Nọi	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 50"	104° 11' 02"					E-48-17-C
suối Ca Nọi	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 13' 15"	104° 11' 09"	19° 15' 54"	104° 11' 00"	E-48-17-A
bản Ca Trên	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 35"	104° 10' 15"					E-48-17-C
suối Ca Trên	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 16' 49"	104° 10' 29"	19° 17' 28"	104° 11' 59"	E-48-17-A
núi Chống Tính	SV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 04"	104° 10' 40"					E-48-17-C
suối Cò Nằn	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 17' 35"	104° 06' 34"	19° 15' 45"	104° 07' 23"	E-48-17-A
Suối Hốc	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 17' 36"	104° 12' 11"	19° 18' 49"	104° 13' 15"	E-48-17-C
suối Huổi Cương	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 17' 58"	104° 09' 04"	19° 17' 28"	104° 11' 59"	E-48-17-A
suối Huổi Hốc	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 12' 33"	104° 08' 01"	19° 14' 48"	104° 08' 35"	E-48-17-A
suối Huổi Hừng	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 12' 11"	104° 09' 26"	19° 15' 58"	104° 09' 12"	E-48-17-A
suối Huổi Kinh	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 16' 19"	104° 08' 29"	19° 16' 03"	104° 09' 16"	E-48-17-A
suối Huổi Lâu	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 13' 54"	104° 06' 11"	19° 15' 41"	104° 07' 06"	E-48-17-A
bản Huổi Thum	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 18' 01"	104° 13' 05"					E-48-17-A
bản Huổi Xài	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 16"	104° 15' 49"					E-48-17-B
bản Kẹo Bắc	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 15"	104° 06' 12"					E-48-17-A
suối Khia Pa	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 15' 22"	104° 15' 51"	19° 14' 14"	104° 17' 10"	E-48-17-B
bản Na Cáng	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 09"	104° 12' 55"					E-48-17-A
bản Phù Khả 1	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 04"	104° 12' 47"					E-48-17-C
bản Phù Khả 2	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 43"	104° 12' 39"					E-48-17-C
núi Phủ Quặc	SV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 45"	104° 14' 31"					E-48-17-A
bản Phù Quặc 1	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 22"	104° 14' 19"					E-48-17-A
bản Phù Quặc 2	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 40"	104° 15' 12"					E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Phù Quặc 3	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 58"	104° 16' 04"					E-48-17-B
núi Pùng Mon	SV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 13' 01"	104° 09' 58"					E-48-17-C
bản Tằng Phăn	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 16' 06"	104° 09' 25"					E-48-17-A
Suối Tát	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 17' 59"	104° 06' 00"	19° 15' 48"	104° 06' 46"	E-48-17-A
bản Thăm Hón	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 17' 37"	104° 09' 22"					E-48-17-A
bản Tổng Khư	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 14' 22"	104° 10' 24"					E-48-17-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	16° 28' 51"	106° 54' 56"					30-B+DE-48-30- A
Suối Xai	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 16' 59"	104° 12' 25"	19° 17' 36"	104° 12' 11"	E-48-17-A
bản Xiềng Xí	DC	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn	19° 15' 51"	104° 08' 02"					E-48-17-A
suối Xiềng Xí	TV	xã Na Ngoi	H. Kỳ Sơn			19° 18' 04"	104° 07' 39"	19° 15' 16"	104° 08' 18"	E-48-17-A
bản Huổi Nhao	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 08"	104° 15' 39"					E-48-17-D, E-48-29-B
suối Khưu Pan	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 14' 58"	104° 13' 29"	19° 14' 14"	104° 17' 10"	E-48-17-A
Nậm Kiên	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 07' 38"	104° 13' 00"	19° 08' 59"	104° 16' 09"	E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Kiếp	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 08' 48"	104° 13' 34"	19° 08' 40"	104° 15' 35"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Lái Nọi	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 09' 46"	104° 18' 28"					E-48-17-D, E-48-29-B
bản Liên Sơn	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 42"	104° 15' 52"					E-48-17-D, E-48-29-B
Huổi Liềng	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 06' 53"	104° 18' 01"	19° 15' 12"	104° 18' 57"	E-48-17-D, E-48-29-B
Núi Lom	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 09' 09"	104° 13' 58"					E-48-17-C
Phu Luổng	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 06' 52"	104° 17' 51"					E-48-17-D, E-48-29-B
suối Nà Cà	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 11' 55"	104° 10' 56"	19° 11' 31"	104° 14' 16"	E-48-17-C
bản Nậm Càn	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 17"	104° 16' 02"					E-48-17-D, E-48-29-B
suối Nậm Càn	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 10' 52"	104° 11' 45"	19° 14' 05"	104° 16' 44"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Nậm Khiên 1	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 12' 02"	104° 17' 47"					E-48-17-D, E-48-29-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Nậm Khiên 2	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 11' 38"	104° 17' 43"					E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Niếc	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 07' 41"	104° 19' 12"	19° 12' 23"	104° 17' 44"	E-48-17-D, E-48-29-B
Nậm Pụng	TV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn			19° 13' 28"	104° 14' 31"	19° 14' 05"	104° 16' 44"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Púng Păng	SV	*xã Nậm Càn*	*H. Kỳ Sơn*	19° 13' 04"	104° 12' 28"					E-48-17-C
bản Sơn Thành	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 11' 27"	104° 16' 40"					E-48-17-D, E-48-29-B
bản Thăm Hin	DC	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 13' 51"	104° 14' 36"					E-48-17-C
núi Xang Linh	SV	xã Nậm Càn	H. Kỳ Sơn	19° 10' 11"	104° 13' 51"					E-48-17-C
quốc lộ 7	KX	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-A
khe Huổi Cáng	TV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 28' 07"	104° 05' 37"	19° 26' 50"	104° 07' 29"	E-48-17-A
khe Huổi Mẹt	TV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 30' 20"	104° 08' 18"	19° 32' 31"	104° 06' 29"	E-48-17-A
bản Huổi Pốc	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 57"	104° 08' 23"					E-48-17-A
khe Huổi Pốc	TV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 29' 08"	104° 07' 23"	19° 26' 50"	104° 07' 29"	E-48-17-A
khe Huổi Thăng	TV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 26' 50"	104° 07' 29"	19° 25' 28"	104° 09' 00"	E-48-17-A
bản Khánh Thành	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 26' 40"	104° 06' 41"					E-48-17-A
Suối Lội	TV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 26' 33"	104° 11' 07"	19° 24' 18"	104° 08' 25"	E-48-17-A
cầu Nậm Cắn	KX	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 14"	104° 05' 03"					E-48-17-A
suối Nậm Cắn	TV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 28' 51"	104° 05' 01"	19° 24' 59"	104° 04' 14"	E-48-17-A
Trạm Cửa khẩu Nậm Cắn	KX	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 20"	104° 05' 17"					E-48-17-A
bản Noọng Dẻ	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 25' 25"	104° 07' 40"					E-48-17-A
đèo Noọng Dẻ	SV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 26' 03"	104° 06' 41"					E-48-17-A
bản Pà Ca	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 26' 37"	104° 08' 22"					E-48-17-A
khe Pà Ca	TV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn			19° 26' 51"	104° 08' 27"	19° 26' 10"	104° 09' 41"	E-48-17-A
núi Pà Ca	SV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 27' 01"	104° 06' 18"					E-48-17-A
núi Pù Pọn	SV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 29' 27"	104° 06' 27"					E-48-17-A
núi Sa Kẹt	SV	*xã Nậm Cắn*	*H. Kỳ Sơn*	19° 27' 42"	104° 07' 10"					E-48-17-A
núi Thăm Mần	SV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 22"	104° 05' 54"					E-48-17-A
núi Thầu Tho	SV	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 27' 55"	104° 04' 52"					E-48-17-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Tiền Tiêu	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 28' 00"	104° 05' 26"					E-48-17-A
bản Trường Sơn	DC	xã Nậm Cắn	H. Kỳ Sơn	19° 27' 33"	104° 06' 07"					E-48-17-A
núi Cầu Thàn	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 28' 24"	104° 13' 44"					E-48-17-A
khe Chà Lúm	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn			19° 24' 40"	104° 10' 26"	19° 24' 58"	104° 08' 59"	E-48-17-A
núi Chà Lúm	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 24' 37"	104° 09' 52"					E-48-17-A
khe Huổi Ngu	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn			19° 28' 36"	104° 13' 21"	19° 26' 33"	104° 11' 07"	E-48-17-A
bản Huổi Nhúc	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 24' 25"	104° 10' 54"					E-48-17-A
núi Huổi Tang	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 46"	104° 14' 20"					E-48-17-A
núi Kẹo Lực	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 26' 51"	104° 13' 41"					E-48-17-A
bản Kẹo Lực 1	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 26' 39"	104° 13' 22"					E-48-17-A
bản Kẹo Lực 2	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 57"	104° 13' 26"					E-48-17-A
bản Kẹo Lực 3	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 12"	104° 12' 55"					E-48-17-A
bản Kim Đa	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 51"	104° 10' 23"					E-48-17-A
Suối Lội	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn			19° 26' 33"	104° 11' 07"	19° 24' 18"	104° 08' 25"	E-48-17-A
núi Noọng Xang	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 00"	104° 10' 34"					E-48-17-A
bản Phà Khảo	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	104° 11' 26"	104° 11' 26"					E-48-17-A
bản Phà Khốm	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 26' 01"	104° 12' 39"					E-48-17-A
bản Piêng Hòm	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 27' 02"	104° 11' 18"					E-48-17-A
bản Piêng Phô	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 04"	104° 09' 01"					E-48-17-A
Khe Thạng	TV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn			19° 26' 40"	104° 13' 02"	19° 23' 31"	104° 12' 55"	E-48-17-A
Bản Xắn	DC	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 25' 42"	104° 13' 37"					E-48-17-A
núi Xòi Voi	SV	xã Phà Đánh	H. Kỳ Sơn	19° 29' 12"	104° 11' 59"					E-48-17-A
quốc lộ 7	KX	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-A
bản Bình Sơn 1	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 36"	104° 07' 30"					E-48-17-A
bản Bình Sơn 2	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 23' 48"	104° 06' 45"					E-48-17-A
huổi Cà Chệch	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 22' 11"	104° 03' 32"	19° 24' 48"	104° 04' 03"	E-48-17-A
huổi Cà Nhăn	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 18"	104° 05' 30"	19° 23' 42"	104° 06' 48"	E-48-17-A
huổi Cà Nhắp	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 20' 00"	104° 03' 11"	19° 23' 42"	104° 06' 48"	E-48-17-A
Bản Cánh	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 48"	104° 06' 47"					E-48-17-A
bản Cầu Tám	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 18"	104° 08' 16"					E-48-17-A
núi Chà Lúm	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 37"	104° 09' 52"					E-48-17-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Huổi Giảng	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 21' 43"	104° 07' 41"	19° 24' 08"	104° 08' 35"	E-48-17-A
Huổi Hiên	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 23' 01"	104° 03' 59"	19° 24' 58"	104° 04' 13"	E-48-17-A
bản Hoà Sơn	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 23' 56"	104° 08' 31"					E-48-17-A
Huổi Hoay	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 22' 43"	104° 04' 45"	19° 24' 02"	104° 05' 35"	E-48-17-A
Suối Lội	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 26' 33"	104° 11' 07"	19° 24' 18"	104° 08' 25"	E-48-17-A
Núi Mo	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 27"	104° 03' 50"					E-48-17-A
Huổi Mộ	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 23' 33"	104° 04' 53"	19° 24' 12"	104° 05' 06"	E-48-17-A
Nậm Mộ	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-A
núi Mú Nạu	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 51"	104° 02' 24"					E-48-17-A
bản Na Nhu	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 25' 27"	104° 02' 48"					E-48-17-A
bản Nhãn Cù	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 02"	104° 05' 29"					E-48-17-A
bản Nhãn Lỳ	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 52"	104° 04' 10"					E-48-17-A
Huổi Nhu	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 21' 46"	104° 00' 26"	19° 24' 19"	104° 02' 32"	E-48-17-A
núi Sao Lo	SV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 22' 13"	104° 07' 18"					E-48-17-A
bản Sơn Hà	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 23' 36"	104° 08' 39"					E-48-17-A
bản Sơn Thành	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 24' 48"	104° 08' 34"					E-48-17-A
bản Xa Vang	DC	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn	19° 25' 25"	104° 02' 57"					E-48-17-A
suối Xa Vang	TV	xã Tà Cạ	H. Kỳ Sơn			19° 34' 49"	104° 33' 18"	19° 34' 09"	104° 33' 58"	E-48-6-A, E-48-6-C
núi Ca Nhăn	SV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 22' 20"	104° 05' 44"					E-48-17-A
suối Cá Nhăn	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 18' 18"	104° 05' 30"	19° 23' 42"	104° 06' 48"	E-48-17-A
suối Cà Nhắp	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 20' 00"	104° 03' 11"	19° 23' 42"	104° 06' 48"	E-48-17-A
Suối Coóc	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 18' 26"	104° 06' 56"	19° 21' 04"	104° 06' 10"	E-48-17-A
bản Đống Dưới	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 21' 45"	104° 03' 50"					E-48-17-A
bản Đống Trên	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 21' 30"	104° 03' 33"					E-48-17-A
Huổi Hiên	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 23' 01"	104° 03' 59"	19° 24' 58"	104° 04' 13"	E-48-17-A
Suối Huay	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 22' 43"	104° 04' 45"	19° 24' 02"	104° 05' 35"	E-48-17-A
bản Huổi Giảng 1	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 20"	104° 07' 48"					E-48-17-A
bản Huổi Giảng 2	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 18"	104° 07' 37"					E-48-17-A
bản Huổi Giảng 3	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 37"	104° 07' 13"					E-48-17-A
núi Huổi Hiên	SV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 20' 41"	104° 06' 54"					E-48-17-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Lữ Thành	DC	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 21' 30"	104° 05' 03"					E-48-17-A
Suối Nhạn Lý	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 22' 11"	104° 03' 32"	19° 24' 48"	104° 04' 03"	E-48-17-A
Suối Nhi	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 20' 17"	104° 00' 27"	19° 21' 46"	104° 00' 26"	E-48-17-A
Huổi Nhiêu	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 21' 46"	104° 00' 26"	19° 24' 19"	104° 02' 32"	E-48-17-A
Suối Nhu	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 19' 45"	104° 02' 57"	19° 20' 17"	104° 00' 27"	E-48-17-A
Suối Pa	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Nậm Phiếu	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 19' 54"	104° 08' 02"	19° 21' 43"	104° 07' 41"	E-48-17-A
núi Sao Lo	SV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn	19° 22' 13"	104° 07' 18"					E-48-17-A
Suối Tì	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 21' 07"	104° 08' 37"	19° 23' 36"	104° 10' 20"	E-48-17-A
suối Xa Vang	TV	xã Tây Sơn	H. Kỳ Sơn			19° 34' 49"	104° 33' 18"	19° 34' 09"	104° 33' 58"	E-48-6-A, E-48-6-C
quốc lộ 15	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
đường tỉnh 542	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
khối Ba Hà	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 04"	105° 30' 28"					E-48-32-C-a
khối Đan Nhiệm	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 50"	105° 30' 16"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
Sông Lam	TV	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
khối Lam Sơn	*DC*	*TT. Nam Đàn*	*H. Nam Đàn*	*18° 42' 19"*	*105° 29' 23"*					*E-48-31-D*
khối Mai Hắc Đế	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 10"	105° 29' 29"					E-48-31-D
cầu Nam Đàn	KX	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 29' 37"					E-48-31-D
khối Phan Bội Châu	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 53"	105° 30' 01"					E-48-32-C-a
khối Quang Trung	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 54"	105° 30' 20"					E-48-32-C-a
khối Sa Nam	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 03"	105° 29' 33"					E-48-31-D
khối Tây Hồ	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 46"	105° 30' 09"					E-48-32-C-a
khối Xuân Khoa	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 42' 01"	105° 29' 42"					E-48-31-D
khối Yên Khánh	DC	TT. Nam Đàn	H. Nam Đàn	18° 41' 53"	105° 29' 50"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 59"	105° 31' 20"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 54"	105° 31' 41"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 47"	105° 31' 26"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 39"	105° 31' 26"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 35"	105° 31' 34"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 23"	105° 31' 33"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 31' 33"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 02"	105° 31' 40"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 38' 55"	105° 31' 48"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 38' 49"	105° 31' 45"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 38' 40"	105° 31' 58"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 01"	105° 32' 28"					E-48-32-C-a
xóm 13	DC	xã Hồng Long	H. Nam Đàn	18° 39' 05"	105° 32' 17"					E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Hồng Long	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Hồng Long	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a
xóm Bình Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 47"	105° 31' 35"					E-48-32-C-a
xóm Đông Anh	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 19"	105° 31' 57"					E-48-32-C-a
xóm Đông Lĩnh	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 19"	105° 32' 22"					E-48-32-C-a
xóm Đông Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 42"	105° 32' 14"					E-48-32-C-a
xóm Đồng Trung	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 40"	105° 31' 05"					E-48-32-C-a
xóm Đồng Văn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 54"	105° 31' 00"					E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
xóm Liên Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 15"	105° 31' 53"					E-48-32-C-a
xóm Nam Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 10"	105° 32' 16"					E-48-32-C-a
xóm Phúc Chỉ	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 53"	105° 31' 25"					E-48-32-C-a
xóm Quyết Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 25"	105° 31' 49"					E-48-32-C-a
xóm Tân Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 06"	105° 31' 50"					E-48-32-C-a
xóm Tăng Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 22"	105° 31' 57"					E-48-32-C-a
xóm Tiền Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 29"	105° 31' 39"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Trang Thọ	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 42"	105° 31' 53"					E-48-32-C-a
xóm Trung Chính	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 35"	105° 31' 59"					E-48-32-C-a
xóm Trường Cửu	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 19"	105° 31' 15"					E-48-32-C-a
xóm Trường Sơn	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 10"	105° 32' 24"					E-48-32-C-a
xóm Trường Tiến	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 41' 11"	105° 32' 12"					E-48-32-C-a
xóm Xuân Lâm	DC	xã Hùng Tiến	H. Nam Đàn	18° 40' 37"	105° 31' 20"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-32-C-c
xóm 1 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 38' 15"	105° 30' 59"					E-48-32-C-a
xóm 1 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 03"	105° 33' 00"					E-48-32-C-c
xóm 2 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 01"	105° 33' 05"					E-48-32-C-c
xóm 3 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 28"	105° 30' 39"					E-48-32-C-c
xóm 3 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 56"	105° 33' 07"					E-48-32-C-c
xóm 4 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 14"	105° 31' 28"					E-48-32-C-c
xóm 4 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 00"	105° 33' 12"					E-48-32-C-c
xóm 5 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 57"	105° 31' 44"					E-48-32-C-c
xóm 5 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 59"	105° 33' 19"					E-48-32-C-c
xóm 6 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 55"	105° 32' 06"					E-48-32-C-c
xóm 6 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 58"	105° 33' 25"					E-48-32-C-c
xóm 7 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 47"	105° 32' 19"					E-48-32-C-c
xóm 7 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 56"	105° 33' 35"					E-48-32-C-c
xóm 8 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 19"	105° 32' 29"					E-48-32-C-c
xóm 8 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 55"	105° 33' 43"					E-48-32-C-c
xóm 9 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 12"	105° 32' 39"					E-48-32-C-c
xóm 9 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 53"	105° 33' 51"					E-48-32-C-c
xóm 10 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 08"	105° 32' 41"					E-48-32-C-c
xóm 10 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 09"	105° 33' 11"					E-48-32-C-c
xóm 11 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 06"	105° 32' 46"					E-48-32-C-c
xóm 11 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 59"	105° 32' 53"					E-48-32-C-c
xóm 12 Khánh Sơn 1	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 02"	105° 32' 51"					E-48-32-C-c
xóm 12 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 54"	105° 32' 34"					E-48-32-C-c
xóm 13 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 53"	105° 32' 10"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu *mảnh bản đồ địa hình*
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 14 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 15"	105° 32' 04"					E-48-32-C-c
xóm 15 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 42"	105° 31' 40"					E-48-32-C-c
xóm 16 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 07"	105° 31' 26"					E-48-32-C-c
xóm 17 Khánh Sơn 2	DC	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 24"	105° 33' 17"					E-48-32-C-c
Hồ Chuối	TV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 19"	105° 31' 05"					E-48-32-C-c
Khe Chuối	TV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn			18° 37' 12"	105° 30' 04"	18° 37' 14"	105° 30' 16"	E-48-32-C-c
Núi Dề	SV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 06"	105° 32' 36"					E-48-32-C-c
núi Động Trèo	SV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 42"	105° 30' 57"					E-48-32-C-c
núi Giao Toạ	SV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 57"	105° 31' 52"					E-48-32-C-c
Núi Hốc	SV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 38"	105° 33' 41"					E-48-32-C-c
núi Khe Sâu	SV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 35' 54"	105° 31' 08"					E-48-32-C-c
Sông Lam	TV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a, E-48-32-C-c
núi Thung Môn	SV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 37' 57"	105° 30' 03"					E-48-32-C-c
Núi Trét	SV	xã Khánh Sơn	H. Nam Đàn	18° 36' 35"	105° 30' 15"					E-48-32-C-c
quốc lộ 46	KX	xã Kim Liên	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 539	KX	xã Kim Liên	H. Nam Đàn			18° 40' 24'	105° 35' 20"	18° 40' 51"	105° 34' 09"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 540	KX	xã Kim Liên	H. Nam Đàn			18° 41' 04"	105° 33' 45"	18° 40' 18"	105° 33' 26"	E-48-32-C-a
Núi Chung	SV	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 39' 53"	105° 33' 58"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Kim Liên	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm Đồng 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 24"	105° 35' 02"					E-48-32-C-a
xóm Đồng 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 18"	105° 34' 47"					E-48-32-C-a
xóm Hoàng Trù 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 39"	105° 34' 03"					E-48-32-C-a
xóm Hoàng Trù 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 35"	105° 33' 50"					E-48-32-C-a
xóm Hội 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 06"	105° 34' 37"					E-48-32-C-a
xóm Hội 3	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 08"	105° 34' 27"					E-48-32-C-a
xóm Hội 4	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 08"	105° 34' 20"					E-48-32-C-a
xóm Hồng Sơn 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 39' 43"	105° 33' 55"					E-48-32-C-a
xóm Hồng Sơn 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 39' 35"	105° 33' 48"					E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Kim Liên	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
xóm Liên Hồng 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 23"	105° 33' 10"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Liên Hồng 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 15"	105° 33' 17"					E-48-32-C-a
xóm Liên Minh	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 20"	105° 34' 21"					E-48-32-C-a
xóm Liên Sơn 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 08"	105° 33' 23"					E-48-32-C-a
xóm Liên Sơn 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 39' 58"	105° 33' 23"					E-48-32-C-a
xóm Mậu 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 41' 06"	105° 33' 37"					E-48-32-C-a
xóm Mậu 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 56"	105° 33' 58"					E-48-32-C-a
xóm Mậu 3	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 41' 06"	105° 33' 53"					E-48-32-C-a
xóm Mậu 4	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 41' 17"	105° 33' 59"					E-48-32-C-a
xóm Mậu 5	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 41' 06"	105° 34' 26"					E-48-32-C-a
xóm Mậu 6	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 41' 30"	105° 34' 09"					E-48-32-C-a
xóm Sen 1	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 41' 04"	105° 33' 13"					E-48-32-C-a
xóm Sen 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 50"	105° 33' 13"					E-48-32-C-a
xóm Sen 3	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 39"	105° 33' 14"					E-48-32-C-a
xóm Sen 4	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 40' 36"	105° 32' 57"					E-48-32-C-a
xóm Vân Hội 2	DC	xã Kim Liên	H. Nam Đàn	18° 39' 59"	105° 34' 33"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 42' 43"	105° 31' 16"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 42' 51"	105° 31' 27"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 42' 54"	105° 31' 40"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 42' 39"	105° 31' 40"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 44' 35"	105° 32' 02"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 44' 44"	105° 31' 52"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 44' 57"	105° 31' 31"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 44' 56"	105° 31' 16"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Anh	H. Nam Đàn	18° 44' 55"	105° 30' 50"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Anh	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
dãy núi Đại Huệ	SV	xã Nam Anh	H. Nam Đàn			18° 45' 57"	105° 30' 34"	18° 45' 19"	105° 32' 32"	E-48-32-C-c
xóm Bói Lợi	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 06"	105° 35' 35"					E-48-32-C-a
xóm Đa Cát	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 04"	105° 35' 48"					E-48-32-C-a
xóm Đại Thăng	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 15"	105° 35' 46"					E-48-32-C-a
xóm Đồng Chăm	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 34"	105° 35' 15"					E-48-32-C-a
xóm Đồng Quan	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 27"	105° 35' 40"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hoà Hội	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 21"	105° 34' 59"					E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Nam Cát	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
xóm Mỹ Thiện	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 08"	105° 36' 05"					E-48-32-C-a
xóm Phú Nhuận	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 54"	105° 34' 47"					E-48-32-C-a
xóm Quý Đức	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 35' 39"					E-48-32-C-a
xóm Thọ Mới	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 39' 09"	105° 34' 56"					E-48-32-C-a
xóm Thuận Mỹ	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 39"	105° 35' 04"					E-48-32-C-a
xóm Trung Lang	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 40"	105° 35' 32"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 36' 00"	105° 35' 19"					E-48-32-C-c
xóm 2	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 50"	105° 35' 27"					E-48-32-C-c
xóm 3A	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 36' 05"	105° 35' 35"					E-48-32-C-c
xóm 3B	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 59"	105° 35' 38"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 36' 00"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 22"	105° 36' 09"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 36' 08"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 57"	105° 36' 11"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 49"	105° 36' 07"					E-48-32-C-c
xóm 9	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 07"	105° 35' 38"					E-48-32-C-c
xóm 10	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 38"	105° 35' 41"					E-48-32-C-c
Sông Lam	TV	xã Nam Cường	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c
cầu Yên Xuân	KX	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 49"	105° 36' 45"					E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 06"	105° 35' 03"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 01"	105° 35' 12"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 03"	105° 35' 22"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 56"	105° 35' 18"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 51"	105° 35' 29"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 05"	105° 35' 31"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 58"	105° 36' 05"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 26"	105° 35' 31"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 20"	105° 35' 26"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 35' 03"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 11	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 34' 44"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 45"	105° 36' 07"					E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 539	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 40' 24'	105° 35' 20"	18° 40' 51"	105° 34' 09"	E-48-32-C-a
mộ Bà Hoàng Thị Loan	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 32"	105° 34' 56"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
Núi Mượu	SV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 21"	105° 36' 13"					E-48-32-C-a
hồ Rú Dơi	TV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 35' 40"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-d, E-48-31-D
xóm Ba Hai	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 32"	105° 26' 09"					E-48-31-B-d
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 01"	105° 25' 18"					E-48-31-B-d
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 08"	105° 24' 55"					E-48-31-B-d
núi Đá Đen	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 57"	105° 24' 15"					E-48-31-B-d
xóm Đình Long 1	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 31"	105° 24' 51"					E-48-31-B-d
xóm Đình Long 2	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 45"	105° 24' 56"					E-48-31-B-d
núi Động Cáo	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 47' 41"	105° 25' 33"					E-48-31-B-d
xóm Hồng Lam	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 03"	105° 26' 02"					E-48-31-B-d
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 44' 49"	105° 25' 42"					E-48-31-B-d
xóm Hưng Thành	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 11"	105° 26' 36"					E-48-31-B-d
xóm Lam Sơn	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 36"	105° 25' 24"					E-48-31-B-d
núi Thần Tuy	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 51"	105° 27' 12"					E-48-31-D
xóm Tiền Phong	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 10"	105° 25' 28"					E-48-31-B-d
đập Trang Đen	TV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 02"	105° 25' 31"					E-48-31-B-d
quốc lộ 15	KX	xã Nam Kim	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-32-C-c
xóm Đa Lộc	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 11"	105° 33' 08"					E-48-32-C-c
xóm Đặc Sản	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 34"	105° 32' 58"					E-48-32-C-c
Núi Dải	SV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 43"	105° 32' 59"					E-48-32-C-c
Hói Dông	TV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"	E-48-32-C-c
xóm Động Dài	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 41"	105° 33' 02"					E-48-32-C-c
xóm Động Táng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 03"	105° 32' 31"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Eo Vòng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 45"	105° 32' 00"					E-48-32-C-c
xóm Hạ Truy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 27"	105° 35' 01"					E-48-32-C-c
xóm Hậu Láng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 26"	105° 34' 39"					E-48-32-C-c
Xóm Hủng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 51"	105° 33' 05"					E-48-32-C-c
xóm Hưng Mỏ	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 38"	105° 32' 41"					E-48-32-C-c
xóm Khe Cao	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 17"	105° 31' 42"					E-48-32-C-c
xóm Khe Lau	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 10"	105° 31' 55"					E-48-32-C-c
xóm Khe Nước	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 11"	105° 33' 12"					E-48-32-C-c
xóm Mãnh San	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 19"	105° 33' 04"					E-48-32-C-c
Làng Mới	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 24"	105° 32' 25"					E-48-32-C-c
xóm Môn Định	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 52"	105° 32' 08"					E-48-32-C-c
xóm Nhà Hiếu	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 32' 51"					E-48-32-C-c
xóm Tam Giáp	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 41"	105° 34' 23"					E-48-32-C-c
Hồ Thành	TV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 27"	105° 32' 15"					E-48-32-C-c
xóm Thung Huyện	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 53"	105° 33' 03"					E-48-32-C-c
xóm Thượng Truy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 33"	105° 34' 47"					E-48-32-C-c
xóm Tiền Láng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 16"	105° 34' 36"					E-48-32-C-c
xóm Trang Nậy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 22"	105° 32' 50"					E-48-32-C-c
xóm Yên Mã	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 43"	105° 33' 41"					E-48-32-C-c
xóm Yên Vịnh	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 20"	105° 33' 21"					E-48-32-C-c
xóm Yên Vực	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 52"	105° 33' 25"					E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 31"	105° 32' 31"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 51"	105° 32' 18"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 58"	105° 32' 05"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 03"	105° 32' 22"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 55"	105° 32' 30"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 00"	105° 32' 46"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 52"	105° 33' 01"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 51"	105° 33' 18"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 14"	105° 34' 19"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 37"	105° 34' 27"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 11	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 56"	105° 34' 05"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 43' 10"	105° 33' 57"					E-48-32-C-a
xóm 13	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 45"	105° 33' 46"					E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 539	KX	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 40' 24'	105° 35' 20"	18° 40' 51"	105° 34' 09"	E-48-32-C-a
núi Đại Huệ	SV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 43' 21"	105° 34' 40"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 30"	105° 29' 36"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 16"	105° 29' 47"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 00"	105° 29' 49"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 49"	105° 29' 44"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 43"	105° 29' 50"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 19"	105° 29' 56"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 29' 43"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 09"	105° 30' 05"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 01"	105° 30' 19"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 38' 38"	105° 30' 26"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D, E-48-32-C-a
đường tỉnh 533	KX	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D, E-48-32-C-a
Làng Chài	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 38"	105° 29' 55"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 16"	105° 27' 15"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 09"	105° 27' 24"					E-48-31-B-d
xóm 3	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 47"	105° 27' 01"					E-48-31-B-d
xóm 4	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 27' 22"					E-48-31-B-d
xóm 5	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 42"	105° 27' 42"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 51"	105° 27' 50"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 45"	105° 28' 12"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 58"	105° 28' 26"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 32"	105° 27' 55"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 38"	105° 27' 38"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 16"	105° 27' 34"					E-48-31-B-d
quốc lộ 15	KX	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-d, E-48-31-D
Suối Cam	TV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn			18° 45' 40"	105° 27' 15"	18° 44' 21"	105° 29' 08"	E-48-31-B-d
đập Cửa Ông	TV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 40"	105° 27' 15"					E-48-31-B-d
núi Thần Tuy	SV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 46' 51"	105° 27' 12"					E-48-31-B-d
xóm 1	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 22"	105° 34' 25"					E-48-32-C-c
xóm 2	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 34' 54"					E-48-32-C-c
xóm 3	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 35' 09"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 23"	105° 35' 10"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 16"	105° 34' 56"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 34' 56"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 14"	105° 35' 09"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 35' 11"					E-48-32-C-c
Hói Dông	TV	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"	E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 21"	105° 28' 21"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 02"	105° 28' 29"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 15"	105° 28' 39"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 09"	105° 29' 03"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 53"	105° 28' 59"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 41"	105° 29' 05"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 38"	105° 29' 13"					E-48-31-D
quốc lộ 15	KX	xã Nam Tân	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
núi Động Chúa	SV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 39' 51"	105° 28' 01"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D, E-48-32-C-a
cầu Nam Đàn	KX	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 29' 37"					E-48-31-D
Núi Voi	SV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 09"	105° 28' 53"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 10"	105° 26' 40"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 13"	105° 26' 57"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 42' 59"	105° 27' 14"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 02"	105° 27' 34"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 41"	105° 27' 15"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 42"	105° 26' 55"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 44' 01"	105° 26' 32"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 42' 35"	105° 27' 30"					E-48-31-D
quốc lộ 15	KX	xã Nam Thái	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Nam Thái	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Nam Thái	H. Nam Đàn			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
xóm 1A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 17"	105° 30' 12"					E-48-32-C-a
xóm 1B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 49"	105° 30' 22"					E-48-32-C-a
xóm 2A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 08"	105° 30' 05"					E-48-32-C-a
xóm 2B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 37"	105° 30' 20"					E-48-32-C-a
xóm 3A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 15"	105° 29' 57"					E-48-32-C-a
xóm 3B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 59"	105° 30' 18"					E-48-32-C-a
xóm 4A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 28"	105° 30' 04"					E-48-31-D
xóm 4B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 18"	105° 30' 06"					E-48-31-D
xóm 5A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 34"	105° 29' 53"					E-48-31-D
xóm 5B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 29' 45"					E-48-31-D
xóm 6A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 46"	105° 29' 13"					E-48-31-D
xóm 6B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 36"	105° 29' 46"					E-48-31-D
xóm 7A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 47"	105° 29' 53"					E-48-32-C-a
xóm 7B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 53"	105° 29' 25"					E-48-31-D
xóm 8B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 45"	105° 29' 33"					E-48-31-D
xóm 9B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 35"	105° 29' 07"					E-48-31-B-d
xóm 10B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 42"	105° 28' 54"					E-48-31-B-d
Suối Cam	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn			18° 45' 40"	105° 27' 15"	18° 44' 21"	105° 29' 08"	E-48-31-B-d
núi Cồn Túi	SV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 08"	105° 28' 36"					E-48-31-D
đập Đá Hàn	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 53"	105° 28' 46"					E-48-31-B-d
núi Đá Mài	SV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 46' 01"	105° 29' 24"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đập Hưng Cốc	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 30' 37"					E-48-32-C-a
đập Rào Băng	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 02"	105° 29' 56"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 08"	105° 26' 35"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 00"	105° 26' 48"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 40' 56"	105° 27' 09"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 12"	105° 27' 51"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 34"	105° 28' 01"					E-48-31-D
Núi Đụn	SV	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 42' 07"	105° 28' 04"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 51"	105° 34' 04"					E-48-32-C-c
xóm 2	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 39"	105° 33' 59"					E-48-32-C-c
xóm 3	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 42"	105° 34' 13"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 41"	105° 34' 25"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 44"	105° 34' 34"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 36"	105° 34' 41"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 22"	105° 34' 27"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 21"	105° 34' 39"					E-48-32-C-c
xóm 9	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 35' 56"	105° 34' 41"					E-48-32-C-c
xóm 10	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 07"	105° 34' 48"					E-48-32-C-c
xóm 11	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 22"	105° 34' 56"					E-48-32-C-c
xóm 12	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 27"	105° 35' 03"					E-48-32-C-c
xóm 13	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 19"	105° 35' 12"					E-48-32-C-c
xóm 14	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 13"	105° 35' 16"					E-48-32-C-c
Hói Dông	TV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"	E-48-32-C-c
Núi Hốc	SV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 38"	105° 33' 41"					E-48-32-C-c
Sông Lam	TV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 44"	105° 31' 55"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 38"	105° 32' 10"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 48"	105° 32' 21"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 37"	105° 32' 28"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 16"	105° 32' 40"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 6	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 17"	105° 32' 53"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 05"	105° 33' 07"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 41"	105° 32' 58"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 36"	105° 33' 16"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 34"	105° 33' 32"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 11"	105° 33' 15"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 00"	105° 33' 17"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
dãy núi Đại Huệ	SV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn			18° 45' 57"	105° 30' 34"	18° 45' 19"	105° 32' 32"	E-48-32-C-c
núi Hùng Vĩ	SV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 32"	105° 33' 24"					E-48-32-C-a
đập Khe Đình	TV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 55"	105° 32' 59"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
xóm Bắc Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 22"	105° 29' 47"					E-48-31-D
xóm Bắc Thung	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 00"	105° 29' 03"					E-48-31-D
núi Cồn Túi	SV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 44' 08"	105° 28' 36"					E-48-31-D
Sông Đào	TV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm Đông Tiến	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 55"	105° 30' 19"					E-48-31-D
Núi Đụn	SV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 07"	105° 28' 04"					E-48-31-D
xóm Đụn Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 23"	105° 28' 38"					E-48-31-D
xóm Hà Long	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 21"	105° 29' 15"					E-48-31-D
xóm Hồ Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 18"	105° 28' 48"					E-48-31-D
xóm Hùng Lĩnh	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 31"	105° 28' 23"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm Nam Bình	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 29"	105° 29' 49"					E-48-31-D
xóm Nam Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 09"	105° 29' 45"					E-48-31-D
xóm Nam Thung	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 49"	105° 28' 50"					E-48-31-D
xóm Nhật Đông	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 23"	105° 30' 27"					E-48-31-D
xóm Nhật Quang	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 20"	105° 30' 02"					E-48-31-D
xóm Quy Chính 1	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 52"	105° 29' 46"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu *mảnh bản đồ địa hình*
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Quy Chính 2	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 48"	105° 29' 53"					E-48-31-D
xóm Sư Phạm	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 37"	105° 29' 01"					E-48-31-D
Núi Thung	SV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 49"	105° 29' 01"					E-48-31-D
xóm Trung Đông	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 35"	105° 29' 51"					E-48-31-D
xóm Trường Long	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 58"	105° 28' 28"					E-48-31-D
xóm Vạn An	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 08"	105° 29' 50"					E-48-31-D
xóm Vệ Nông	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 54"	105° 28' 53"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 27"	105° 30' 43"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 21"	105° 30' 52"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 39"	105° 31' 11"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 31' 06"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 59"	105° 31' 19"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 06"	105° 31' 13"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 31' 15"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 25"	105° 31' 18"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 21"	105° 31' 32"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 31' 30"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 31' 41"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn	18° 41' 54"	105° 31' 16"					E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Xuân Hoà	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 27"	105° 31' 57"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 24"	105° 32' 01"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 24"	105° 32' 10"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 26"	105° 32' 21"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 28"	105° 32' 28"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 29"	105° 32' 42"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 25"	105° 32' 48"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 25"	105° 32' 59"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 18"	105° 33' 07"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 12"	105° 33' 16"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 06"	105° 33' 23"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 14"	105° 33' 26"					E-48-32-C-a
xóm 13	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 15"	105° 33' 20"					E-48-32-C-a
xóm 14	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 17"	105° 33' 32"					E-48-32-C-a
xóm 15	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 23"	105° 33' 19"					E-48-32-C-a
xóm 16	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 33"	105° 33' 08"					E-48-32-C-a
xóm 17	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 26"	105° 33' 10"					E-48-32-C-a
xóm 18	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 20"	105° 33' 19"					E-48-32-C-a
xóm 19	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 27"	105° 33' 24"					E-48-32-C-a
xóm 20	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 33"	105° 33' 26"					E-48-32-C-a
xóm 21	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 04"	105° 33' 34"					E-48-32-C-a
xóm 22	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 11"	105° 33' 44"					E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
quốc lộ 1	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
xóm Kim Liên	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 38' 26"					E-48-32-A-d
ga Quán Hành	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 1	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 38' 34"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 2	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 15"	105° 38' 27"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 3	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 02"	105° 38' 28"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 4	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 28"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 5	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 26"	105° 38' 28"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 6	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 38' 26"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 7	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 49"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 8	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 36"	105° 37' 57"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 9	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 39"	105° 38' 45"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 03"	105° 32' 09"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 48"	105° 32' 44"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 41"	105° 32' 51"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 49"	105° 33' 02"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 33' 08"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 33' 14"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 33' 29"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 33' 44"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 34"	105° 33' 59"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 31"	105° 34' 13"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 24"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 34' 29"					E-48-32-A-c
Núi Công	SV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 12"					E-48-32-A-c
Núi Dài	SV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 31' 17"					E-48-32-A-c
hồ Nghi Công	TV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 29"	105° 32' 21"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 10"	105° 34' 06"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 45' 50"	105° 33' 39"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 48"	105° 33' 24"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 58"	105° 33' 36"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 08"	105° 33' 40"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 06"	105° 33' 23"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 33' 43"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 33' 56"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 02"	105° 34' 09"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 07"	105° 34' 22"					E-48-32-A-c
Núi Công	SV	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 12"					E-48-32-A-c
hố Khe Thị	TV	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 19"	105° 32' 41"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 45' 52"	105° 37' 31"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 45' 59"	105° 37' 26"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 09"	105° 37' 21"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 20"	105° 37' 27"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 31"	105° 37' 26"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 6	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 46"	105° 37' 21"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 10"	105° 37' 31"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 11"	105° 37' 09"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 08"	105° 36' 57"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 43"	105° 37' 15"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 33"	105° 37' 15"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 18"	105° 37' 19"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 05"	105° 37' 20"					E-48-32-A-c
sông Chợ Cầu	TV	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"	E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 36' 23"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 36' 16"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 46"	105° 35' 57"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 54"	105° 35' 51"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 53"	105° 34' 59"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 19"	105° 35' 20"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 16"	105° 35' 43"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 36' 12"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 03"	105° 36' 31"					E-48-32-A-c
Sông Cấm	TV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c
Núi Chờ	SV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"					E-48-32-A-c
Núi Khê	SV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 36' 43"					E-48-32-A-c
đập Ô Ô	TV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 19"	105° 35' 28"					E-48-32-A-c
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-c
kênh 17	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"	E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Sông Cấm	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
xóm Chợ Quán	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 59"	105° 37' 37"					E-48-32-A-c
xóm Đức Thành	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 37' 23"					E-48-32-A-c
xóm Hậu Hoà	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 37' 11"					E-48-32-A-c
xóm Hoa Bắc	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 38' 26"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hoa Đông	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 47"	105° 38' 37"					E-48-32-A-d
xóm Hoa Nam	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 46"	105° 38' 24"					E-48-32-A-d
xóm Hoa Tây	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 01"	105° 37' 49"					E-48-32-A-d
xóm Hoa Trung	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 55"	105° 38' 24"					E-48-32-A-c
xóm Ngọc Đường	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 37' 22"					E-48-32-A-c
cầu Phương Tích	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 36' 46"					E-48-32-A-c
sông Phương Tích	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"	E-48-32-A-c
xóm Thượng Thọ	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 02"	105° 37' 21"					E-48-32-A-c
xóm Trung Thành	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 52"	105° 37' 13"					E-48-32-A-c
xóm Vận Tải	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 09"	105° 37' 17"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 41' 36"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 06"	105° 41' 29"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 41' 28"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 46"	105° 41' 38"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 46"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 41' 24"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 32"	105° 41' 23"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 25"	105° 41' 13"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 37"	105° 40' 58"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 27"	105° 40' 52"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 41' 57"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-32-A-d
Núi Hang	SV	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
cầu Nghi Xá	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 41' 08"					E-48-32-A-d
Núi Thông	SV	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	19° 19' 25"	104° 10' 59"					E-48-17-A
xóm 1	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 11"	105° 37' 42"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 37' 12"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 49' 19"	105° 37' 05"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 28"	105° 35' 53"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 36' 37"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 6	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 40"	105° 36' 11"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 53"	105° 36' 06"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 51"	105° 36' 20"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 49"	105° 36' 42"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 49"	105° 36' 52"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 52"	105° 37' 03"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 45"	105° 37' 10"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 48"	105° 37' 18"					E-48-32-A-c
xóm 14	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 37' 20"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 37' 36"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
núi Thần Vũ	SV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 52' 02"	105° 35' 42"					E-48-32-A-c
đèo Truông Sắt	SV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 51' 09"	105° 37' 19"					E-48-32-A-c
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
Núi Hang	SV	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Đền	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 30"	105° 42' 15"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Đông	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 42' 13"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Nghĩa	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 20"	105° 41' 37"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Sơn	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 41' 48"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Tân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 11"	105° 41' 44"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Thịnh	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 45"	105° 42' 08"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Tiến	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 28"	105° 41' 58"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Trung	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 38"	105° 42' 16"					E-48-32-A-d
xóm Long Chùa	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 41' 25"					E-48-32-A-d
xóm Long Đông	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 41' 16"					E-48-32-A-d
xóm Long Đồng	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 50"	105° 41' 19"					E-48-32-A-d
xóm Long Nam	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d
xóm Long Tân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 34"	105° 41' 37"					E-48-32-A-d
xóm Long Thi	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 26"	105° 41' 28"					E-48-32-A-d
xóm Long Xuân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 54"	105° 41' 39"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 30' 37"					E-48-32-A-c
xóm 1B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 30' 39"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 41"	105° 30' 17"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 46"	105° 30' 04"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 20"	105° 30' 22"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 55"	105° 29' 51"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 36"	105° 29' 43"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 29' 30"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 24"	105° 29' 16"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 02"	105° 29' 12"					E-48-31-B-d
xóm 10A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 55"	105° 29' 26"					E-48-31-B-d
xóm 10B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 48"	105° 29' 40"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 18"	105° 30' 28"					E-48-32-A-c
xóm 12A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 34"	105° 30' 06"					E-48-32-A-c
xóm 12B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 30"	105° 29' 52"					E-48-31-B-d
xóm 13A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 30' 08"					E-48-32-A-c
xóm 13A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 30' 07"					E-48-32-A-c
xóm 13B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 55"	105° 29' 44"					E-48-31-B-d
xóm 14A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 29' 22"					E-48-31-B-d
xóm 14B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 51"	105° 29' 06"					E-48-31-B-d
xóm 15A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 29' 02"					E-48-31-B-d
xóm 15B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 38"	105° 28' 49"					E-48-31-B-d
xóm 16	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 28' 45"					E-48-31-B-d
xóm 17	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 13"	105° 28' 56"					E-48-31-B-d
xóm 18	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 28' 42"					E-48-31-B-d
xóm 19	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 31"	105° 28' 18"					E-48-31-B-d
xóm 20	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 48"	105° 28' 14"					E-48-31-B-d
xóm 21	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 11"	105° 28' 17"					E-48-31-B-d
sông Bàn Thần	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc			18° 49' 36"	105° 27' 12"	18° 48' 38"	105° 31' 04"	E-48-31-B-d, E-48-32-A-c
đập Đường Trẹ	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 47' 38"	105° 28' 06"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đập Khe Làng	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 18"	105° 29' 30"					E-48-31-B-d
đập Khe Nu	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 30' 13"					E-48-32-A-c
Núi Tướng	SV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 16"	105° 30' 07"					E-48-32-A-c
Núi Voi	SV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 41' 09"	105° 28' 53"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 30' 51"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 50' 04"	105° 31' 00"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 52"	18° 50' 04"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 54"	105° 32' 05"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 43"	105° 32' 20"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 14"	105° 31' 40"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 05"	105° 31' 42"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 31' 55"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 49"	105° 31' 55"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 01"	105° 32' 05"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 32' 11"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 18"	105° 32' 01"					E-48-32-A-c
xóm 14	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 05"	105° 32' 13"					E-48-32-A-c
xóm 15	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 28"	105° 32' 48"					E-48-32-A-c
xóm 16	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 32' 31"					E-48-32-A-c
xóm 17	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 32' 12"					E-48-32-A-c
xóm 18	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 31' 50"					E-48-32-A-c
xóm 19	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 04"	105° 31' 16"					E-48-32-A-c
xóm 20	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 17"	105° 31' 07"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Núi Dài	SV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 31' 17"					E-48-32-A-c
núi Đại Vạc	SV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 51' 36"	105° 33' 09"					E-48-32-A-c
hồ Khe Gỗ	TV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 50' 19"	105° 32' 13"					E-48-32-A-c
sông Tân Giai	TV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc			18° 49' 36"	105° 27' 12"	18° 48' 38"	105° 31' 04"	E-48-32-A-c
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 50' 14"	105° 38' 59"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 38' 54"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 44"	105° 39' 19"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 39' 22"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 41"	105° 39' 23"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 42"	105° 39' 02"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 09"	105° 39' 18"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 08"	105° 39' 33"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 25"	105° 39' 38"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 39' 33"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 20"	105° 39' 32"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 04"	105° 39' 15"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 51"	105° 39' 26"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 46"	105° 38' 49"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 30"	105° 39' 18"					E-48-32-A-d
xóm 16	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 39' 08"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 32' 55"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 32' 53"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 55"	105° 33' 06"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 33' 29"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 34"	105° 33' 44"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 01"	105° 33' 20"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 27"	105° 34' 05"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 34' 15"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 34' 41"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 13"	105° 33' 39"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 33' 21"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 17"	105° 33' 15"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 22"	105° 33' 01"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Núi Chờ	SV	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 28"	105° 42' 05"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 46"	105° 41' 50"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 36"	105° 41' 34"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 18"	105° 41' 47"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 41' 56"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 53"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 55"	105° 42' 38"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 41"	105° 42' 27"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 07"	105° 42' 24"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 10"	105° 42' 47"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 24"	105° 43' 09"					E-48-32-C-b
xóm 13	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 17"	105° 43' 05"					E-48-32-C-b
xóm 14	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 13"	105° 43' 09"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 50"	105° 43' 07"					E-48-32-C-b
xóm 16	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 49"	105° 42' 58"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 57"	105° 42' 34"					E-48-32-C-b
xóm 18	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 06"	105° 42' 10"					E-48-32-C-b
xóm 19	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 43"	105° 42' 10"					E-48-32-C-b
xóm 20	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 49"	105° 42' 47"					E-48-32-C-b
xóm 21	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 31"	105° 42' 26"					E-48-32-C-b
xóm 22	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 06"	105° 42' 38"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 36' 45"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 23"	105° 36' 41"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 39"	105° 36' 20"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 24"	105° 36' 07"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 35' 50"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 35' 46"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 54"	105° 35' 28"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 42"	105° 35' 05"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 06"	105° 35' 11"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 15"	105° 33' 50"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 21"	105° 33' 53"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 31"	105° 33' 58"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 36"	105° 34' 06"					E-48-32-A-c
xóm 14	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 45"	105° 34' 07"					E-48-32-A-c
xóm 15	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 50' 01"	105° 34' 03"					E-48-32-A-c
xóm 16	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 50' 11"	105° 34' 30"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Sông Cấm	TV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d,
Núi Chờ	SV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"					E-48-32-A-c
Núi Khê	SV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 36' 43"					E-48-32-A-c
cầu Phương Tích	KX	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 36' 46"					E-48-32-A-c
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-32-A-d
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 25"	105° 40' 00"					E-48-32-A-d
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
Cầu Cấm	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 39' 01"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
cầu Nghi Xá	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 41' 08"					E-48-32-A-d
hồ Sâu Lầy	TV	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 13"	105° 40' 46"					E-48-32-A-d
xóm Tân Lập 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
xóm Tân Lập 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 22"	105° 41' 10"					E-48-32-A-d
xóm Thành Vinh 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 41' 06"					E-48-32-A-d
xóm Thành Vinh 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 42"	105° 41'13"					E-48-32-A-d
xóm Trung Tiến	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 41"	105° 41' 01"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
xóm Bắc Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 04"	105° 42' 26"					E-48-32-A-d
xóm Đại Cừ	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 15"	105° 43' 05"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Đông Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 06"	105° 42' 52"					E-48-32-A-d
xóm Nam Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 45' 55"	105° 42' 36"					E-48-32-A-d
cầu Nha La	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 18"	105° 41' 33"					E-48-32-A-d
xóm Tây Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 45' 59"	105° 42' 17"					E-48-32-A-d
xóm Trung Khánh	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 35"	105° 42' 43"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Hoa	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 41' 54"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Hoà	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 24"	105° 41' 51"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Lạc	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 10"	105° 41' 41"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Phúc	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 46"	105° 42' 02"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 29"	105° 41' 49"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 01"	105° 41' 56"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Tiến	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 14"	105° 41' 59"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
xóm Thái Bình	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 30"	105° 44' 05"					E-48-32-C-b
xóm Thái Cát	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 23"	105° 44' 30"					E-48-32-C-b
xóm Thái Hoà	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 43' 05"	105° 43' 22"					E-48-32-C-b
xóm Thái Học	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 35"	105° 44' 30"					E-48-32-C-b
xóm Thái Hưng	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 16"	105° 43' 55"					E-48-32-C-b
xóm Thái Lộc	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 28"	105° 43' 44"					E-48-32-C-b
xóm Thái Phúc	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 54"	105° 43' 43"					E-48-32-C-b
xóm Thái Quang	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 30"	105° 44' 19"					E-48-32-C-b
xóm Thái Sơn	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 33"	105° 43' 24"					E-48-32-C-b
xóm Thái Thịnh	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 43' 11"	105° 43' 01"					E-48-32-C-b
xóm Thái Thọ	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 56"	105° 43' 00"					E-48-32-C-b
xóm Bắc Thịnh	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 51' 13"	105° 42' 06"					E-48-32-A-d
Xóm Bấn	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 14"	105° 42' 16"					E-48-32-A-d
xóm Chùa 1	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 20"	105° 42' 03"					E-48-32-A-d
xóm Chùa 2	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 15"	105° 41' 46"					E-48-32-A-d
cảng Cửa Lò	KX	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 49' 47"	105° 42' 21"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Cửa Lò	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
Xóm Đình	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 17"	105° 42' 05"					E-48-32-A-d
Xóm Đông	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 27"	105° 41' 46"					E-48-32-A-d
Mũi Gà	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 55"	105° 43' 08"					E-48-32-A-d
Núi Giun	SV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 51' 37"	105° 41' 47"					E-48-32-A-d
Cửa Lò	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 01"	105° 43' 02"					E-48-32-A-d
Cồn Lộng	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 43' 29"					E-48-32-A-d
Xóm Mới	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 41"	105° 41' 58"					E-48-32-A-d
xóm Nam Thịnh	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 51' 08"	105° 42' 10"					E-48-32-A-d
Mũi Rồng	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 09"	105° 43' 05"					E-48-32-A-d
Núi Rồng	SV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d
Xóm Rồng	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 09"	105° 42' 15"					E-48-32-A-d
xóm Tân Long	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 18"	105° 42' 28"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 44"	105° 41' 08"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 24"	105° 41' 09"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 40' 56"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 40' 56"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 40' 57"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 40' 43"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 15"	105° 40' 19"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 18"	105° 39' 53"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 39' 49"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 53"	105° 40' 01"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 48' 02"	105° 40' 26"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 48' 21"	105° 40' 30"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 40' 36"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 49"	105° 40' 33"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 40' 25"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
cầu Phòng Không	KX	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 17"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 50' 05"	105° 38' 23"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 49"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 36"	105° 38' 19"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 24"	105° 38' 15"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 20"	105° 38' 16"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 16"	105° 38' 13"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 04"	105° 37' 34"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 37' 37"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 37' 49"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 54"	105° 37' 45"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 38' 01"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 15"	105° 38' 35"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 11"	105° 38' 32"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 23"	105° 38' 36"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 38' 36"					E-48-32-A-d
xóm 16	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 12"	105° 38' 48"					E-48-32-A-d
xóm 17	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 38' 54"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
xóm Nhân Hoà	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 37' 42"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 34"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 27"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 23"	105° 40' 30"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 07"	105° 40' 29"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 23"	105° 40' 45"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 05"	105° 40' 48"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 03"	105° 41' 20"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	105° 41' 13"	105° 41' 13"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 51"	105° 41' 26"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 40"	105° 41' 34"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 33"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 12	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 17"	105° 41' 38"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 08"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 27"	105° 40' 32"					E-48-32-A-d
động Ba Vùng	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 50"	105° 39' 04"					E-48-32-A-d
Núi Dẻ	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 36' 06"	105° 32' 36"					E-48-32-C-c
Núi Giun	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 37"	105° 41' 47"					E-48-32-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 04"	105° 38' 33"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 02"	105° 38' 30"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 42"	105° 38' 41"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 07"	105° 39' 13"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 26"	105° 39' 21"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 30"	105° 39' 09"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 22"	105° 38' 51"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 38' 57"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 00"	105° 38' 59"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 07"	105° 39' 08"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 19"	105° 39' 22"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 24"	105° 39' 45"					E-48-32-A-d
xóm 17	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 56"	105° 39' 23"					E-48-32-A-d
xóm 18	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 39' 24"					E-48-32-A-d
xóm 19	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 08"	105° 39' 42"					E-48-32-A-d
xóm 20	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 55"	105° 39' 43"					E-48-32-A-d
xóm 21	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 50"	105° 39' 57"					E-48-32-A-d
xóm 22	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 00"	105° 38' 52"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
Cầu Nhọn	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 03"	105° 39' 36"					E-48-32-A-d
ga Quán Hành	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 39' 59"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 52"	105° 40' 10"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 40"	105° 40' 14"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 34"	105° 40' 05"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 31"	105° 39' 54"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 21"	105° 40' 16"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 29"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 39"	105° 40' 35"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 00"	105° 40' 33"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 38"	105° 41' 04"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 03"	105° 41' 07"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 13"	105° 41' 27"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 24"	105° 41' 30"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 43"	105° 41' 20"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 41' 14"					E-48-32-A-d
xóm 16	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 39"	105° 41' 13"					E-48-32-A-d
xóm 17	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
xóm 18	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 14"	105° 40' 45"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
xóm Bệnh Viện	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 39' 55"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 31' 11"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 32"	105° 30' 12"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 16"	105° 29' 59"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 21"	105° 30' 39"					E-48-32-A-c
xóm 5A	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 05"	105° 30' 17"					E-48-32-A-c
xóm 5B	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 22"	105° 30' 22"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 02"	105° 30' 08"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 29' 50"					E-48-31-B-d
xóm 8 + 9	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 51"	105° 29' 44"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 57"	105° 29' 29"					E-48-31-B-d
xóm 11 + 12	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 46"	105° 29' 22"					E-48-31-B-d
xóm 13	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 43"	105° 28' 52"					E-48-31-B-d
xóm 14	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 53"	105° 28' 59"					E-48-31-B-d
xóm 15	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 31"	105° 28' 45"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 16	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 06"	105° 28' 43"					E-48-32-A-a
xóm 17	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 59"	105° 29' 13"					E-48-32-A-a
xóm 18	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 58"	105° 29' 25"					E-48-31-B-b
xóm 19 + 20	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 21"	105° 29' 54"					E-48-31-B-b
xóm 21	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 24"	105° 30' 28"					E-48-32-A-a
xóm 22	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 31' 08"					E-48-32-A-a
xóm 23	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 05"	105° 31' 04"					E-48-32-A-a
xóm 24	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 07"	105° 29' 09"					E-48-32-A-a
xóm 25	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 32"	105° 30' 51"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-d, E-48-32-A-c
sông Bao A	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
Đập Bưởi	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 24"	105° 31' 44"					E-48-32-A-c
núi Động Rẩy	SV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 45"	105° 29' 48"					E-48-31-B-b
núi Động Ru	SV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 26"	105° 31' 46"					E-48-32-A-a
hồ Khe Bưởi	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 11"	105° 31' 54"					E-48-32-A-c
đập Khe Lách	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 23"	105° 31' 31"					E-48-32-A-c
kênh 17	TV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"	E-48-32-A-c
Núi Bạc	SV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 53' 46"	105° 35' 37"					E-48-32-A-c
xóm Bắc Bố Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 37' 27"					E-48-32-C-a
xóm Bắc Kỳ La	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 37' 25"					E-48-32-C-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 20"	105° 37' 36"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm Đông Vạn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 48"	105° 37' 00"					E-48-32-C-a
Xóm Làng	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 04"	105° 37' 32"					E-48-32-C-a
xóm Lương Đồng	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 53"	105° 38' 29"					E-48-32-C-a
xóm Lương Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 46"	105° 38' 22"					E-48-32-C-b
xóm Nam Bố Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 41"	105° 37' 26"					E-48-32-C-a
xóm Nam Kỳ La	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 17"	105° 37' 27"					E-48-32-C-a
xóm Phúc Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 11"	105° 37' 38"					E-48-32-A-d
sông Phương Tích	TV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"	E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 10"	105° 38' 13"					E-48-32-A-d
xóm Tây Vạn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 43"	105° 36' 54"					E-48-32-C-a
xóm Thịnh Lạc	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 32"	105° 37' 28"					E-48-32-C-a
xóm Thọ Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 17"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
xóm Viện Lao	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 02"	105° 38' 26"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 28"	105° 40' 16"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 40' 20"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 40' 27"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 40' 38"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 40' 35"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 40' 20"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 44"	105° 40' 12"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 11"	105° 39' 42"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 21"	105° 39' 44"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 33"	105° 39' 57"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 39' 41"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b, E-48-32-A-d
Sông Lam	TV	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
xóm Lộc Mỹ	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 57"	105° 43' 42"					E-48-32-C-b
xóm Phong Hồ	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 08"	105° 43' 30"					E-48-32-A-d
xóm Tân Nghĩa	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 43' 33"					E-48-32-C-b
xóm Tiến Lạc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 34"	105° 43' 05"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Cảnh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 47"	105° 43' 58"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Dương	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 14"	105° 44' 10"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Giang	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 26"	105° 44' 03"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Khánh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 43' 57"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Lan	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 36"	105° 43' 58"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Lộc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 29"	105° 43' 50"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Phúc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 18"	105° 43' 08"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 10"	105° 43' 25"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Tân	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 08"	105° 43' 52"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Tịnh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 39"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Trang	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 58"	105° 43' 52"					E-48-32-A-d
xóm Yên Thịnh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 27"	105° 43' 39"					E-48-32-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a, E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 33"	105° 39' 33"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 36"	105° 39' 22"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 40"	105° 39' 10"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 38' 54"					E-48-32-A-d
động Ba Vùng	SV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 50"	105° 39' 04"					E-48-32-A-d
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 05"	105° 38' 44"					E-48-32-A-b
Cầu Cấm	KX	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 39' 01"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
Xóm Chùa	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 02"	105° 39' 11"					E-48-32-A-b
sông Cửa Lò	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
xóm Cửa Mỏ	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 38' 05"					E-48-32-A-d
Xóm Đình	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 53"	105° 38' 42"					E-48-32-A-b
xóm Đông Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 02"	105° 38' 56"					E-48-32-A-b
Xóm Gốm	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 40"	105° 37' 59"					E-48-32-A-b
Xóm Lài	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 54"	105° 38' 20"					E-48-32-A-b
sông Nhà Lê	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 11"	105° 38' 10"					E-48-32-A-d
xóm Tây Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 19"	105° 37' 16"					E-48-32-A-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 30"	105° 37' 27"					E-48-32-A-a
xóm Trung Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 47"	105° 38' 56"					E-48-32-A-b
xóm Trường Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 00"	105° 38' 50"					E-48-32-A-b
xóm Tùng Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 18"	105° 38' 23"					E-48-32-A-b
xóm Yên Lưu	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 58"	105° 38' 59"					E-48-32-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 44' 04"	105° 43' 59"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 57"	105° 43' 43"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 41"	105° 43' 44"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 24"	105° 43' 57"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 50"	105° 43' 22"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 39"	105° 44' 29"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 19"	105° 44' 23"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 05"	105° 43' 56"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 19"	105° 43' 39"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 09"	105° 44' 00"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 10"	105° 44' 17"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 42' 55"	105° 44' 26"					E-48-32-C-b
xóm 13	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 04"	105° 44' 31"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 13"	105° 44' 33"					E-48-32-C-b
xóm 16	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 09"	105° 44' 43"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 42' 50"	105° 44' 49"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
xóm Bình Minh	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 23"	105° 44' 39"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-D-a
xóm Ngư Phong	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 44' 05"	105° 44' 13"					E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 531	KX	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
Khe Nghĩa	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
hồ Ông Hoa	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 27' 56"					E-48-19-B-d
hồ Ông Ký	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 26"	105° 27' 46"					E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
khối Tân An	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 07"	105° 29' 04"					E-48-19-B-d
khối Tân Cường	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 27"	105° 29' 31"					E-48-19-B-d
khối Tân Đồng	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 36"					E-48-19-B-d
khối Tân Đức	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 33"	105° 29' 15"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối Tân Hiếu	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 31"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
khối Tân Hoà	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 16"	105° 29' 47"					E-48-19-B-d
khối Tân Hồng	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 55"	105° 29' 09"					E-48-19-B-d
khối Tân Lâm	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 11"	105° 28' 56"					E-48-19-B-d
khối Tân Mai	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 29' 28"					E-48-19-B-d
khối Tân Minh	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 17"	105° 29' 29"					E-48-19-B-d
khối Tân Thái	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 28' 45"					E-48-19-B-d
khối Tân Thành	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 15"	105° 29' 11"					E-48-19-B-d
khối Tân Thọ	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 05"					E-48-19-B-d
khối Tân Tiến	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 39"	105° 28' 40"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
xóm An Mỹ	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 34"	105° 23' 19"					E-48-19-B-d
xóm Cát Tâm	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 11"	105° 23' 38"					E-48-19-B-d
Sông Con	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Đồng Minh	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 57"	105° 23' 05"					E-48-19-D-b
hồ Đồng Ngang	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 23' 24"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm 1	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 14"	105° 24' 31"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm 2	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 23"	105° 24' 46"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 15"	105° 22' 56"					E-48-19-B-d
Hồ Gián	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 09"	105° 23' 29"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hữu Lập	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 39"	105° 22' 38"					E-48-19-B-d
xóm Long An	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 55"	105° 22' 40"					E-48-19-D-b
xóm Nho Hạp	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 46"	105° 23' 05"					E-48-19-B-d
xóm Nho Tân	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 28"	105° 23' 33"					E-48-19-B-d
xóm Phú Yên	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 28"	105° 23' 20"					E-48-19-B-d
xóm Phúc An	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 03"	105° 23' 12"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
xóm Bình Hải	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 13"	105° 29' 06"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bình Hạnh	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 20"	105° 29' 59"					E-48-20-A-c
xóm Bình Lâm	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 04"	105° 30' 20"					E-48-20-A-c
xóm Bình Nghĩa	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 03"	105° 28' 11"					E-48-19-B-d
xóm Bình Tâm	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 35"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm Bình Thành	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 59"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm Bình Yên	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 18"	105° 30' 42"					E-48-19-B-d
xóm BìnhThái	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 03"	105° 30' 41"					E-48-19-B-d
Khe Nghĩa	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
hồ Ông Hoa	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 27' 56"					E-48-19-B-d
hồ Ông Ký	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 26"	105° 27' 46"					E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	*xã Nghĩa Bình*	*H. Nghĩa Đàn*			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Suối Da	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 44"	105° 21' 18"	19° 12' 46"	105° 21' 33"	E-48-19-D-a
Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 05"	105° 20' 41"	19° 13' 44"	105° 21' 18"	E-48-19-D-a
xóm Đức Hựu	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 03"	105° 21' 08"					E-48-19-D-a
xóm Đức Lam	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 47"	105° 21' 05"					E-48-19-D-a
xóm Đức Thắng	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 57"	105° 22' 16"					E-48-19-D-a
xóm Đức Tiến	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 11"	105° 22' 07"					E-48-19-D-a
xóm Đức Tiến Tây	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 22"	105° 21' 56"					E-48-19-D-a
xóm Đức Trung	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 03"	105° 21' 30"					E-48-19-D-a
xóm Đức Xuân	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 41"	105° 21' 46"					E-48-19-D-a
xóm Hưng Minh	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 09"	105° 22' 26"					E-48-19-D-a
đập Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 20' 42"					E-48-19-D-a
hồ Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 04"	105° 20' 14"					E-48-19-D-a
Hòn Mai	SV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 25"	105° 19' 53"					E-48-19B-c, E-48-19C
Xóm Mít	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 35"	105° 21' 17"					E-48-19-D-a
Xóm Nung	DC	*xã Nghĩa Đức*	*H. Nghĩa Đàn*	*19° 13' 20"*	*105° 18' 55"*					*E-48-19-D-a*
xóm Quang Sủ	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 20' 56"					E-48-19-D-a
Xóm Ráng	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 24"	105° 20' 18"					E-48-19-B-c
xóm Rú Âm	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 11"	105° 21' 54"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
xóm Cát Mộng	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 02"	105° 21' 26"					E-48-19-B-c
xóm Cát Sơn	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 57"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c
suối Đồng Bầy	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 21"	105° 21' 08"	19° 20' 45"	105° 20' 51"	E-48-19-B-c
xóm Lê Lai	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 20' 24"					E-48-19-B-c
xóm Lê Lợi	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 13"	105° 20' 26"					E-48-19-B-c
Lèn Mồng	SV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c
Khe Tắm	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 16' 42"	105° 19' 35"	19° 18' 20"	105° 21' 07"	E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 49"	105° 19' 43"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 52"	105° 20' 00"					E-48-19-B-c
xóm Tân Xuân	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 49"	105° 20' 35"					E-48-19-B-c
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 00"	105° 20' 16"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
hồ 19/5	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 53"	105° 31' 33"					E-48-20-A-c
xóm Bình Minh	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 40"	105° 31' 57"					E-48-20-A-c
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
Xóm Chợ	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 55"					E-48-20-A-c
Núi Chuối	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 19"	105° 31' 38"					E-48-20-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
xóm Dốc Đá	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 58"	105° 31' 05"					E-48-20-A-c
suối Đá Hàn	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 16"	105° 32' 20"	19° 18' 32"	105° 33' 49"	E-48-20-A-c
xóm Đồng Ao	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 14"	105° 30' 08"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Chùa	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 19"	105° 29' 43"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Hội 1	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 53"	105° 30' 47"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Hội 2	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 45"	105° 31' 06"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Nắp	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 46"	105° 29' 40"					E-48-19-B-d
hồ Đông Sằng	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 11"	105° 31' 12"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Sằng	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 49"	105° 30' 35"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 30' 18"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Thanh	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 29' 39"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 29' 46"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Trường	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 01"	105° 30' 12"					E-48-20-A-c
xóm Hoà Hội	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 31' 14"					E-48-20-A-c
xóm Hoa Vinh Sơn	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 26"	105° 32' 24"					E-48-20-A-c
núi K/7	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 32"	105° 31' 44"					E-48-20-A-c
xóm Khe Bai	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 30' 11"					E-48-20-A-c
hồ Khe Bãi	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 54"	105° 32' 00"					E-48-20-A-c
xóm Làng Cháng	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 35"	105° 33' 21"					E-48-20-A-c
Hồ Lim	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 21"	105° 30' 31"					E-48-20-A-c
Núi Lọ	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 43"	105° 29' 52"					E-48-20-A-c
xóm Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 36"	105° 32' 17"					E-48-20-A-c
hồ Săng 2	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 30"	105° 31' 00"					E-48-20-A-c
xóm Thanh Hoà	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 31' 11"					E-48-20-A-c
xóm Vinh Quang	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 25"	105° 32' 54"					E-48-20-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
Suối Con	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Dền	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 56"	105° 24' 11"	19° 20' 19"	105° 25' 04"	E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hồng Cường	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 34"	105° 22' 35"					E-48-19-B-a
xóm Hồng Đức	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 02"	105° 23' 39"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Lam	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 22"	105° 24' 58"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Lợi	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 24"	105° 23' 05"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Phú	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 23' 43"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Quang	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 19"	105° 24' 32"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Thái	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 55"	105° 21' 52"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Thắng	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 07"	105° 23' 09"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 53"	105° 22' 15"					E-48-19-B-c
xóm Hồng Thọ	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 21"	105° 23' 23"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 43"	105° 23' 18"					E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hồng Trường	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 36"	105° 25' 20"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Việt	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 46"	105° 23' 27"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Yên	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 10"	105° 23' 59"					E-48-19-B-b
suối Khe Ang	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 05"	105° 22' 58"	19° 21' 45"	105° 22' 25"	E-48-19-B-b
Núi Sẽ	SV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 01"	105° 22' 00"					E-48-19-B-b
hồ 405	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 09"	105° 19' 33"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
làng Bình Long 1	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 49"	105° 20' 06"					E-48-19-B-a
làng Bình Long 2	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 08"	105° 20' 06"					E-48-19-B-c
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c
làng Đồng Cần	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 19' 42"					E-48-19-B-c
làng Đồng Sim	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 58"	105° 19' 52"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
làng Hưng Châu	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 19' 50"					E-48-19-B-c
làng Hưng Xuân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 26"	105° 18' 53"					E-48-19-B-c
hồ Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 34"	105° 18' 40"					E-48-19-B-c
làng Lam Xuân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 19' 24"					E-48-19-B-c
hồ Làng Mới	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 18' 58"					E-48-19-B-c
Làng Mới	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 11"	105° 19' 58"					E-48-19-B-c
làng Nghĩa Nhân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 10"	105° 19' 22"					E-48-19-B-c
làng Nhân Nghĩa	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 18"	105° 19' 39"					E-48-19-B-c
làng Phú Long	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 40"	105° 20' 07"					E-48-19-B-c
hồ Rộc Mây	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 28"	105° 19' 47"					E-48-19-B-a
cầu Sông Dinh	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 02"	105° 18' 28"					E-48-19-B-c
cầu Sông Hiếu	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 30"	105° 20' 27"					E-48-19-B-c
làng Tân Quang	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 35"	105° 19' 54"					E-48-19-B-c
Làng Thị	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 22"	105° 20' 01"					E-48-19-B-c
làng Xuân Hưng	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 14"	105° 19' 03"					E-48-19-B-c
làng Xuân Phong	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 09"	105° 18' 40"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Xóm Bầu	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 52"	105° 23' 04"					E-48-19-D-b
xóm Bến Hương	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 30"	105° 24' 28"					E-48-19-D-b
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
xóm Cồn Nại	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 37"	105° 22' 47"					E-48-19-D-b
Xóm Cuông	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 27"	105° 23' 17"					E-48-19-D-b
xóm Đồng Đại	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 34"	105° 22' 39"					E-48-19-D-b
hồ Eo Sụ	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 23' 24"					E-48-19-B-d
xóm Hạ Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 45"	105° 23' 32"					E-48-19-D-b
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hồng Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 34"	105° 23' 33"					E-48-19-D-b
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 48"	105° 25' 43"					E-48-19-D-b
xóm Lĩnh Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 44"	105° 23' 29"					E-48-19-D-b
Xóm Mét	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 55"	105° 23' 12"					E-48-19-D-b
Xóm Mươi	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 14"	105° 24' 50"					E-48-19-D-b
xóm Tân Hợp	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 46"	105° 23' 54"					E-48-19-D-b
xóm Tân Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 07"	105° 23' 46"					E-48-19-D-b
xóm Thọ Lộc	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 35"	105° 23' 30"					E-48-19-D-b
xóm Thượng Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 16"	105° 24' 06"					E-48-19-D-b
Hòn Trọc	SV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 24' 48"					E-48-19-D-b
Xóm Trôi	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 10"	105° 23' 12"					E-48-19-D-b
Xóm Trù	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 29"	105° 23' 30"					E-48-19-D-b
xóm Trung Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 05"	105° 23' 55"					E-48-19-D-b
núi Ba Lốc	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 34"	105° 31' 45"					E-48-20-A-a
Bó Bụi	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 25' 38"	105° 31' 39"	19° 23' 54"	105° 29' 16"	E-48-20-A-a
Núi Đền	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 30"	105° 32' 19"					E-48-20-A-a
Xóm Giày	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 35"	105° 30' 11"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
Lèn Hổng	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 18"	105° 31' 43"					E-48-20-A-a
Xóm Lác	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 17"	105° 31' 16"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
Xóm Mẻn	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 47"	105° 30' 41"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
Hồ Mồn	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 10"	105° 31' 20"					E-48-20-A-a
Xóm Mồn	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 13"	105° 30' 38"	E-48-20-A				E-48-20-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
Xóm Tân	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 24"	105° 30' 31"					E-48-20-A-a
suối Tơ Lương	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 27' 11"	105° 32' 00"	19° 26' 00"	105° 30' 26"	E-48-20-A-a
Xóm Vằng	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 46"	105° 30' 59"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
xóm Bắc Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 16"	105° 27' 27"					E-48-19-B-b
Làng Chảo	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 22"	105° 27' 31"					E-48-19-B-b
làng Cuồn Đá	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 37"	105° 28' 07"					E-48-19-B-b
Làng Đấn	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 35"	105° 26' 47"					E-48-19-B-b
xóm Đông lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 33"	105° 28' 30"					E-48-19-B-b
xóm Đồng Xan	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 23"	105° 26' 00"					E-48-19-B-b
Làng Gia	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 26' 22"					E-48-19-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 36"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-b
xóm Khe Lau	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 16"	105° 26' 14"					E-48-19-B-b
hồ Khe Yêu	TV	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 56"	105° 25' 37"					E-48-19-B-b
xóm Khe Yêu	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 44"	105° 26' 04"					E-48-19-B-b
Làng Lầm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 48"	105° 27' 03"					E-48-19-B-b
xóm Nam Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 02"	105° 26' 15"					E-48-19-B-b
xóm Nghĩa Chính	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 15"	105° 28' 31"					E-48-19-B-b
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
xóm Tân Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 53"	105° 28' 39"					E-48-19-B-b
Làng Tra	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 26' 33"					E-48-19-B-b
Làng Xâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 24"	105° 27' 10"					E-48-19-B-b
xóm Yên Khang	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 20"	105° 26' 31"					E-48-19-B-b
xóm Yên Trung	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 00"	105° 27' 49"					E-48-19-B-b
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
Xóm Bai	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 13"	105° 21' 11"					E-48-19-B-c
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c
xóm Đồng Tầm	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 40"	105° 21' 21"					E-48-19-B-c
Khe Hều	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 21"	105° 21' 08"	19° 20' 45"	105° 20' 51"	E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hều 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 51"	105° 21' 33"					E-48-19-B-c
xóm Hều 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 21' 26"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 20' 57"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 21' 08"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 3	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 21' 24"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Lèn Mồng	SV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c
xóm Tân Hiệp	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 01"	105° 20' 43"					E-48-19-B-c
Xóm Tháp	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 03"	105° 21' 07"					E-48-19-B-c
Xóm Thiết	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 25"	105° 21' 41"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 11"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 25"	105° 20' 57"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 3	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 28"	105° 21' 19"					E-48-19-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-b
xóm Ấp Bổng	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 09"	105° 27' 58"					E-48-19-D-b
xóm Bình Minh	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 29' 20"					E-48-19-B-d
núi Bồ Bồ	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 44"	105° 27' 45"					E-48-19-D-b
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
xóm Cồn Cả	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 16"	105° 28' 47"					E-48-19-D-b
xóm Đập Đanh	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 00"	105° 27' 54"					E-48-19-D-b
xóm Đông Phong	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 22"	105° 27' 37"					E-48-19-D-b
xóm Đồng Rành	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 51"	105° 26' 52"					E-48-19-D-b
xóm Hải Lào	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 15"	105° 26' 16"					E-48-19-D-b
xóm Hải Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 30"	105° 26' 56"					E-48-19-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-b
đập Hòn Mác	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 44"	105° 26' 32"					E-48-19-D-b
xóm Hồng Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 30"	105° 29' 08"					E-48-19-D-b
xóm Hùng Lập	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 00"	105° 28' 56"					E-48-19-D-b
Hòn Mác	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 38"	105° 26' 07"					E-48-19-D-b
xóm Khánh Tiến	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 40"	105° 27' 30"					E-48-19-D-b
xóm Khe Sài 1	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 34"	105° 25' 50"					E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Khe Sài 2	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 11"	105° 25' 17"					E-48-19-D-b
xóm Kim Hồng	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 14"	105° 28' 23"					E-48-19-D-b
xóm Mỹ Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 28"	105° 27' 23"					E-48-19-D-b
Khe Son	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 10"	105° 31' 37"	19° 15' 27"	105° 29' 48"	E-48-20-C-a
xóm Sơn Hải	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 17"	105° 25' 41"					E-48-19-D-b
xóm Sông Lim	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 42"	105° 26' 46"					E-48-19-D-b
Núi Sượng	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 24"	105° 30' 08"					E-48-20-C-a
xóm Tân Hữu	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 33"	105° 29' 04"					E-48-19-D-b
xóm Tân Lập	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 37"	105° 28' 39"					E-48-19-D-b
xóm Tân Xuân	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 33"	105° 28' 14"					E-48-19-D-b
xóm Tháp Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 29' 28"					E-48-19-D-b
xóm Thịnh Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 34"	105° 28' 36"					E-48-19-D-b
xóm Thọ Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 27' 32"					E-48-19-D-b
Xóm Trại	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 01"	105° 28' 33"					E-48-19-D-b
xóm Vạn Lộc 1	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 43"	105° 25' 15"					E-48-19-D-b
xóm Vạn Lộc 2	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 42"	105° 24' 28"					E-48-19-D-b
xóm Vĩnh Giang	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 02"	105° 28' 57"					E-48-19-D-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-a
Núi Cóc	SV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 31' 18"					E-48-20-A-a
xóm Hưng Nghĩa	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 38"	105° 30' 52"					E-48-20-A-a
xóm Lung Bình	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 41"	105° 32' 11"					E-48-20-A-a
xóm Lung Hạ	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 34"	105° 32' 11"					E-48-20-A-a
xóm Lung Thượng	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 51"	105° 32' 19"					E-48-20-A-a
Xóm Mít	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 28"	105° 30' 52"					E-48-20-A-a
Khe Nghĩa	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
xóm Ngọc Hưng	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 20"	105° 30' 36"					E-48-20-A-c
hồ Ngọc Lam	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 30' 24"					E-48-20-A-c
xóm Ngọc Lam	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 53"	105° 30' 38"					E-48-20-A-c
xóm Tân Cay	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 31"	105° 34' 10"					E-48-20-A-a
xóm Tân Sỏi	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 55"	105° 31' 14"					E-48-20-A-a
xóm Tân Thai	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 57"	105° 30' 13"					E-48-20-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Cái	TV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 15' 27"	105° 29' 48"	19° 14' 29"	105° 27' 44"	E-48-19-B-d, E-48-19-D-b
xóm Đông Sơn/Đông	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 24"	105° 27' 42"					E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-b
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 48"	105° 25' 43"					E-48-19-D-b
xóm Nam Cát	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 08"	105° 28' 15"					E-48-19-D-b
xóm Nam Hoà	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 57"	105° 27' 57"					E-48-19-D-b
xóm Nam Hương	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 31"	105° 26' 54"					E-48-19-D-b
xóm Nam Khế	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 35"	105° 26' 11"					E-48-19-D-b
xóm Nam Kim	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 58"	105° 26' 12"					E-48-19-D-b
xóm Nam Long	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 49"	105° 27' 18"					E-48-19-D-b
xóm Nam Phong	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 14"	105° 26' 55"					E-48-19-D-b
xóm Nam Sơn	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 26' 46"					E-48-19-D-b
xóm Nam Tân	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 31"	105° 27' 25"					E-48-19-D-b
xóm Nam Thái	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 38"	105° 27' 59"					E-48-19-D-b
xóm Nam Thắng	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 28"	105° 26' 18"					E-48-19-B-d
Khe Son	TV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 10"	105° 31' 37"	19° 15' 27"	105° 29' 48"	E-48-20-C-a
Hòn Sường	SV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 25' 07"					E-48-19-D-b
xóm Vạn Lộc	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 09"	105° 26' 09"					E-48-19-D-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-a
Làng Bái	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 05"	105° 21' 22"					E-48-19-B-a
làng Bãi Bằng	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 28"	105° 21' 48"					E-48-19-B-a
Làng Bát	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 13"	105° 21' 07"					E-48-19-B-a
Làng Bàu	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 04"	105° 22' 22"					E-48-19-B-a
làng Bầu Thịnh	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 55"	105° 22' 29"					E-48-19-B-a
Làng Bong	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 17"	105° 21' 52"					E-48-19-B-a
Làng Bui	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 05"	105° 22' 10"					E-48-19-B-a
Làng Cáo	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 04"	105° 20' 50"					E-48-19-B-a
suối Cây Trôi	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 27' 12"	105° 20' 47"	19° 25' 38"	105° 21' 57"	E-48-19-B-a
Suối Chai	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
Làng Chè	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 07"	105° 21' 13"					E-48-19-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Chuột Bạch	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 30' 30"	105° 21' 21"					E-48-19-B-a
Suối Cung	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 29' 59"	105° 21' 34"	19° 26' 21"	105° 18' 28"	E-48-19-B-a
Làng Đồn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 57"	105° 21' 57"					E-48-19-B-a
Làng Gia	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 38"	105° 22' 03"					E-48-19-B-a
Làng Giàn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 01"	105° 21' 30"					E-48-19-B-a
Làng Giớm	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 34"	105° 20' 53"					E-48-19-B-a
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-a
Suối Hon	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 30' 45"	105° 20' 49"	19° 28' 13"	105° 17' 39"	E-48-19-B-a
suối Khe Ang	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 05"	105° 22' 58"	19° 21' 45"	105° 22' 25"	E-48-19-B-b
làng Lai Châu	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 52"	105° 22' 56"					E-48-19-B-b
hồ Làng Cáo	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 59"	105° 20' 44"					E-48-19-B-a
Làng Lệ	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 27"	105° 21' 19"					E-48-19-B-a
làng Mai Hồng	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 21' 41"					E-48-19-B-a
Làng Nạn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 20"	105° 21' 55"					E-48-19-B-a
làng Quỳnh Mai	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 39"	105° 21' 17"					E-48-19-B-a
làng Quỳnh Yên	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 01"	105° 21' 39"					E-48-19-B-a
Suối Sao	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 22"	105° 23' 06"	19° 24' 05"	105° 22' 58"	E-48-19-B-a
Làng Se	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 20' 44"					E-48-19-B-a
Đồi Sô	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 07"	105° 21' 20"					E-48-19-B-a
Làng Sừa	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 03"	105° 22' 17"					E-48-19-B-a
núi Tân Đồng	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 30"	105° 20' 22"					E-48-19-B-a
làng Tân Mai	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 42"	105° 22' 16"					E-48-19-B-a
Suối Tong	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 32' 05"	105° 19' 57"	19° 28' 37"	105° 17' 31"	E-48-19-B-a
Núi Trạm	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 47"	105° 19' 03"					E-48-19-B-a
Làng Vin	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 23"	105° 23' 01"					E-48-19-B-b
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
Làng Bệt	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 19"	105° 25' 49"					E-48-19-B-d
Làng Bô	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 09"	105° 25' 09"					E-48-19-B-d
Làng Cam	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 24' 52"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 47"	105° 26' 25"					E-48-19-B-b
làng Lâm Trường	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 23"	105° 24' 49"					E-48-19-B-b
Làng Lẹn	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 25' 15"					E-48-19-B-d
Núi Lẹn	SV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
làng Minh Hùng	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 58"	105° 26' 02"					E-48-19-B-d
Làng Ngã	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 00"	105° 25' 09"					E-48-19-B-b
Làng Sanh	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 35"	105° 26' 17"					E-48-19-B-d
làng Tiến Long	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 28"	105° 23' 41"					E-48-19-B-b
Hòn Xưa	SV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 05"	105° 26' 43"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105°28' 16"	19° 13' 02"	105°24' 36"	E-48-19-D-b
Núi Cóc	SV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 31'18"					E-48-20-A-c
suối Làng Thuyền	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 09"	105°32' 20"	19° 20' 13"	105°33' 50"	E-48-20-A-c
xóm Phú Hoà	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 11"	105° 32' 13"					E-48-20-A-c
xóm Phú Lộc	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 32' 10"					E-48-20-A-c
xóm Phú Lợi	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 21"	105° 32' 29"					E-48-20-A-a
xóm Phú Nguyên	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 21"	105° 31' 57"					E-48-20-A-c
xóm Phú Thắng	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 31"	105° 32' 57"					E-48-20-A-c
xóm Phú Tiến	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 09"	105° 32' 23"					E-48-20-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
hồ Đồng Canh	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 24' 11"					E-48-19-B-b
xóm Làng Bé	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 06"	105° 24' 45"					E-48-19-B-b
đồi Rú Hang	SV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 30"	105° 25' 47"					E-48-19-B-b
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
xóm Sơn Bắc	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 21"	105° 26' 53"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Đoài	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 12"	105° 26' 34"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Đông	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 56"	105° 27' 35"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Hạ	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 25' 23"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Liên	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 17"	105° 26' 43"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Nam	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 34"	105° 27' 21"					E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu *mảnh bản đồ* địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Sơn Tây	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 55"	105° 26' 28"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Thượng	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 08"	105° 24' 59"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Trung	*DC*	*xã Nghĩa Sơn*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 25' 21"	105° 24' 50"					E-48-19-B-b
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hưng Lập	*DC*	*xã Nghĩa Tân*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 19' 20"	105° 22' 43"					E-48-19-B-d
Lèn Mồng	SV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c
hồ Ngã Hai	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 32"	105° 22' 46"					E-48-19-B-d
xóm Quán Mít	*DC*	*xã Nghĩa Tân*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 19' 24"	105° 21' 55"					E-48-19-B-c
xóm Tân Hồng	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 46"	105° 21' 45"					E-48-19-B-c
xóm Tân Lập	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 48"	105° 23' 08"					E-48-19-B-c
xóm Tân Liên	*DC*	*xã Nghĩa Tân*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 20' 32"	105° 21' 43"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 19"	105° 22' 14"					E-48-19-B-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 36"	105° 22' 55"					E-48-19-B-d
xóm Cao Trai	*DC*	*xã Nghĩa Thắng*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 20' 25"	105° 23' 37"					E-48-19-B-c
Bàu Cỏ	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 43"	105° 22' 24"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Núi Nậy	*SV*	*xã Nghĩa Thắng*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 19' 24"	105° 23' 28"					E-48-19-B-c
Xóm Rãi	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 43"	105° 22' 50"					E-48-19-B-d
hồ Rộc U	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 23' 42"					E-48-19-B-d
Hồ Sình	*TV*	*xã Nghĩa Thắng*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 19' 54"	105° 23' 10"					E-48-19-B-d
Xóm Sình	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 59"	105° 22' 50"					E-48-19-B-d
xóm Tân Phong	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 48"	105° 23' 23"					E-48-19-B-d
Xóm U	*DC*	*xã Nghĩa Thắng*	*H. Nghĩa Đàn*	19° 20' 45"	105° 23' 34"					E-48-19-B-d
Xóm Vạn	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 22' 08"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
suối Bà Trưởng	*TV*	*xã Nghĩa Thịnh*	*H. Nghĩa Đàn*			19° 21' 32"	105° 21' 30"	19° 21' 28"	105° 21' 54"	E-48-19-B-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 21' 55"					E-48-19-B-c
xóm Độc Lập	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 21' 01"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Khe Thái	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 34"	105° 21' 25"					E-48-19-B-a, E-48-19-B-c
xóm Quyết Tâm	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 12"	105° 21' 02"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 25"	105° 20' 59"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Tiến	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 24"	105° 20' 46"					E-48-19-B-c
Núi Sẽ	SV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 01"	105° 22' 00"					E-48-19-B-c
cầu Sông Hiếu	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 30"	105° 20' 27"					E-48-19-B-d, E-48-19-D-b
hồ Tân Đông	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 15"	105° 21' 31"					E-48-19-B-c
xóm Tân Phú	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 21' 16"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 33"	105° 22' 03"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 36"	105° 21' 49"					E-48-19-B-c
xóm Thành Công	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 21' 36"					E-48-19-B-c
xóm Tổng Mòn	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 21"	105° 21' 37"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
Làng Cầu	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 21"	105° 32' 13"					E-48-20-A-c
núi Cột Mốc	SV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 15"	105° 33' 54"					E-48-20-A-c
khe Đồng Báng	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 21' 04"	105° 32' 24"	19° 20' 38"	105° 33' 48"	E-48-20-A-c
hồ Khe Lung	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 59"	105° 32' 31"					E-48-20-A-c
khe Làng Thuyền	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 09"	105° 32' 20"	19° 20' 13"	105° 33' 50"	E-48-20-A-c
Làng Màn	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 30"	105° 33' 02"					E-48-20-A-a
Làng Men	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 58"	105° 31' 56"					E-48-20-A-c
xóm Tân Thọ	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 46"	105° 33' 16"					E-48-20-A-a
Làng Trống	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 42"	105° 33' 22"					E-48-20-A-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-d
xóm Ấp Đon	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 33"	105° 27' 45"					E-48-19-B-d
Hòn Bàn	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 25' 58"					E-48-19-B-d
xóm Bàu Lạng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 08"	105° 27' 25"					E-48-19-B-d
xóm Đập Bể	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 48"	105° 28' 27"					E-48-19-B-d
xóm Diễn Đồng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 29"	105° 28' 00"					E-48-19-B-d
xóm Diễn Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 06"	105° 28' 34"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Diễn Xuân	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 27' 32"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Be	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 12"	105° 26' 40"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Bông	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 23"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Nheo	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 48"	105° 26' 14"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Quỹ	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 00"	105° 27' 01"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 36"	105° 26' 35"					E-48-19-B-d
Hồ Gừa	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 10"	105° 27' 43"					E-48-19-B-d
xóm Hòn Tổng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 44"	105° 28' 13"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Nguyên	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 49"	105° 27' 22"					E-48-19-B-d
xóm Làng Mét	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 20"	105° 26' 13"					E-48-19-B-d
xóm Làng Mít	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 43"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
Núi Lẹn	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 28' 45"					E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
xóm Tân Trung	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 59"	105° 27' 25"					E-48-19-B-d
Núi Tọ	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 13"	105° 26' 12"					E-48-19-B-d
xóm Trung Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 14"	105° 27' 21"					E-48-19-B-d
Núi Vẹt	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 27' 06"					E-48-19-B-d
Hòn Xưa	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 05"	105° 26' 43"					E-48-19-B-d
xóm Xuân Yến	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 10"	105° 28' 00"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
Làng Canh	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 53"	105° 24' 20"					E-48-19-B-b
làng Chăn Nuôi	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 41"	105° 22' 40"					E-48-19-B-b
Làng Chong	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 28"	105° 24' 33"					E-48-19-B-b
Suối Con	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
hồ Đồng Canh	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 24' 11"					E-48-19-B-b
làng Đồng Hưng	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 39"	105° 23' 41"					E-48-19-B-b
làng Đồng Song	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 41"	105° 23' 01"					E-48-19-B-b
Làng Dừa	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 09"	105° 23' 55"					E-48-19-B-b
làng Hưng Thông	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 54"	105° 23' 46"					E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
làng Kim Yên	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 26"	105° 24' 19"					E-48-19-B-b
làng Lâm Sinh	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 25"	105° 22' 08"					E-48-19-B-a
hồ Làng Nhâm	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 08"	105° 24' 46"					E-48-19-B-b
Làng Lập	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 23"	105° 25' 41"					E-48-19-B-b
Làng Mới	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 30"	105° 25' 11"					E-48-19-B-b
Làng Nhâm	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 57"	105° 24' 30"					E-48-19-B-b
Suối Sao	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 22"	105° 23' 06"	19° 24' 05"	105° 22' 58"	E-48-19-B-b
làng Yên Hưng	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 31"	105° 23' 39"					E-48-19-B-b
khối 1	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 37' 06"	104° 55' 35"					E-48-6-D
khối 2	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 56"	104° 55' 25"					E-48-6-D
khối 3	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 50"	104° 55' 19"					E-48-6-D
khối 4	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 40"	104° 55' 18"					E-48-6-D
khối 5	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 31"	104° 55' 12"					E-48-6-D
khối 6	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 30"	104° 55' 16"					E-48-6-D
khối 7	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 19"	104° 55' 11"					E-48-6-D
khối 8	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 18"	104° 55' 07"					E-48-6-D
khối 9	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 25"	104° 55' 02"					E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	
Bản Bố	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 43"	104° 49' 03"					E-48-6-D
bản Cắm Cảng	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 51"	104° 49' 20"					E-48-6-D
bản Cắm Nọc	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 42"	104° 48' 56"					E-48-6-D
bản Cắm Pỏm	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 36"	104° 48' 58"					E-48-18-B
bản Đồn Phạt	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 30' 22"	104° 49' 49"					E-48-6-D
Suối Kẹp	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 29' 55"	104° 41' 54"	19° 29' 01"	104° 37' 01"	E-48-18-A
bản Mòng 1	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 04"	104° 50' 28"					E-48-6-D
bản Mòng 2	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 06"	104° 50' 40"					E-48-6-D
bản Mòng 3	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 06"	104° 50' 51"					E-48-6-D
bản Nà Chọ	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 17"	104° 49' 35"					E-48-6-D
suối Na Quya	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 29' 01"	104° 44' 55"	19° 28' 30"	104° 47' 08"	E-48-18-B
bản Phà Pạt	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 10"	104° 49' 39"					E-48-6-D
bản Piếng Cắm	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 32' 05"	104° 49' 45"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Pún	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 30' 45"	104° 49' 58"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"	E-48-6-A, E-48-6-C+D, E-48-7-C
Suối Quya	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 27' 40"	104° 43' 43"	19° 29' 01"	104° 44' 55"	E-48-18-A
đường tỉnh 543	KX	xã Châu Kim	H. Quế Phong			19° 38' 17"	104° 57' 40"	19° 40' 36"	104° 39' 50"	
Bản Chồi	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 36' 15"	104° 53' 51"					E-48-6-D
Bản Cọ	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 10"	104° 53' 09"					E-48-6-D
Bản Đô	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 17"	104° 53' 34"					E-48-6-D
Bản Đỏ	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 40"	104° 53' 13"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Châu Kim	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D
bản Hữu Văn	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 14"	104° 52' 41"					E-48-6-D
Kháng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 34' 43"	104° 52' 36"					E-48-6-D
Bản Khoẳng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 46"	104° 53' 22"					E-48-6-D
bản Kim Khê	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 36"	104° 53' 50"					E-48-6-D
Lé	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 06"	104° 52' 33"					E-48-6-D
bản Liên Minh	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 36' 04"	104° 53' 29"					E-48-6-D
Bản Mồng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 36' 29"	104° 54' 07"					E-48-6-D
Bản Muồng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 00"	104° 52' 58"					E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	
bản Cỏ Ngựu	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 21"	104° 48' 40"					E-48-6-D
bản Đìn Đảnh	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 51"	104° 48' 46"					E-48-6-D
Bản Hiền	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 52"	104° 48' 16"					E-48-6-D
Bản Lắm	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 15"	104° 48' 05"					E-48-6-D
Bản Mở	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 34' 11"	104° 48' 03"					E-48-6-D
bản Na Lạn	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 00"	104° 49' 17"					E-48-6-D
bản Na Pục	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 34' 41"	104° 47' 28"					E-48-6-D
bản Na Tóng	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 48"	104° 49' 05"					E-48-6-D
bản Na Tỳ	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 25"	104° 48' 51"					E-48-6-D
Bản Piệu	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 40"	104° 49' 35"					E-48-6-D
Bản Pỏi	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 31"	104° 48' 45"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Quảng	TV	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D
Bản Quạnh	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 57"	104° 47' 50"					E-48-6-D
Nậm Tột	TV	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 41' 37"	104° 40' 58"	19° 34' 39"	104° 47' 46"	E-48-6-D
bản Xóm Mới	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 25"	104° 48' 26"					E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-D
núi Bù Giọi	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 25"	105° 05' 54"					E-48-7-A
suối Cà Dại	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 51' 41"	105° 11' 03"	19° 53' 31"	105° 07' 46"	E-48-7-A
Núi Cam	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	18° 55' 56"	105° 18' 46"					E-48-31-B-a
suối Canh Ke	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 54' 24"	105° 01' 49"	19° 55' 34"	105° 05' 03"	E-48-7-A
suối Chà Là	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 49' 32"	105° 00' 39"	19° 47' 02"	105° 00' 03"	E-48-7-A
suối Chiềng Noong	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 51' 27"	105° 08' 53"	19° 52' 57"	105° 06' 26"	E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 55' 06"	104° 50' 25"	19° 55' 25"	105° 08' 50"	E-48-7-A, E-48-6-B
Núi Cọc	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 51' 07"	105° 03' 05"					E-48-7-A
núi Cột Cờ	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
bản Đồng Mới	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 12"	104° 59' 39"					E-48-6-B
bản Đồng Tiến	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 56"	105° 02' 26"					E-48-7-A
Suối Duộc	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 12"	105° 04' 06"	19° 48' 19"	105° 04' 05"	E-48-7-A
núi Hâm Chạng	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 48' 08"	105° 07' 32"					E-48-7-A
Suối Hinh	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 45' 03"	105° 07' 04"	19° 48' 46"	105° 03' 49"	E-48-7-A
núi Hòng Na	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 50' 14"	105° 08' 38"					E-48-7-A
Suối Hoong	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 48' 09"	105° 01' 31"	19° 49' 21"	105° 01' 26"	E-48-7-A
Suối Ke	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 45' 39"	105° 03' 20"	19° 49' 23"	105° 03' 11"	E-48-7-A
Nậm Khúc	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 55' 12"	105° 02' 39"	19° 55' 07"	105° 08' 00"	E-48-7-A
bản Khủn Na	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 12"	105° 04' 31"					E-48-7-A
suối Lạc Nhỏ	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 49' 38"	105° 07' 44"	19° 50' 34"	105° 05' 32"	E-48-7-A
suối Lạc To	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 49' 53"	105° 08' 11"	19° 51' 45"	105° 06' 00"	E-48-7-A
Suối Man	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 26"	105° 03' 39"	19° 48' 27"	105° 03' 54"	E-48-7-A
Suối Mần	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 53' 47"	105° 08' 54"	19° 54' 32"	105° 07' 59"	E-48-7-A
bản Mường Hinh	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 26"	105° 02' 23"					E-48-7-A
bản Na Chảo	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 14"	105° 00' 34"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Nậm Hạt	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 48' 42"	104° 57' 07"	19° 43' 17"	104° 58' 28"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Núi	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 45' 47"	105° 04' 20"	19° 47' 50"	105° 02' 24"	E-48-7-A
Suối Pa	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Bản Pang	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 45' 24"	104° 59' 04"					E-48-7-A
Suối Pang	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 54' 11"	105° 09' 43"	19° 54' 49"	105° 08' 10"	E-48-7-A
bản Piềng Văn	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 48' 30"	105° 00' 53"					E-48-7-A
bản Pu Duộc	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 50"	105° 05' 02"					E-48-7-A
bản Pu Khóong	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 26"	105° 04' 41"					E-48-7-A
Bản Tục	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 44' 15"	104° 58' 42"					E-48-7-A
núi Cao Ma	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 46' 30"	104° 53' 48"					E-48-6-B
Bản Chàm	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 45"	104° 55' 52"					E-48-6-D
bản Chăm Pụt	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 40' 38"	104° 53' 27"					E-48-6-D
Bản Chiếng	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 23"	104° 56' 23"					E-48-6-D
núi Chóp Chóp	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 44' 14"	104° 46' 29"					E-48-6-D
Bản Công	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 41' 33"	104° 52' 26"					E-48-6-D
Sông Hiếu	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
bản Hua Mương	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 43' 20"	104° 50' 55"					E-48-6-D
Núi Khấm	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 43' 35"	104° 41' 42"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Khốm	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 40' 23"	104° 53' 53"					E-48-6-D
Suối Lán	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 44' 54"	104° 48' 32"	19° 44' 04"	104° 50' 22"	E-48-6-D
Suối Lân	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 29"	104° 45' 59"	19° 44' 54"	104° 48' 32"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Mít	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 47' 05"	104° 48' 35"	19° 44' 30"	104° 49' 43"	E-48-6-B, E-48-6-D
Bản Mứt	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 41' 17"	104° 52' 53"					E-48-6-D
Suối Ná	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 47' 17"	104° 51' 12"	19° 44' 22"	104° 50' 17"	E-48-6-B, E-48-6-D
bản Pà Cọ	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 41"	104° 55' 30"					E-48-6-D
bản Pà Kim	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 55' 50"					E-48-6-D
núi Pả Môn	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 44' 41"	104° 54' 52"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Pỏm Om	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 29"	104° 54' 51"					E-48-6-D
Suối Sắng	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 28"	104° 53' 15"	19° 43' 31"	104° 53' 03"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Sủng	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 44' 30"	104° 54' 42"	19° 43' 09"	104° 52' 14"	E-48-6-D
suối Vải Ôm	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 05"	104° 52' 36"	19° 42' 25"	104° 52' 15"	E-48-6-B, E-48-6-D
Bản Cắng	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 37' 09"	104° 54' 50"					E-48-6-D
bản Có Nòng	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 15"	104° 55' 17"					E-48-6-D
Bản Dồn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 53"	104° 55' 07"					E-48-6-D
bản Đón Cham	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 32"	104° 55' 35"					E-48-6-D
Xóm Dừa	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 07"	104° 55' 05"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Mường Nọc	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D
Bản Hăn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 37' 18"	104° 55' 06"					E-48-6-D
bản Lông Không	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 39"	104° 54' 35"					E-48-6-D
Bản Luống	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 29"	104° 54' 55"					E-48-6-D
bản Mường Mừn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 37"	104° 54' 31"					E-48-6-D
bản Na Nga	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 06"	104° 55' 22"					E-48-6-D
bản Ná Phảy	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 12"	104° 55' 37"					E-48-6-D
bản Na Phi	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 30"	104° 55' 21"					E-48-6-D
bản Na Pu	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 38"	104° 54' 29"					E-48-6-D
bản Pà Cà	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 33"	104° 54' 21"					E-48-6-D
bản Pà Nạt	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 25"	104° 54' 49"					E-48-6-D
Bản Tám	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 19"	104° 54' 43"					E-48-6-D
Bản Cáng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 49' 06"					E-48-6-D
bản Chả Lầu	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 37' 40"	104° 49' 19"					E-48-6-D
núi Chóp Chóp	SV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 44' 14"	104° 46' 29"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D
Núi Khăm	SV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 43' 35"	104° 41' 42"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Méo	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 41' 51"	104° 47' 19"					E-48-6-D
Bản Mở	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 38' 25"	104° 49' 26"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Piêng	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 42' 29"	104° 46' 18"	19° 41' 11"	104° 48' 35"	E-48-6-D
bản Piêng Lâng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 42' 27"	104° 46' 22"					E-48-6-D
Bản Pòng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 39' 14"	104° 49' 14"					E-48-6-D
Bản Pục	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 41' 37"	104° 48' 03"					E-48-6-D
Suối Quẩn	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 38' 52"	104° 51' 16"	19° 37' 37"	104° 50' 05"	E-48-6-D
suối Tà Nọi	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 42' 54"	104° 48' 29"	19° 41' 11"	104° 48' 35"	E-48-6-D
Bản Tóng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 38' 58"	104° 49' 21"					E-48-6-D
núi Bù Đình	SV	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 30' 39"	104° 41' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Chà Lật	SV	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Cam	DC	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 32' 57"	104° 45' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Lin Khường	DC	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 33' 16"	104° 45' 48"					E-48-6-D
Bản Mờ	DC	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 32' 18"	104° 44' 20"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Na	DC	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 32' 03"	104° 43' 36"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Na Ba	SV	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 33' 00"	104° 44' 27"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Hốc 1	DC	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 32' 20"	104° 42' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Hốc 2	DC	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 32' 18"	104° 41' 41"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Nhóng	TV	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong			19° 31' 49"	104° 42' 43"	19° 33' 57"	104° 45' 33"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nhọt Nhóng	DC	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong	19° 33' 12"	104° 41' 02"					E-48-6-A, E-48-6-C
suối Nhọt Nhóng	TV	xã Nậm Nhóong	H. Quế Phong			19° 33' 07"	104° 40' 57"	19° 31' 49"	104° 42' 43"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Ca	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 29' 58"	104° 52' 22"					E-48-6-D
Bản Cào	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 21"	104° 52' 05"					E-48-6-D
Bản Chiếng	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 39"	104° 52' 08"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Cò	SV	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 32' 31"	105° 00' 11"					E-48-7-C
bản Cò Hướng	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 53"	104° 51' 44"					E-48-6-D
Huổi Cối	TV	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 33' 03"	104° 52' 50"	19° 30' 57"	104° 54' 25"	E-48-6-D
Bản Cu	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 43"	104° 52' 16"					E-48-6-D
bản Hủa Khổ	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 18"	104° 51' 16"					E-48-6-D
bản Pảo 1	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 58"	104° 53' 46"					E-48-6-D
bản Pảo 2	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 57"	104° 53' 27"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"	E-48-6-D
Bản Quyn	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 27"	104° 53' 06"					E-48-6-D
Bản Tạ	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 12"	104° 51' 32"					E-48-6-D
bản Tìn Cẳng	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 29' 55"	104° 51' 32"					E-48-18-B
bản Tìn Pú	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 56"	104° 51' 35"					E-48-6-D
Nằm Xái	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 37"	104° 56' 15"					E-48-6-D
xóm 1	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 56' 57"					E-48-6-D
xóm 2	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 56' 12"					E-48-6-D
xóm 3	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 11"	104° 56' 08"					E-48-6-D
Bản Cọc	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 34' 21"	104° 57' 35"					E-48-6-D
Bản Đai	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 33' 26"	104° 58' 12"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D
xóm Hải Lâm 1	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 21"	104° 58' 29"					E-48-6-D
xóm Hải Lâm 2	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 34"	104° 58' 48"					E-48-6-D
bản Ná Ca	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 33"	104° 55' 49"					E-48-6-D
bản Ná Công	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 55' 59"					E-48-6-D
bản Ná Tọc	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 50"	104° 56' 39"					E-48-6-D
núi Pà Pâng	SV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 51"	104° 58' 34"					E-48-6-D
xóm Phong Quang	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 05"	104° 57' 21"					E-48-6-D
bản Piềng Mòn	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 34' 40"	104° 58' 01"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"	E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-B
Bản Ăng	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 52' 12"	104° 57' 44"					E-48-6-B
bản Cà Na	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 53' 04"	104° 56' 47"					E-48-6-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Nậm Cần	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 59' 30"	104° 57' 01"	19° 53' 51"	104° 55' 00"	E-48-6-B
núi Cao Mạ	SV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 46' 30"	104° 53' 48"					E-48-6-B
Suối Cát	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"	E-48-31-B-b, E-48-32-A-a
suối Chà Cà	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 54' 28"	104° 59' 06"	19° 52' 59"	104° 56' 49"	E-48-6-B
Sông Chu	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 55' 06"	104° 50' 25"	19° 55' 25"	105° 08' 50"	E-48-7-A, E-48-6-B
Suối Co	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 46' 50"	104° 55' 48"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-B
Huổi Cụt	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 47' 49"	104° 52' 34"	19° 49' 28"	104° 52' 54"	E-48-6-B
Suối Đừa	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 50' 03"	104° 57' 12"	19° 51' 20"	104° 58' 12"	E-48-6-B
Nậm Hàn	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 58' 51"	104° 55' 06"	19° 55' 06"	104° 50' 27"	E-48-6-B
bản Hiệp An	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 47' 50"	104° 59' 02"					E-48-6-B
bản Hiệp Phong	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 48' 56"	104° 58' 18"					E-48-6-B
bản Hủa Na 1	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 49' 34"	104° 58' 01"					E-48-6-B
bản Hủa Na 2	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 48' 29"	104° 58' 52"					E-48-6-B
bản Huổi Đừa	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 50' 58"	104° 58' 01"					E-48-6-B
Nậm Liêm	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 57' 57"	104° 56' 39"	19° 54' 11"	104° 53' 16"	E-48-6-B
Suối Lin	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 47' 01"	104° 53' 00"	19° 49' 43"	104° 53' 43"	E-48-6-B
Bản Lốc	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 25"	104° 56' 59"					E-48-6-B
Suối Lướm	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 47' 12"	104° 54' 57"	19° 45' 52"	104° 55' 04"	E-48-6-B
Bản Mai	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 09"	104° 59' 09"					E-48-6-B
bản Mường Phú	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 26"	104° 52' 16"					E-48-6-B
bản Mường Piệt	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 29"	104° 52' 56"					E-48-6-B
bản Na Lướm	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	104° 56' 56"	19° 51' 19"					E-48-6-B
núi Nậm Liềm	SV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 56' 41"	104° 53' 49"					E-48-6-B
bản Phú Lâm	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	104° 57' 03"	19° 51' 27"					E-48-6-B
Suối Piệt	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 51' 06"	104° 54' 03"	19° 51' 25"	104° 58' 11"	E-48-6-B
Suối Púng	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 57' 31"	104° 56' 21"	19° 56' 25"	104° 57' 07"	E-48-6-B
Huổi Sung	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 55' 35"	104° 59' 39"	19° 56' 45"	105° 01' 47"	E-48-7-A, E-48-6-B
Nậm Tố	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 50' 33"	104° 54' 17"	19° 51' 06"	104° 54' 03"	E-48-6-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Tố	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 36' 11"	104° 29' 09"	19° 35' 33"	104° 25' 48"	E-48-5-D
Suối Ty	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 48' 59"	104° 56' 10"	19° 50' 58"	104° 55' 22"	E-48-6-B
quốc lộ 48	KX	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-D
cầu Bai Việc	KX	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 39' 47"	104° 57' 28"					E-48-6-D
Bản Bon	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 08"	104° 56' 01"					E-48-6-D
cầu Châu Tiến	KX	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 36' 42"	104° 59' 52"					E-48-6-D
Suối Co	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 46' 50"	104° 55' 48"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-D
Bản Coi	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 29"	104° 56' 47"					E-48-6-D
bản Đan 1	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 36"	104° 59' 14"					E-48-6-D
bản Đan 2	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 29"	104° 59' 11"					E-48-6-D
Suối Hạt	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 43' 48"	104° 57' 56"	19° 40' 3 "	105° 00' 45"	E-48-7-C, E-48-6-D
Sông Hiếu	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-6-D
Núi Huống	SV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D
Bản Khủm	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 32"	104° 58' 00"					E-48-6-D
bản Lâm Trường 2	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 19"	104° 57' 44"					E-48-6-D
bản Lâm Trường 3	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 30"	104° 57' 37"					E-48-6-D
bản Long Quang	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 45"	104° 57' 56"					E-48-6-D
bản Mường Hin	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 28"	104° 56' 42"					E-48-6-D
bản Na Bón	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 40' 46"	104° 57' 19"					E-48-6-D
bản Na Càng	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 43' 48"	104° 58' 03"					E-48-6-D
bản Na Cày	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 58"	104° 56' 48"					E-48-6-D
bản Na Chang	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 42' 16"	104° 58' 02"					E-48-6-D
bản Nà Dến	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 53"	104° 57' 34"					E-48-6-D
bản Na Nhắng	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 43"	104° 56' 24"					E-48-6-D
bản Na Sành	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 44' 09"	105° 00' 50"					E-48-6-D
suối Nậm Niên	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 45' 52"	104° 55' 04"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-D
núi Pá Pự	SV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 36' 21"	104° 59' 39"					E-48-6-D
Suối Phùng	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 42' 34"	105° 01' 07"	19° 42' 09"	105° 00' 28"	E-48-7-C
bản Phương Tiến 1	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 55"	104° 58' 55"					E-48-6-D
bản Phương Tiến 2	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 15"	104° 58' 44"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Phương Tiến 3	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 17"	104° 58' 27"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D
Bản Tang	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 35"	104° 56' 10"					E-48-6-D
bản Thịnh Phong	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 57' 12"					E-48-6-D
bản Xắp Sành	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 42' 15"	105° 00' 23"					E-48-6-D
Bản Bò	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 23"	104° 43' 23"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Chà Lành	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 44"	104° 41' 59"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Chà Lặt	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Chiềng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 23"	104° 41' 32"					E-48-6-A, E-48-6-C
Xóm Chợ	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 31"	104° 41' 13"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Chọt	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 29"	104° 41' 33"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Chọt	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 38' 54"	104° 39' 58"	19° 36' 30"	104° 41' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Đ1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 58"	104° 42' 22"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Đ2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 44"	104° 43' 06"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Đôn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 57"	104° 41' 30"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nóng Ền	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 36' 50"	104° 42' 57"	19° 37' 09"	104° 44' 12"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Hủa Na	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 02"	104° 40' 58"					E-48-6-A, E-48-6-C
suối Huổi Mới	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 41' 17"	104° 40' 19"	19° 37' 43"	104° 41' 25"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Mới 1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 04"	104° 40' 56"					E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Huổi Mới 2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 26"	104° 40' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Sái 1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 23"	104° 44' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Sái 2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 33"	104° 44' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Kèm Ải	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 37' 33"	104° 41' 23"					E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Khăm	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 35' 44"	104° 40' 13"	19° 35' 27"	104° 40' 37"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Lầm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 14"	104° 41' 34"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Mường Lống	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 04"	104° 45' 39"					E-48-6-D
bản Ná Ca	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 03"	104° 40' 53"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Cấn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 32"	104° 42' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Chàng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 15"	104° 42' 35"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Lịt	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 08"	104° 42' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Niếng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 13"	104° 41' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Túi	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 37"	104° 42' 30"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nặm Cắm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 55"	104° 41' 10"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nậm Tột	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 33"	104° 43' 20"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Nghiến	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 37' 48"	104° 39' 23"	19° 36' 30"	104° 41' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nóng 1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 20"	104° 41' 12"					E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Nóng 2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 32"	104° 41' 01"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Pà Khốm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 17"	104° 37' 59"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Păng Nơ	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 37' 33"	104° 42' 04"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Phả Mặt	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 10"	104° 38' 04"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Phấn Mồ	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 28"	104° 42' 40"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Pịch Niệng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 33' 47"	104° 43' 16"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Piêng Lôm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 03"	104° 41' 38"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Piếng Luống	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 19"	104° 39' 08"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Pù Kha	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 08"	104° 40' 14"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Pù Vĩ	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 41"	104° 39' 02"					E-48-6-A, E-48-6-C
Sông Quàng	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D
suối Sa Lam	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 37' 12"	104° 38' 51"	19° 35' 20"	104° 41' 35"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Tà Pàn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 01"	104° 44' 10"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Tột	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 41' 37"	104° 40' 58"	19° 34' 39"	104° 47' 46"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Xan	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 43"	104° 40' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Yên Sơn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 14"	104° 40' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
khối 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 02"	105° 05' 28"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 2A	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 13"	105° 05' 25"					E-48-7-C
khối 2B	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 11"	105° 05' 41"					E-48-7-C
khối 3	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 32' 56"	105° 05' 52"					E-48-7-C
khối 4	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 03"	105° 05' 57"					E-48-7-C
quốc lộ 48	KX	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
khối Định Hoa	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 51"	105° 05' 29"					E-48-7-C
khối Hạnh Khai	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 35"	105° 05' 58"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Hoa Hải 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 25"	105° 05' 57"					E-48-7-C
khối Hoa Hải 2	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 23"	105° 06' 06"					E-48-7-C
khối Tân Hương 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 36"	105° 04' 58"					E-48-7-C
khối Tân Hương 2	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 32"	105° 04' 37"					E-48-7-C
khối Tân Thịnh	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 32' 54"	105° 06' 02"					E-48-7-C
Suối Xén	TV	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 31' 17"	105° 04' 45"	19° 33' 12"	105° 05' 51"	E-48-7-C
bản Bính Thọ	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 01' 59"					E-48-7-C
Huổi Canh	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 43' 43"	105° 06' 04"	19° 42' 10"	105° 05' 36"	E-48-7-C
núi Cát Xa	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 43' 44"	105° 08' 52"					E-48-7-C
Huổi Chai	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
núi Chăm Can	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 44' 36"	105° 06' 59"					E-48-7-C
Bản Chảo	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 57"	105° 01' 35"					E-48-7-C
Huổi Chút	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 44' 03"	105° 06' 55"	19° 42' 57"	105° 06' 40"	E-48-7-C
Bản Cọc	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 39' 08"	105° 00' 57"					E-48-7-C
Huổi Đống	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 50"	105° 01' 08"	19° 41' 30"	105° 00' 37"	E-48-7-C
núi Hang Pua	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 01' 51"					E-48-7-C
Bản Hạt	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 09"	105° 01' 28"					E-48-7-C
Nậm Hạt	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 40' 03"	105° 00' 45"	19° 36' 45"	104° 59' 53"	E-48-7-C
huổi Hin Lớ	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 40' 26"	105° 01' 11"	19° 40' 06"	105° 00' 50"	E-48-7-C
Huổi Hun	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 27"	105° 08' 44"	19° 41' 59"	105° 08' 52"	E-48-7-C
đập Khe Cọc	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 39' 43"	105° 01' 06"					E-48-7-C
đập Khe Nhã	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 39' 15"	105° 01' 51"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Huổi Khón	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 18"	104° 59' 39"	19° 41' 09"	105° 00' 12"	E-48-6-D, E-48-7-C
bản Kiềng 1	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 14"	105° 00' 13"					E-48-7-C
bản Kiềng 2	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 05"	105° 00' 14"					E-48-7-C
Huổi Kới	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 40' 48"	105° 05' 45"	19° 40' 09"	105° 02' 19"	E-48-7-C
Bản Lạnh	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 44"	105° 01' 14"					E-48-7-C
Huổi Luông	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 45"	105° 07' 39"	19° 42' 35"	105° 06' 13"	E-48-7-C
Bản Luồng	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 02"	105° 01' 19"					E-48-7-C
huổi Ma Chà Nước	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 44' 08"	105° 08' 23"	19° 43' 08"	105° 07' 24"	E-48-7-C
núi Ma Chà Nước	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 43' 13"	105° 08' 28"					E-48-7-C
Huổi Mái	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 42' 03"	105° 02' 15"	19° 40' 33"	105° 02' 14"	E-48-7-C
Bản Mở	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 48"	105° 01' 45"					E-48-7-C
Huổi Mười	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 42' 00"	105° 07' 59"	19° 42' 31"	105° 07' 53"	E-48-7-C
Huổi Nhã	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 47"	105° 09' 36"	19° 39' 12"	105° 01' 17"	E-48-7-C
bản Nông Trang	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 23"	105° 01' 53"					E-48-7-C
núi Phà Can Đánh	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 55"	105° 03' 05"					E-48-7-C
bản Phá Đáy	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 19"	105° 03' 02"					E-48-7-C
Huổi Phạt	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 09"	105° 06' 54"	19° 42' 08"	105° 05' 55"	E-48-7-C
Huổi Phùng	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 43' 09"	105° 03' 31"	19° 42' 03"	105° 02' 15"	E-48-7-C
núi Pù Huống	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D
núi Pù Quạt	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 40' 29"	105° 05' 24"					E-48-7-C
núi Pù Sánh	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 40' 02"	105° 03' 26"					E-48-7-C
Núi Quang	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 41' 15"	105° 09' 07"					E-48-7-C
huổi Rú Chi	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 43' 27"	105° 09' 06"	19° 42' 11"	105° 08' 35"	E-48-7-C
bản Xăng 1	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 45"	105° 00' 52"					E-48-7-C
bản Xăng 2	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 00' 47"					E-48-7-C
đội 4	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 31' 26"	105° 08' 51"					E-48-7-C
bản 32	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 30' 38"	105° 12' 46"					E-48-7-C
bản 34	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 28' 46"	105° 14' 31"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-A, E-48-19-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bãi Gỗ	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 18"	105° 12' 24"					E-48-19-A
Suối Bàn	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 29' 52"	105° 07' 24"	19° 30' 20"	105° 12' 00"	E-48-19-A, E-48-7-C
bản Bình 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 11"	105° 12' 07"					E-48-7-C
bản Bình 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 07"	105° 12' 51"					E-48-7-C
bản Bình 3	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 27"	105° 13' 39"					E-48-19-A
bản Bình Quang	*DC*	*xã Châu Bình*	*H. Quỳ Châu*	*19° 28' 45"*	*105° 16' 46"*					*E-48-19-B-a*
núi Bù Cắm	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 33"	105° 13' 00"					E-48-7-C
núi Bù Đô	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 14"	105° 15' 54"					E-48-19-B-a
núi Bù Giải	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 14"	105° 09' 58"					E-48-19-A
núi Bù Khạng	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 25' 49"	105° 11' 06"					E-48-19-A
núi Bù Khạng Nhỏ	SV	*xã Châu Bình*	*H. Quỳ Châu*	19° 25' 51"	*105° 10' 08"*					E-48-19-A
bản Cà Giạc	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 45"	105° 10' 38"					E-48-19-A
Bản Cáng	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 02"	105° 11' 11"					E-48-19-A
Bản Cháy	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 40"	105° 11' 17"					E-48-19-A
cầu Cô Ba	KX	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 14"	105° 12' 50"					E-48-7-C
suối Cô Ba	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 30' 20"	105° 12' 00"	19° 31' 35"	105° 14' 28"	E-48-7-C
bản Độ 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 06"	105° 12' 07"					E-48-19-A
bản Độ 3	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 33"	105° 12' 49"					E-48-19-A
Sông Hiếu	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			*19° 43' 07"*	*104° 51' 25"*	*19° 15' 32"*	*105° 25' 09"*	*E-48-19-B-d*
bản Hoà Bình	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 12' 11"					E-48-7-C
bản Kẻ Can	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 22"	105° 10' 02"					E-48-7-C
bản Kẻ Đua	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 52"	105° 12' 19"					E-48-19-A
xóm Kẻ Kèn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 49"	105° 13' 50"					E-48-19-A
bản Kẻ Khoang	*DC*	*xã Châu Bình*	*H. Quỳ Châu*	*19° 29' 47"*	*105° 13' 08"*					*E-48-19-A*
Suối Khám	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 29' 29"	105° 15' 40"	19° 29' 36"	105° 16' 28"	E-48-19-B-a
Nậm Khạng	TV	*xã Châu Bình*	*H. Quỳ Châu*			*19° 28' 38"*	*105° 11' 21"*	*19° 30' 20"*	*105° 12' 00"*	E-48-19-A, E-48-7-C
bản Khe Bàn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 09' 10"					E-48-7-C
bản Lầu 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 15"	105° 11' 37"					E-48-7-C
bản Lầu 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 12' 11"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Ná Bàn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 16"	105° 11' 52"					E-48-7-C
xóm Na San	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 53"	105° 12' 43"					E-48-19-A
xóm Na Sớn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 13"	105° 12' 44"					E-48-19-A
bản Pà Hốc	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 38"	105° 11' 11"					E-48-19-A
bản Quỳnh 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 04"	105° 14' 41"					E-48-19-A
bản Quỳnh 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 22"	105° 14' 52"					E-48-19-A
Bản Sắn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 51"	105° 11' 46"					E-48-19-A
núi Sắn Đen Miếng	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 09"	105° 09' 12"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
Suối Bàn	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 29' 52"	105° 07' 24"	19° 30' 20"	105° 12' 00"	E-48-19-A, E-48-7-C
dốc Bù Bài	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 11"	105° 03' 04"					E-48-7-C
bản Đình Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 15"	105° 06' 48"					E-48-7-C
bản Đồng Minh	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 37"	105° 06' 02"					E-48-7-C
Huổi Hán	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 35' 10"	105° 04' 07"	19° 34' 17"	105° 03' 59"	E-48-7-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 21"	105° 07' 15"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-7-C
bản Húa Na	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 16"	105° 04' 52"					E-48-7-C
bản Kẻ Bọn	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 05"	105° 04' 58"					E-48-7-C
cầu Kẻ Bọn	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 25"	105° 05' 07"					E-48-7-C
bản Kẻ Nính	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 34"	105° 06' 57"					E-48-7-C
bản Khe Hán	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 31"	105° 04' 04"					E-48-7-C
cầu Khe Hán	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 19"	105° 04' 00"					E-48-7-C
bản Khe Lan	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 59"	105° 04' 36"					E-48-7-C
bản Khe My	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 47"	105° 06' 15"					E-48-7-C
suối Khố Xúng	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 35' 42"	105° 04' 43"	19° 33' 55"	105° 04' 07"	E-48-7-C
Khe Lan	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 30' 56"	105° 03' 26"	19° 31' 41"	105° 04' 42"	E-48-7-C
núi Lèn Phá Đai	SV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 27"	105° 07' 22"					E-48-7-C
bản Minh Châu	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 58"	105° 06' 47"					E-48-7-C
bản Minh Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 41"	105° 06' 16"					E-48-7-C
bản Ná Ca	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 46"	105° 05' 49"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Ná Xén	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 14"	105° 04' 48"					E-48-7-C
suối Nặm Đinh	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 40' 05"	105° 08' 21"	19° 34' 07"	105° 07' 06"	E-48-7-C
suối Nặm Pông	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"	E-48-7-C
Huổi Pa	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 36' 40"	105° 04' 36"	19° 33' 32"	105° 05' 39"	E-48-7-C
bản Pà Cọ	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 27"	105° 07' 03"					E-48-7-C
núi Phá Hói	SV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 03' 56"					E-48-7-C
bản Tà Cồ	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 06"	105° 06' 45"					E-48-7-C
bản Tà Lạnh	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 05"	105° 06' 11"					E-48-7-C
bản Tà Sỏi	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 18"	105° 03' 28"					E-48-7-C
bản Thuận Lập	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 03"	105° 05' 48"					E-48-7-C
Suối Xén	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 31' 17"	105° 04' 45"	19° 33' 12"	105° 05' 51"	E-48-7-C
bản Mờ Póm	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 42"	104° 57' 38"					E-48-18-B
bản Ná Ba	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 04"	104° 56' 50"					E-48-18-B
bản Ná Cống	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 30"	104° 57' 07"					E-48-18-B
bản Ná Mý	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 43"	104° 56' 19"					E-48-18-B
bản Ná Ngốm	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 55' 04"					E-48-18-B
bản Na Xá	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 27"	104° 57' 32"					E-48-18-B
suối Nặm Cam	TV	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu			19° 25' 30"	104° 51' 57"	19° 29' 13"	104° 59' 05"	E-48-18-B
bản Nật Dưới	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 50"	104° 55' 59"					E-48-18-B
bản Nật Trên	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 55' 10"					E-48-18-B
bản Pông Canh	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 54"	104° 58' 13"					E-48-18-B
quốc lộ 48	KX	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
làng 8/3	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 37"	105° 10' 57"					E-48-7-C
núi Bù Ca	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 40' 55"	105° 10' 46"					E-48-7-C
núi Bù Đơn	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 36' 36"	105° 11' 21"					E-48-7-C
Núi Câu	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 40' 04"	105° 12' 02"					E-48-7-C
núi Chóm Quan	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 38' 58"	105° 13' 19"					E-48-7-C
Núi Cốc	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 39' 23"	105° 12' 48"					E-48-7-C
Bản Đơn	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 20"	105° 10' 09"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
bản Hội 1	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 33"	105° 09' 20"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Hội 2	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 34' 02"	105° 09' 51"					E-48-7-C
bản Hội 3	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 34' 31"	105° 09' 45"					E-48-7-C
Bản Khứm	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 41"	105° 11' 18"					E-48-7-C
suối Khứm	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 32' 32"	105° 11' 15"	19° 33' 34"	105° 11' 19"	E-48-7-C
Bản Khun	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 09"	105° 09' 13"					E-48-7-C
làng Lâm Hội	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 07"	105° 09' 40"					E-48-7-C
Bản Lè	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 42"	105° 08' 31"					E-48-7-C
Suối Mưn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 37' 33"	105° 14' 18"	19° 33' 42"	105° 11' 29"	E-48-7-C
núi Pà Nhau	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 11' 08"					E-48-7-C
Bản Sớn	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 09' 02"					E-48-7-C
Khe Sớn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 39' 22"	105° 10' 31"	19° 38' 23"	105° 09' 04"	E-48-7-C
Suối Sớn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 38' 23"	105° 09' 04"	19° 33' 34"	105° 09' 02"	E-48-7-C
Khe Tắn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 40' 40"	105° 10' 18"	19° 36' 57"	105° 10' 18"	E-48-7-C
Suối Tắn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 36' 57"	105° 10' 18"	19° 33' 32"	105° 09' 11"	E-48-7-C
bản Tắn 1	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 36' 48"	105° 10' 19"					E-48-7-C
bản Tắn 2	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 37' 25"	105° 10' 46"					E-48-7-C
núi Tang Quai	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 39' 02"	105° 10' 42"					E-48-7-C
Núi Tọ	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 57"	105° 09' 08"					E-48-7-C
làng Việt Hương	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 54"	105° 10' 26"					E-48-7-C
Huổi Căm	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 38' 30"	105° 13' 40"	19° 37' 33"	105° 14' 18"	E-48-7-C
núi Chóm Quan	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 38' 58"	105° 13' 19"					E-48-7-C
huổi Chùi Lùi	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 34' 00"	105° 14' 45"	19° 31' 43"	105° 14' 18"	E-48-7-C
Núi Co	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 32' 38"	105° 15' 44"					E-48-7-D-c
Núi Đèn	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 36"	105° 11' 21"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
núi Huổi Phạt	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 34' 48"	105° 13' 02"					E-48-7-C
bản Liên Minh	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 32"	105° 13' 32"					E-48-7-C
Huổi Mưn	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 37' 33"	105° 14' 18"	19° 33' 42"	105° 11' 29"	E-48-7-C
Huổi Na	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 35' 55"	105° 14' 40"	19° 32' 52"	105° 12' 57"	E-48-7-C
bản Nga My	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 14' 17"					E-48-7-C
bản Nga Sơn	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 37' 03"	105° 13' 48"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Pa Nhau	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 11' 08"					E-48-7-C
bản Tân Tiến	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 54"	105° 13' 41"					E-48-7-C
bản Thanh Sơn	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 10"	105° 12' 47"					E-48-7-C
bản Thanh Tân	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 48"	105° 12' 32"					E-48-7-C
bản Ban 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 03"	105° 01' 29"					E-48-19-A
bản Ban 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 11"	105° 01' 25"					E-48-19-A
suối Bản Chiềng	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 22' 02"	104° 59' 49"	19° 26' 52"	105° 01' 40"	E-48-18-B, E-48-19-A
Nậm Cam	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 29' 13"	104° 59' 05"	19° 28' 44"	104° 59' 59"	E-48-18-B, E-48-19-A
Bản Chiềng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 48"	105° 01' 47"					E-48-19-A
Núi Cò	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 32' 31"	105° 00' 11"					E-48-7-C
Nậm Cướm	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 25' 52"	104° 58' 15"	19° 28' 44"	104° 59' 59"	E-48-18-B
Huổi Đôm	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 05"	105° 05' 15"	19° 28' 49"	105° 00' 53"	E-48-19-A
bản Đôm 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 22"	105° 03' 02"					E-48-19-A
bản Đôm 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 10"	105° 02' 56"					E-48-19-A
Bản Lầu	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 18"	104° 59' 11"					E-48-18-B
Bản Lìm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 52"	105° 00' 17"					E-48-18-B
Bản Luồng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 32"	105° 03' 21"					E-48-19-A
Núi Má	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 05"	105° 06' 51"					E-48-19-A
Khe Mạt	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 32' 21"	105° 00' 51"	19° 32' 35"	105° 02' 33"	E-48-7-C
Bản May	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 35"	104° 59' 41"					E-48-18-B
Xóm Mới	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 53"	105° 01' 04"					E-48-19-A
núi Phá May	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 32' 32"	105° 00' 40"					E-48-7-C
bản Piếng Cắm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 45"	105° 01' 32"					E-48-19-A
bản Piếng Điếm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 56"	105° 02' 45"					E-48-19-A
Núi Pó	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 21"	105° 04' 00"					E-48-19-A
Nậm Pông	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"	E-48-19-A, E-48-7-C
Huổi Pùng	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 38"	105° 06' 23"	19° 28' 05"	105° 05' 15"	E-48-19-A
Bản Quảng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 21"	104° 59' 33"					E-48-18-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Tầm 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 09"	104° 59' 54"					E-48-18-B
bản Tầm 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 24"	105° 00' 06"					E-48-18-B
bản Tông 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 29"	105° 01' 14"					E-48-19-A
bản Tông 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 45"	105° 00' 52"					E-48-19-A
núi Tổng Khang	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 41"	105° 05' 49"					E-48-19-A
huổi Xám Tang	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 24' 59"	105° 00' 35"	19° 27' 33"	104° 59' 51"	E-48-19-A, E-48-18-B
dãy Xang Tang	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 25' 45"	104° 59' 37"	19° 24' 47"	105° 00' 02"	E-48-18-B
bản Xốp Cam	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 48"	105° 00' 04"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
Bản Bài	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 34' 33"	105° 02' 10"					E-48-7-C
Bản Cắng	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 34' 44"	105° 01' 51"					E-48-7-C
Suối Cắng	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 34' 02"	105° 00' 58"	19° 34' 51"	105° 01' 51"	E-48-7-C
bản Chiềng Ban 1	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 54"	105° 00' 40"					E-48-7-C
bản Chiềng Ban 2	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 49"	105° 00' 30"					E-48-7-C
Núi Cò	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 32' 31"	105° 00' 11"					E-48-7-C
núi Cụt Lá	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 36' 19"	105° 01' 48"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
bản Kẻ Bận	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 01' 44"					E-48-7-C
suối Nậm Pồng	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"	E-48-18-B, E-48-7-C
núi Phá May	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 32' 32"	105° 00' 40"					E-48-7-C
Sông Quàng	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-7-C, E-48-6-D
Núi Tuông	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 01' 12"					E-48-7-C
bản Xẹt 1	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	105° 00' 19"	19° 35' 24"					E-48-7-C
bản Xẹt 2	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 06"	105° 00' 17"					E-48-7-C
bản Xóm Mới	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 05"	105° 01' 14"					E-48-7-C
Suối Bông	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 13"	105° 04' 43"	19° 38' 28"	105° 03' 21"	E-48-7-C
bản Bông 1	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 03' 10"					E-48-7-C
bản Bông 2	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 38"	105° 03' 47"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Chai	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 55"	105° 07' 57"					E-48-7-C
Suối Chai	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
Bản Chàng	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 23"	105° 05' 10"					E-48-7-C
Bản Chiềng	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 05' 24"					E-48-7-C
Khe Cua	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 39' 11"	105° 06' 12"	19° 38' 29"	105° 05' 16"	E-48-7-C
suối Khún	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 16"	105° 05' 58"	19° 38' 40"	105° 04' 32"	E-48-7-C
Bản Men	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 39' 05"	105° 04' 47"					E-48-7-C
Khe Muống	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 38' 33"	105° 06' 16"	19° 38' 27"	105° 05' 45"	E-48-7-C
Suối Nghịu	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 41"	105° 07' 00"	19° 39' 22"	105° 06' 42"	E-48-7-C
Suối Nính	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 04"	105° 10' 12"	19° 40' 05"	105° 08' 21"	E-48-7-C
Bản Noong	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 42"	105° 05' 41"					E-48-7-C
bản Noóng Hao	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 06' 00"					E-48-7-C
núi Phá Đánh	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 37' 55"	105° 03' 05"					E-48-7-C
Khe Phai	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 37' 46"	105° 05' 44"	19° 38' 27"	105° 05' 45"	E-48-7-C
Bản Piu	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	105° 04' 43"					E-48-7-C
núi Pù Quạt	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 40' 29"	105° 05' 24"					E-48-7-C
núi Pù Sảnh	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 40' 02"	105° 03' 26"					E-48-7-C
Núi Quang	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 41' 15"	105° 09' 07"					E-48-7-C
dãy Sản Sư	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 39' 32"	105° 04' 25"	19° 40' 29"	105° 05' 24"	E-48-7-C
bản Thẩm 1	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 54"	105° 04' 28"					E-48-7-C
bản Thẩm 2	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 39' 00"	105° 04' 35"					E-48-7-C
Núi Tôn	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 41' 04"	105° 09' 50"					E-48-7-C
quốc lộ 48	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C, E-48-6-D
bản Bua Lầu	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 47"	105° 00' 37"					E-48-6-D
cầu Châu Tiến	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 42"	104° 59' 52"					E-48-6-D
núi Cụt La	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 19"	105° 01' 48"					E-48-7-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 32"	105° 00' 17"					E-48-7-C
Nậm Hạt	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 40' 03"	105° 00' 45"	19° 36' 45"	104° 59' 53"	E-48-7-C, E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Hiếu	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-7-C, E-48-6-D
bản Hoa Tiến 1	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 43"	104° 59' 43"					E-48-6-D
bản Hoa Tiến 2	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 36"	104° 59' 38"					E-48-6-D
bản Hồng Tiến 1	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 42"	105° 00' 46"					E-48-6-D
bản Hồng Tiến 2	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 13"	105° 00' 58"					E-48-6-D
bản Hợp Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 41"	105° 00' 28"					E-48-7-C
bản Minh Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 12"	105° 00' 38"					E-48-7-C
núi Pù Huống	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D
núi Hang Pua	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 01' 51"					E-48-7-C
Núi Tuông	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 01' 12"					E-48-7-C
Suối Bò	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 22' 04"	104° 53' 57"	19° 23' 59"	104° 55' 56"	E-48-18-B
Bản Chạo	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 30"	104° 58' 12"					E-48-18-B
Huổi Chao	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 23' 01"	104° 59' 02"	19° 25' 05"	104° 59' 07"	E-48-18-B
bản Có Hướng	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 15"	104° 58' 11"					E-48-18-B
Suối Cua	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 20' 26"	104° 55' 55"	19° 24' 01"	104° 57' 20"	E-48-18-B
Bản Cướm	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 17"	104° 57' 57"					E-48-18-B
Nậm Cướm	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 25' 52"	104° 58' 15"	19° 28' 44"	104° 59' 59"	E-48-18-B
Suối Cướm	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 22' 46"	104° 52' 40"	19° 25' 52"	104° 58' 15"	E-48-18-B
Bản Hốc	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 57' 43"					E-48-18-B
bản Na Ca	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 25' 58"	104° 58' 08"					E-48-18-B
bản Na Lạnh	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 25' 03"	104° 58' 07"					E-48-18-B
bản Na Lược	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 20"	104° 58' 12"					E-48-18-B
bản Na Mô	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 32"	104° 57' 48"					E-48-18-B
bản Na Môn	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 25' 16"	104° 57' 57"					E-48-18-B
bản Na No	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 56"	104° 57' 49"					E-48-18-B
bản Na Sơn	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 59"	104° 57' 55"					E-48-18-B
Huổi Pá	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 25' 05"	104° 59' 07"	19° 25' 52"	104° 58' 15"	E-48-18-B
dãy Xang Tang	SV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 25' 45"	104° 59' 37"	19° 24' 47"	105° 00' 02"	E-48-18-B
bản Xốp Hốc	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 37"	104° 58' 22"					E-48-18-B
đường tỉnh 532	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 48C	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
khối Bắc Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 36"	105° 11' 04"					E-48-19-A
Sông Dinh	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A
khối Đông Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 26"	105° 11' 05"					E-48-19-A
khối Hợp Bình	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 53"	105° 10' 38"					E-48-19-A
khối Hợp Châu	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 24"	105° 10' 24"					E-48-19-A
khối Hợp Hoà	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 58"	105° 10' 47"					E-48-19-A
khối Hợp Minh	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 10' 39"					E-48-19-A
khối Hợp Nhất	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 28"	105° 11' 18"					E-48-19-A
khối Hợp Quang	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 40"	105° 11' 23"					E-48-19-A
khối Hợp Sơn	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 35"	105° 10' 13"					E-48-19-A
khối Hợp Tâm	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 40"	105° 11' 15"					E-48-19-A
khối Hợp Tân	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 53"	105° 11' 12"					E-48-19-A
khối Hợp Thái	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 41"	105° 10' 27"					E-48-19-A
khối Hợp Thắng	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 20"	105° 10' 43"					E-48-19-A
khối Hợp Thành	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 13"	105° 10' 31"					E-48-19-A
khối Hợp Thịnh	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 54"	105° 11' 21"					E-48-19-A
khối Hợp Tiến	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 46"	105° 10' 46"					E-48-19-A
khối Hợp Trung	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 47"	105° 11' 01"					E-48-19-A
khối Hợp Xuân	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 19"	105° 11' 14"					E-48-19-A
khối Nam Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 06"	105° 11' 00"					E-48-19-A
cầu Nậm Tôn	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 32"	105° 10' 01"					E-48-19-A
khối Tây Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 10' 41"					E-48-19-A
hồ Thung Mây	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 27"	105° 10' 57"					E-48-19-A
Nậm Tôn	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 20' 54"	105° 09' 22"	19° 19' 24"	105° 10' 12"	E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-C
nậm Chung	TV	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 13' 20"	105° 01' 17"	19° 13' 32"	105° 07' 26"	E-48-19-C
núi Còn Cha	SV	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 26"	105° 02' 44"					E-48-19-C
Bản Hiêng	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 04"	105° 04' 35"					E-48-19-C
Bản Mánh	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 13"	105° 03' 51"					E-48-19-C
bản Nậm Huống	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 37"	105° 04' 24"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Nguộc	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 34"	105° 04' 28"					E-48-19-C
Bản Nháo	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 39"	105° 05' 28"					E-48-19-C
bản Pạ Pục	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 51"	105° 06' 08"					E-48-19-C
Bản Vạn	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 22"	105° 04' 13"					E-48-19-C
Bản Vi	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 11"	105° 04' 49"					E-48-19-C
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
Nậm Con	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 20' 48"	105° 05' 36"	19° 19' 15"	105° 07' 30"	E-48-19-A
Huổi Dền	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 24' 25"	105° 01' 47"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	E-48-19-A
xóm Đồng Tiền	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 06' 45"					E-48-19-A
xóm Hạ Đông	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 41"	105° 07' 06"					E-48-19-A
Huổi Khi	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 18' 13"	104° 59' 50"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	E-48-19-A, E-48-18-B
Bản Khi	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 23"	105° 04' 37"					E-48-19-A
Phu Măng	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 03' 07"					E-48-19-A
xóm Mường Ham	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 55"	105° 06' 53"					E-48-19-A
Bản Nạt	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 20"	105° 05' 54"					E-48-19-A
Suối Nậy	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 21' 29"	104° 59' 05"	19° 19' 56"	105° 00' 34"	E-48-19-A, E-48-18-B
Bản Nguống	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 12"	105° 06' 36"					E-48-19-A
Bản Nhạ	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 50"	105° 05' 55"					E-48-19-A
Bản Nhang	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 02"	105° 07' 16"					E-48-19-A
Huổi Nhanh	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 22' 47"	105° 06' 22"	19° 21' 12"	105° 05' 42"	E-48-19-A
Bản Nhọi	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 08"	105° 07' 01"					E-48-19-A
núi Phá Cụm	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 53"	105° 07' 26"					E-48-19-A
núi Phá Liếng	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 40"	105° 06' 53"					E-48-19-A
núi Phá May	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 06' 57"					E-48-19-A
núi Tang Còn	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 04' 36"					E-48-19-A
Bản Tèo	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 05"	105° 04' 12"					E-48-19-A
Bản Thắm	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 41"	105° 07' 04"					E-48-19-A
xóm Bản Bù Sen	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 11' 56"					E-48-19-A
xóm Bản Cáng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 16' 24"	105° 09' 42"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bản Căng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 11' 18"					E-48-19-A
xóm Bản Coi	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 02"	105° 10' 37"					E-48-19-A
xóm Bản Cúng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 16' 27"	105° 10' 20"					E-48-19-A
xóm Bản Điểm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 00"	105° 11' 19"					E-48-19-A
xóm Bản Hầm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 34"	105° 11' 32"					E-48-19-A
xóm Bản Quệ	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 17' 41"	105° 10' 57"					E-48-19-A
xóm Bản Rốc	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 11' 53"					E-48-19-A
xóm Bản Thịnh	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 41"	105° 10' 40"					E-48-19-A
xóm Cáng Điểm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 56"	105° 11' 46"					E-48-19-A
xóm Châu Quê	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 11' 01"					E-48-19-A
núi Chòm Cúc	SV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"					E-48-19-A
Nậm Chông	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 15' 24"	105° 08' 46"	19° 16' 51"	105° 10' 20"	E-48-19-A
Nậm Choòng	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 16' 51"	105° 10' 20"	19° 18' 51"	105° 10' 55"	E-48-19-A
xóm Hợp Hưng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 05"	105° 10' 02"					E-48-19-A
xóm Hợp Nhân	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 44"	105° 13' 01"					E-48-19-A
xóm Hương Châu	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 43"	105° 12' 27"					E-48-19-A
Huổi Lìn	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 15' 49"	105° 11' 45"	19° 19' 24"	105° 12' 22"	E-48-19-A
Xóm Mới	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 07"	105° 11' 15"					E-48-19-A
xóm Mỹ Đình	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 01"	105° 12' 24"					E-48-19-A
xóm Mỹ Tân	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 21"	105° 12' 38"					E-48-19-A
núi Phá Hốc	SV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 13"	105° 12' 41"					E-48-19-A
Huổi Thuần	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 17' 39"	105° 11' 35"	19° 18' 08"	105° 12' 07"	E-48-19-A
xóm Tổng Hốc	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 11' 52"					E-48-19-A
xóm Xuân Đình	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 17' 23"	105° 12' 38"					E-48-19-A
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
núi Bù Má	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 27' 05"	105° 06' 51"					E-48-19-A
Bản Chảo	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 05' 27"					E-48-19-A
Bản Công	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 31"	105° 06' 09"					E-48-19-A
suối Húa Tả	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 24' 32"	105° 05' 00"	19° 24' 51"	105° 06' 03"	E-48-19-A
bản Huống	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 05' 25"					E-48-19-A
Bản Hy	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 42"	105° 05' 29"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Lản Toong	SV	*xã Châu Hồng*	*H. Quỳ Hợp*	19° 23' 38"	105° 04' 43"					E-48-19-A
Bản Muộng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 05' 44"					E-48-19-A
bản Na Hiêng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 51"	105° 05' 48"					E-48-19-A
bản Na Noong	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 06' 29"					E-48-19-A
bản Nặm Tịu	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 38"	105° 06' 38"					E-48-19-A
Bản Ngọc	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 23"	105° 06' 26"					E-48-19-A
núi Nhọt Tỉu	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 37"	105° 06' 57"					E-48-19-A
suối Nhọt Tỉu	TV	*xã Châu Hồng*	*H. Quỳ Hợp*			*19° 26' 00"*	*105° 06' 50"*	*19° 24' 43"*	*105° 06' 14"*	E-48-19-A
núi Phá Bàng	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 41"	105° 06' 27"					E-48-19-A
núi Phá May	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 06' 57"					E-48-19-A
núi Phá Phăng	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 06' 13"					E-48-19-A
suối Phái Hom	TV	*xã Châu Hồng*	*H. Quỳ Hợp*			19° 26' 05"	105° 04' 41"	19° 24' 39"	105° 06' 14"	E-48-19-A
Bản Phảy	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 29"	105° 06' 11"					E-48-19-A
Bản Poòng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 48"	105° 05' 56"					E-48-19-A
Huổi San	TV	*xã Châu Hồng*	*H. Quỳ Hợp*			*19° 24' 04"*	*105° 06' 19"*	*19° 24' 49"*	*105° 06' 07"*	E-48-19-A
núi Tổng Khang	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 26' 41"	105° 05' 49"					E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
dốc Bù Tạt	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 20"	105° 12' 25"					E-48-19-A
núi Bù Tè	SV	*xã Châu Lộc*	*H. Quỳ Hợp*	19° 22' 59"	105° 13' 10"					E-48-19-A
núi Bù Xung	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 07"	105° 12' 37"					E-48-19-A
suối Châu Lộc	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 22' 29"	105° 13' 33"	19° 20' 23"	105° 14' 44"	E-48-19-A
Bản Chô	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 11' 48"					E-48-19-A
Bản Cụt	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 01"	105° 12' 39"					E-48-19-A
Suối Cụt	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 23' 33"	105° 12' 06"	19° 22' 29"	105° 13' 33"	E-48-19-A
Bản Đan	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 25"	105° 14' 29"					E-48-19-A
hồ Đồng Xượng	TV	*xã Châu Lộc*	*H. Quỳ Hợp*	*19° 23' 05"*	*105° 14' 57"*					E-48-19-A
Bản Ính	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 34"	105° 13' 09"					E-48-19-A
Bản Kèn	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 26"	105° 12' 12"					E-48-19-A
Bản Khục	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 15"	105° 13' 26"					E-48-19-A
Bản Lìn	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 55"	105° 14' 03"					E-48-19-A
xóm Na Tỳ	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 18"	105° 13' 57"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Nồn	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 25' 10"	105° 12' 00"	19° 22' 29"	105° 13' 33"	E-48-19-A
núi Phà Đáy	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 36"	105° 11' 00"					E-48-19-A
Bản Rồng	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 42"	105° 13' 35"					E-48-19-A
xóm Tổng Huống	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 01"	105° 14' 04"					E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A, E-48-19-C
xóm Bản Bàng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 10"	105° 09' 25"					E-48-19-A
xóm Bản Bồn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 13"	105° 08' 59"					E-48-19-C
xóm Bản Bù Lầu	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 36"	105° 07' 49"					E-48-19-C
xóm Bản Bùng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 33"	105° 07' 22"					E-48-19-C
xóm Bản Chọng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 54"	105° 07' 38"					E-48-19-C
xóm Bản Cồn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 54"	105° 07' 58"					E-48-19-C
xóm Bản Dền	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 12' 24"	105° 06' 21"					E-48-19-C
xóm Bản Khúa	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 28"	105° 08' 33"					E-48-19-A
xóm Bản Lầu	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 02"	105° 08' 47"					E-48-19-A
xóm Bản Na Lạn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 17"	105° 07' 45"					E-48-19-C
xóm Bản Ngọn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 13"	105° 08' 08"					E-48-19-A
xóm Bản Pạn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 23"	105° 08' 35"					E-48-19-A
xóm Bản Thắm	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 28"	105° 08' 03"					E-48-19-C
xóm Bản Vực	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 01"	105° 07' 03"					E-48-19-C
xóm Bản Xáo	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 08"	105° 07' 05"					E-48-19-A
xóm Bản Xết	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 01"	105° 08' 28"					E-48-19-C
Núi Chang	SV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 12' 00"	105° 07' 44"					E-48-19-C
núi Đen Đin	SV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	18° 56' 31"	104° 33' 18"					E-48-30-A
suối Nậm Chọng	TV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp			19° 13' 32"	105° 07' 26"	19° 15' 24"	105° 08' 46"	E-48-19-A, E-48-19-C
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
xóm Bản Ang	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 37"	105° 09' 01"					E-48-19-A
xóm Bản Bành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 56"	105° 08' 40"					E-48-19-A
xóm Bản Cà	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 25"	105° 09' 06"					E-48-19-A
xóm Bản Còn	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 09' 59"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bản Cù	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 58"	105° 08' 19"					E-48-19-A
xóm Bản Lè	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 12"	105° 09' 57"					E-48-19-A
xóm Bản Mọn	*DC*	*xã Châu Quang*	*H. Quỳ Hợp*	*19° 18' 58"*	*105° 08' 36"*					E-48-19-A
xóm Bản Phầy	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 08' 41"					E-48-19-A
núi Chòm Cúc	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"					E-48-19-A
Nậm Con	*TV*	*xã Châu Quang*	*H. Quỳ Hợp*			*19° 20' 48"*	*105° 05' 36"*	*19° 19' 15"*	*105° 07' 30"*	E-48-19-A
núi Con Đòng	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 42"	105° 10' 54"					E-48-19-A
xóm Diềm Bày	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 08' 02"					E-48-19-A
Sông Dinh	*TV*	*xã Châu Quang*	*H. Quỳ Hợp*			*19° 19' 05"*	*105° 09' 20"*	*19° 20' 58"*	*105° 21' 18"*	E-48-19-A
xóm Đồn Mộng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 16"	105° 09' 17"					E-48-19-A
xóm Đồng Huống	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 56"	105° 07' 46"					E-48-19-A
xóm Đồng Lụm	*DC*	*xã Châu Quang*	*H. Quỳ Hợp*	*19° 19' 09"*	*105° 07' 43"*					E-48-19-A
xóm Đồng Nại	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 27"	105° 09' 39"					E-48-19-A
xóm Đồng Tâm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 1.7"	105° 07' 52"					E-48-19-A
xóm Hoa Thành	*DC*	*xã Châu Quang*	*H. Quỳ Hợp*	*19° 19' 26"*	*105° 09' 14"*					E-48-19-A
xóm Hộc Mợi	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 09' 46"					E-48-19-A
xóm Khánh Quang	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 09' 33"					E-48-19-A
xóm Na Xén	*DC*	*xã Châu Quang*	*H. Quỳ Hợp*	*19° 19' 29"*	*105° 07' 40"*					E-48-19-A
Nậm Nọc	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 19' 15"	105° 07' 30"	19° 19' 24"	105° 10' 12"	E-48-19-A
xóm Phà Mẹt	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 54"	105° 08' 56"					E-48-19-A
Hang Poòng	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 54"	105° 09' 53"					E-48-19-A
xóm Quang Hưng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 44"	105° 09' 29"					E-48-19-A
xóm Quang Hương	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 24"	105° 09' 39"					E-48-19-A
xóm Quang Minh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 08' 08"					E-48-19-A
xóm Quang Thành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 09"	105° 09' 09"					E-48-19-A
xóm Quang Thịnh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 08' 35"					E-48-19-A
xóm Quang Vinh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 47"	105° 08' 42"					E-48-19-A
Nậm Tôn	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 20' 54"	105° 09' 22"	19° 19' 24"	105° 10' 12"	E-48-19-A
Huổi Xè	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 18' 02"	105° 09' 34"	19° 18' 41"	105° 09' 14"	E-48-19-A
xóm Yên Luốm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 43"	105° 09' 08"					E-48-19-A
đường tỉnh 532	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bản Bom	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 58"	105° 05' 05"					E-48-19-A
xóm Bản Chảo	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 49"	105° 08' 30"					E-48-19-A
xóm Bản Cổ	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 05"	105° 04' 49"					E-48-19-A
xóm Bản Hạt	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 05' 51"					E-48-19-A
xóm Bản La	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 06' 35"					E-48-19-A
xóm Bản Lóng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 29"	105° 08' 08"					E-48-19-A
hồ Bản Muỗng	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 52"	105° 06' 49"					E-48-19-A
xóm Bản Muộng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 03"	105° 08' 01"					E-48-19-A
xóm Bản Phảy	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 14"	105° 05' 41"					E-48-19-A
xóm Bản Tiềm	*DC*	*xã Châu Thái*	*H. Quỳ Hợp*	*19° 18' 30"*	*105° 06' 45"*					*E-48-19-A*
xóm Bản Tiệng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 08"	105° 08' 50"					E-48-19-A
xóm Bù Sành	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 49"	105° 08' 58"					E-48-19-A
núi Chòm Cúc	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"					E-48-19-A
xóm Đồng Hin	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 43"	105° 08' 05"					E-48-19-A
xóm Đồng Minh	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 23"	105° 05' 56"					E-48-19-A
xóm Hộc Mợi	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 06"	105° 09' 24"					E-48-19-A
xóm Hưng Long	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 08"	105° 09' 17"					E-48-19-A
Huổi Huống	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 16' 02"	105° 01' 56"	19° 17' 54"	105° 06' 00"	E-48-19-A
Suối Lao	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 16' 53"	105° 06' 10"	19° 19' 04"	105° 09' 20"	E-48-19-A
xóm Na Ca	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 44"	105° 07' 44"					E-48-19-A
xóm Na Mon	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 38"	105° 08' 32"					E-48-19-A
xóm Na Toòng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 06' 01"					E-48-19-A
xóm Noong Ôn	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 20"	105° 05' 01"					E-48-19-A
núi Phá Trạng	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 07"	105° 08' 40"					E-48-19-A
xóm Tam Thành	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 44"	105° 08' 24"					E-48-19-A
núi Tang Còn	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 04' 36"					E-48-19-A
xóm Thái Lâm	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 16' 55"	105° 08' 56"					E-48-19-A
xóm Thái Quang	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 31"	105° 06' 59"					E-48-19-A
Huổi Thiêm	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 17' 56"	105° 00' 24"	19° 17' 44"	105° 03' 03"	E-48-19-A
Suối Tiêm	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 17' 44"	105° 03' 03"	19° 18' 59"	105° 08' 51"	E-48-19-A
núi Vang Sao	*SV*	*xã Châu Thái*	*H. Quỳ Hợp*	*19° 16' 21"*	*105° 05' 36"*					*E-48-19-A*

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Xóm Xàn	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 52"	105° 08' 30"					E-48-19-A
Huổi Xè	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 18' 02"	105° 09' 34"	19° 18' 41"	105° 09' 14"	E-48-19-A
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
Suối Bắc	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 25' 02"	105° 04' 26"	19° 23' 25"	105° 02' 52"	E-48-19-A
xóm Bản Cải	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 25"	105° 04' 23"					E-48-19-A
xóm Bản Cô	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 24' 04"	105° 02' 28"					E-48-19-A
xóm Bản Hang	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 32"	105° 05' 04"					E-48-19-A
núi Bù Câm	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 44"	105° 02' 30"					E-48-19-A
núi Cha Vang	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 21' 59"	105° 04' 35"					E-48-19-A
xóm Chăm Hiêng	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 41"	105° 04' 05"					E-48-19-A
bản Cò Báy	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 35"	105° 04' 21"					E-48-19-A
Suối Dôn	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 24' 25"	105° 01' 47"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	E-48-19-A
Suối Hang	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 37' 38"	104° 25' 04"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D
núi Keo Lồm	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 24' 40"	105° 04' 02"					E-48-19-A
núi Làn Toong	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 38"	105° 04' 43"					E-48-19-A
Suối Lục	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 21' 24"	105° 01' 17"	19° 22' 44"	105° 03' 37"	E-48-19-A
Suối Mai	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a
Suối Mán	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 23' 12"	105° 01' 06"	19° 23' 17"	105° 02' 50"	E-48-19-A
Núi Máy	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 21' 58"	105° 05' 20"					E-48-19-A
núi Mền Kẹp	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 01' 41"					E-48-19-A
xóm Na Án	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 25' 29"	105° 01' 24"					E-48-19-A
xóm Na Bon	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 25' 03"	105° 01' 45"					E-48-19-A
núi Pa Máy	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 36"	105° 06' 08"					E-48-19-A
xóm Piêng Căm	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 16"	105° 05' 12"					E-48-19-A
suối Poòng Can	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 22' 02"	104° 59' 492"	19° 26' 52"	105° 01' 40"	E-48-19-A, E-48-18B
núi Pù Còi	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 24' 53"	105° 02' 22"					E-48-19-A
núi Pù Pò	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 26' 21"	105° 04' 00"					E-48-19-A
Suối Sài	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 22' 18"	105° 00' 39"	19° 22' 19"	105° 03' 02"	E-48-19-A
xóm Tiến Thành	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 25"	105° 02' 43"					E-48-19-A
xóm Trung Thành	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 54"	105° 02' 58"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
xóm Bản Cáng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 58"	105° 08' 04"					E-48-19-A
xóm Bản Chiềng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 44"	105° 08' 19"					E-48-19-A
suối Bản Hạt	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 26' 33"	105° 08' 59"	19° 24' 57"	105° 07' 59"	E-48-19-A
xóm Bản Lống	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 13"	105° 09' 15"					E-48-19-A
xóm Bản Mới	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 34"	105° 08' 19"					E-48-19-A
xóm Bản Pật	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 40"	105° 07' 31"					E-48-19-A
xóm Bản Phảy	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 19"	105° 08' 01"					E-48-19-A
xóm Bản Tèn	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 27"	105° 07' 56"					E-48-19-A
núi Con Lô	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 28' 14"	105° 07' 23"					E-48-19-A
xóm Na Biêng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 20"	105° 07' 42"					E-48-19-A
xóm Na Buốm	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 08' 35"					E-48-19-A
núi Phá Choòng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 13"	105° 08' 05"					E-48-19-A
suối Phà Đánh	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 25' 44"	105° 09' 44"	19° 24' 45"	105° 09' 42"	E-48-19-A
núi Phá Lống	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 23"	105° 08' 47"					E-48-19-A
núi Phá Nghiếm	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 07"	105° 08' 44"					E-48-19-A
núi Phá Thăm	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 47"	105° 07' 07"					E-48-19-A
núi Póm Bô	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 07' 27"					E-48-19-A
núi Pù Má	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 27' 05"	105° 06' 51"					E-48-19-A
núi Sắn Đen Miếng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 27' 09"	105° 09' 12"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a
xóm Bãi Kè	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 07"	105° 18' 25"					E-48-19-B-a
xóm Bản Mát	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 15' 12"					E-48-19-B-a
hồ Cây Đa	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 52"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
Suối Chiềng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"	E-48-19-C
Núi Đòng	SV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 46"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a
hồ Đồng Ban	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 18"	105° 16' 30"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Ban	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 16' 51"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Bảng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 37"	105° 16' 28"					E-48-19-B-a
cầu Đồng Cạn	KX	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 58"	105° 17' 02"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Cạn	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 06"	105° 16' 59"					E-48-19-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Đồng Chiềng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 55"	105° 16' 34"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Hưng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 02"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Sông	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 41"	105° 17' 12"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Thuận	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 09"	105° 17' 04"					E-48-19-B-a
hồ Đồng Xượng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 05"	105° 14' 57"					E-48-19-A
xóm Đồng Xượng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 15"	105° 15' 36"					E-48-19-B-a
núi Hang Hổ	SV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 16' 26"					E-48-19-B-a
Sông Hiếu	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hợp Liên	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 37"	105° 16' 58"					E-48-19-B-a
xóm Hợp Long	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 25"	105° 17' 07"					E-48-19-B-a
xóm Hợp Thuận	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 40"	105° 16' 48"					E-48-19-B-a
hồ Khe Mèn	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 32"	105° 17' 12"					E-48-19-B-a
suối Khe Mèn	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 25' 26"	105° 17' 13"	19° 25' 12"	105° 17' 29"	E-48-19-B-a
xóm Khe Mèn	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 27"	105° 16' 55"					E-48-19-B-a
hồ Mò Nừng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 26"	105° 17' 29"					E-48-19-B-a
hồ Tân Thắng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 42"	105° 15' 45"					E-48-19-B-a
xóm Tân Thắng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 00"	105° 16' 08"					E-48-19-B-a
xóm Cồn Sơn	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 20"	105° 17' 01"					E-48-19-D-a
xóm Cồn Tô	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 53"	105° 17' 24"					E-48-19-D-a
núi Con Trâu	SV	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 11' 41"	105° 16' 03"					E-48-19-D
xóm Đồng Nang	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 22"	105° 15' 34"					E-48-19-D-a
Suối Hao	TV	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 12' 46"	105° 16' 56"	19° 10' 50"	105° 17' 07"	E-48-19-D-a
xóm Lộc Sơn	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 33"	105° 15' 03"					E-48-19-D-a
Xóm Long	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 13"	105° 17' 28"					E-48-19-D-a
Xóm Món	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 30"	105° 14' 41"					E-48-19-C
Xóm Sẹt	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 32"	105° 17' 14"					E-48-19-D-a
Xóm Xiểm	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 31"	105° 16' 36"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Sơn	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 14' 07"	105° 15' 38"					E-48-19-D-a
dốc Bù Chó	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 09"	105° 11' 05"					E-48-19-A
núi Bù Khàng	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 51"	105° 10' 08"					E-48-19-A
suối Có Đánh	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 25' 44"	105° 09' 44"	19° 24' 45"	105° 09' 42"	E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Duộc	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 35"	105° 09' 04"					E-48-19-A
Suối Duộc	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 47' 12"	105° 04' 06"	19° 48' 19"	105° 04' 05"	E-48-7-A
suối Huôi Phái	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 24' 54"	105° 10' 29"	19° 24' 45"	105° 09' 42"	E-48-19-A
suối Khe Đòi	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 23' 16"	105° 07' 59"	19° 22' 37"	105° 08' 29"	E-48-19-A
Bản Khột	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 05"	105° 10' 59"					E-48-19-A
Bản Na	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 22"	105° 10' 13"					E-48-19-A
bản Ná Xài	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 17"	105° 10' 29"					E-48-19-A
núi Phà Đáy	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 36"	105° 11' 00"					E-48-19-A
núi Póm Bô	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 07' 27"					E-48-19-A
Bản Quắn	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 09' 12"					E-48-19-A
Bản Quèn	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 38"	105° 09' 47"					E-48-19-A
xóm Thung Cỏ	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 28"	105° 09' 53"					E-48-19-A
núi Vàng Ná	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 01"	105° 08' 40"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-A, E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	*xã Minh Hợp*	*H. Quỳ Hợp*			*19° 13' 30"*	*105° 31' 36"*	*19° 13' 44"*	*105° 23' 57"*	*E-48-19-B-c*
núi Hòn Mai	SV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 15' 25"	105° 19' 53"					E-48-19-B-c
suối Lò Mỏ	TV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 36"	105° 17' 30"	19° 20' 58"	105° 17' 53"	E-48-19-B-c
xóm Minh Cao	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 50"	105° 16' 40"					E-48-19-B-c
xóm Minh Cầu	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 07"	105° 15' 36"					E-48-19-B-c
xóm Minh Chùa	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 16' 58"	105° 18' 14"					E-48-19-B-c
xóm Minh Đình	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 07"	105° 13' 31"					E-48-19-A
xóm Minh Hồ	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 50"	105° 16' 59"					E-48-19-B-c
xóm Minh Hoà	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 21"	105° 15' 40"					E-48-19-B-c
xóm Minh Hồng	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 04"	105° 16' 56"					E-48-19-B-c
xóm Minh Kính	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 44"	105° 18' 04"					E-48-19-B-c
xóm Minh Lợi	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 29"	105° 15' 16"					E-48-19-B-c
xóm Minh Long	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 16' 06"					E-48-19-B-c
xóm Minh Quang	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 32"	105° 16' 35"					E-48-19-B-c
xóm Minh Tâm	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 22"	105° 18' 05"					E-48-19-B-c
xóm Minh Tân	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 46"	105° 17' 28"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Minh Thắng	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 12"	105° 16' 48"					E-48-19-B-c
xóm Minh Thành	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 17' 17"					E-48-19-B-c
xóm Minh Thọ	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 28"	105° 17' 35"					E-48-19-B-c
xóm Minh Tiến	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 25"	105° 17' 04"					E-48-19-B-c
xóm Minh Trung	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 32"	105° 17' 08"					E-48-19-B-c
xóm Minh Trường	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 17' 29"					E-48-19-B-c
xóm Minh Xá	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 06"	105° 17' 15"					E-48-19-B-c
xóm Minh Xuân	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 50"	105° 17' 39"					E-48-19-B-c
suối Ông Giao	TV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 15' 29"	105° 16' 52"	19° 19' 34"	105° 17' 08"	E-48-19-B-c
cầu Tổng Hợp	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 44"	105° 17' 53"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48C	KX	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-D, E-48-19-C
núi Bù Ca	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 15' 11"	104° 59' 32"					E-48-18-B
núi Bù Lèn	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 15' 35"	104° 59' 28"					E-48-18-B
bản Cà Vạt	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 50"	105° 00' 58"					E-48-19-C
núi Căn Nắp	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 33"	104° 59' 06"					E-48-18-D
bản Chã Hang	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 44"	105° 00' 23"					E-48-19-C
núi Còn Cha	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 26"	105° 02' 44"					E-48-19-C
Suối Cồng	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 26' 50"	105° 16' 40"	19° 26' 36"	105° 17' 40"	E-48-19-B-a
Núi Cúm	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 36"	104° 59' 29"					E-48-18-D
Bản Hăm	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 02"	105° 01' 16"					E-48-19-C
Bản Khiết	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 13' 15"	105° 00' 46"					E-48-19-C
suối Nặm Chung	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 13' 20"	105° 01' 17"	19° 13' 32"	105° 07' 26"	E-48-19-C
Suối Ngoạ	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 13' 47"	104° 59' 04"	19° 14' 18"	105° 00' 52"	E-48-18-D, E-48-19-C
Bản Quảng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 23"	105° 00' 56"					E-48-19-C
núi Tan Mầu	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 08"	104° 59' 07"					E-48-18-D
Bản Tắng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 13' 29"	105° 01' 29"					E-48-19-C
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
Xôm Chát	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 19' 25"	105° 18' 15"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Xóm Dinh	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 10"	105° 17' 17"					E-48-19-B-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 56"	105° 17' 40"					E-48-19-B-c
xóm Đột Tân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 46"	105° 16' 48"					E-48-19-B-c
xóm Hợp Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 19' 43"	105° 19' 30"					E-48-19-B-c
suối Khe Đỗ	TV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 19' 35"	105° 17' 08"	19° 20' 58"	105° 17' 53"	E-48-19-B-c
xóm Khe Đỗ	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 19' 49"	105° 19' 05"					E-48-19-B-c
Xóm Kinh	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 53"	105° 18' 03"					E-48-19-B-c
xóm Liên Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 38"	105° 18' 12"					E-48-19-B-c
Xóm Mo	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 03"	105° 16' 33"					E-48-19-B-c
Xóm Mó	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 54"	105° 19' 14"					E-48-19-B-c
Xóm Mới	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 17"	105° 19' 11"					E-48-19-B-c
Nhà máy Đường Nghệ	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 37"	105° 18' 47"					E-48-19-B-c
Xóm Phượng	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 07"	105° 17' 10"					E-48-19-B-c
cầu Sông Dinh	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 02"	105° 18' 28"					E-48-19-B-c
Xóm Tàu	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 34"	105° 18' 35"					E-48-19-B-c
xóm Thành Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 18' 20"					E-48-19-B-c
Đồi Thiếc	SV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 20"	105° 19' 35"					E-48-19-B-c
cầu Tổng Hợp	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 44"	105° 17' 53"					E-48-19-B-c
Xóm Vã	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 51"	105° 17' 07"					E-48-19-B-c
hồ Vùng Trùng	TV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 48"	105° 18' 16"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a, E-48-19-B-c
quốc lộ 48C	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A, E-48-19-B-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 43"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
Cầu Bản	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 23"	105° 16' 45"					E-48-19-B-c
xóm Bảo An	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 50"	105° 16' 12"					E-48-19-B-c
hồ Cây Đa	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 52"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
xóm Châu Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 08"	105° 14' 42"					E-48-19-A
Sông Dinh	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A, E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Xóm Dinh	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 41"	105° 16' 47"					E-48-19-B-c
Núi Đồng	SV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 46"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Chạo	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 41"	105° 15' 06"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-a
xóm Hợp Tâm	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 58"	105° 16' 43"					E-48-19-B-c
xóm Hợp Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 51"	105° 18' 35"					E-48-19-B-a
xóm Hợp Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 34"	105° 15' 55"					E-48-19-B-a
cầu Làng Mùng	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 53"	105° 15' 51"					E-48-19-B-c
xóm Long Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 35"	105° 17' 51"					E-48-19-B-c
xóm Nam Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 27"	105° 16' 30"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 26"	105° 15' 28"					E-48-19-B-c
xóm Quỳnh Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 20"	105° 15' 54"					E-48-19-B-c
xóm Sơn Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 02"	105° 17' 09"					E-48-19-B-c
xóm Tân Hợp	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 43"	105° 16' 16"					E-48-19-B-c
xóm Tân Mùng	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 48"	105° 16' 00"					E-48-19-B-c
xóm Tân Mỹ	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 42"	105° 16' 35"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 04"	105° 17' 01"					E-48-19-B-a
xóm Tân Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 46"	105° 15' 11"					E-48-19-B-c
Xóm Vặc	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 10"	105° 15' 29"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48C	KX	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
suối Châu Lộc	TV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 22' 29"	105° 13' 33"	19° 20' 23"	105° 14' 44"	E-48-19-A
xóm Cốc Mầm	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 36"	105° 12' 51"					E-48-19-A
Sông Dinh	TV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A
Xóm Đò	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 24"	105° 13' 36"					E-48-19-A
núi Lèn Chu	SV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 35"	105° 13' 38"					E-48-19-A
xóm Liên Tân	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 42"	105° 12' 23"					E-48-19-A
xóm Sợi Dưới	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 39"	105° 14' 18"					E-48-19-A
xóm Sơn Tiến	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 58"	105° 14' 21"					E-48-19-A
xóm Thọ Sơn	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 07"	105° 12' 56"					E-48-19-A
xóm Thung Khẳng	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 09"	105° 12' 27"					E-48-19-A
xóm Bắc Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 16' 43"	105° 14' 22"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Bùng	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 14' 12"	105° 14' 14"	19° 16' 40"	105° 14' 12"	E-48-19-A, E-48-19-B-c, E-48-19-D-a
xóm Đại Thành	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 30"	105° 16' 09"					E-48-19-B-c
xóm Đại Xuân	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 46"	105° 15' 15"					E-48-19-B-c
suối Đất Đỏ	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 15' 02"	105° 13' 51"	19° 16' 40"	105° 14' 12"	E-48-19-A
suối Kẻ Láo	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 16' 04"	105° 12' 56"	19° 19' 20"	105° 15' 46"	E-48-19-A
suối Kẻ Mo	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 15' 07"	105° 13' 20"	19° 16' 04"	105° 12' 56"	E-48-19-A
suối Kẻ Sòng	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 16' 40"	105° 14' 12"	19° 17' 35"	105° 14' 46"	E-48-19-A
núi Lèn Rêu	SV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 11"	105° 14' 34"					E-48-19-A
xóm Nam Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 18' 32"	105° 14' 57"					E-48-19-A
Suối Nào	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 17' 35"	105° 14' 46"	19° 21' 09"	105° 16' 44"	E-48-19-A, E-48-19-B-c
suối Ông Giao	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 15' 29"	105° 16' 52"	19° 19' 34"	105° 17' 08"	E-48-19-B-c
xóm Tây Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 57"	105° 13' 14"					E-48-19-A
xóm Thắng Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 16' 48"	105° 13' 00"					E-48-19-A
xóm Văn Giai	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 17' 06"	105° 12' 51"					E-48-19-A
xóm Văn Trường	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 18' 58"	105° 15' 06"					E-48-19-B-c
xóm Xuân Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 16' 11"	105° 13' 57"					E-48-19-A
xóm Xuân Sơn	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 06"	105° 15' 10"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48	KX	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a
Xóm Bọ	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 37"	105° 16' 26"					E-48-19-B-a
Xóm Bọc	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 03"	105° 15' 24"					E-48-19-B-a
núi Bù Khạng	SV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 49"	105° 11' 06"					E-48-19-A
núi Cai Xạt	SV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 57"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a
xóm Cầu Đá	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 31"	105° 15' 41"					E-48-19-B-a
Suối Cồng	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 26' 50"	105° 16' 40"	19° 26' 36"	105° 17' 40"	E-48-19-B-a
Xóm Cồng	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 57"	105° 16' 57"					E-48-19-B-a
Xóm Dé	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 42"	105° 15' 20"					E-48-19-B-a
kênh Đồng Mồng	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 27' 48"	105° 15' 47"	19° 26' 40"	105° 16' 56"	E-48-19-B-a
xóm Đồng Mồng	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 53"	105° 16' 40"					E-48-19-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Hiếu	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-a
xóm Hợp Thành	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 12"	105° 15' 58"					E-48-19-B-a
xóm Khạng	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 12"	105° 13' 40"					E-48-19-A
Xóm Mới	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 10"	105° 16' 35"					E-48-19-B-a
xóm Na Phê	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 27"	105° 16' 21"					E-48-19-B-a
Xóm Sỏi	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 16"	105° 14' 30"					E-48-19-A
Khe Tạt	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 26' 41"	105° 12' 29"	19° 27' 11"	105° 13' 28"	E-48-19-A
Xóm Tạt	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 54"	105° 13' 03"					E-48-19-A
xóm Thái Lão	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 06"	105° 16' 31"					E-48-19-B-a
Xóm Thơ	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 00"	105° 14' 51"					E-48-19-A
xóm Trọng Cảnh	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 26"	105° 16' 53"					E-48-19-B-a
Xóm Xạt	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 21"	105° 16' 01"					E-48-19-B-a
quốc lộ 1	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
khối 1	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 37' 47"					E-48-20-C-b
khối 2	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 45"	105° 37' 40"					E-48-20-C-b
khối 3	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 38"	105° 37' 48"					E-48-20-C-b
khối 4	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 37' 34"					E-48-20-C-b
khối 5	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 42"	105° 37' 32"					E-48-20-C-b
khối 6	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 37"	105° 37' 26"					E-48-20-C-b
khối 7	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 37' 21"					E-48-20-C-a
khối 8	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 20"	105° 37' 29"					E-48-20-C-a
khối 9	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 53"	105° 37' 30"					E-48-20-C-b
khối 10	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 04"	105° 37' 36"					E-48-20-C-b
khối 11	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 14"	105° 37' 24"					E-48-20-C-b
khối 12	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 33"	105° 37' 29"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
ga Cầu Giát	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 35"	105° 37' 28"					E-48-20-C-a
Cầu Giát	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 37' 25"					E-48-20-C-a
Sông Thái	TV	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 1	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
khối An Thịnh	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 01"	105° 42' 30"					E-48-20-C-b
khối Bắc Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 48"	105° 42' 16"					E-48-20-A-d
cầu Hoàng Mai	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 31"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
mỏ đá Hoàng Mai	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 03"	105° 43' 14"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
cầu Khe Son	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 27"	105° 43' 24"					E-48-20-A-d
sông Mỏ Đá	TV	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
khối Nam Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 39"	105° 42' 18"					E-48-20-A-d
khối Tân Hùng	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 29"	105° 43' 21"					E-48-20-A-d
khối Tân Hương	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 54"	105° 43' 22"					E-48-20-A-d
khối Tân Phong	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 42' 26"					E-48-20-A-d
khối Tân Sơn	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 42' 53"					E-48-20-A-d
khối Tân Thành	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 50"	105° 43' 16"					E-48-20-A-d
khối Tân Tiến	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 24"	105° 43' 09"					E-48-20-A-d
khối Thịnh Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 47"	105° 42' 07"					E-48-20-A-d
đường tỉnh 537B	KX	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
thôn Bắc Lợi	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 35"	105° 41' 17"					E-48-20-C-d
thôn Bút Ngọc	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 40' 17"					E-48-20-C-d
thôn Bút Thanh	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 17"	105° 40' 10"					E-48-20-C-d
thôn Bút Thành	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 08"	105° 40' 09"					E-48-20-C-d
Sông Hầu	TV	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105°42' 10"	19° 05' 53"	105°42' 47"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
thôn Hồng Phong	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 40' 49"					E-48-20-C-d
thôn Minh Tiến	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 05"	105° 40' 24"					E-48-20-C-d
thôn Nam Tiến	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 41' 20"					E-48-20-C-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 26"	105° 41' 05"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân An	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 41' 50"					E-48-20-C-b
thôn Tân Thắng	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 21"	105° 41' 28"					E-48-20-C-d
thôn Tân Thịnh	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 54"	105° 41' 51"					E-48-20-C-d
thôn Toàn Lợi	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 37"	105° 40' 48"					E-48-20-C-d
thôn Toàn Lực	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 35"	105° 40' 54"					E-48-20-C-d
thôn Toàn Mỹ	DC	xã An Hoà	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 11"	105° 40' 49"					E-48-20-C-d
quốc lộ 1	KX	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 22"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 23"	105° 42' 42"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 52"	105° 42' 02"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 07"	105° 41' 49"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 41' 46"					E-48-20-C-b
xóm 10	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 34"	105° 42' 17"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 26"	105° 42' 14"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	105° 42' 19"	105° 42' 19"					E-48-20-A-d
xóm 13	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 31"	105° 42' 13"					E-48-20-A-d
xóm 14	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 24"	105° 41' 33"					E-48-20-A-d
xóm 15	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 56"	105° 41' 23"					E-48-20-C-b
xóm 16	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 03"	105° 40' 44"					E-48-20-A-d
xóm 17	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 14"	105° 40' 43"					E-48-20-A-d
xóm 18	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 30"	105° 41' 00"					E-48-20-C-b
xóm 19	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 42' 14"					E-48-20-C-b
xóm 20	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 41' 56"					E-48-20-C-b
xóm 25	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 41' 54"					E-48-20-C-b
xóm 34	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 50"	105° 42' 57"					E-48-20-C-b
núi Động Kiêu	SV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 42' 12"					E-48-20-C-b
cầu Hoàng Mai	KX	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 31"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
sông Hoàng Mai	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
kênh Vực Mấu	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC *cấp xã*	Tên ĐVHC *cấp huyện*	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	*Kinh độ*	*Vĩ độ*	*Kinh độ*	*Vĩ độ*	*Kinh độ*	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 35"	105° 34' 44"					E-48-20-C-a
thôn 2	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 38"	105° 34' 09"					E-48-20-C-a
thôn 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 58"	105° 33' 59"					E-48-20-C-a
thôn 4A	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 35' 05"					E-48-20-C-a
thôn 4B	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 34' 41"					E-48-20-C-a
thôn 5	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 02"	105° 36' 39"					E-48-20-C-a
thôn 6	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 06"	105° 32' 55"					E-48-20-C-a
thôn 7	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 22"	105° 33' 48"					E-48-20-C-a
thôn 8	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 09"	105° 34' 36"					E-48-20-C-a
thôn 9	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 43"	105° 34' 25"					E-48-20-C-a
thôn 10	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 18"	105° 34' 34"					E-48-20-C-a
thôn 11	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 30"	105° 33' 28"					E-48-20-C-a
đội 2 Lâm Trường	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 16"	105° 36' 00"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
núi Bật Nang	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 33' 12"					E-48-20-C-a
núi Đền Vua Hồ	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 44"	105° 34' 39"					E-48-20-C-a
núi Hòn Đầm	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-a
xóm Hòn Ngang	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 34' 41"					E-48-20-C-a
đập Khe Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 16"	105° 35' 37"					E-48-20-C-a
hồ Khe Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 23"	105° 35' 50"					E-48-20-C-a
hồ Khe Sái	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 34' 29"					E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 39' 18"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 14"	105° 39' 09"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 06"	105° 39' 10"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 00"	105° 39' 09"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 47"	105° 39' 16"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 08"	105° 38' 56"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 38' 24"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 16"	105° 38' 52"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
xóm Hào Sơn	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 23"	105° 38' 42"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
xóm Chí Thành	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 36"	105° 42' 45"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Hưng	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 58"	105° 43' 00"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 49"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Văn	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 18"	105° 42' 44"					E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
xóm Học Văn	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 49"	105° 42' 55"					E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
xóm Mai Giang 1	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 57"	105° 42' 30"					E-48-20-C-b
xóm Mai Giang 2	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 28"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b
xóm Quang Minh	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 32"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b
xóm Quyết Tâm	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 41' 29"					E-48-20-C-b
xóm Quyết Thắng	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 41' 56"					E-48-20-C-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 56"	105° 41' 57"					E-48-20-C-b
xóm Tân Giang	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 42' 40"					E-48-20-C-b
xóm Tân Hải	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 43' 02"					E-48-20-C-b
xóm Tân Xuân	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 42' 08"					E-48-20-C-b
xóm Thành Minh	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 48"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b
xóm Văn Đông	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-C-b
xóm Văn Học	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 43' 16"					E-48-20-C-b
xóm Văn Lý	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 43' 27"					E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 34"	105° 33' 19"					E-48-20-C-a
xóm 2A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 41"	105° 33' 16"					E-48-20-C-a
xóm 2B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 53"	105° 33' 15"					E-48-20-C-a
xóm 3	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 33' 07"					E-48-20-C-a
xóm 4A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 07"	105° 32' 56"					E-48-20-C-a
xóm 4B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 52"	105° 32' 51"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 48"	105° 33' 04"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 32' 53"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 7A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 41"	105° 32' 38"					E-48-20-C-a
xóm 7B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 33"	105° 32' 31"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
xóm 9	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 47"	105° 31' 38"					E-48-20-C-a
xóm 10A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 31' 25"					E-48-20-C-a
xóm 10B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 25"	105° 31' 11"					E-48-20-C-a
xóm 12	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 04"	105° 33' 51"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a
đường tỉnh 531	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
xóm Bá Ngọc	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 56"	105° 31' 49"					E-48-20-C-a
núi Chóp Đỉnh	SV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 33"	105° 32' 00"					E-48-20-A-c
xóm Đông Hồng	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 34"	105° 32' 12"					E-48-20-C-a
núi Hốc Rảy	SV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 33' 01"					E-48-20-A-c
hồ Khe Sân	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 35"	105° 34' 53"					E-48-20-C-a
hồ Khe Sâu	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 33' 40"					E-48-20-A-c
xóm Tân Hưng	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 18"	105° 30' 52"					E-48-20-C-a
hồ Thái Lài	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 59"	105° 32' 53"					E-48-20-C-a
dốc Truông Vên	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
Cầu Tuần	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 09"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
Ga Tuần	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 12"	105° 31' 56"					E-48-20-C-a
Ngã ba Tuần	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 50"	105° 32' 21"					E-48-20-C-a
xóm Tuần A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 41"	105° 32' 22"					E-48-20-C-a
xóm Tuần B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 55"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
xóm Tuần C	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 32' 26"					E-48-20-C-a
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
cầu Đền Cờn	KX	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 03"					E-48-20-C-b
xóm Đông Triều	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 06"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Mõ Đá	TV	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
xóm Phú Lợi 1	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 52"	105° 43' 15"					E-48-20-C-b
xóm Phú Lợi 2	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 43' 06"					E-48-20-C-b
xóm Quang Trung	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 34"	105° 42' 43"					E-48-20-C-b
xóm Sỹ Tân	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 18"	105° 43' 01"					E-48-20-C-b
xóm Tân Đông	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 13"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b
xóm Yên Ninh	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 53"	105° 42' 37"					E-48-20-C-b
xóm Yên Trung	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 42' 49"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Văn	*DC*	*xã Quỳnh Diễn*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 06' 49"*	*105° 37' 42"*					*E-48-20-C-d*
núi Hòn Gai	SV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
xóm Minh Thắng	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 42"	105° 37' 25"					E-48-20-C-c
xóm Nhân Hưống	*DC*	*xã Quỳnh Diễn*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 06' 18"*	*105° 37' 49"*					*E-48-20-C-c*
xóm Tam Khôi	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 15"	105° 37' 33"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
xóm Thuận Hoá	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 53"	105° 37' 16"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	*TV*	*xã Quỳnh Diễn*	*H. Quỳnh Lưu*			*19° 00' 31"*	*105° 28' 46"*	*19° 10' 54"*	*105° 41' 33"*	E-48-20-C-d, E-48-20-C-c
xóm Vĩnh Lộc	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 29"	105° 37' 17"					E-48-20-C-c
thôn 1	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 28"	105° 40' 06"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 22"	105° 40' 13"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 16"	105° 40' 02"					E-48-20-C-b
thôn 4	*DC*	*xã Quỳnh Đôi*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 09' 07"*	*105° 40' 06"*					*E-48-20-C-b*
thôn 5	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 21"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 10"	105° 40' 25"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 05"	105° 40' 24"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 01"	105° 40' 21"					E-48-20-C-b
sông Đồng Nghệ	TV	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối *tượng*	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ *địa hình*
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 35' 43"					E-48-20-C-a
xóm 2	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 39"	105° 36' 00"					E-48-20-C-a
xóm 3	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 36' 10"					E-48-20-C-a
xóm 4	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 55"	105° 36' 20"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 04"	105° 36' 52"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 53"	105° 36' 53"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 45"	105° 36' 59"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 40"	105° 36' 58"					E-48-20-C-a
xóm 9	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 38"	105° 37' 07"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 29"	105° 37' 11"					E-48-20-C-a
xóm 11	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 08"	105° 37' 10"					E-48-20-C-a
xóm 12	*DC*	*xã Quỳnh Giang*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 07' 57"*	*105° 37' 14"*					*E-48-20-C-a*
núi Hòn Gai	SV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
kênh N2	TV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b
Xóm Trãi	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 16"	105° 34' 53"					E-48-20-C-a
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 52"	105° 39' 17"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 48"	105° 39' 27"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 44"	105° 39' 18"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 26"	105° 39' 21"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 20"	105° 39' 20"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 19"	105° 39' 10"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 25"	105° 39' 06"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 39' 08"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 33"	105° 38' 59"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 38' 45"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 47"	105° 38' 35"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 01"	105° 38' 43"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 16"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 24"	105° 38' 03"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 38' 06"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 32"	105° 37' 58"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 20"	105° 37' 13"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 26"	105° 37' 20"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 20"	105° 37' 02"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 54"	105° 38' 11"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 38' 16"					E-48-20-C-b
xóm 10	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 38' 24"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 16"	105° 38' 32"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 41"	105° 37' 40"					E-48-20-C-b
xóm Hoa Bắc	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 38' 19"					E-48-20-C-b
xóm Hoa Nam	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 37"	105° 38' 01"					E-48-20-C-b
kênh N2	TV	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 18"	105° 38' 35"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 11"	105° 38' 32"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 11"	105° 38' 20"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 01"	105° 38' 18"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 55"	105° 38' 03"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 44"	105° 37' 57"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 31"	105° 37' 50"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 06"	105° 37' 44"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 46"	105° 37' 48"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
xóm 1	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 50"	105° 38' 19"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 42"	105° 38' 26"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 38' 29"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 41"	105° 38' 39"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 36"	105° 38' 37"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 38' 36"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 22"	105° 38' 34"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 49"	105° 38' 52"					E-48-20-C-d
xóm 8	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 00"	105° 39' 00"					E-48-20-C-d
xóm 9	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 08"	105° 38' 59"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 38' 48"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 18"	105° 38' 10"					E-48-20-C-d
xóm 12	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 51"	105° 38' 07"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 02"	105° 36' 28"					E-48-20-C-a
xóm 2	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 15"	105° 36' 22"					E-48-20-C-a
xóm 3	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 58"	105° 36' 27"					E-48-20-C-a
xóm 4	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 58"	105° 36' 09"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 07"	105° 35' 33"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 50"	105° 35' 26"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 35' 12"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 35' 15"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 35"	105° 34' 37"					E-48-20-C-a
xóm 9	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 21"	105° 34' 56"					E-48-20-C-a
xóm 10	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 29"	105° 35' 02"					E-48-20-C-a
xóm 11	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 47"	105° 35' 23"					E-48-20-C-a
xóm 12	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 35' 39"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 13	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 09"	105° 35' 50"					E-48-20-C-a
xóm 14	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 19"	105° 35' 55"					E-48-20-C-a
xóm 15	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 27"	105° 35' 59"					E-48-20-C-a
xóm 16	*DC*	*xã Quỳnh Lâm*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 08' 45"*	*105° 33' 56"*					*E-48-20-C-a*
xóm 17	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 56"	105° 34' 30"					E-48-20-C-a
xóm 18	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 26"	105° 37' 12"					E-48-20-C-a
xóm 19	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 37' 08"					E-48-20-C-a
xóm 20	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 37' 00"					E-48-20-C-a
xóm 21	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 24"	105° 36' 57"					E-48-20-C-a
xóm 22	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 46"	105° 37' 02"					E-48-20-C-a
xóm 23	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 13"	105° 37' 01"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	*xã Quỳnh Lâm*	*H. Quỳnh Lưu*			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
Núi Đền	SV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 26' 30"	105° 32' 19"					E-48-20-A-a
núi Hòn Đầm	SV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-a
kênh N2	TV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
Khe Su	TV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 16"	105° 34' 06"	19° 08' 44"	105° 37' 12"	E-48-20-C-a
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-a
Núi Bạng	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 48"	105° 46' 44"					E-48-20-B-c, E-48-20-D-a
Núi Cháy	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 21"	105° 45' 39"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
Cửa Cờn	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 00"	105° 45' 17"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
mũi Đầu Rồng	TV	*xã Quỳnh Lập*	*H. Quỳnh Lưu*	19° 13' 31"	105° 45' 20"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
mũi Đông Hồi	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 48' 08"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Lực	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 09"	105° 45' 28"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Đồng Mí	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 45' 33"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Minh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 36"	105° 47' 46"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 04"	105° 45' 27"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Thanh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 47"	105° 46' 56"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 57"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d
xóm Hợp Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 13"	105° 45' 22"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Lam Sơn	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 41"	105° 45' 22"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
đá Ông Cộc	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 45' 27"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Quyết Tâm	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 30"	105° 45' 09"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 23"	105° 45' 21"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
núi Răng Cưa	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 10"	105° 47' 53"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
Xóm Rồng	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 47"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tam Hợp	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 21"	105° 45' 36"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tân Long	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 45' 18"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tân Minh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 14"	105° 47' 49"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Trại Phong	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 42"	105° 46' 14"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Tráp	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 45' 37"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
khe Truông Lau	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu			19° 17' 38"	105° 45' 08"	19° 16' 38"	105° 47' 30"	E-48-20-B-c E-48-20-D-a
thôn 1	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 51"	105° 43' 39"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 43' 25"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 18"	105° 43' 14"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 24"	105° 43' 25"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 57"	105° 43' 29"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 06"	105° 43' 12"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 51"	105° 43' 09"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 42' 57"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 43"	105° 43' 02"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 33"	105° 43' 02"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
đền Xuân Ức	KX	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 37"	105° 42' 49"					E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 59"	105° 44' 45"					E-48-20-A-d
xóm 2	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 09"	105° 44' 39"					E-48-20-A-d
xóm 3A	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 11"	105° 44' 21"					E-48-20-A-d
xóm 3B	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 14"	105° 44' 00"					E-48-20-A-d
xóm 4	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 44' 27"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 32"	105° 44' 28"					E-48-20-A-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 43"	105° 44' 34"					E-48-20-A-d
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 56"	105° 44' 23"					E-48-20-A-d
xóm 8	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 36"	105° 44' 03"					E-48-20-A-d
xóm 9	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 27"	105° 43' 56"					E-48-20-A-d
xóm 10	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 57"	105° 43' 53"					E-48-20-A-d
Núi Cháy	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 21"	105° 45' 39"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Đồng Mí	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 45' 33"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
núi Gò Dóc	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 08"	105° 45' 15"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-C-b
sông Mỏ Đá	TV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d E-48-20-C-b
Nhà máy Xi măng Nghi Sơn	KX	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 43"	105° 43' 58"					E-48-20-A-d
Núi Xước	*SV*	*xã Quỳnh Lộc*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 19' 28"*	*105° 44' 23"*					*E-48-20-A-d*
thôn Cộng Hoà	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 26"	105° 41' 55"					E-48-20-C-d
xóm Đại Bắc	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 13"	105° 41' 13"					E-48-20-C-d
thôn Đại Hải	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 18"	105° 41' 13"					E-48-20-C-d
xóm Đại Tân	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 31"	105° 41' 23"					E-48-20-C-d
xóm Minh Thành	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 27"	105° 41' 42"					E-48-20-C-d
thôn Phú Liên	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 23"	105° 41' 28"					E-48-20-C-d
xóm Phú Thành	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 35"	105° 41' 31"					E-48-20-C-d
thôn Thành Công	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 29"	105° 41' 06"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 42' 50"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 42' 38"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 13"	105° 42' 54"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 20"	105° 42' 41"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 42' 49"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 23"	105° 43' 14"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 13"	105° 43' 14"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 09"	105° 43' 01"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 39"	105° 43' 03"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 29"	105° 43' 11"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 18"	105° 42' 59"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 29"	105° 42' 54"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 26"	105° 42' 42"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 34"	105° 42' 41"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 41"	105° 42' 41"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 42' 19"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 18"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
Sông Hậu	TV	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	9° 11' 08"	105° 36' 56"					E-48-20-C-a
thôn 2	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 36' 44"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 39"	105° 36' 50"					E-48-20-C-a
thôn 4	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 37' 37"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 57"	105° 37' 03"					E-48-20-C-a
thôn 6	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 36' 45"					E-48-20-C-a
thôn 7	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 59"	105° 36' 36"					E-48-20-C-a
thôn 8	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 44"	105° 36' 22"					E-48-20-C-a
thôn 9	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 36' 37"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
kênh N2	TV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a E-48-20-C-b
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-a
núi Truông Thọ	SV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 10"	105° 37' 00"					E-48-20-C-a
thôn 1	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 09"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 43"	105° 43' 04"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 24"	105° 43' 17"					E-48-20-C-d
thôn 4	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 50"	105° 42' 35"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 36"	105° 42' 44"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 28"	105° 42' 39"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 38"	105° 42' 39"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105°42' 10"	19° 05' 53"	105°42' 47"	E-48-20-C-b E-48-20-C-d
thôn Hoà Bình	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 42' 21"					E-48-20-C-b
thôn Hoà Đông	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 42' 31"					E-48-20-C-b
xóm Nghĩa Bắc	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 05"	105° 42' 04"					E-48-20-C-b
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 46"	105° 42' 16"					E-48-20-C-b
Núi Rồng	SV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d
mũi Rồng Quèn	TV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 44' 12"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 40' 16"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 39' 55"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 26"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 15"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 17"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 39' 47"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 48"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 39' 35"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 46"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 52"	105° 39' 31"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 37"	105° 39' 26"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 43"	105° 39' 45"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 38"	105° 39' 53"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
xóm Ngọc Đoài	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 19"	105° 39' 45"					E-48-20-C-d
xóm Ngọc Thanh	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 39' 47"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Xóm Trị	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 39' 55"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
thôn Ái Quốc	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 49"	105° 44' 13"					E-48-20-C-b
Lạch Cờn	TV	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 00"	105° 45' 17"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đền Cờn Ngoài	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 23"	105° 44' 22"					E-48-20-C-b
đền Cờn Trong	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 07"					E-48-20-C-b
cầu Đền Cờn	KX	*xã Quỳnh Phương*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 13' 55"*	*105° 44' 03"*					*E-48-20-C-b*
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105°38' 38"	19° 14' 00"	105°45' 17"	E-48-20-C-b E-48-20-B-c E-48-*20-D-a*
thôn Hồng Hải	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 58"	105° 44' 53"					E-48-20-C-b
thôn Hồng Phong	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 48"	105° 44' 03"					E-48-20-C-b
thôn Hồng Thái	DC	*xã Quỳnh Phương*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 13' 56"*	*105° 44' 44"*					E-48-20-C-b
xóm Phương Hồng	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 44' 43"					E-48-20-C-b
thôn Quang Trung	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 44' 09"					E-48-20-C-b
thôn Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 41"	105° 44' 34"					E-48-20-C-b
thôn Tân Hải	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 06"	105° 44' 35"					E-48-20-C-b
thôn Tân Phong	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 43' 53"					E-48-20-C-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 48"	105° 44' 43"					E-48-20-C-b
thôn Thân Ái	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 44"	105° 44' 20"					E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 11"	105° 31' 06"					E-48-20-C-a
thôn 2	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 58"	105° 30' 51"					E-48-20-C-a
thôn 3A	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 34"	105° 30' 34"					E-48-20-C-a
thôn 3B	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 28"	105° 31' 01"					E-48-20-C-a
thôn 4	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 31' 37"					E-48-20-C-a
thôn 5	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 31' 02"					E-48-20-C-a
thôn 6	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 18"	105° 30' 28"					E-48-20-C-a
thôn 7	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 29' 52"					E-48-19-D-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 24"	105° 29' 04"					E-48-19-D-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 59"	105° 28' 56"					E-48-19-D-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 50"	105° 29' 14"					E-48-20-C-a
thôn 11	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 40"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48	KX	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a
đập 1/5	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 13"	105° 28' 34"					E-48-19-D-b
đập 3/2	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 10"	105° 29' 00"					E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
hồ Đông Hồng	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 03"	105° 31' 54"					E-48-20-C-a
khe Hang Lòn	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 27"	105°28' 32"	19° 10' 42"	105°30' 14"	E-48-20-C-a E-48-19-D-b
suối Mả Tổ	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 06"	105°30' 18"	19° 08' 57"	105°30' 41"	E-48-20-C-a
núi Truông Tràng	SV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 38"	105° 29' 40"					E-48-19-D-b
dốc Truông Vên	KX	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
thôn 1	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 21"	105° 38' 36"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 02"	105° 39' 50"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 09"	105° 38' 33"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 23"	105° 37' 13"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 07"	105° 38' 13"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 35"	105° 38' 23"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 19"	105° 38' 22"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 37"	105° 38' 45"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 53"	105° 39' 22"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 19"	105° 40' 31"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 43"	105° 37' 54"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 43"	105° 39' 51"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 40' 12"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 11"	105° 38' 41"					E-48-20-C-b
xóm 15	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 57"	105° 39' 08"					E-48-20-C-b
đập An Ngãi	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 17"	105° 37' 33"					E-48-20-C-b
núi Ba Chóp	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 19"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b
xóm Bà Đa	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 53"	105° 39' 22"					E-48-20-C-b
kênh Chính Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
xóm Cồn Cồn	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 12"	105° 38' 02"					E-48-20-C-b
đập Khe Mây	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 45"	105° 38' 15"					E-48-20-C-b
Núi Lớn	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 01"	105° 39' 07"					E-48-20-C-b
núi Thung Buồng	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 45"	105° 37' 56"					E-48-20-C-b
hồ Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 50"	105° 40' 17"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 38"	105° 40' 07"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 21"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 14"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 03"	105° 39' 36"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 10"	105° 39' 38"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 39' 38"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 14"	105° 39' 33"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 09"	105° 39' 47"					E-48-20-C-b
xóm 10	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 06"	105° 39' 22"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 41"	105° 39' 02"					E-48-20-C-b
xóm 13	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 30"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-b
đường tỉnh 531	KX	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
xóm 1 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 29"	105° 33' 29"					E-48-20-A-c
xóm 1 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 32"	105° 35' 40"					E-48-20-A-c
xóm 2 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 05"	105° 33' 51"					E-48-20-A-c
xóm 2 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 09"	105° 35' 47"					E-48-20-A-c
xóm 3 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 24"	105° 33' 44"					E-48-20-A-c
xóm 3 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 38"	105° 35' 16"					E-48-20-A-c
xóm 4 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 49"	105° 33' 57"					E-48-20-A-c
xóm 4 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 44"	105° 35' 20"					E-48-20-A-c
xóm 5 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 15"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
xóm 5 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 39"	105° 35' 15"					E-48-20-A-c
xóm 6 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 41"	105° 33' 39"					E-48-20-A-c
xóm 6 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 55"	105° 34' 32"					E-48-20-A-c
xóm 7 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 53"	105° 32' 58"					E-48-20-A-c
xóm 7 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 37"	105° 34' 09"					E-48-20-A-c
xóm 8 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 44"	105° 32' 42"					E-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 8 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
xóm 9 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
xóm 10 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 41"	105° 34' 28"					E-48-20-A-c
xóm 11 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 10"	105° 34' 58"					E-48-20-A-c
xóm 12 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 09"	105° 34' 17"					E-48-20-A-c
xóm 13 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 43"	105° 35' 27"					E-48-20-C-a
Khe Cái	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 20' 38"	105° 33' 48"	19° 17' 21"	105° 34' 21"	E-48-20-A-c
khe Đá Hàn	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 16"	105° 32' 20"	19° 18' 32"	105° 33' 49"	E-48-20-A-c
Khe Độc	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 33' 07"	19° 15' 27"	105° 34' 52"	E-48-20-C-a E-
xóm Đồng Xuân	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 15"	105° 33' 21"					E-48-20-A-c
núi Hốc Rây	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 33' 01"					E-48-20-A-c
núi K/6	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 14"	105° 32' 14"					E-48-20-A-c
núi K/7	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 31' 44"					E-48-20-A-c
hồ Khe Bãi	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 54"	105° 32' 00"					E-48-20-A-c
hồ Khe Sâu	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 33' 40"					E-48-20-A-c
Sông Lại	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 17' 21"	105° 34' 21"	19° 16' 54"	105° 35' 10"	E-48-20-A-c
Núi Ngàn	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 01"	105° 36' 23"					E-48-20-A-c
xóm Quỳnh Long	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
hồ Tây Nguyên	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 17"	105° 33' 15"					E-48-20-A-c
xóm Trung Tiến	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 51"	105° 33' 31"					E-48-20-A-c
hồ Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 05"	105° 40' 45"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 19"	105° 41' 00"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 07"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 20"	105° 40' 48"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 35"	105° 40' 51"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 34"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 04"	105° 41' 01"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 41' 06"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 50"	105° 41' 02"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu *mảnh bản đồ địa hình*
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 11	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 41' 20"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 26"	105° 41' 36"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 15"	105° 41' 13"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 06"	105° 41' 24"					E-48-20-C-b
xóm Cồn Sấy	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 28"	105° 41' 19"					E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
kênh Nhà Lê	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu			*18° 50' 52"*	*105° 38' 50"*	*18° 58' 35"*	*105° 34' 23"*	E-48-20-C-b
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Núi Thè	SV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 31"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Đồng	*DC*	*xã Quỳnh Thọ*	*H. Quỳnh Lưu*	*19° 06' 06"*	*105° 39' 52"*					*E-48-20-C-d*
thôn Thọ Nhân	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 11"	105° 39' 02"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Phú	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 56"	105° 39' 05"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Thắng	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 32"	105° 39' 25"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Thành	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 25"	105° 39' 43"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Tiến	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 55"	105° 39' 39"					E-48-20-C-d
Cửa Thời	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 22"					E-48-20-C-d
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
thôn Đức Long	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 20"	105° 42' 32"					E-48-20-C-d
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-d
thôn Hoà Thuận	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 42"	105° 41' 48"					E-48-20-C-d
cửa Lạch Quèn	TV	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 53"	105° 42' 47"					E-48-20-C-d
thôn Phủ Yên	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 45"	105° 41' 26"					E-48-20-C-d
Đồn Biên phòng Quỳnh Thuận	KT	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 42' 35"					E-48-20-C-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 46"					E-48-20-C-d
thôn Thanh Đoài	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 58"	105° 40' 56"					E-48-20-C-d
thôn Thuận Lợi	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 57"	105° 41' 42"					E-48-20-C-d
thôn Trường Tân	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 46"	105° 41' 16"					E-48-20-C-d
thôn Trường Thịnh	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 51"	105° 41' 09"					E-48-20-C-d
thôn Yên Thọ	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 46"	105° 41' 02"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 00"	105° 40' 07"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 05"	105° 40' 11"					E-48-20-A-d
thôn 3	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 10"	105° 40' 23"					E-48-20-A-d
thôn 4	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 40' 42"					E-48-20-A-d
thôn 5	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 51"	105° 41' 41"					E-48-20-A-d
thôn 5	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 43"	105° 39' 59"					E-48-20-A-d
thôn 6	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 37"	105° 40' 44"					E-48-20-A-d
thôn 7	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 16"	105° 40' 24"					E-48-20-A-d
thôn 8	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 47"	105° 40' 13"					E-48-20-A-d
thôn 9	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 16"	105° 39' 57"					E-48-20-A-d
thôn 10	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 06"	105° 39' 30"					E-48-20-A-d
thôn 11	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 32"	105° 39' 39"					E-48-20-A-d
thôn 12	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 43"	105° 38' 56"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 28"	105° 38' 57"					E-48-20-C-b
kênh Chính Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
đập Đồi Tương	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 39' 34"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d
hồ Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 02"	105° 38' 08"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 55"	105° 38' 34"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 05"	105° 38' 51"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 15"	105° 39' 08"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 58"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 28"	105° 39' 56"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 40' 05"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 43"	105° 40' 09"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 23"	105° 40' 31"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 40' 21"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 32"	105° 39' 17"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 23"	105° 39' 40"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 24"	105° 39' 51"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 14	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 32"	105° 39' 56"					E-48-20-C-b
thôn 15	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 17"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 12"	105° 40' 36"					E-48-20-C-b
thôn 17	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 40' 36"					E-48-20-C-b
thôn 18	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 44"	105° 40' 52"					E-48-20-C-b
thôn 19	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
thôn 20	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 48"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
núi Ba Chóp	SV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 19"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b
đập Đồng Lâm	TV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 10"	105° 38' 26"					E-48-20-C-b
kênh Nam Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
Chợ Vân	KX	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 29"	105° 40' 03"					E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-A-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 03"	105° 40' 04"					E-48-20-A-d
thôn 2	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 02"	105° 40' 15"					E-48-20-A-d
thôn 3	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 53"	105° 40' 30"					E-48-20-A-d
thôn 4	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 34"	105° 40' 26"					E-48-20-A-d
thôn 5	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 42"	105° 40' 43"					E-48-20-A-d
thôn 6	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 27"	105° 40' 52"					E-48-20-A-d
thôn 7	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 38"	105° 41' 24"					E-48-20-A-d
thôn 8	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 56"	105° 41' 28"					E-48-20-A-d
thôn 9	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 20"	105° 41' 23"					E-48-20-A-d
thôn 10	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 37"	105° 41' 39"					E-48-20-A-d
thôn 11	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 31"	105° 41' 50"					E-48-20-A-d
thôn 12	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 25"	105° 41' 58"					E-48-20-A-d
thôn 13	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 12"	105° 41' 59"					E-48-20-A-d
thôn 14	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 51"	105° 42' 08"					E-48-20-A-d
thôn 15	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 52"	105° 42' 21"					E-48-20-A-d
thôn 16	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 53"	105° 42' 10"					E-48-20-A-d
thôn 17	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 42' 09"					E-48-20-A-d
thôn 18	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 35"	105° 41' 59"					E-48-20-A-d
thôn 19	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 41"	105° 42' 21"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 20	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 36"	105° 42' 23"					E-48-20-A-d
thôn 21	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 01"	105° 41' 39"					E-48-20-A-d
thôn 22	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 39' 22"					E-48-20-A-d
núi Đằng Đằng	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 13"	105° 39' 25"					E-48-20-A-d
đập Đồi Tương	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 39' 34"					E-48-20-A-d
ga Hoàng Mai	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 08"	105° 41' 37"					E-48-20-A-d
Nhà máy Xi măng Hoàng Mai	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 35"	105° 42' 16"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d
núi Hòn Voi	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
núi Kim Giao	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 45"	105° 38' 53"					E-48-20-A-d
Núi Len	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 23"	105° 38' 58"					E-48-20-A-d
núi Mồng Gà	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 10"	105° 40' 44"					E-48-20-A-d
sông Quỳnh Vinh	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 43"	105° 40' 24"	19° 17' 35"	105° 39' 52"	E-48-20-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 02"	105° 42' 20"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 43"	105° 42' 07"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 38"	105° 42' 06"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 41' 49"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 45"	105° 41' 33"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 00"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 41' 59"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 41' 11"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 40"	105° 41' 22"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 38"	105° 41' 10"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 31"	105° 41' 01"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 56"	105° 41' 16"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 21"	105° 41' 13"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 40' 50"					E-48-20-C-b
thôn 15	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 57"	105° 40' 31"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 51"	105° 41' 07"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Đại Liên	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 41' 05"					E-48-20-C-b
núi Động Kiêu	SV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 42' 12"					E-48-20-C-b
xóm Khe Ngang	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 26"	105° 41' 51"					E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
kênh Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
xóm Xuân Hoà	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 41' 49"					E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 46"	105° 40' 39"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 38"	105° 40' 40"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 37"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 40' 39"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 04"	105° 40' 22"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 56"	105° 40' 27"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 52"	105° 40' 19"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 53"	105° 39' 59"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 03"	105° 40' 11"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 31"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 40' 48"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 58"	105° 41' 08"					E-48-20-C-b
xóm Cầm Trường	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 03"	105° 40' 05"					E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
xóm Nam Yên	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 57"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b
xóm Thượng Yên	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 40' 42"					E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 58"	105° 40' 35"					E-48-20-C-d
thôn 2	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 03"	105° 40' 38"					E-48-20-C-d
thôn 3	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 11"	105° 40' 36"					E-48-20-C-d
thôn 4	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 40' 30"					E-48-20-C-d
thôn 5	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 16"	105° 40' 24"					E-48-20-C-d
thôn 6	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 10"	105° 40' 20"					E-48-20-C-d
thôn 7	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 40' 19"					E-48-20-C-d
thôn 8	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 16"	105° 40' 14"					E-48-20-C-d
thôn 9	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 40' 09"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 10	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 29"	105° 40' 20"					E-48-20-C-d
thôn 11	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 22"	105° 39' 56"					E-48-20-C-d
thôn 12	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 23"	105° 40' 02"					E-48-20-C-d
thôn 13	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 37"	105° 40' 16"					E-48-20-C-d
quốc lộ 48B	KX	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
xóm Đức Nam	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 34"	105° 40' 04"					E-48-20-C-d
xóm Hải thắng	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 21"	105° 40' 30"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Cửa Thới	TV	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 22"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 52"	105° 30' 32"					E-48-19-D-b
thôn 2A	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 48"	105° 30' 14"					E-48-20-C-a
thôn 2B	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 31"	105° 29' 42"					E-48-19-D-b
thôn 3	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 15"	105° 29' 55"					E-48-19-D-b
thôn 4	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 29' 40"					E-48-19-D-b
thôn 5	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 03"	105° 29' 29"					E-48-19-D-b
thôn 6	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 29' 24"					E-48-19-D-b
thôn 7	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 27' 56"					E-48-19-D-b
thôn 8	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 25"	105° 27' 35"					E-48-19-D-b
đập 3/2	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 10"	105° 29' 00"					E-48-19-D-b
suối Hang Lòn	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 27"	105° 28' 32"	19° 10' 42"	105° 30' 14"	E-48-19-D-b
hồ Khe Gỗ	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 09"	105° 28' 54"					E-48-19-D-b
Núi Sượng	SV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 24"	105° 30' 08"					E-48-20-C-a
thôn Tiến Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 30"	105° 27' 56"					E-48-19-D-b
xóm 3/2	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 53"	105° 36' 28"					E-48-20-A-c
xóm 26/3	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 52"	105° 35' 43"					E-48-20-A-c
xóm 1/5	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 12"	105° 37' 47"					E-48-20-A-c
xóm 19/8	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 11"	105° 35' 38"					E-48-20-A-c
xóm 2/9	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 20"	105° 35' 40"					E-48-20-A-c
xóm 12/9	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 27"	105° 34' 59"					E-48-20-A-c
xóm Bắc Thắng	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 21' 02"	105° 37' 15"					E-48-20-A-c
Suối Cái	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Đá Bạc	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 22' 39"	105° 36' 51"	19° 20' 39"	105° 36' 16"	E-48-20-A-a, E-48-20-A-c
núi Hòn Mang	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 46"	105° 36' 49"					E-48-20-A-c
núi Hòn Voi	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
núi Kim Giao	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 45"	105° 38' 53"					E-48-20-A-d
Sông Lại	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 17' 21"	105° 34' 21"	19° 16' 54"	105° 35' 10"	E-48-20-A-c
xóm Nam Việt	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 44"	105° 34' 49"					E-48-20-A-c
suối Ổ	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 19' 43"	105° 37' 03"	19° 18' 30"	105° 34' 07"	E-48-20-A-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 50"	105° 33' 57"					E-48-20-A-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 17"	105° 35' 16"					E-48-20-A-c
hồ Vực Mấu	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d, E-48-20-A-c
thôn Đức Xuân	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 51"	105° 42' 40"					E-48-20-C-d
Sông Hầu	TV	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-d
cửa Lạch Quèn	TV	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 53"	105° 42' 47"					E-48-20-C-d
thôn Minh Sơn	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 52"	105° 42' 57"					E-48-20-C-d
thôn Phong Thái	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 18"	105° 42' 20"					E-48-20-C-d
thôn Phong Thắng	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 42' 19"					E-48-20-C-d
thôn Phong Tiến	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 02"	105° 42' 25"					E-48-20-C-d
thôn Phúc Thành	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 02"	105° 42' 33"					E-48-20-C-d
Núi Rồng	SV	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d
thôn Sơn Hải	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 24"	105° 43' 04"					E-48-20-C-d
thôn Thành Tiến	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 42' 33"					E-48-20-C-d
thôn Tiến Mỹ	DC	xã Tiến Thuỷ	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 09"	105° 42' 34"					E-48-20-C-d
khối 1	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105°15' 57"					E-48-19-D-c
khối 2	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 16' 02"					E-48-19-D-c
khối 3	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 04"	105° 16' 08"					E-48-19-D-c
khối 4	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 29"	105° 16' 19"					E-48-19-D-c
khối 5	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 28"	105° 15' 32"					E-48-19-D-c
khối 6	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 52"	105° 15' 47"					E-48-19-D-c
khối 7	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 07"	105° 15' 43"					E-48-19-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 8	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 54"	105° 16' 16"					E-48-19-D-c
khối 9	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 14"	105° 15' 40"					E-48-19-D-c
khối 10	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 13"	105° 16' 30"					E-48-19-D-c
quốc lộ 15	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
Sông Con	TV	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
Cầu Rỏi	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 49"	105° 15' 40"					E-48-19-D-c
Nhà máy Đường Sông Con	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 39"	105° 15' 31"					E-48-19-D-c
Núi Bục	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 42"	105° 08' 30"					E-48-19-C
Xóm Bục	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 19"	105° 08' 51"					E-48-19-C
xóm Châu Thành	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 31"	105° 05' 45"					E-48-19-C
Suối Chiềng	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"	E-48-19-C
Suối Đá	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Diêm	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 06' 43"	105° 09' 20"	19° 04' 32"	105° 03' 56"	E-48-19-C
núi Đồng Chẹt	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 49"	105° 08' 57"					E-48-19-C
đập Đồng Kho	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 43"	105° 09' 20"					E-48-19-C
xóm Đồng Kho	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 24"	105° 09' 08"					E-48-19-C
xóm Đồng Lau	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 24"	105° 07' 28"					E-48-19-C
xóm Đồng My	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 28"	105° 08' 09"					E-48-19-C
Suối Giáp	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 09' 52"	105° 07' 25"	19° 06' 43"	105° 06' 19"	E-48-19-C
Núi Hiếu	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 10' 09"	105° 07' 46"					E-48-19-C
xóm Khe Chiềng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 10"	105° 06' 13"					E-48-19-C
Núi Khủa	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 10' 44"	105° 07' 04"					E-48-19-C
xóm Nhà Tra	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 08"	105° 07' 57"					E-48-19-C
xóm Tân Bình	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 27"	105° 06' 29"					E-48-19-C
xóm Tân Diên	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 16"	105° 07' 08"					E-48-19-C
xóm Tân Lập	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 02"	105° 07' 08"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Thung Mòn	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 24"	105° 07' 54"					E-48-19-C
xóm Tiến Đồng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 06"	105° 07' 42"					E-48-19-C
xóm Văn Sơn	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 47"	105° 06' 33"					E-48-19-C
xóm Vĩnh Đồng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 08"	105° 06' 44"					E-48-19-C
xóm Vĩnh Thành	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 01"	105° 08' 25"					E-48-19-C
xóm Bàu Khe	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 35"	105° 14' 29"					E-48-19-C
núi Con Trâu	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 41"	105° 16' 03"					E-48-19-D-a
xóm Đồi Chè	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 41"	105° 13' 52"					E-48-19-C
xóm Kẻ Mui	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 01"	105° 14' 19"					E-48-19-C
Suối Lồi	TV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
xóm Long Thọ	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 26"	105° 15' 04"					E-48-19-D-a
Núi Mật	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 05"	105° 13' 08"					E-48-19-C
núi Mỏ Diều	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 07' 59"	105° 10' 53"					E-48-19-C
núi Mó Lằng	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 41"	105° 13' 35"					E-48-19-C
Núi Nghánh	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 26"	105° 13' 42"					E-48-19-C
xóm Nước Xanh	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 44"	105° 12' 57"					E-48-19-C
xóm Quyết Tâm	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 37"	105° 13' 56"					E-48-19-C
xóm Tân Mùng	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 43"	105° 13' 20"					E-48-19-C
xóm Vạn Long	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 43"	105° 15' 32"					E-48-19-D-a
xóm Vạn Xuân	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 43"	105° 15' 54"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Tiến	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 32"	105° 13' 18"					E-48-19-C
xóm 1 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105° 09' 56"					E-48-19-C
xóm 2 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 55"	105° 09' 09"					E-48-19-C
xóm 3 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 24"	105° 09' 01"					E-48-19-C
xóm 4 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 44"	105° 08' 35"					E-48-19-C
xóm 5 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 59"	105° 09' 36"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đập Khe Vành	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 55"	105° 10' 12"					E-48-19-C
suối Khe Vành	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ			19° 04' 59"	105° 10' 13"	19° 02' 50"	105° 11' 30"	E-48-19-C
xóm Nam Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 26"	105° 09' 36"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Lập	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 09' 12"					E-48-19-C
xóm Tân Quang	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 40"	105° 10' 14"					E-48-19-C
xóm Tân Sơn 1	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 59"	105° 09' 08"					E-48-19-C
xóm Tân Sơn 2	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 07' 56"					E-48-19-C
xóm Tân Thành	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 35"	105° 08' 33"					E-48-19-C
xóm Tân Xuân	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 58"	105° 10' 33"					E-48-19-C
xóm Trung Mỹ	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 12"	105° 10' 59"					E-48-19-C
xóm Xuân Hương	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 37"	105° 11' 28"					E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c E-48-19-C
xóm Cầu Trời	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 13' 29"					E-48-19-C
Sông Con	SV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Điện Lực	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 46"	105° 13' 35"					E-48-19-C
xóm Dốc Sư	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 14' 11"					E-48-19-C
đập Đội Cung	TV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 50"	105° 14' 10"					E-48-19-C
xóm Đội Cung 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 03"	105° 14' 13"					E-48-19-C
xóm Đội Cung 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 13' 37"					E-48-19-C
xóm Đồng Nậy	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 13"	105° 14' 21"					E-48-19-C
xóm Đồng Thịnh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 30"	105° 14' 23"					E-48-19-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
xóm Hùng Cường 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 13"	105° 13' 09"					E-48-19-C
xóm Hùng Cường 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 22"	105° 13' 00"					E-48-19-C
xóm Kỳ Minh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 35"	105° 14' 55"					E-48-19-C
xóm Phượng Kỳ 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 08"	105° 15' 26"					E-48-19-D-c
xóm Phượng Kỳ 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 49"	105° 15' 18"					E-48-19-D-c
xóm Phượng Minh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 44"	105° 14' 36"					E-48-19-C
Núi Rởi	SV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 33"	105° 13' 58"					E-48-19-C
xóm Tiền Phong 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 25"	105° 14' 42"					E-48-19-C
xóm Tiền Phong 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 16"	105° 15' 10"					E-48-19-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 15	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
xóm 1 Diễn Nam	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 37"	105° 16' 10"					E-48-19-D-c
xóm 1 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	105° 18' 11"	19° 04' 21"					E-48-19-D-c
xóm 1 Thanh Tân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 29"	105° 16' 04"					E-48-19-D-c
xóm 2 Diễn Lam	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 23"	105° 15' 47"					E-48-19-D-c
xóm 2 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 03"	105° 17' 20"					E-48-19-D-c
xóm 2 Thanh Tân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 37"	105° 15' 50"					E-48-19-D-c
xóm 3 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 16' 56"					E-48-19-D-c
xóm 3 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 16' 56"					E-48-19-D-c
xóm 4 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 22"	105° 17' 33"					E-48-19-D-c
xóm 5 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 50"	105° 16' 53"					E-48-19-D-c
xóm 6 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 33"	105° 16' 53"					E-48-19-D-c
Sông Con	TV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
suối Khe Su	TV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 04' 33"	105° 20' 19"	19° 04' 20"	105° 17' 10"	E-48-19-D-c
núi Khu Gàu	SV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 06"	105° 17' 56"					E-48-19-D-c
xóm Lưu Xuân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 48"	105° 16' 09"					E-48-19-D-c
Cầu Rỏi	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 49"	105° 15' 40"					E-48-19-D-c
xóm 1	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 13"	105° 23' 35"					E-48-19-D-b
xóm 2	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 20"	105° 23' 01"					E-48-19-D-b
xóm 3	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 40"	105° 22' 18"					E-48-19-D-a
xóm 4	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 22"	105° 22' 03"					E-48-19-D-a
xóm 5	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 18"	105° 22' 31"					E-48-19-D-b
xóm 6	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 50"	105° 22' 42"					E-48-19-D-b
xóm 7	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 49"	105° 23' 21"					E-48-19-D-b
xóm 8	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 31"	105° 22' 55"					E-48-19-D-b
xóm 9	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 09' 22"	105° 22' 01"					E-48-19-D-b
xóm 10	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 59"	105° 22' 48"					E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 11	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 44"	105° 23' 02"					E-48-19-D-b
xóm 12	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 57"	105° 21' 51"					E-48-19-D-b
Sông Con	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
suối Hòn Rô	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 10' 57"	105° 22' 28"	19° 10' 46"	105° 22' 13"	E-48-19-D-a
đập Khe Vang	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 07"	105° 23' 47"					E-48-19-D-b
Suối Long	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 09' 47"	105° 23' 57"	19° 10' 19"	105° 22' 17"	E-48-19-D-b,
Hòn Rô	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 39"	105° 22' 21"					E-48-19-D-a E-48-19-D-b
Suối Thần	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 09' 30"	105° 24' 34"	19° 09' 13"	105° 22' 00"	E-48-19-D-b, E-48-19-D-a,
xóm 1	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 11' 29"	105° 21' 15"					E-48-19-D-a
xóm 2	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 11' 15"	105° 21' 00"					E-48-19-D-a
xóm 3	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 45"	105° 21' 11"					E-48-19-D-a
xóm 4A	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 46"	105° 20' 24"					E-48-19-D-a
xóm 4B	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 34"	105° 20' 17"					E-48-19-D-a
xóm 5A	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 54"	105° 20' 44"					E-48-19-D-a
xóm 5B	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 58"	105° 20' 29"					E-48-19-D-a
xóm 6A	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 18"	105° 21' 02"					E-48-19-D-a
xóm 6B	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 25"	105° 20' 48"					E-48-19-D-a
xóm 7	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 10"	105° 20' 59"					E-48-19-D-a
xóm 8	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 02"	105° 20' 50"					E-48-19-D-a
xóm 9	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 19"	105° 20' 32"					E-48-19-D-a
xóm 10	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 02"	105° 20' 36"					E-48-19-D-a
xóm 11	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 13"	105° 20' 10"					E-48-19-D-a
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Mai	TV	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Sa Nam	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 42"	105° 20' 50"					E-48-19-D-a
Đò Sen	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 08' 49"	105° 20' 59"					E-48-19-D-a
Xóm Bàu	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 55"	105° 18' 24"					E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
núi Công Nhân	SV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 15"	105° 20' 00"					E-48-19-D-c
núi Cột Cờ	SV	*xã Nghĩa Dũng*	*H. Tân Kỳ*	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
xóm Cột Cờ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 55"	105° 18' 55"					E-48-19-D-a
xóm Cựa Đền	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 09"	105° 17' 26"					E-48-19-D-c
xóm Đào Nguyên	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 06"	105° 17' 56"					E-48-19-D-c
Xóm Đình	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 49"	105° 18' 29"					E-48-19-D-a
xóm Đồng Kho	DC	*xã Nghĩa Dũng*	*H. Tân Kỳ*	*19° 06' 16"*	*105° 19' 57"*					*E-48-19-D-c*
xóm Đồng Thờ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 54"	105° 20' 26"					E-48-19-D-c
xóm Dương Lễ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 18"	105° 20' 16"					E-48-19-D-c
xóm Gia Đề	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 32"	105° 18' 24"					E-48-19-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
Phân trại K1T3	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 35"	105° 18' 46"					E-48-19-D-a
Phân trại K2T3	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 50"	105° 20' 51"					E-48-19-D-c
suối Khe Lá	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 05' 24"	105° 22' 47"	19° 06' 40"	105° 20' 03"	E-48-19-D-c E-48-19-D-d
suối Khe Mít	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 06' 49"	105° 22' 30"	19° 06' 40"	105° 20' 03"	E-48-19-D-c
suối Khe Su	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 04' 33"	105° 20' 19"	19° 04' 20"	105° 17' 10"	E-48-19-D-c
xóm Tân Mỹ	DC	*xã Nghĩa Dũng*	*H. Tân Kỳ*	19° 04' 51"	105° 17' 24"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thọ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 00"	105° 19' 22"					E-48-19-D-c
Suối Thiềm	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 06' 40"	105° 20' 03"	19° 07' 06"	105° 18' 41"	E-48-19-D-c
xóm Thuận Yên	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 39"	105° 17' 44"					E-48-19-D-c
xóm Văn Sơn	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 25"	105° 19' 36"					E-48-19-D-c
núi Vàng Tâm	SV	*xã Nghĩa Dũng*	*H. Tân Kỳ*	*19° 05' 10"*	*105° 19' 55"*					*E-48-19-D-c*
xóm 1	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 01' 18"	105° 07' 28"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 59"	105° 07' 09"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 01' 01"	105° 08' 06"					E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 14"	105° 08' 07"					E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 06"	105° 08' 45"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 41"	105° 09' 43"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 27"	105° 10' 15"					E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 58"	105° 10' 21"					E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 9	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 16"	105° 10' 59"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 32"	105° 11' 39"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 33"	105° 09' 58"					E-48-31-A
xóm 12	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 57"	105° 08' 51"					E-48-31-A
xóm 13	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 13"	105° 10' 27"					E-48-31-A
xóm 14	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 19"	105° 08' 57"					E-48-31-A
Suối Cơi	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			18° 59' 27"	105° 07' 23"	18° 59' 43"	105° 08' 17"	E-48-31-A
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
núi Đá Bạc	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 51"	105° 06' 55"					E-48-31-A
Khe Du	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			19° 00' 10"	105° 12' 19"	19° 01' 17"	105° 10' 00"	E-48-19-C
đường mòn Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-C, E-48-31-A
núi Khe Tây	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 56"	105° 06' 31"					E-48-31-A
núi Tào Sơn	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 06"	105° 11' 55"					E-48-31-A
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Xóm Cửa	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 27"	105° 16' 38"					E-48-19-D-a
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 38"	105° 15' 40"					E-48-19-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 38"	105° 16' 13"					E-48-19-D-a
Sông Giang	TV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ			19° 09' 29"	105° 17' 50"	19° 08' 34"	105° 17' 41"	E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hạnh Phong	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 18"	105° 17' 44"					E-48-19-D-a
xóm Lâm Xuân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 01"	105° 15' 53"					E-48-19-D-a
xóm Mai Tân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 05"	105° 15' 13"					E-48-19-D-a
Núi Thắm	SV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 41"	105° 16' 46"					E-48-19-D-c
Xóm Thắm	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 03"	105° 16' 13"					E-48-19-D-a
xóm Thuận Hoà	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 06"	105° 17' 05"					E-48-19-D-a
xóm Thuận Yên	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 46"	105° 16' 47"					E-48-19-D-a
xóm Tiến Thành	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 17"	105° 16' 18"					E-48-19-D-a
xóm Việt Thắng	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 36"	105° 16' 33"					E-48-19-D-a
xóm Vĩnh Tân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 54"	105° 15' 04"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 47"	105° 15' 45"					E-48-19-D-a
xóm Yên Phúc	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 16"	105° 17' 15"					E-48-19-D-a
xóm 1A	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 31"	105° 20' 58"					E-48-19-D-a
xóm 1B	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 09"	105° 20' 52"					E-48-19-D-a
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 13"	105° 20' 20"					E-48-19-D-a
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 29"	105° 19' 58"					E-48-19-D-a
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 15"	105° 19' 20"					E-48-19-D-a
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 01"	105° 19' 04"					E-48-19-D-a
xóm 6	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 38"	105° 19' 45"					E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
núi Công Nhân	SV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 15"	105° 20' 00"					E-48-19-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
Đò Sen	KX	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 49"	105° 20' 59"					E-48-19-D-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 04"	105° 11' 15"					E-48-19-C
xóm Đà sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 43"	105° 13' 17"					E-48-19-C
xóm Hoa Mỹ	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 02"	105° 11' 32"					E-48-19-C
xóm Hoà Phúc	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 46"	105° 12' 22"					E-48-19-C
xóm Hồng Kỳ	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 51"	105° 13' 07"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hồng Phúc	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 51"	105° 13' 31"					E-48-19-C
xóm Kẻ Nang	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 06"	105° 10' 46"					E-48-19-C
Xóm Kẻo	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 57"	105° 13' 35"					E-48-19-C
đập Khe Dứa	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 51"	105° 11' 55"					E-48-19-C
suối Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ			19° 06' 38"	105° 10' 55"	19° 06' 31"	105° 12' 39"	E-48-19-C
núi Mỏ Diều	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 59"	105° 10' 53"					E-48-19-C
xóm Nam Sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 23"	105° 10' 44"					E-48-19-C
xóm Nam Tiến	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 37"	105° 11' 33"					E-48-19-C
Núi Ngánh	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 08' 26"	105° 13' 42"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Hồng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 17"	105° 13' 44"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Liên	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 52"	105° 12' 33"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Thắng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 00"	105° 11' 12"					E-48-19-C
xóm Phúc Thành	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 19"	105° 11' 25"					E-48-19-C
xóm Sào Nam	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 20"	105° 12' 38"					E-48-19-C
xóm Tân Hoa	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 52"	105° 13' 00"					E-48-19-C
xóm Tân Hoành	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 45"	105° 12' 41"					E-48-19-C
xóm Tân Hồng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 21"	105° 12' 59"					E-48-19-C
xóm Tập Mã	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 32"	105° 11' 09"					E-48-19-C
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 19"	105° 12' 20"					E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
xóm Bãi Đá	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 04"	105° 18' 32"					E-48-19-D-a
xóm Bích Thái 1	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 19"	105° 19' 47"					E-48-19-D-a
xóm Bích Thái 2	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 08"	105° 19' 38"					E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Sông Giang	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 09' 29"	105° 17' 50"	19° 08' 34"	105° 17' 41"	E-48-19-D-a
Xóm Giang	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 08' 57"	105° 18' 08"					E-48-19-D-a
Khe Mai	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 11' 53"	105° 21' 04"	19° 09' 23"	105° 19' 21"	E-48-19-D-a
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 07"	105° 19' 15"					E-48-19-D-a
xóm Thái Sơn	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 26"	105° 18' 23"					E-48-19-D-a
xóm Viên Thái	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 38"	105° 18' 46"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Vĩnh Lộc	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 05"	105° 18' 22"					E-48-19-D-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 27"	105° 06' 37"					E-48-19-C
núi Bù Á	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 06' 09"					E-48-19-C
núi Bù Chải	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 04"	105° 05' 35"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Cồn Phối	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 03"	105° 05' 21"					E-48-19-C
suối Gia Gắm	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ			19° 01' 45"	105° 06' 16"	19° 02' 20"	105° 05' 40"	E-48-19-C
xóm Hoà Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 55"	105° 05' 01"					E-48-19-C
xóm Hùng Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 50"	105° 05' 27"					E-48-19-C
xóm Hùng Thịnh	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 34"	105° 05' 02"					E-48-19-C
đập Khe Sẳn	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 25"	105° 04' 59"					E-48-19-C
núi Khe Tây	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	18° 59' 56"	105° 06' 31"					E-48-31-A
xóm Môn Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 24"	105° 06' 16"					E-48-19-C
xóm Nam Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 06' 11"					E-48-19-C
xóm Quyết Thắng	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 07' 14"					E-48-19-C
xóm Tân Lâm	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 33"	105° 05' 19"					E-48-19-C
xóm Thái Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 33"	105° 04' 35"					E-48-19-C
núi Thung Dầu	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 07' 59"					E-48-19-C
xóm Trung Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105° 06' 33"					E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Diễn Châu	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 13"	105° 12' 44"					E-48-19-C
xóm Đô Lương	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 15"	105° 11' 22"					E-48-19-C
núi Đồng Chẹt	SV	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 49"	105° 08' 57"					E-48-19-C
xóm Đồng Lực	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 31"	105° 10' 33"					E-48-19-C
xóm Hưng Nguyên	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 43"	105° 11' 18"					E-48-19-C
suối Khe Sanh	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 06' 38"	105° 10' 55"	19° 06' 31"	105° 12' 39"	E-48-19-C
suối Khe Vành	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 04' 59"	105° 10' 13"	19° 02' 50"	105° 11' 30"	E-48-19-C
xóm Nam Đàn	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 45"	105° 12' 21"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Nghi Lộc	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 28"	105° 11' 34"					E-48-19-C
xóm Quyết Thắng	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 07"	105° 08' 57"					E-48-19-C
xóm Quỳnh Lưu	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 35"	105° 12' 17"					E-48-19-C
xóm Tân Sơn	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 58"	105° 11' 30"					E-48-19-C
xóm Tân Thành	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 38"	105° 11' 32"					E-48-19-C
xóm Thanh An	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 14"	105° 09' 45"					E-48-19-C
xóm Thanh Chương	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 07' 24"	105° 09' 55"					E-48-19-C
xóm Thanh Phúc	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 06"	105° 10' 29"					E-48-19-C
xóm Yên Thành	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 06' 20"	105° 10' 42"					E-48-19-C
Núi Bục	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 42"	105° 08' 30"					E-48-19-C
Núi Chang	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 00"	105° 07' 44"					E-48-19-C
Suối Chiềng	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"	E-48-19-C
xóm Đồng Hạ	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 41"	105° 09' 18"					E-48-19-C
Núi Hiểu	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 09"	105° 07' 46"					E-48-19-C
Suối Hoà	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 20"	105° 11' 07"	19° 09' 57"	105° 10' 50"	E-48-19-C
xóm Hồng Sơn	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 09' 48"	105° 10' 20"					E-48-19-C
Núi Khủa	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 44"	105° 07' 04"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 38"	105° 08' 31"					E-48-19-C
Suối Ngục	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 16"	105° 08' 07"	19° 11' 20"	105° 11' 07"	E-48-19-C
xóm Tân Hương	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 18"	105° 12' 56"					E-48-19-C
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 53"	105° 11' 48"					E-48-19-C
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 31"	105° 10' 25"					E-48-19-C
xóm Trung Độ	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 21"	105° 09' 30"					E-48-19-C
xóm Yên Hoà	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 07"	105° 10' 55"					E-48-19-C
xóm 1	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 38"	105° 10' 49"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 04"	105° 11' 23"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 51"	105° 11' 15"					E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 41"	105° 12' 07"					E-48-19-C
xóm 5	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 03"	105° 11' 33"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 40"	105° 12' 10"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 12' 54"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 8	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 43"	105° 12' 43"					E-48-19-C
xóm 9	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 12' 11"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 33"	105° 12' 29"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 46"	105° 12' 12"					E-48-19-C
xóm 12	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 48"	105° 12' 00"					E-48-19-C
xóm 13	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 59"	105° 12' 13"					E-48-19-C
xóm 14	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 20"	105° 13' 06"					E-48-19-C
xóm 15	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 54"	105° 12' 38"					E-48-19-C
xóm 16	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 12"	105° 12' 04"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Khe Dền	TV	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 01' 22"	105° 10' 35"	19° 01' 32"	105° 10' 05"	E-48-19-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Tân Long	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
Sông Con	TV	xã Tân Long	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Tân Hồ	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 16"	105° 16' 33"					E-48-19-D-c
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 55"	105° 16' 51"					E-48-19-D-c
xóm Tân Long	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 11"	105° 17' 02"					E-48-19-D-c
xóm Tân Minh	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 32"	105° 15' 22"					E-48-19-D-c
xóm Tân Phúc	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 12"	105° 14' 13"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thắng	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 34"	105° 16' 37"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 05' 43"	105° 16' 23"					E-48-19-D-c
Núi Thắm	SV	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 41"	105° 16' 46"					E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Núi Doan	SV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 41"	105° 19' 25"					E-48-19-D-a
hồ Đức Thịnh	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 15"	105° 20' 51"					E-48-19-D-a
xóm Đức Thịnh	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 37"	105° 20' 56"					E-48-19-D-a
xóm Hạ Sưu	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 11' 29"	105° 20' 38"					E-48-19-D-a
Suối Lồi	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
Suối Mai	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu *mảnh bản đồ* địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Đồng	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 10' 36"	105° 19' 57"					E-48-19-D-a
xóm Tân Lương	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 11' 45"	105° 20' 01"					E-48-19-D-a
xóm Tân Lý	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 08' 45"	105° 15' 06"					E-48-19-D-a
xóm Tân Phong	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 55"	105° 16' 30"					E-48-19-D-a
xóm Tân Phú	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 42"	105° 17' 51"					E-48-19-D-a
xóm Tân Thái	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 56"	105° 17' 56"					E-48-19-D-a
xóm Tân Xuân	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 08' 51"	105° 16' 06"					E-48-19-D-a
xóm Tân Yên	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 19"	105° 17' 11"					E-48-19-D-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 10' 46"	105° 18' 55"					E-48-19-D-a
xóm Vật Tư	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 33"	105° 17' 20"					E-48-19-D-a
Núi Voi	SV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	18° 41' 09"	105° 28' 53"					E-48-31-D
núi Con Trâu	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 41"	105° 16' 03"					E-48-19-D-a
Núi Doan	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 12' 41"	105° 19' 25"					E-48-19-D-a
Khe Hao	TV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ			19° 14' 07"	105° 15' 41"	19° 10' 50"	105° 17' 07"	E-48-19-D-a
xóm Hoàng Trang	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 06"	105° 17' 07"					E-48-19-D-a
xóm Hoàng Xuân	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 37"	105° 15' 54"					E-48-19-D-a
núi Kẻ Bút	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 03"	105° 16' 10"					E-48-19-D-a
Đồi Khướng	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 49"	105° 17' 18"					E-48-19-D-a
Đồi Lẻ	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 13' 02"	105° 18' 13"					E-48-19-D-a
Suối Lồi	TV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
xóm Thanh Trà	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 15"	105° 18' 13"					E-48-19-D-a
xóm Trung Lương	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 36"	105° 19' 13"					E-48-19-D-a
xóm Vĩnh Đồng	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 03"	105° 17' 38"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Dương	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 18"	105° 17' 22"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Yên	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 41"	105° 16' 17"					E-48-19-D-a
núi Bù Á	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 06' 09"					E-48-19-C
xóm Bù Chải	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 59"	105° 04' 19"					E-48-19-C
đập Đồng Ếch	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 03"	105° 02' 50"					E-48-19-C
núi Hang Trâu	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 07' 56"	105° 03' 06"					E-48-19-C
đập Kẻ Diện	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 06' 04"	105° 05' 16"					E-48-19-C
xóm Kẻ Diện	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 46"	105° 05' 16"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Kẻ Giếng	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 21"	105° 04' 02"					E-48-19-C
xóm Kẻ Ổn	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 36"	105° 04' 45"					E-48-19-C
xóm Kẻ Phảy	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 51"	105° 03' 38"					E-48-19-C
suối Khe Lòa	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 06' 15"	105° 06' 01"	19° 03' 05"	105° 03' 02"	E-48-19-C
xóm Kỳ Thịnh	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 01"	105° 03' 42"					E-48-19-C
xóm Mo Học	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 42"	105° 03' 10"					E-48-19-C
xóm Nam Cường	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 28"	105° 04' 51"					E-48-19-C
xóm Nam Kỳ	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 09"	105° 05' 34"					E-48-19-C
núi Pa Lồ	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 51"	105° 02' 43"					E-48-19-C
xóm Tân Đồng	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 35"	105° 04' 03"					E-48-19-C
xóm Thái Minh	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 25"	105° 03' 30"					E-48-19-C
đập Thiên Hữu	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 50"	105° 06' 16"					E-48-19-C
đập Thung Mét	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 55"	105° 05' 10"					E-48-19-C
khối 1	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 29"	105° 20' 10"					E-48-31-B-c
khối 2	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 11"	105° 20' 21"					E-48-31-B-c
khối 3	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 51"	105° 19' 43"					E-48-31-B-c
khối 4	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 19' 52"					E-48-31-B-c
khối 5	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 53"	105° 20' 24"					E-48-31-B-c
khối 6	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 03"	105° 19' 44"					E-48-31-B-c
khối 7	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 04"	105° 20' 04"					E-48-31-B-c
khối 8	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 20' 13"					E-48-31-B-c
khối 9	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 24"	105° 19' 56"					E-48-31-B-c
khối 10	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 21"	105° 19' 53"					E-48-31-B-c
khối 11	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 55"	105° 20' 22"					E-48-31-B-c
khối 12	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 33"	105° 20' 04"					E-48-31-B-c
khối 13	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 03"	105° 20' 33"					E-48-31-B-c
khối 14	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 48"	105° 21' 00"					E-48-31-B-c
khối 15	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 59"	105° 21' 21"					E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 53' 07"	105° 15' 16"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 53' 04"	105° 15' 49"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 53' 03"	105° 16' 15"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 49"	105° 16' 18"					E-48-31-B-a
xóm 5A	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 53"	105° 16' 51"					E-48-31-B-a
xóm 5B	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 47"	105° 17' 00"					E-48-31-B-a
xóm 6A	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 32"	105° 17' 03"					E-48-31-B-a
xóm 6B	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 27"	105° 16' 53"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 14"	105° 17' 14"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 51' 53"	105° 16' 32"					E-48-31-B-c
xóm 9A	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 25"	105° 16' 21"					E-48-31-B-c
xóm 9B	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 05"	105° 16' 03"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 17"	105° 16' 28"					E-48-31-B-c
xóm 11	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 24"	105° 16' 08"					E-48-31-B-c
xóm 12	*DC*	*xã Cát Văn*	*H. Thanh Chương*	*18° 52' 34"*	*105° 15' 40"*					E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Cát Văn	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c
Núi Nhôn	SV	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 52' 08"	105° 15' 40"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
xóm Đông Thượng	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 52"	105° 20' 25"					E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm Luân Hoà	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 34"	105° 19' 07"					E-48-31-B-c
xóm Luân Hồng	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 01"	105° 19' 06"					E-48-31-B-c
xóm Luân Phú	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 25"	105° 19' 53"					E-48-31-B-c
xóm Luân Phượng	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 20"	105° 19' 41"					E-48-31-B-c
xóm Luân Sơn	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 37"	105° 19' 34"					E-48-31-B-c
xóm Phú Xuân	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 46' 38"	105° 19' 54"					E-48-31-B-c
xóm Phượng Đình	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 40"	105° 19' 56"					E-48-31-B-c
xóm Thạch Sơn	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 58"	105° 19' 59"					E-48-31-B-c
xóm Thượng Quánh	DC	xã Đồng Văn	H. Thanh Chương	18° 45' 13"	105° 19' 24"					E-48-31-B-c
xóm Tiên Kiều	*DC*	*xã Đồng Văn*	*H. Thanh Chương*	*18° 45' 27"*	*105° 19' 37"*					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 44"	105° 09' 23"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 2	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 58"	105° 09' 56"					E-48-31-A
xóm 3	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 49"	105° 10' 13"					E-48-31-A
xóm 4	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 53"	105° 10' 29"					E-48-31-A
xóm 5A	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 53"	105° 10' 56"					E-48-31-A
xóm 5B	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 46"	105° 11' 33"					E-48-31-A
xóm 6	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 49' 39"	105° 11' 19"					E-48-31-A
xóm 7	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 50' 05"	105° 11' 23"					E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 50' 10"	105° 11' 41"					E-48-31-A
xóm 9	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 50' 37"	105° 11' 52"					E-48-31-A
núi Ba Sườn	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 49' 25"	105° 09' 23"					E-48-31-A
suối Cây Cam	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 47' 35"	105° 06' 48"	18° 47' 47"	105° 08' 45"	E-48-31-A
Xóm Chuyền	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 23"	105° 09' 52"					E-48-31-A
Sông Con	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Con	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
núi Con Bò	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 47' 20"	105° 09' 46"					E-48-31-A
xóm Điện Biên	DC	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 33"	105° 10' 17"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Suối Mét	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 46' 34"	105° 12' 02"	18° 49' 13"	105° 12' 24"	E-48-31-A
Suối Mước	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 51' 03"	105° 07' 07"	18° 49' 37"	105° 06' 36"	E-48-31-A
núi Rú Thác Muối	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 48' 18"	105° 08' 50"					E-48-31-A
Suối Sướn	TV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương			18° 46' 46"	105° 02' 10"	18° 49' 44"	105° 05' 30"	E-48-31-A
cầu Thanh Đức	KX	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	18° 49' 06"	105° 10' 03"					E-48-31-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Hạnh Lâm	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-31-A, E-48-31-C
bản Chà Luân	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 53"	105° 11' 13"					E-48-31-C-b
núi Đại Cán	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 12' 10"					E-48-31-A
Bản Hiển	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 33"	105° 11' 43"					E-48-31-C-b
Suối Khai	TV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A
bản Kim Hồng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 59"	105° 12' 48"					E-48-31-C-b
bản Kim Liên	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 23"	105° 11' 40"					E-48-31-C-b
Suối Láng	TV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương			18° 42' 17"	105° 08' 36"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Lạp	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 06"	105° 12' 58"					E-48-31-C-b
Bản Mà	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 45' 00"	105° 12' 28"					E-48-31-C-b
suối Mạn Tác	TV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương			18° 40' 20"	105° 12' 13"	18° 44' 59"	105° 14' 08"	E-48-31-C
Bản Muộng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 13' 47"					E-48-31-C-b
bản Nhạn Mai	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 55"	105° 12' 57"					E-48-31-C-b
bản Nhạn Nhinh	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 07"	105° 13' 15"					E-48-31-C-b
bản Nhạn Pá	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 32"	105° 13' 35"					E-48-31-C-b
Bản Nòng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 24"	105° 13' 06"					E-48-31-C-b
bản Tạ Xiêng	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 45' 05"	105° 12' 40"					E-48-31-C-b
núi Thác Lụa	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 16"	105° 11' 54"					E-48-31-C
núi Tốc Hao	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 34"	105° 10' 34"					E-48-31-C
núi Truyền	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 54"	105° 07' 56"					E-48-31-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-31-C
núi Vũ Trụ	SV	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 09"	105° 08' 37"					E-48-31-C
bản Xiêng Lắm	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 42' 27"	105° 12' 08"					E-48-31-C-b
bản Xốp Pe	DC	xã Ngọc Lâm	H. Thanh Chương	18° 44' 17"	105° 11' 15"					E-48-31-C-b
xóm 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 14"	105° 22' 37"					E-48-31-B-c, E-48-31-B-d
xóm 2A	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 30"	105° 22' 05"					E-48-31-B-c
xóm 2B	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 14"	105° 22' 03"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 04"	105° 21' 42"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 45"	105° 21' 36"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 55"	105° 21' 52"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 45"	105° 22' 16"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 33"	105° 21' 54"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 50"	105° 22' 36"					E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 24"	105° 22' 49"					E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 11"	105° 22' 55"					E-48-31-D
xóm 11	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 45"	105° 23' 34"					E-48-31-B-d
xóm 12	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 44"	105° 24' 03"					E-48-31-B-d
xóm 13	DC	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 13"	105° 24' 05"					E-48-31-B-d
quốc lộ 46B	KX	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Cấm	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 44' 28"	105° 22' 09"					E-48-31-D
núi Cồn Ngơu	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 26"	105° 22' 55"					E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-c, E-48-31-B-d,
núi Khe Vang	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 50"	105° 24' 00"					E-48-31-B-d
Sông Lam	TV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c, E-48-31-D
Núi Nguộc	SV	xã Ngọc Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 01"	105° 21' 24"					E-48-31-B-c
đường tỉnh 533	KX	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-c
Chợ Chùa	KX	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 13"	105° 15' 02"					E-48-31-B-c
Sông Giăng	TV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A, E-48-31-B-c
thôn Hoà Thịnh	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 22"	105° 15' 29"					E-48-31-B-c
thôn Khánh Thành	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 53"	105° 15' 53"					E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
thôn Làng Hoa	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 01"	105° 15' 58"					E-48-31-B-c
thôn Liên Chung	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 25"	105° 14' 41"					E-48-31-B-c
thôn Liên Giáp	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 32"	105° 16' 02"					E-48-31-B-c
thôn Liên Trung	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 37"	105° 15' 47"					E-48-31-B-c
suối Na Ca	TV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương			18° 51' 55"	105° 13' 26"	18° 50' 13"	105° 14' 43"	E-48-31-A
Núi Nhôn	SV	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 52' 08"	105° 15' 40"					E-48-31-B-c
thôn Sơn Thịnh	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 26"	105° 16' 11"					E-48-31-B-c
thôn Thanh Nam	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 17"	105° 15' 53"					E-48-31-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 01"	105° 15' 09"					E-48-31-B-c
thôn Trung Thành	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 40"	105° 15' 17"					E-48-31-B-c
thôn Trung Thọ	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 30"	105° 15' 09"					E-48-31-B-c
thôn Trường Sơn	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 51' 09"	105° 15' 55"					E-48-31-B-c
thôn Trường Xuân	DC	xã Phong Thịnh	H. Thanh Chương	18° 50' 39"	105° 15' 58"					E-48-31-B-c
thôn 1	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 36"	105° 17' 53"					E-48-31-D
thôn 2	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 41"	105° 18' 10"					E-48-31-D
thôn 3	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 30"	105° 18' 15"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	*DC*	*xã Thanh An*	*H. Thanh Chương*	*18° 44' 40"*	*105° 18' 24"*					*E-48-31-D*
thôn 5	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 45' 09"	105° 18' 29"					E-48-31-B-c
thôn 6	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 45' 19"	105° 18' 36"					E-48-31-B-c
thôn 7	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 45' 11"	105° 18' 52"					E-48-31-B-c
thôn 8	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 20"	105° 17' 20"					E-48-31-D
thôn 9	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 52"	105° 19' 04"					E-48-31-D
thôn 10	*DC*	*xã Thanh An*	*H. Thanh Chương*	*18° 44' 42"*	*105° 19' 36"*					*E-48-31-D*
thôn 11	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 25"	105° 19' 12"					E-48-31-D
thôn 12	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 25"	105° 18' 59"					E-48-31-D
thôn 13	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 09"	105° 18' 49"					E-48-31-D
thôn 14	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 43' 59"	105° 18' 58"					E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh An	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-c, E-48-31-D
hồ Cậu Cau	TV	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 07"	105° 16' 48"					E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh An	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-B-c, E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh An	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c, E-48-31-D
suối Mạn Tác	*TV*	*xã Thanh An*	*H. Thanh Chương*			*18° 40' 20"*	*105° 12' 13"*	*18° 44' 59"*	*105° 14' 08"*	*E-48-31-C*
núi Mo Nu	SV	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 17"	105° 15' 16"					E-48-31-D
thôn Thượng Lâm	DC	xã Thanh An	H. Thanh Chương	18° 44' 00"	105° 15' 21"					E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
thôn Chi Lam	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 46"	105° 20' 47"					E-48-31-D
Núi Choi	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 51"	105° 19' 37"					E-48-31-D
suối Hải Trừng	*TV*	*xã Thanh Chi*	*H. Thanh Chương*			*18° 44' 30"*	*105° 19' 31"*	*18° 43' 55"*	*105° 21' 38"*	*E-48-31-D*
thôn Hợp Hoà	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 23"	105° 19' 54"					E-48-31-D
thôn Kim Liên	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 57"	105° 19' 54"					E-48-31-B-c
thôn Kim Thịnh	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 09"	105° 19' 43"					E-48-31-D
thôn Kim Thượng	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 44"	105° 19' 33"					E-48-31-D
thôn Kỳ Chu	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 59"	105° 20' 46"					E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c, E-48-31-D
thôn Liên Sơn	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 50"	105° 20' 12"					E-48-31-B-c
thôn Ngọc Tĩnh	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 41"	105° 20' 30"					E-48-31-D
Núi Ổi	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 57"	105° 20' 42"					E-48-31-D
Sông Rộ	TV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương			18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D
thôn Thịnh Lạc	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 01"	105° 19' 28"					E-48-31-D
núi Thung Lều	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 34"	105° 19' 41"					E-48-31-D
thôn Thượng Hoà	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 43' 48"	105° 20' 39"					E-48-31-D
thôn Trường Niên	*DC*	*xã Thanh Chi*	*H. Thanh Chương*	*18° 45' 16"*	*105° 20' 31"*					*E-48-31-B-c*
thôn Văn Đồng	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 43' 53"	105° 21' 42"					E-48-31-D
thôn Văn Phú	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 03"	105° 21' 16"					E-48-31-D
Núi Vắt	SV	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 52"	105° 20' 23"					E-48-31-D
thôn Xuân Long	DC	xã Thanh Chi	H. Thanh Chương	18° 44' 07"	105° 20' 37"					E-48-31-D
thôn 1	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 04"	105° 19' 07"					E-48-31-B-c
thôn 2	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 17"	105° 19' 14"					E-48-31-B-c
thôn 3	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 00"	105° 20' 04"					E-48-31-B-c
thôn 4	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 13"	105° 20' 01"					E-48-31-B-c
thôn 5	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 15"	105° 20' 13"					E-48-31-B-c
thôn 6	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 10"	105° 20' 29"					E-48-31-B-c
thôn 7	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 48' 09"	105° 21' 00"					E-48-31-B-c
thôn 8	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 51"	105° 20' 39"					E-48-31-B-c
thôn 9	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 32"	105° 20' 44"					E-48-31-B-c
thôn 10	DC	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 32"	105° 20' 30"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	*xã Thanh Đồng*	*H. Thanh Chương*			*18° 53' 20"*	*105° 18' 32"*	*18° 44' 07"*	*105° 22' 18"*	*E-48-31-B-c*
Chợ Dùng	KX	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương	18° 47' 51"	105° 20' 02"					E-48-31-B-c
Sông Gang	TV	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Đồng	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm 12/9	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 21"	105° 07' 10"					E-48-31-A
xóm 19/5	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 05' 38"					E-48-31-A
hồ 19/8	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 51' 02"	105° 09' 49"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 1 Đức Dương	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 44"	105° 10' 01"					E-48-31-A
xóm 15/7 Thanh Đức	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 51' 11"	105° 05' 08"					E-48-31-A
xóm 2 Đức Sơn	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 17"	105° 10' 46"					E-48-31-A
xóm 2 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 16"	105° 09' 17"					E-48-31-A
xóm 26/3 Thanh Đức	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 13"	105° 07' 04"					E-48-31-A
xóm 3 Đức Hà	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 22"	105° 10' 53"					E-48-31-A
xóm 3 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 09' 32"					E-48-31-A
xóm 3/2 Thanh Đức	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 51"	105° 05' 13"					E-48-31-A
xóm 4 Đức Long	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 50"	105° 11' 04"					E-48-31-A
xóm 4 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 48"	105° 09' 33"					E-48-31-A
xóm 5 Đức Hoà	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 47"	105° 11' 11"					E-48-31-A
xóm 6 Đức Lâm	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 51' 45"	105° 11' 03"					E-48-31-A
xóm 7 Đức Thành	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 52' 15"	105° 10' 27"					E-48-31-A
xóm 7 Xí nghiệp Chè	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 52' 29"	105° 10' 06"					E-48-31-A
núi Ba Sườn	SV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 25"	105° 09' 23"					E-48-31-A
hồ Cây Mít	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 13"	105° 09' 45"					E-48-31-A
xóm Chế Biến	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 44"	105° 09' 45"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
khe Lộp Ốp	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 47' 16"	105° 01' 38"	18° 49' 53"	105° 04' 58"	E-48-31-A
Khe Mước	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 51' 03"	105° 07' 07"	18° 49' 37"	105° 06' 36"	E-48-31-A
Suối Sướn	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 46' 46"	105° 02' 10"	18° 49' 44"	105° 05' 30"	E-48-31-A
Xóm Sướn	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 50' 30"	105° 06' 43"					E-48-31-A
xóm Tân Tiến	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 08' 34"					E-48-31-A
xóm Thành Công	DC	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 54"	105° 08' 52"					E-48-31-A
cầu Thanh Đức	KX	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	18° 49' 06"	105° 10' 03"					E-48-31-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A
Suối Vều	TV	xã Thanh Đức	H. Thanh Chương			18° 44' 47"	104° 57' 02"	18° 51' 38"	105° 01' 17"	E-48-30-B, E-48-30-D, E-48-31-A
xóm 2	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 24' 32"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 43' 01"	105° 24' 37"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 4	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 45"	105° 24' 27"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 43"	105° 24' 16"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 23"	105° 24' 32"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 32"	105° 24' 43"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 30"	105° 24' 56"					E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 15"	105° 24' 41"					E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 12"	105° 24' 49"					E-48-31-D
xóm 11	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 08"	105° 24' 58"					E-48-31-D
xóm 12	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 08"	105° 25' 08"					E-48-31-D
xóm 13	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 42' 04"	105° 25' 03"					E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
xóm 1 Bại Biên	DC	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 44' 06"	105° 25' 00"					E-48-31-D
núi Đồng Kiêng	SV	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương	18° 43' 27"	105° 23' 53"					E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Dương	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
xóm Ba Nghè	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 53"	105° 24' 22"					E-48-31-D
xóm Bàu Sen	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 20"	105° 24' 44"					E-48-31-D
xóm Bích Thị	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 33"	105° 25' 06"					E-48-31-D
xóm Biên Quản	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 35"	105° 24' 51"					E-48-31-D
xóm Bình Ngô	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 27"	105° 25' 03"					E-48-31-D
suối Cầu Nậy	TV	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương			18° 39' 47"	105° 20' 30"	18° 40' 30"	105° 24' 02"	E-48-31-D
xóm Giang Thuỷ	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 41' 17"	105° 23' 55"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm Lam Dinh	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 40' 26"	105° 25' 15"					E-48-31-D
xóm Tiên Cầu	DC	xã Thanh Giang	H. Thanh Chương	18° 41' 04"	105° 24' 07"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 15"	105° 23' 51"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 54"	105° 23' 17"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 42' 00"	105° 23' 12"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 44"	105° 23' 11"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 42"	105° 22' 48"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 6	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 49"	105° 22' 37"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 43"	105° 22' 22"					E-48-31-D
xóm 8A	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 41"	105° 22' 11"					E-48-31-D
xóm 8B	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 39"	105° 21' 36"					E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 15"	105° 21' 42"					E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 40' 48"	105° 21' 27"					E-48-31-D
xóm 11	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 40' 27"	105° 21' 07"					E-48-31-D
xóm 12	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 40' 58"	105° 22' 15"					E-48-31-D
xóm 13	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 03"	105° 22' 27"					E-48-31-D
xóm 14	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 39' 49"	105° 19' 48"					E-48-31-D
xóm 15	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 39' 26"	105° 20' 04"					E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
núi Ba Đong	SV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 36' 52"	105° 18' 10"					E-48-31-D
suối Cầu Nậy	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương			18° 39' 47"	105° 20' 30"	18° 40' 30"	105° 24' 02"	E-48-31-D
suối Con Voi	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương			18° 36' 39"	105° 18' 37"	18° 39' 47"	105° 20' 30"	E-48-31-D
núi Giăng Mòn	SV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 37' 35"	105° 20' 13"					E-48-31-D
xóm Hà Long	DC	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương	18° 41' 28"	105° 23' 44"					E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Hà	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
Sông Giăng	TV	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
xóm Hoà Bình	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 50' 37"	105° 14' 32"					E-48-31-A
xóm Hoà Hợp	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 33"	105° 14' 29"					E-48-31-A
xóm Hoà Liên	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 10"	105° 13' 54"					E-48-31-A
xóm Hoà Nam	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 50' 38"	105° 14' 12"					E-48-31-A
xóm Hoà Sơn	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 04"	105° 14' 09"					E-48-31-A
xóm Hoà Thịnh	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 11"	105° 14' 27"					E-48-31-A
xóm Hoà Tiến	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 51' 33"	105° 13' 53"					E-48-31-A
xóm Hoà Trung	DC	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương	18° 50' 22"	105° 13' 55"					E-48-31-A
suối Na Ca	TV	xã Thanh Hoà	H. Thanh Chương			18° 51' 55"	105° 13' 26"	18° 50' 13"	105° 14' 43"	E-48-31-A
quốc lộ 46B	KX	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Liên Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 48' 48"	105° 18' 38"					E-48-31-B-c
xóm Lộc Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 01"	105° 18' 32"					E-48-31-B-c
xóm Nghĩa Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 15"	105° 18' 27"					E-48-31-B-c
xóm Quỳnh Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 34"	105° 18' 41"					E-48-31-B-c
xóm Thanh Hồ	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 52"	105° 19' 09"					E-48-31-B-c
xóm Thanh Quang	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 43"	105° 18' 55"					E-48-31-B-c
xóm Thanh Tân	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 50"	105° 19' 32"					E-48-31-B-c
xóm Thanh Yên	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 45"	105° 19' 20"					E-48-31-B-c
xóm Thượng Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 50' 03"	105° 18' 52"					E-48-31-B-c
xóm Trung Đường	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 14"	105° 18' 45"					E-48-31-B-c
xóm Trung Sơn	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	18° 49' 53"	105° 18' 50"					E-48-31-B-c
xóm Trường Minh	DC	xã Thanh Hưng	H. Thanh Chương	105° 18' 16"	105° 18' 16"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 47' 03"	105° 17' 19"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 27"	105° 17' 18"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 48"	105° 16' 54"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 27"	105° 16' 35"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 45' 56"	105° 16' 29"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 26"	105° 16' 02"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 40"	105° 16' 17"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 32"	105° 15' 51"					E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 22"	105° 15' 31"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 15' 28"					E-48-31-B-c
xóm 11	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 45' 41"	105° 14' 58"					E-48-31-B-c
xóm 12	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 05"	105° 14' 29"					E-48-31-B-c
xóm 13	DC	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 45' 11"	105° 14' 00"					E-48-31-B-c
Rào Cấy	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A
núi Cô Xô	SV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 45' 31"	105° 15' 26"					E-48-31-B-c
đập Đá Đen	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 45' 54"	105° 15' 51"					E-48-31-B-c
núi Đại Cán	SV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 12' 10"					E-48-31-A
núi Đại Điền	SV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 16' 20"					E-48-31-B-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Láng	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 42' 17"	105° 08' 36"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A
suối Mạn Tác	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 40' 20"	105° 12' 13"	18° 44' 59"	105° 14' 08"	E-48-31-C
Suối Mọ	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 45' 08"	105° 15' 25"	18° 46' 45"	105° 18' 06"	E-48-31-B-c
núi Tháp Bút	SV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 15' 01"					E-48-31-B-c
Sông Trai	TV	xã Thanh Hương	H. Thanh Chương			18° 45' 59"	105° 14' 51"	18° 46' 17"	105° 18' 47"	E-48-31-A
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
Xóm Chùa	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 41' 50"	105° 26' 04"					E-48-31-D
xóm Đông Sơn	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 53"	105° 26' 03"					E-48-31-D
Núi Đụn	SV	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 07"	105° 28' 04"					E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
xóm Hùng Thịnh	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 11"	105° 26' 03"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm Nam Sơn	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 35"	105° 25' 51"					E-48-31-D
xóm Tân Phong	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 25"	105° 27' 03"					E-48-31-D
xóm Văn Ngọc	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 41' 57"	105° 26' 10"					E-48-31-D
xóm Văn Phạm	DC	xã Thanh Khai	H. Thanh Chương	18° 42' 12"	105° 26' 14"					E-48-31-D
xóm Bảo Đức	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 52"	105° 20' 02"					E-48-31-D
xóm Kim Sơn	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 42' 55"	105° 18' 36"					E-48-31-D
xóm Lai Nhã	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 42' 55"	105° 20' 12"					E-48-31-D
xóm Lương Điền	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 35"	105° 18' 39"					E-48-31-D
xóm Nam Lĩnh	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 50"	105° 19' 31"					E-48-31-D
núi Ngọc Lâm	SV	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 42' 52"	105° 18' 02"					E-48-31-D
Sông Rộ	TV	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương			18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D
xóm Thanh Quả	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 25"	105° 20' 19"					E-48-31-D
xóm Thịnh Đại	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 20"	105° 18' 55"					E-48-31-D
xóm Thuỷ Trường	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 01"	105° 18' 50"					E-48-31-D
xóm Vĩnh Long	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 22"	105° 20' 38"					E-48-31-D
xóm Yên Lạc	DC	xã Thanh Khê	H. Thanh Chương	18° 43' 37"	105° 19' 12"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-c, E-48-32-C-a, E-48-31-D
suối Bàu Rò	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			18° 37' 18"	105° 28' 48"	18° 38' 06"	105° 27' 20"	E-48-31-D
núi Chân Tiên	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 51"	105° 28' 01"					E-48-31-D
thôn Eo Sơn	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 37"	105° 25' 46"					E-48-31-D
núi Kim Nghê	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 07"	105° 25' 55"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
thôn Lâm Trang	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 00"	105° 27' 37"					E-48-31-D
thôn Làng Mới	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 32"	105° 28' 53"					E-48-31-D
thôn Minh Đức	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 57"	105° 26' 27"					E-48-31-D
thôn Minh Lân	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 06"	105° 26' 41"					E-48-31-D
thôn Minh Sơn	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 47"	105° 26' 43"					E-48-31-D
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 52"	105° 25' 14"					E-48-31-D
thôn Nghi Văn	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 24"	105° 26' 14"					E-48-31-D
thôn Nghi Xuân	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 16"	105° 25' 53"					E-48-31-D
đập Ông Thụ	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 36' 56"	105° 27' 57"					E-48-31-D
núi Phượng Hoàng	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 26' 09"					E-48-31-D
thôn Phượng Hoàng	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 21"	105° 27' 51"					E-48-31-D
thôn Quân Hội	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 36"	105° 26' 16"					E-48-31-D
Suối Quanh	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			18° 40' 02"	105° 27' 33"	18° 40' 01"	105° 25' 51"	E-48-31-D
thôn Sơn Lĩnh 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 22"	105° 26' 30"					E-48-31-D
thôn Sơn Lĩnh 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 08"	105° 26' 37"					E-48-31-D
núi Tam Thai	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 10"	105° 26' 45"					E-48-31-D
thôn Tân Hoà 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 40"	105° 27' 05"					E-48-31-D
thôn Tân Hoà 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 53"	105° 27' 28"					E-48-31-D
thôn Tân Lâm	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 25"	105° 27' 18"					E-48-31-D
thôn Tân Mỹ	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 39"	105° 26' 59"					E-48-31-D
thôn Tân Phượng 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 59"	105° 27' 43"					E-48-31-D
thôn Tân Phượng 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 37' 51"	105° 28' 02"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Tân Sơn	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 38' 06"	105° 28' 11"					E-48-31-D
Suối Tháp	TV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương			18° 36' 56"	105° 27' 57"	18° 39' 24"	105° 25' 28"	E-48-31-D
Núi Trăm	SV	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 40' 19"	105° 26' 52"					E-48-31-D
thôn Triều Long 1	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 46"	105° 26' 42"					E-48-31-D
thôn Triều Long 2	DC	xã Thanh Lâm	H. Thanh Chương	18° 39' 40"	105° 26' 32"					E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-A, E-48-31-B-c
núi Chạng Nạng	SV	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 47' 52"	105° 15' 31"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A, E-48-31-B-c
xóm Liên Bang	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 57"	105° 14' 55"					E-48-31-B-c
xóm Liên Châu	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 44"	105° 15' 24"					E-48-31-B-c
xóm Liên Đình	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 47"	105° 15' 53"					E-48-31-B-c
xóm Liên Đồng	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 16"	105° 14' 38"					E-48-31-A
xóm Liên Đức	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 42"	105° 15' 06"					E-48-31-B-c
xóm Liên Hoà	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 58"	105° 14' 59"					E-48-31-A
xóm Liên Hồng	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 01"	105° 14' 24"					E-48-31-A
xóm Liên Hương	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 50' 07"	105° 14' 49"					E-48-31-A
xóm Liên Minh	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 28"	105° 15' 53"					E-48-31-B-c
xóm Liên Phúc	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 44"	105° 16' 21"					E-48-31-B-c
xóm Liên Sơn	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 03"	105° 14' 12"					E-48-31-A
xóm Liên Tân	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 15"	105° 16' 43"					E-48-31-B-c
xóm Liên Thành	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 16"	105° 14' 10"					E-48-31-A
xóm Liên Thượng	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 07"	105° 13' 47"					E-48-31-A
xóm Liên Trung	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 48' 32"	105° 15' 36"					E-48-31-B-c
xóm Liên Yên	DC	xã Thanh Liên	H. Thanh Chương	18° 49' 04"	105° 16' 31"					E-48-31-B-c
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-c
núi Đại Điền	SV	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 16' 20"					E-48-31-B-c
Thôn Đồng	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 21"	105° 17' 59"					E-48-31-B-c
Thôn Hạ	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 46' 40"	105° 18' 43"					E-48-31-B-c
Thôn Hồng	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 22"	105° 19' 32"					E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
Thôn Long	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 05"	105° 18' 26"					E-48-31-B-c
Thôn Sơn	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 46' 55"	105° 18' 38"					E-48-31-B-c
Thôn Thành	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 23"	105° 18' 39"					E-48-31-B-c
thôn Thị Tứ	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 28"	105° 18' 08"					E-48-31-B-c
thôn Thượng	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 39"	105° 17' 10"					E-48-31-B-c
Thôn Thuỷ	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 09"	105° 18' 57"					E-48-31-B-c
Sông Trai	TV	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương			18° 45' 59"	105° 14' 51"	18° 46' 17"	105° 18' 47"	E-48-31-B-c
Thôn Trung	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 12"	105° 18' 08"					E-48-31-B-c
Thôn Trường	DC	xã Thanh Lĩnh	H. Thanh Chương	18° 47' 35"	105° 18' 58"					E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 43' 06"	105° 22' 34"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 51"	105° 22' 43"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 41"	105° 22' 48"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 34"	105° 22' 51"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 25"	105° 22' 53"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 14"	18° 42' 10"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 10"	105° 23' 10"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 01"	105° 22' 17"					E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 01"	105° 22' 01"					E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 08"	105° 21' 45"					E-48-31-D
xóm 11	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 23"	105° 21' 46"					E-48-31-D
xóm 12	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 41"	105° 21' 44"					E-48-31-D
xóm 13	DC	xã Thanh Long	H. Thanh Chương	18° 42' 22"	105° 21' 38"					E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Long	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Long	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 42' 03"	105° 25' 14"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 57"	105° 25' 08"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 53"	105° 25' 15"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 47"	105° 25' 16"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 55"	105° 25' 22"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 55"	105° 25' 36"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 7	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 06"	105° 25' 30"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 22"	105° 25' 11"					E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 26"	105° 25' 39"					E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 48"	105° 26' 06"					E-48-31-D
xóm 11	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 08"	105° 25' 43"					E-48-31-D
xóm 13	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 42' 44"	105° 25' 44"					E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
Xóm Chùa	DC	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 41' 50"	105° 26' 04"					E-48-31-D
núi Cồn Hội	SV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 39"	105° 25' 33"					E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
núi Phượng Hoàng	SV	xã Thanh Lương	H. Thanh Chương	18° 43' 29"	105° 26' 09"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 54"	105° 24' 35"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 40' 02"	105° 24' 21"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 28"	105° 23' 51"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 10"	105° 23' 05"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 11"	105° 23' 30"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 53"	105° 23' 37"					E-48-31-D
xóm 7A	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 59"	105° 24' 12"					E-48-31-D
xóm 7B	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 09"	105° 24' 38"					E-48-31-D
xóm 8A	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 14"	105° 24' 27"					E-48-31-D
xóm 8B	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 39' 24"	105° 24' 16"					E-48-31-D
xóm Bắc Sơn	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 22"	105° 22' 31"					E-48-31-D
đập Cửa Ông	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 59"	105° 22' 16"					E-48-31-D
hồ Cửa Ông	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 44"	105° 22' 13"					E-48-31-D
suối Đá Bia	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương			18° 35' 22"	105° 23' 02"	18° 37' 50"	105° 22' 09"	E-48-31-D
xóm Đá Bia	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 36' 35"	105° 21' 54"					E-48-31-D
Xí nghiệp Dịch vụ Chế biến chè Thanh Mai	KX	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 37' 48"	105° 22' 45"					E-48-31-D
núi Giăng Mòn	SV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 37' 35"	105° 20' 13"					E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Môn	SV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 46"	105° 22' 44"					E-48-31-D
xóm Nam Sơn	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 03"	105° 21' 42"					E-48-31-D
Sông Tiền	TV	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương			18° 36' 06"	105° 19' 49"	18° 37' 50"	105° 22' 09"	E-48-31-D
Xóm Tràn	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 31"	105° 23' 00"					E-48-31-D
xóm Trung Sơn	DC	xã Thanh Mai	H. Thanh Chương	18° 38' 29"	105° 22' 01"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 51"	105° 12' 07"					E-48-31-A
xóm 2	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 41"	105° 12' 17"					E-48-31-A
xóm 3	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 50' 07"	105° 12' 07"					E-48-31-A
xóm 4	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 50"	105° 12' 41"					E-48-31-A
xóm 5	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 21"	105° 12' 52"					E-48-31-A
xóm 6	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 12"	105° 13' 30"					E-48-31-A
xóm 7	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 05"	105° 12' 53"					E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 49' 18"	105° 12' 06"					E-48-31-A
xóm 9	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 35"	105° 12' 54"					E-48-31-A
xóm 10	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 04"	105° 13' 20"					E-48-31-A
xóm 11	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 47' 13"	105° 13' 09"					E-48-31-A
xóm 12	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 12' 34"					E-48-31-A
xóm 13	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 07"	105° 12' 45"					E-48-31-A
xóm 14	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 19"	105° 12' 10"					E-48-31-A
xóm 15	DC	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 48' 35"	105° 11' 57"					E-48-31-A
núi Đại Cán	SV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 46' 07"	105° 12' 10"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-A
Suối Lèn	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			18° 48' 52"	105° 11' 37"	18° 49' 29"	105° 13' 40"	E-48-31-A
Suối Mét	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương			18° 46' 34"	105° 12' 02"	18° 49' 13"	105° 12' 24"	E-48-31-A
núi Tháp Bút	SV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 15' 01"					E-48-31-B-c
đập Vực Sụ	TV	xã Thanh Mỹ	H. Thanh Chương	18° 47' 38"	105° 13' 09"					E-48-31-A
quốc lộ 46B	KX	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
đập Bang Nhượng	TV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 36"	105° 21' 44"					E-48-31-B-d
núi Cồn Ngơu	SV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 46' 26"	105° 22' 55"					E-48-31-B-d
Sông Gang	TV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm Minh Thuận	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 45' 53"	105° 21' 33"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Đình	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 45' 56"	105° 20' 48"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Hạ	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 46' 34"	105° 21' 44"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Khánh	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 46' 27"	105° 21' 08"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Minh	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 45' 29"	105° 21' 07"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Quang	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 02"	105° 22' 14"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Thượng	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 12"	105° 21' 32"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Xuân 1	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 22' 04"					E-48-31-B-c
xóm Ngọc Xuân 2	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 30"	105° 22' 04"					E-48-31-B-c
xóm Phú Nhuận 1	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 38"	105° 23' 28"					E-48-31-B-d
xóm Phú Nhuận 2	DC	xã Thanh Ngọc	H. Thanh Chương	18° 47' 12"	105° 23' 05"					E-48-31-B-d
xóm 1A	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 44"	105° 13' 40"					E-48-31-A
xóm 1B	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 05"	105° 13' 28"					E-48-31-A
xóm 2	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 17"	105° 13' 14"					E-48-31-A
xóm 3	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 59"	105° 13' 10"					E-48-31-A
xóm 4	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 06"	105° 12' 58"					E-48-31-A
xóm 5	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 55"	105° 12' 37"					E-48-31-A
xóm 6	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 05"	105° 12' 13"					E-48-31-A
xóm 7	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 52' 30"	105° 12' 41"					E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 52' 11"	105° 11' 49"					E-48-31-A
xóm 9	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 35"	105° 11' 38					E-48-31-A
xóm 10	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 52' 17"	105° 11' 18"					E-48-31-A
núi Cồn Điền	SV	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 53' 16"	105° 12' 36"					E-48-31-A
Sông Giăng	TV	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-A
Xóm Mới	DC	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 50' 36"	105° 13' 08"					E-48-31-A
núi Ông Búng	SV	xã Thanh Nho	H. Thanh Chương	18° 51' 21"	105° 12' 08"					E-48-31-A
xóm 1A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 45"	105° 19' 53"					E-48-31-B-c
xóm 1B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 48' 33"	105° 20' 16"					E-48-31-B-c
xóm 2A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 57"	105° 19' 59"					E-48-31-B-c
xóm 2B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 48' 45"	105° 20' 30"					E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 3A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 02"	105° 20' 06"					E-48-31-B-c
xóm 3B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 48' 53"	105° 20' 41"					E-48-31-B-c
xóm 4A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 03"	105° 20' 15"					E-48-31-B-c
xóm 4B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 10"	105° 20' 33"					E-48-31-B-c
xóm 5A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 35"	105° 20' 58"					E-48-31-B-c
xóm 5B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 20"	105° 20' 39"					E-48-31-B-c
xóm 6A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 29"	105° 21' 22"					E-48-31-B-c
xóm 6B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 24"	105° 20' 59"					E-48-31-B-c
xóm 7A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 21"	105° 21' 07"					E-48-31-B-c
xóm 7B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 04"	105° 21' 04"					E-48-31-B-c
xóm 8A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 50' 10"	105° 21' 06"					E-48-31-B-c
xóm 8B	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	18° 49' 38"	105° 21' 17"					E-48-31-B-c
xóm 9A	DC	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương	105° 20' 57"	105° 20' 57"					E-48-31-B-c
Sông Gang	TV	xã Thanh Phong	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-B-c
bản Cao Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 31"	105° 11' 25"					E-48-31-A
suối Cây Cam	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			18° 47' 35"	105° 06' 48"	18° 47' 47"	105° 08' 45"	E-48-31-A
bản Chà Coong 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 14"	105° 08' 46"					E-48-31-A
bản Chà Coong 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 36"	105° 08' 30"					E-48-31-A
Sông Con	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Con	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
núi Con Bò	SV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 20"	105° 09' 46"					E-48-31-A
bản Đại Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 01"	105° 07' 40"					E-48-31-A
Suối Dưới	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			18° 42' 58"	105° 06' 29"	18° 44' 35"	105° 06' 03"	E-48-31-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 53"	105° 10' 33"					E-48-31-A
bản Hoà Sơn	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 53"	105° 10' 48"					E-48-31-A
bản Kim Chương	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 32"	105° 09' 08"					E-48-31-A
bản Kim Hạnh	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 45' 36"	105° 07' 43"					E-48-31-A
bản Kim Lâm	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 31"	105° 09' 59"					E-48-31-A
bản Kim Thanh	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 48"	105° 09' 28"					E-48-31-A
bản Nhạn Cán	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 19"	105° 07' 33"					E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Tân Lập	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 38"	105° 08' 24"					E-48-31-A
bản Thái Lâm	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 40"	105° 08' 13"					E-48-31-A
bản Thanh Bình	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 47"	105° 07' 40"					E-48-31-A
bản Thanh Hoà	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 46' 45"	105° 08' 40"					E-48-31-A
Suối Trản	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			18° 43' 16"	105° 07' 27"	18° 44' 58"	105° 06' 21"	E-48-31-C
Suối Truyền	TV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương			18° 43' 11"	105° 07' 45"	18° 47' 09"	105° 09' 11"	E-48-31-C, E-48-31-A
dãy Trường Sơn	SV	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-31-C
bản Xốp Lầm	DC	xã Thanh Sơn	H. Thanh Chương	18° 47' 11"	105° 09' 05"					E-48-31-A
thôn 1A	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 02"	105° 15' 37"					E-48-31-B-c
thôn 1B	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 17"	105° 15' 42"					E-48-31-B-c
thôn 2	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 06"	105° 16' 14"					E-48-31-B-c
thôn 3	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 04"	105° 16' 52"					E-48-31-B-c
thôn 4	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 21"	105° 18' 03"					E-48-31-B-c
thôn 5	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 44"	105° 18' 29"					E-48-31-B-c
thôn 6	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 42"	105° 18' 02"					E-48-31-B-c
thôn 7	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 48"	105° 17' 43"					E-48-31-B-c
thôn 8	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 46' 02"	105° 18' 11"					E-48-31-B-c
thôn 9	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 46' 34"	105° 17' 56"					E-48-31-B-c
thôn 10	DC	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 46' 22"	105° 17' 58"					E-48-31-B-c
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-c
núi Cô Xô	SV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 45' 31"	105° 15' 26"					E-48-31-B-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-C
Suối Khai	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 41' 14"	105° 10' 28"	18° 44' 48"	105° 13' 36"	E-48-31-A
Sông Lam	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
suối Mạn Tác	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 40' 20"	105° 12' 13"	18° 44' 59"	105° 14' 08"	E-48-31-C
Suối Mọ	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 45' 08"	105° 15' 25"	18° 46' 45"	105° 18' 06"	E-48-31-B-c
núi Mo Nu	SV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương	18° 44' 17"	105° 15' 16"					E-48-31-D
Sông Trai	TV	xã Thanh Thịnh	H. Thanh Chương			18° 45' 59"	105° 14' 51"	18° 46' 17"	105° 18' 47"	E-48-31-B-c
thôn 1	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 37"	105° 19' 18"					E-48-31-D
thôn 2	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 42"	105° 18' 41"					E-48-31-D
thôn 3	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 05"	105° 17' 36"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 37"	105° 17' 57"					E-48-31-D
thôn 5	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 04"	105° 18' 13"					E-48-31-D
thôn 6	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 21"	105° 17' 46"					E-48-31-D
thôn 7	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 38"	105° 18' 08"					E-48-31-D
thôn 8	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 30"	105° 18' 53"					E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D
suối Hỏi Lâm	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương			18° 40' 25"	105° 13' 41"	18° 41' 28"	105° 15' 18"	E-48-31-C, E-48-31-D
thôn Khe Mừ	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 05"	105° 16' 24"					E-48-31-D
hồ Lải Lò	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 49"	105° 17' 21"					E-48-31-D
Làng Mới	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 40' 51"	105° 14' 43"					E-48-31-D
Suối Mừ	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương			18° 41' 28"	105° 15' 18"	18° 43' 03"	105° 17' 10"	E-48-31-D
núi Mũ Dùng	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 38' 37"	105° 16' 48"					E-48-31-D
Nông trường Ngọc Lâm	KX	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 43' 04"	105° 16' 34"					E-48-31-D
núi Ngọc Lâm	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 42' 52"	105° 18' 02"					E-48-31-D
Sông Rộ	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương			18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D
thôn Thị Tứ	DC	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	18° 41' 58"	105° 18' 35"					E-48-31-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-31-C
sông Võ Liệt	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương			18° 39' 21"	105° 11' 41"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-C
suối Võ Liệt	TV	xã Thanh Thủy	H. Thanh Chương			18° 36' 57"	105° 12' 04"	18° 37' 58"	105° 15' 11"	E-48-31-C
xóm 1	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 56"	105° 17' 14"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 39"	105° 17' 18"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 43"	105° 17' 05"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 29"	105° 16' 57"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 08"	105° 16' 54"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 50"	105° 16' 53"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 37"	105° 16' 25"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 21"	105° 16' 31"					E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 35"	105° 17' 13"					E-48-31-B-c
xóm 10	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 28"	105° 16' 46"					E-48-31-B-c
xóm 11	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 48' 21"	105° 17' 07"					E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 12	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 47' 58"	105° 17' 08"					E-48-31-B-c
xóm 13	DC	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 49' 19"	105° 16' 52"					E-48-31-B-c
đường tỉnh 533	KX	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-B-c
núi Đại Điền	SV	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương	18° 47' 41"	105° 16' 20"					E-48-31-B-c
Sông Giăng	TV	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương			18° 52' 29"	104° 50' 11"	18° 50' 07"	105° 16' 38"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Tiên	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
suối Cầu Nậy	*TV*	*xã Thanh Tùng*	*H. Thanh Chương*			*18° 39' 47"*	*105° 20' 30"*	*18° 40' 30"*	*105° 24' 02"*	*E-48-31-D*
xóm Cồn Sông	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 39' 53"	105° 22' 56"					E-48-31-D
suối Con Voi	TV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương			18° 36' 39"	105° 18' 37"	18° 39' 47"	105° 20' 30"	E-48-31-D
đập Cửa Ông	TV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 38' 59"	105° 22' 16"					E-48-31-D
hồ Cửa Ông	TV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 38' 44"	105° 22' 13"					E-48-31-D
núi Động Am	SV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 39' 16"	105° 21' 44"					E-48-31-D
núi Đồng Kè	SV	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 47"	105° 22' 54"					E-48-31-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D
xóm Kim Long	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 12"	105° 23' 50"					E-48-31-D
xóm Minh Đường	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 41' 03"	105° 23' 33"					E-48-31-D
xóm Minh Sơn	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 41' 07"	105° 23' 19"					E-48-31-D
xóm Phượng Hoàng	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 01"	105° 22' 33"					E-48-31-D
xóm Phượng Lộc	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 22"	105° 22' 15"					E-48-31-D
xóm Tân Phượng	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 35"	105° 22' 21"					E-48-31-D
xóm Thuần Trung	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 58"	105° 23' 48"					E-48-31-D
xóm Trường Long	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 28"	105° 23' 02"					E-48-31-D
xóm Tùng Tân	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 40' 18"	105° 23' 35"					E-48-31-D
xóm Yên Thành	DC	xã Thanh Tùng	H. Thanh Chương	18° 41' 13"	105° 22' 50"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 47' 52"	105° 18' 40"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 47' 55"	105° 18' 47"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 47' 59"	105° 18' 54"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 02"	105° 19' 00"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 14"	105° 19' 07"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 29"	105° 19' 21"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 36"	105° 19' 28"					E-48-31-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 8	DC	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương	18° 48' 37"	105° 19' 22"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	xã Thanh Tường	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 46"	105° 18' 25"					E-48-31-B-c
xóm 2	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 27"	105° 18' 30"					E-48-31-B-c
xóm 3	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 32"	105° 18' 07"					E-48-31-B-c
xóm 4	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 44"	105° 18' 04"					E-48-31-B-c
xóm 5	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 49' 14"	105° 18' 05"					E-48-31-B-c
xóm 6	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 28"	105° 17' 47"					E-48-31-B-c
xóm 7	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 48' 14"	105° 17' 40"					E-48-31-B-c
xóm 8	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 47' 43"	105° 18' 07"					E-48-31-B-c
xóm 9	DC	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương	18° 47' 46"	105° 18' 21"					E-48-31-B-c
quốc lộ 46B	KX	xã Thanh Văn	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-B-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-31-D
hồ Hưu Sỹ	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 29"	105° 23' 31"					E-48-31-D
núi Kim Nghê	SV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 07"	105° 25' 55"					E-48-31-D
Suối Ngậy	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương			18° 35' 19"	105° 24' 03"	18° 39' 25"	105° 25' 28"	E-48-31-D
núi Tam Thai	SV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 10"	105° 26' 45"					E-48-31-D
Suối Tháp	TV	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương			18° 36' 56"	105° 27' 57"	18° 39' 24"	105° 25' 28"	E-48-31-D
xóm Xuân Điền	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 30"	105° 25' 17"					E-48-31-D
xóm Xuân Đồng	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 33"	105° 25' 54"					E-48-31-D
xóm Xuân Dũng 1	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 45"	105° 24' 52"					E-48-31-D
xóm Xuân Dũng 2	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 19"	105° 25' 00"					E-48-31-D
xóm Xuân Hiền	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 36' 46"	105° 24' 01"					E-48-31-D
xóm Xuân Hoa	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 26"	105° 25' 11"					E-48-31-D
xóm Xuân Hoà	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 39' 21"	105° 25' 06"					E-48-31-D
xóm Xuân Hồng	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 39' 14"	105° 24' 47"					E-48-31-D
xóm Xuân Liên	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 37"	105° 25' 09"					E-48-31-D
xóm Xuân Nam	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 44"	105° 25' 25"					E-48-31-D
xóm Xuân Ngọc	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 37"	105° 24' 38"					E-48-31-D
xóm Xuân Quỳnh	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 07"	105° 23' 23"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Xuân Sơn 1	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 36' 46"	105° 26' 43"					E-48-31-D
xóm Xuân Sơn 2	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 01"	105° 26' 37"					E-48-31-D
xóm Xuân Thảo	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 36' 29"	105° 25' 46"					E-48-31-D
xóm Xuân Thuỷ	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 38' 39"	105° 24' 42"					E-48-31-D
xóm Xuân Trung	DC	xã Thanh Xuân	H. Thanh Chương	18° 37' 19"	105° 24' 46"					E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
Núi Đừng	SV	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 33"	105° 26' 03"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm Yên Bình	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 11"	105° 25' 55"					E-48-31-D
xóm Yên Đình	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 42' 17"	105° 25' 59"					E-48-31-D
xóm Yên Hồng	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 13"	105° 25' 33"					E-48-31-D
xóm Yên Long	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 36"	105° 25' 22"					E-48-31-D
xóm Yên Mỹ	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 42"	105° 25' 33"					E-48-31-D
xóm Yên Phú	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 23"	105° 26' 04"					E-48-31-D
xóm Yên Quang	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 55"	105° 25' 47"					E-48-31-D
xóm Yên Sơn	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 33"	105° 25' 46"					E-48-31-D
xóm Yên Thắng	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 34"	105° 26' 11"					E-48-31-D
xóm Yên Trung	DC	xã Thanh Yên	H. Thanh Chương	18° 41' 32"	105° 25' 38"					E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
đường tỉnh 533	KX	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D
núi Cồn Cao	SV	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 35"	105° 19' 37"					E-48-31-D
thôn Hoà Hợp	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 26"	105° 20' 49"					E-48-31-D
thôn Khai Tiến	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 15"	105° 22' 24"					E-48-31-D
thôn Kim Hoà	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 28"	105° 20' 45"					E-48-31-D
thôn Kim Lương	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 46"	105° 20' 29"					E-48-31-D
thôn Kim Sơn	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 31"	105° 21' 05"					E-48-31-D
thôn Kim Thanh	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 46"	105° 20' 09"					E-48-31-D
thôn Kim Tiến	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 24"	105° 20' 20"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
thôn Lam Giang	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 26"	105° 22' 11"					E-48-31-D
thôn Liên Kỳ	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 07"	105° 21' 42"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Rộ	TV	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương			18° 41' 38"	105° 18' 16"	18° 43' 47"	105° 21' 55"	E-48-31-D
thôn Tân Hà	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 55"	105° 20' 49"					E-48-31-D
thôn Thượng Đức	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 44"	105° 21' 36"					E-48-31-D
thôn Tiên Chinh	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 32"	105° 21' 27"					E-48-31-D
thôn Tiên Thanh	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 42' 50"	105° 21' 27"					E-48-31-D
thôn Trung Đức	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 38"	105° 21' 53"					E-48-31-D
thôn Trường Yên	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 10"	105° 21' 22"					E-48-31-D
thôn Vận Tải	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 39"	105° 21' 59"					E-48-31-D
thôn Yên Xuân	DC	xã Võ Liệt	H. Thanh Chương	18° 43' 59"	105° 21' 01"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 44' 25"	105° 24' 33"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 44' 09"	105° 23' 57"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 43' 44"	105° 23' 38"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 43' 44"	105° 23' 00"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 43' 32"	105° 23' 21"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 43' 21"	105° 23' 34"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 43' 08"	105° 23' 53"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 42' 54"	105° 23' 51"					E-48-31-D
xóm 9	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 42' 57"	105° 24' 03"					E-48-31-D
xóm 10	DC	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 42' 44"	105° 24' 07"					E-48-31-D
quốc lộ 46B	KX	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương			18° 53' 20"	105° 18' 32"	18° 44' 07"	105° 22' 18"	E-48-31-D
núi Của Trại	SV	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 44' 37"	105° 24' 35"					E-48-31-D
núi Đồng Kiêng	SV	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương	18° 43' 27"	105° 23' 53"					E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Xuân Tường	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
quốc lộ 7	KX	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
khối Hoà Bắc	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 56"	104° 28' 06"					E-48-17-B
khối Hoà Đông	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 32"	104° 28' 45"					E-48-17-B
khối Hoà Nam	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 39"	104° 28' 05"					E-48-17-B
khối Hoà Tân	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 52"	104° 28' 22"					E-48-17-B
khối Hoà Tây	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 55"	104° 27' 52"					E-48-17-B
khối Hoà Trung	DC	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương	19° 15' 47"	104° 28' 13"					E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lam	TV	TT. Hoà Bình	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-17-B
núi Búm Sứa	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 33"	104° 34' 52"					E-48-18-A
núi Cà Mong	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 25' 17"	104° 38' 03"					E-48-18-A
suối Cà Mong	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 24' 28"	104° 38' 14"	19° 26' 43"	104° 35' 28"	E-48-18-A
suối Cà Múc	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 25' 50"	104° 40' 17"	19° 27' 21"	104° 36' 19"	E-48-18-A
Suối Cán	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 31' 29"	104° 32' 59"	19° 30' 20"	104° 32' 31"	E-48-6-A, E-48-6-C
suối Cha La	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 34' 41"	104° 36' 44"	19° 33' 20"	104° 38' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C
suối Cha Lai	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 33' 25"	104° 40' 06"	19° 30' 31"	104° 37' 31"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Chà Lăng	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 34' 06"	104° 37' 52"					E-48-6-A, E-48-6-C
khe Chà Lạt	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 33' 12"	104° 38' 22"	19° 31' 30"	104° 38' 30"	E-48-6-A, E-48-6-C
núi Chà Lặt	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C
suối Chà Lau	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 25' 20"	104° 35' 21"	19° 25' 24"	104° 34' 06"	E-48-18-A
núi Chà Lòng	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 51"					E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Chan	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 27' 22"	104° 38' 14"	19° 28' 00"	104° 36' 41"	E-48-18-A
núi Chò Lật	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 30' 00"	104° 41' 33"					E-48-18-A
Suối Cọ	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 26' 26"	104° 40' 50"	19° 28' 11"	104° 39' 04"	E-48-18-A
bản Con Phen	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 32' 05"	104° 38' 28"					E-48-6-A, E-48-6-C
Núi Đỉnh	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 30' 39"	104° 41' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Hốc	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 17' 36"	104° 12' 11"	19° 18' 49"	104° 13' 15"	E-48-17-C
suối Hồng Lam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 32' 37"	104° 35' 57"	19° 30' 56"	104° 36' 44"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Cọ	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 27' 19"	104° 40' 16"					E-48-18-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Huổi Nam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 33' 39"	104° 35' 01"	19° 32' 37"	104° 35' 57"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Pủng	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 32' 36"	104° 36' 00"					E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Kẹp	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 29' 55"	104° 41' 54"	19° 29' 01"	104° 37' 01"	E-48-18-A
Sông Lam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-A
Suối Lo	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 27' 26"	104° 42' 11"	19° 26' 57"	104° 40' 35"	E-48-18-A
Núi Lọ	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 27' 16"	104° 41' 52"					E-48-18-A
Núi Mà	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 21"					E-48-6-A, E-48-6-C
Núi Man	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 32' 10"	104° 35' 18"					E-48-6-A, E-48-6-C
Núi Muộng	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 47"	104° 38' 20"					E-48-18-A
suối Nam	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 34' 00"	104° 37' 00"	19° 32' 57"	104° 36' 15"	E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Nơn	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Pha	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 28' 13"	104° 41' 51"	19° 27' 38"	104° 39' 58"	E-48-18-A
núi Phá Cờ	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 21' 57"	104° 35' 23"					E-48-18-A
núi Phả Mựt	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 35' 10"	104° 38' 04"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Phu Mai	SV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 26' 15"	104° 40' 37"					E-48-18-A
bản Púng Bón	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 31' 42"	104° 40' 14"					E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Sang	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 23' 25"	104° 37' 49"	19° 25' 05"	104° 33' 36"	E-48-18-A
suối Sọt Nai	TV	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương			19° 28' 37"	104° 32' 54"	19° 29' 53"	104° 33' 30"	E-48-18-A
bản Tùng Hốc	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 33' 01"	104° 38' 21"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Xàn	DC	xã Hữu Khuông	H. Tương Dương	19° 28' 50"	104° 39' 40"					E-48-18-A
núi Búm Sửa	SV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 28' 33"	104° 34' 52"					E-48-18-A
bản Cà Mong	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 23' 28"	104° 26' 30"					E-48-17-B
Suối Cắt	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 26' 41"	104° 24' 19"	19° 23' 56"	104° 31' 21"	E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Chà Ca	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 26' 05"	104° 31' 06"	19° 25' 07"	104° 33' 35"	E-48-18-A
núi Chà Lòng	SV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 51"					E-48-18-A
bản Chăm Puông	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 21' 42"	104° 21' 52"					E-48-17-B
Bản Côi	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 20' 40"	104° 26' 40"					E-48-17-B
Bản Cóm	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 24' 03"	104° 31' 20"					E-48-18-A
bản Còn Tọc	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 28' 41"	104° 26' 39"					E-48-17-B
Bản Đửa	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 20' 22"	104° 24' 25"					E-48-17-B
núi Kẻo Ca	SV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 22' 30"	104° 21' 11"					E-48-17-B
Bản Là	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 18' 44"	104° 24' 38"					E-48-17-B
Suối Lác	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 22' 18"	104° 21' 23"	19° 19' 46"	104° 26' 09"	E-48-17-B
Sông Lam	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-17-B
Núi Mà	SV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 28' 09"	104° 35' 21"					E-48-18-A
Suối Mà	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 28' 05"	104° 35' 11"	19° 26' 46"	104° 34' 40"	E-48-18-A
bản Minh Phương	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 19' 39"	104° 26' 04"					E-48-17-B
bản Minh Thành	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 21' 20"	104° 23' 12"					E-48-17-B
bản Minh Tiến	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 21' 00"	104° 23' 44"					E-48-17-B
núi Nậm Nòn	SV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 22' 52"	104° 27' 53"					E-48-17-B
bản Pa Ca	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 24' 33"	104° 21' 22"					E-48-17-B
Suối Thiu	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 27' 08"	104° 26' 32"	19° 24' 55"	104° 27' 40"	E-48-17-B
Suối Vi	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 28' 27"	104° 26' 25"	19° 26' 02"	104° 29' 18"	E-48-17-B
Suối Vì	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 28' 53"	104° 27' 47"	19° 27' 58"	104° 28' 23"	E-48-17-B
núi Xa Khao	SV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 24' 13"	104° 21' 45"					E-48-17-B
bản Xốp Cháo	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 26' 06"	104° 29' 31"					E-48-17-B
bản Xốp Mạt	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 19' 44"	104° 26' 06"					E-48-17-B
bản Xốp Pột	DC	xã Lượng Minh	H. Tương Dương	19° 24' 25"	104° 30' 04"					E-48-18-A, E-48-17-B
Suối Xuống	TV	xã Lượng Minh	H. Tương Dương			19° 28' 10"	104° 32' 46"	19° 26' 59"	104° 34' 09"	E-48-18-A
quốc lộ 7	KX	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
Suối Chan	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 27' 22"	104° 38' 14"	19° 28' 00"	104° 36' 41"	E-48-18-A
bản Con Mương	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 16' 22"	104° 20' 57"					E-48-17-B
Suối Cui	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 17' 54"	104° 21' 48"	19° 17' 40"	104° 20' 10"	E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Đọc Mạy	SV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 07' 37"	104° 19' 18"					E-48-18-C
bản Khe Kiền	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 16' 29"	104° 21' 11"					E-48-17-B
suối Khia Pa	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 15' 22"	104° 15' 51"	19° 14' 14"	104° 17' 10"	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Khưu Pan	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 14' 58"	104° 13' 29"	19° 14' 14"	104° 17' 10"	E-48-17-D, E-48-29-B
Nậm Kiền	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 15' 12"	104° 18' 57"	19° 16' 33"	104° 21' 19"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Lưu Phong	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 14' 11"	104° 17' 39"					E-48-17-D, E-48-29-B
bản Lưu Thông	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 17' 23"	104° 18' 47"					E-48-17-B
suối Nậm Khiên	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 12' 23"	104° 17' 44"	19° 15' 12"	104° 18' 57"	E-48-17-D, E-48-29-B
sông Nậm Mộ	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-B
Suối Niếc	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 07' 41"	104° 19' 12"	19° 12' 23"	104° 17' 44"	E-48-17-B
Núi Niềm	SV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 17' 17"	104° 21' 29"					E-48-17-B
Nậm Púng	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 13' 28"	104° 14' 31"	19° 14' 05"	104° 16' 44"	E-48-17-B
Bản Púng	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 17' 52"	104° 19' 54"					E-48-17-B
Núi Sơn	SV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 15' 56"	104° 17' 11"					E-48-17-B
suối Tản Xà	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 16' 37"	104° 17' 17"	19° 17' 50"	104° 20' 01"	E-48-17-B
Suối Thù	TV	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương			19° 14' 14"	104° 17' 10"	19° 15' 12"	104° 18' 57"	E-48-17-B
bản Xoóng Con	DC	xã Lưu Kiền	H. Tương Dương	19° 15' 06"	104° 18' 52"					E-48-17-B
Suối Bén	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 38' 48"	104° 28' 11"	19° 35' 00"	104° 23' 54"	E-48-5-D
bản Chà Lò 1	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 34' 39"	104° 27' 20"					E-48-5-D
bản Chà Lò 2	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 34' 36"	104° 27' 32"					E-48-5-D
Núi Cò	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 22"	104° 25' 28"					E-48-5-D
Suối Cới	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 36' 26"	104° 23' 45"	19° 36' 25"	104° 24' 40"	E-48-5-D
Khe Củm	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 34' 11"	104° 27' 46"	19° 33' 36"	104° 26' 52"	E-48-5-D
Suối Hang	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 37' 38"	104° 25' 04"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D
bản Huổi Tố 1	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 35' 39"	104° 25' 49"					E-48-5-D
bản Huổi Tố 2	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 00"	104° 26' 10"					E-48-5-D
bản Huổi Xá	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 35' 57"	104° 24' 48"					E-48-5-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Khe Khiểng	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 38' 58"	104° 27' 08"	19° 36' 43"	104° 24' 47"	E-48-5-D
núi Lọng Quàng	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 38' 36"	104° 28' 00"					E-48-5-D
Núi Luồn	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 02"	104° 27' 52"					E-48-5-D
bản Na Hang	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 42"	104° 24' 36"					E-48-5-D
bản Na Kha	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 36' 48"	104° 26' 56"					E-48-5-D
Nậm Nơn	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	E-48-5-D
Khe Pe	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 34' 22"	104° 28' 42"	19° 32' 21"	104° 28' 21"	E-48-5-D
núi Phá Bèn	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 38' 34"	104° 29' 43"					E-48-5-D
bản Phá Khảo	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 38' 15"	104° 26' 18"					E-48-5-D
bản Piêng Coọc	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 37' 28"	104° 28' 14"					E-48-5-D
bản Piêng Mựn	DC	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	19° 35' 10"	104° 24' 04"					E-48-5-D
Suối Tổ	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 36' 11"	104° 29' 09"	19° 35' 33"	104° 25' 48"	E-48-5-D
dãy Trường Sơn	SV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-5-A,C E-48-5-D
Suối Xá	TV	xã Mai Sơn	H. Tương Dương			19° 39' 12"	104° 24' 57"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D
quốc lộ 48C	KX	xã Nga My	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-A, E-48-18-B
Bản Bay	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 36"	104° 47' 06"					E-48-18-B
Bản Canh	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 17' 41"	104° 48' 59"					E-48-18-B
Suối Chà	TV	xã Nga My	H. Tương Dương			19° 15' 48"	104° 53' 34"	19° 17' 12"	104° 44' 35"	E-48-18-B
Khe Chun	TV	xã Nga My	H. Tương Dương			19° 21' 06"	104° 50' 23"	19° 18' 55"	104° 48' 46"	E-48-18-B
Bản Đàng	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 17' 09"	104° 44' 50"					E-48-18-B
Núi Đuồn	SV	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 39"	104° 44' 38"					E-48-18-A
Suối Kho	TV	xã Nga My	H. Tương Dương			19° 21' 25"	104° 52' 06"	19° 18' 25"	104° 49' 29"	E-48-18-B
bản Na Ca	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 32"	104° 47' 49"					E-48-18-B
bản Na Kho	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 20' 33"	104° 51' 22"					E-48-18-B
bản Na Ngân	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 22' 13"	104° 46' 18"					E-48-18-B
Nặm Ngân	TV	xã Nga My	H. Tương Dương			19° 25' 07"	104° 47' 47"	19° 16' 49"	104° 46' 16"	E-48-18-B
Núi Phá	SV	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 15' 41"	104° 44' 50"					E-48-18-A
Bản Pột	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 57"	104° 46' 25"					E-48-18-B
bản Văng Môn	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 16' 49"	104° 45' 38"					E-48-18-B
bản Xốp Kho	DC	xã Nga My	H. Tương Dương	19° 18' 26"	104° 49' 26"					E-48-18-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Cán	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 31' 29"	104° 32' 59"	19° 30' 20"	104° 32' 31"	E-48-6-A, E-48-6-C
khe Chà Lầu	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 28' 45"	104° 31' 33"	19° 30' 11"	104° 31' 31"	E-48-18-A
suối Chà Luân	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 31' 07"	104° 26' 48"	19° 32' 30"	104° 27' 43"	E-48-5-D
bản Có Hạ	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 34' 09"	104° 34' 12"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Cọ	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 36' 20"	104° 35' 05"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Mặn	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 36' 18"	104° 31' 57"					E-48-6-A, E-48-6-C
Khe Hỷ	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 36' 54"	104° 34' 49"	19° 31' 26"	104° 29' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C
suối Khe Mặn	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 36' 02"	104° 33' 03"	19° 33' 52"	104° 32' 10"	E-48-6-A, E-48-6-C
suối Khe Poọc	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 36' 55"	104° 31' 15"	19° 33' 57"	104° 31' 47"	E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Muộng	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 31' 54"	104° 32' 05"	19° 30' 33"	104° 32' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Hỷ	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 33' 52"	104° 31' 58"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Lợt	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 33' 46"	104° 33' 36"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nhôn Mai	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 32' 41"	104° 29' 49"					E-48-5-D
Nậm Nơn	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 40' 58"	104° 04' 07"	19° 26' 44"	104° 35' 28"	E-48-6-A, E-48-6-C
Khe Pe	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 34' 22"	104° 28' 42"	19° 32' 21"	104° 28' 21"	E-48-5-D
bản Phá Mựt	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 35' 59"	104° 29' 41"					E-48-5-D
huổi Pha Nằng	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 33' 45"	104° 29' 40"	19° 32' 36"	104° 29' 30"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Phia Ôi	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 31' 20"	104° 24' 56"					E-48-5-D
bản Piêng Luống	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 30' 46"	104° 25' 22"					E-48-5-D
Núi Sánh	SV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 30' 45"	104° 26' 20"					E-48-5-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Sánh	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 30' 29"	104° 28' 31"	19° 31' 19"	104° 30' 09"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Thẳm Thẳm	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 35' 47"	104° 36' 55"					E-48-6-A, E-48-6-C
suối Toóng Chính	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 32' 43"	104° 32' 32"	19° 33' 09"	104° 31' 12"	E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Tuộc	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 29' 16"	104° 30' 02"	19° 30' 28"	104° 31' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-6-A+C
Suối Vụ	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 30' 38"	104° 25' 25"	19° 28' 53"	104° 27' 47"	E-48-5-D E-48-17-B
bản Xa Mặt	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 34' 11"	104° 29' 47"					E-48-5-D
suối Xa Mặt	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 33' 44"	104° 30' 27"	19° 33' 03"	104° 30' 17"	E-48-6-A, E-48-6-C
suối Xa Vang	TV	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương			19° 34' 49"	104° 33' 18"	19° 34' 09"	104° 33' 58"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Xói Voi	DC	xã Nhôn Mai	H. Tương Dương	19° 35' 22"	104° 35' 36"					E-48-6-A, E-48-6-C
quốc lộ 7	KX	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-C
suối Chà Là	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 49' 32"	105° 00' 39"	19° 47' 02"	105° 00' 03"	E-48-7-A
Suối Cớ	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 07' 04"	104° 32' 34"	19° 12' 45"	104° 38' 02"	E-48-18-C
bản Đình Hương	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 06"	104° 35' 38"					E-48-18-C
bản Đình Phong	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 11' 49"	104° 36' 59"					E-48-18-C
bản Đình Thắng	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 24"	104° 36' 22"					E-48-18-C
bản Đình Tiến	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 12' 47"	104° 40' 00"					E-48-18-C
suối Huổi Hốc	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 12' 33"	104° 08' 01"	19° 14' 48"	104° 08' 35"	E-48-17-A
Sông Lam	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-C
Núi Lớn	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 06' 45"	104° 34' 30"					E-48-18-C
Núi Mai	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 17' 01"	104° 35' 52"					E-48-18-A
Núi Mọi	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 40"	104° 39' 57"					E-48-18-C
Núi Mun	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 09' 20"	104° 32' 30"					E-48-18-C
Suối Muộng	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 31' 54"	104° 32' 05"	19° 30' 33"	104° 32' 16"	E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Nước Sạch	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 14' 38"	104° 35' 29"	19° 13' 31"	104° 35' 57"	E-48-18-C
núi Phả Lai	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 11' 26"	104° 38' 36"					E-48-18-C
bản Quang Phúc	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 11' 17"	104° 34' 54"					E-48-18-C
bản Quang Thịnh	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 10' 56"	104° 36' 26"					E-48-18-C
bản Quang Yên	DC	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 10' 54"	104° 35' 48"					E-48-18-C
Suối Quyên	*TV*	*xã Tam Đình*	*H. Tương Dương*			*19° 10' 42"*	*104° 33' 00"*	*19° 13' 36"*	*104° 32' 36"*	*E-48-18-C*
Núi To	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 16' 19"	104° 35' 50"					E-48-18-A
Khe Vai	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 15' 36"	104° 33' 44"	19° 13' 40"	104° 33' 48"	E-48-18-C
Núi Vi	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 13' 59"	104° 37' 46"					E-48-18-C
Suối Vi	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 28' 53"	104° 27' 47"	19° 27' 58"	104° 28' 23"	E-48-17-B
Núi Xái	SV	xã Tam Đình	H. Tương Dương	19° 07' 38"	104° 34' 44"					E-48-18-C
Khe Xiết	TV	xã Tam Đình	H. Tương Dương			19° 11' 43"	104° 34' 42"	19° 12' 06"	104° 33' 40"	E-48-18-C
Suối Bủn	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 03' 53"	104° 22' 52"	19° 05' 10"	104° 24' 48"	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Chà Lạp	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 10' 50"	104° 27' 40"	19° 12' 41"	104° 30' 51"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Đọc Mạy	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 07' 37"	104° 19' 18"					E-48-18-C
Suối Hạ	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 04' 57	104° 28' 36"	19° 07' 28"	104° 27' 43"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Huổi Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 16"	104° 24' 23"					E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Khảo	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 07' 25"	104° 31' 55"	19° 07' 43"	104° 28' 49"	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Khe Bủn	TV	*xã Tam Hợp*	*H. Tương Dương*			*19° 05' 10"*	*104° 24' 48"*	*19° 06' 23"*	*104° 26' 55"*	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Khe Cặt	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 05' 36"	104° 31' 49"	19° 10' 03"	104° 26' 50"	E-48-17-
suối Lồng Cống	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 07' 21"	104° 25' 34"	19° 08' 16"	104° 27' 01"	E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Muống	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 07' 46"	104° 25' 31"	19° 08' 42"	104° 26' 54"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Ô Lát	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 05' 55"	104° 27' 49"					E-48-18-C
núi Pác Chà Lôm	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 05"	104° 31' 30"					E-48-18-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Phá Lõm	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 44"	104° 22' 52"					E-48-17-D, E-48-29-B
suối Phá Lõm	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 09' 16"	104° 21' 42"	19° 08' 42"	104° 22' 52"	E-48-17-D, E-48-29-B
Bản Phồng	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 08' 26"	104° 27' 10"					E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Sến	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 04' 47"	104° 22' 27"	19° 08' 50"	104° 24' 27"	E-48-17-D, E-48-29-B
Suối Tà	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 11' 52"	104° 26' 08"	19° 10' 15"	104° 26' 32"	E-48-17-D, E-48-29-B
suối Thăm Poỏng	TV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương			19° 04' 26"	104° 21' 08"	19° 08' 42"	104° 22' 59"	E-48-17-D, E-48-29-B
dãy Trường Sơn	SV	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-17-D+29-B
bản Văng Môn	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 09' 57"	104° 25' 36"					E-48-17-D, E-48-29-B
bản Xốp Nặm	DC	xã Tam Hợp	H. Tương Dương	19° 09' 57"	104° 26' 51"					E-48-17-D, E-48-29-B
quốc lộ 7	KX	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-C
quốc lộ 48C	KX	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-C
bản Bãi Sỏ	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 23"	104° 41' 18"					E-48-18-C
bản Bãi Xa	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 08' 28"	104° 42' 21"					E-48-18-C
Khe Đá	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 06' 57"	104° 34' 49"	19° 05' 35"	104° 38' 26"	E-48-18-C
suối Đón Can	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 00' 29"	104° 29' 44"	19° 02' 52"	104° 29' 49"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Gam Nhanh	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 07' 04"	104° 38' 26"					E-48-18-C
bản Khe Bố	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 32"	104° 40' 28"					E-48-18-C
mỏ than Khe Bố	KX	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 11' 14"	104° 40' 29"					E-48-18-C
suối Khe Bố	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 07' 28"	104° 38' 22"	19° 09' 27"	104° 40' 43"	E-48-18-C
núi Khe Do	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 11"	104° 41' 21"					E-48-18-C
núi Kim Gia	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 01"	104° 43' 04"					E-48-18-C
Sông Lam	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-C
bản Liên Hương	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 05' 15"	104° 39' 51"					E-48-18-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Lớn	SV	*xã Tam Quang*	*H. Tương Dương*	*19° 06' 45"*	*104° 34' 30"*					E-48-18-C
Suối Lớt	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 04' 12"	104° 36' 13"	19° 04' 46"	104° 36' 51"	E-48-18-C
Phu Mat	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	18° 58' 59"	104° 30' 36"					E-48-30-A
Suối Mặt	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			18° 59' 45"	104° 39' 34"	19° 00' 42"	104° 38' 57"	E-48-18-C
Làng Mỏ	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 19"	104° 41' 41"					E-48-18-C
Núi Mọi	SV	*xã Tam Quang*	*H. Tương Dương*	19° 13' 40"	104° 39' 57"					E-48-18-C
Suối Mọi	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 12' 06"	104° 41' 12"	19° 12' 17"	104° 39' 58"	E-48-18-C
Suối Mới	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 03' 44"	104° 30' 31"	19° 03' 37"	104° 32' 05"	E-48-18-C
núi Mụ Nâu	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 06' 32"	104° 41' 48"					E-48-18-C
suối Nậm Xóm	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 02' 12"	104° 24' 22"	19° 04' 08"	104° 29' 23"	E-48-17-D, E-48-29-B
Làng Nhùng	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 09' 04"	104° 41' 02"					E-48-18-C
núi Ô Lát	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 05' 55"	104° 27' 49"					E-48-18-C
núi Phả Lai	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 11' 26"	104° 38' 36"					E-48-18-C
bản Sơn Hà	DC	*xã Tam Quang*	*H. Tương Dương*	*19° 09' 37"*	*104° 40' 18"*					E-48-18-C
bản Tam Bông	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 21"	104° 38' 32"					E-48-18-C
suối Tam Bông	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 07' 44"	104° 35' 14"	19° 10' 38"	104° 39' 47"	E-48-18-C
bản Tam Hương	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 10' 37"	104° 40' 06"					E-48-18-C
bản Tam Liên	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 08' 59"	104° 41' 55"					E-48-18-C
bản Tân Hương	DC	*xã Tam Quang*	*H. Tương Dương*	19° 06' 13"	104° 40' 56"					E-48-18-C
Suối Thơi	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 04' 08"	104° 29' 23"	19° 03' 52"	104° 29' 57"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Tùng Hương	DC	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 05' 24"	104° 39' 52"					E-48-18-C
dãy Trường Sơn	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	16° 28' 51"	106° 54' 56"					E-48-17-D+29-B
Núi Van	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 01' 42"	104° 30' 20"					E-48-18-C
Núi Xái	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 07' 38"	104° 34' 44"					E-48-18-C
Nậm Xám	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 00' 29"	104° 25' 31"	19° 02' 56"	104° 27' 39"	E-48-17-D, E-48-29-B
núi Xam Nga	SV	*xã Tam Quang*	*H. Tương Dương*	19° 02' 27"	104° 39' 59"					E-48-18-C
núi Xanh Liêm	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 01' 37"	104° 33' 47"					E-48-18-C
Suối Xen	TV	xã Tam Quang	H. Tương Dương			19° 03' 51"	104° 36' 42"	19° 04' 42"	104° 37' 13"	E-48-18-C
núi Xo Le	SV	xã Tam Quang	H. Tương Dương	19° 11' 22"	104° 43' 22"					E-48-18-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 7	KX	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-18-C
Bản Cạn	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 00"	104° 31' 10"					E-48-18-C
bản Cánh Tráp	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 44"	104° 32' 02"					E-48-18-C
suối Chà Lạp	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 10' 50"	104° 27' 40"	19° 12' 41"	104° 30' 51"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Đoọc Búa	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 00"	104° 30' 01"					E-48-18-C
Núi Hôm	SV	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 12' 27"	104° 32' 13"					E-48-18-C
núi Kèm Púc	SV	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 09' 49"	104° 28' 51"					E-48-17-D, E-48-29-B
Khe Khảo	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 10' 13"	104° 30' 01"	19° 14' 05"	104° 32' 05"	E-48-18-C
Bản Khỏi	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 13"	104° 29' 18"					E-48-17-D, E-48-29-B
Sông Lam	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-18-C
Khe Lặng	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 12' 29"	104° 34' 23"	19° 13' 30"	104° 34' 36"	E-48-18-C
Bản Lũng	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 31"	104° 31' 21"					E-48-18-C
Khe Mặp	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 08' 55"	104° 31' 25"	19° 12' 36"	104° 31' 08"	E-48-18-C
bản Na Tổng	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 13' 19"	104° 31' 54"					E-48-18-C
Suối Quyên	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 10' 42"	104° 33' 00"	19° 13' 36"	104° 32' 36"	E-48-18-C
bản Tân Hợp	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 14' 11"	104° 31' 43"					E-48-18-C
Khe Vai	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 15' 36"	104° 33' 44"	19° 13' 40"	104° 33' 48"	E-48-18-C
Khe Xiết	TV	xã Tam Thái	H. Tương Dương			19° 11' 43"	104° 34' 42"	19° 12' 06"	104° 33' 40"	E-48-18-C
bản Xoóng Con	DC	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 12' 29"	104° 28' 37"					E-48-17-D, E-48-29-B
núi Xoỏng Lây	SV	xã Tam Thái	H. Tương Dương	19° 17' 58"	104° 31' 44"					E-48-18-A
quốc lộ 7	KX	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
Núi Cá	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 17' 10"	104° 28' 34"					E-48-17-B
Núi Can	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 01' 59"	104° 46' 11"					E-48-18-D
bản Cây Me	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 14' 24"	104° 30' 48"					E-48-18-C
suối Cây Me	TV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 16' 04"	104° 31' 42"	19° 14' 41"	104° 30' 44"	E-48-18-C, E-48-18-A
Bản Chấn	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 43"	104° 28' 43"					E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Khe Chi	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 10"	104° 29' 13"					E-48-17-B
Sông Lam	TV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-17-B
Bản Lau	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 17"	104° 29' 47"					E-48-17-B
Bản Mác	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 43"	104° 29' 43"					E-48-17-B
Suối Mác	TV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương			19° 17' 50"	104° 28' 15"	19° 15' 42"	104° 29' 41"	E-48-17-B
Bản Mon	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 16' 23"	104° 27' 12"					E-48-17-B
Bản Nhẫn	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 14' 51"	104° 30' 23"					E-48-18-C
Bản Phòng	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 26"	104° 28' 22"					E-48-17-B
núi Sám Súm	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 16' 09"	104° 31' 15"					E-48-18-A
núi Son Lệch	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 18' 05"	104° 30' 43"					E-48-18-A
bản Thạch Dương	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 17' 00"	104° 26' 23"					E-48-17-B
xóm Thạch Hoà	DC	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 15' 41"	104° 29' 32"					E-48-17-B
núi Xoỏng Lây	SV	xã Thạch Giám	H. Tương Dương	19° 17' 58"	104° 31' 44"					E-48-18-A
quốc lộ 7	KX	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-17-B
Bản Ang	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 15' 24"	104° 24' 04"					E-48-17-B
Khe Ang	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 09' 42"	104° 21' 54"	19° 15' 26"	104° 23' 59"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Cửa Rào 1	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 17' 25"	104° 25' 31"					E-48-17-B
bản Cửa Rào 2	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 17' 09"	104° 25' 52"					E-48-17-B
Khe Dài	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 18' 47"	104° 26' 57"	19° 17' 20"	104° 25' 24"	E-48-17-B
Khe Hối	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 15' 05"	104° 22' 53"	19° 15' 32"	104° 23' 25"	E-48-17-B
bản Hợp Thành	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 14' 57"	104° 25' 50"					E-48-17-B
Khe Kăm	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 11' 01"	104° 23' 56"	19° 13' 55"	104° 23' 40"	E-48-17-D, E-48-29-B
bản Khe Ngậu	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 16' 46"	104° 24' 50"					E-48-17-B
cầu Khe Ngậu	KX	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 16' 47"	104° 24' 58"					E-48-17-B
Sông Lam	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-17-B
Bản Lở	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 16' 12"	104° 24' 28"					E-48-17-B
bản Na Bè	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 14' 42"	104° 25' 49"					E-48-17-B
sông Nậm Mộ	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 18' 07"	103° 52' 56"	19° 17' 11"	104° 25' 36"	E-48-17-B
Khe Ngậu	TV	xã Xá Lượng	H. Tương Dương			19° 18' 24"	104° 21' 55"	19° 16' 47"	104° 24' 56"	E-48-17-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Xiêng Hương	DC	xã Xá Lượng	H. Tương Dương	19° 17' 34"	104° 25' 00"					E-48-17-B
quốc lộ 48C	KX	xã Xiêng My	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-A, E-48-18-B
Suối Chả	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương			19° 15' 48"	104° 53' 34"	19° 17' 12"	104° 44' 35"	E-48-18-B
bản Chà Hla	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 11"	104° 48' 52"					E-48-18-B
núi Chà Lôm	SV	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 12' 33"	104° 46' 00"					E-48-18-D
Bản Chon	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 16' 01"	104° 48' 27"					E-48-18-B
Suối Chon	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương			19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-D
bản Đinh Tài	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 49"	104° 46' 00"					E-48-18-B
Suối Hạng	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương			19° 18' 25"	104° 52' 52"	19° 15' 47"	104° 49' 54"	E-48-18-B
Núi Huột	SV	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 44"	104° 51' 44"					E-48-18-D
núi Kha Côn	SV	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 12' 28"	104° 47' 43"					E-48-18-D
bản Khe Quỳnh	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 15' 25"	104° 51' 41"					E-48-18-B
Suối Kốc	TV	xã Xiêng My	H. Tương Dương			19° 12' 47"	104° 45' 03"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-C, E-48-18-D
bản Noóng Mò	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 15' 59"	104° 49' 55"					E-48-18-B
Bản Phảy	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 14' 15"	104° 47' 26"					E-48-18-B
bản Piêng Ô	DC	xã Xiêng My	H. Tương Dương	19° 15' 47"	104° 50' 10"					E-48-18-B
quốc lộ 48C	KX	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-A
núi Cà Mau	SV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 44"	104° 42' 53"					E-48-18-A
bản Cành Khỉn	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 13"	104° 40' 21"					E-48-18-A
nặm Chà Hạ	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 17' 47"	104° 37' 33"	19° 17' 27"	104° 38' 59"	E-48-18-A
suối Chang Trong	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 24' 15"	104° 46' 05"	19° 24' 20"	104° 42' 17"	E-48-18-A
Khe Cháo	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 21' 32"	104° 44' 23"	19° 17' 09"	104° 41' 03"	E-48-18-A
Bản Coọc	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 23"	104° 39' 42"					E-48-18-A
bản Đình Yên	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 16' 54"	104° 42' 18"					E-48-18-A
Bản Hào	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 41"	104° 37' 57"					E-48-18-A
Suối Kịt	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 20' 17"	104° 45' 31"	19° 17' 07"	104° 42' 54"	E-48-18-A
Khe Líp	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 20' 37"	104° 38' 55"	19° 17' 27"	104° 38' 59"	E-48-18-A
Nặm Ngân	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 17' 12"	104° 44' 35"	19° 17' 17"	104° 39' 35"	E-48-18-A
Suối Ngậu	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 20' 27"	104° 42' 38"	19° 17' 09"	104° 40' 22"	E-48-18-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Ngọn	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 05"	104° 39' 14"					E-48-18-A
Suối Nguyên	TV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương			19° 15' 31"	104° 39' 49"	19° 12' 42"	104° 38' 30"	E-48-18-A
bản Văng Môn	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 02"	104° 41' 11"					E-48-18-A
núi Xa Man	SV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 19' 34"	104° 42' 25"					E-48-18-A
núi Xa Mau	SV	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 21' 33"	104° 41' 03"					E-48-18-A
bản Xiềng Líp	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 32"	104° 38' 46"					E-48-18-A
bản Xốp Chạng	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 16' 55"	104° 43' 57"					E-48-18-A
bản Xốp Cháo	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 15"	104° 41' 04"					E-48-18-A
bản Xốp Kha	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 18' 58"	104° 39' 24"					E-48-18-A
bản Xốp Kịt	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 17' 06"	104° 42' 58"					E-48-18-A
bản Yên Hương	DC	xã Yên Hoà	H. Tương Dương	19° 18' 07"	104° 42' 05"					E-48-18-A
Bản Bón	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 18' 13"	104° 36' 04"					E-48-18-A
nậm Chà Hạ	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 19' 58"	104° 35' 30"	19° 17' 48"	104° 37' 29"	E-48-18-A
bản Có Phảo	*DC*	*xã Yên Na*	*H. Tương Dương*	19° 19' 55"	104° 28' 55"					E-48-17-B
bản Huổi Cụt	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 25"	104° 32' 59"					E-48-18-A
bản Huổi Xén	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 40"	104° 30' 56"					E-48-18-A
Sông Lam	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-17-B
Núi Mai	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 17' 01"	104° 35' 52"					E-48-18-A
bản Na Khốm	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 19' 36"	104° 30' 27"					E-48-18-A
bản Na Pu	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 17' 55"	104° 37' 07"					E-48-18-A
Nậm Noi	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 19' 10"	104° 33' 08"	19° 18' 28"	104° 35' 18"	E-48-18-A
núi Phá Cờ	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 21' 57"	104° 35' 23"					E-48-18-A
Suối Pón	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 22' 05"	104° 35' 08"	19° 24' 18"	104° 32' 50"	E-48-18-A
Suối Pủng	TV	xã Yên Na	H. Tương Dương			19° 21' 34"	104° 34' 04"	19° 24' 18"	104° 32' 50"	E-48-18-A
núi Rô Bô	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 21' 08"	104° 31' 17"					E-48-18-A
núi Son Lệch	SV	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 18' 05"	104° 30' 43"					E-48-18-A
Bản Vẽ	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 20' 42"	104° 28' 13"					E-48-17-B
bản Xiềng Nứa	DC	xã Yên Na	H. Tương Dương	19° 18' 47"	104° 35' 19"					E-48-18-A
bản Xốp Pu	*DC*	*xã Yên Na*	*H. Tương Dương*	19° 19' 03"	104° 33' 39"					E-48-18-A
quốc lộ 48C	KX	xã Yên Thắng	H. Tương Dương			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-C
bản Cảnh Tạng	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 55"	104° 38' 22"					E-48-18-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Chon	TV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương			19° 13' 55"	104° 54' 31"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-D
Suối Cốc	TV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương			19o12'26"	104o45'04"	19° 13' 13"	104° 42' 10"	E-48-18-A
Bản Lướm	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 18"	104° 39' 36"					E-48-18-C
Núi Mọi	SV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 40"	104° 39' 57"					E-48-18-C
Suối Nguyên	TV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương			19° 15' 31"	104° 39' 49"	19° 12' 42"	104° 38' 30"	E-48-18-A
Núi Phá	*SV*	*xã Yên Thắng*	*H. Tương Dương*	*19° 15' 41"*	*104° 44' 50"*					*E-48-18-A*
Bản Pủng	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 26"	104° 39' 02"					E-48-18-C
Bản Tạt	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 36"	104° 42' 37"					E-48-18-C
bản Trung Thắng	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 58"	104° 39' 53"					E-48-18-C
bản Văng Lin	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 14' 25"	104° 40' 40"					E-48-18-C
Núi Vi	SV	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 59"	104° 37' 46"					E-48-18-C
bản Xốp Cốc	DC	xã Yên Thắng	H. Tương Dương	19° 13' 10"	104° 42' 19"					E-48-18-C
bản Xốp Khẩu	*DC*	*xã Yên Thắng*	*H. Tương Dương*	*19° 16' 21"*	*104° 38' 54"*					*E-48-18-A*
bản Cảnh Toong	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 20' 50"	104° 36' 56"					E-48-18-A
bản Cạp Chạng	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 21' 46"	104° 37' 45"					E-48-18-A
nặm Chà Hạ	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương			19o23'59"	104o42'36"	19° 17' 48"	104° 37' 29"	E-48-18-A
bản Chà Lúm	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 24' 11"	104° 42' 16"					E-48-18-A
Suối Chăm	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương			19° 26' 11"	104° 43' 19"	19° 24' 20"	104° 42' 17"	E-48-18-B
suối Chang Trong	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương			19° 24' 15"	104° 46' 05"	19° 24' 20"	104° 42' 17"	E-48-18-A
Bản Hạt	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 22' 20"	104° 38' 23"					E-48-18-A
bản Huổi Pai	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 23' 18"	104° 41' 31"					E-48-18-A
Khe Lạp	TV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương			19° 26' 16"	104° 45' 19"	19° 24' 45"	104° 44' 20"	E-48-18-B
Núi Mai	*SV*	*xã Yên Tĩnh*	*H. Tương Dương*	*19° 26' 15"*	*104° 40' 37"*					*E-48-18-A*
bản Na Cáng	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 24' 34"	104° 43' 27"					E-48-18-A
bản Pả Khốm	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 23' 09"	104° 40' 25"					E-48-18-A
bản Pa Tý	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 20' 57"	104° 36' 22"					E-48-18-A
núi Phá Cờ	SV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 21' 57"	104° 35' 23"					E-48-18-A
bản Văng Cuộm	DC	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 20' 07"	104° 34' 59"					E-48-18-A
núi Xa Mau	SV	xã Yên Tĩnh	H. Tương Dương	19° 21' 33"	104° 41' 03"					E-48-18-A
khối 3	*DC*	*TT. Yên Thành*	*H. Yên Thành*	*18° 59' 58"*	*105° 27' 55"*					*E-48-19-D-d*

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 534	KX	TT. Yên Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b,
đường tỉnh 538	KX	TT. Yên Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b, E-48-19-D-d
xóm Bắc Phú	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 14"	105° 28' 50"					E-48-19-D-d
Cầu Dinh	KX	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 02"	105° 28' 49"					E-48-19-D-d
kênh Nông Giang	TV	TT. Yên Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-31-B-b, E-48-19-D-d
khối Phúc Hậu	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 58"	105° 27' 55"					E-48-19-D-d
khối Phúc Tân	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 46"	105° 27' 45"					E-48-19-D-d
xóm Phúc Thọ	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 57"	105° 27' 46"					E-48-19-D-d
xóm Phúc Trung	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	18° 59' 59"	105° 27' 36"					E-48-19-D-d
khối Trung Dinh	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 00"	105° 28' 38"					E-48-19-D-d
xóm Trung Phú	DC	TT. Yên Thành	H. Yên Thành	19° 00' 08"	105° 28' 57"					E-48-19-D-d
đường tỉnh 538	KX	xã Bắc Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 59' 10"	105° 26' 37"					E-48-31-B-b
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 59' 00"	105° 26' 35"					E-48-31-B-b
xóm Chợ Bùi	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 27"	105° 25' 25"					E-48-31-B-b
núi Cồn Găng	SV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 35"	105° 25' 33"					E-48-31-B-b
núi Động Chùa	SV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 25' 58"					E-48-31-B-b
núi Động Làng Nồi	SV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 28"	105° 25' 57"					E-48-31-B-b
xóm Khe Gạo	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 45"	105° 24' 18"					E-48-31-B-b
xóm Làng Nồi	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 21"	105° 26' 01"					E-48-31-B-b
xóm Lê Hồng Phong	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 06"	105° 26' 12"					E-48-31-B-b
kênh Nông Giang	TV	xã Bắc Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-31-B-b
xóm Phạm Hồng Thái	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 09"	105° 26' 24"					E-48-31-B-b
xóm Trại Xanh	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 25' 40"					E-48-31-B-b
xóm Trần Phú	DC	xã Bắc Thành	H. Yên Thành	18° 58' 08"	105° 26' 35"					E-48-31-B-b
quốc lộ 7	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-b
đường tỉnh 534	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b
xóm 10 Đông	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 44"	105° 28' 41"					E-48-31-B-b
xóm 10 Tây	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 34"	105° 28' 24"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bắc Sơn	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 54"	105° 28' 30"					E-48-31-B-b
xóm Bắc Thịnh	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 25"	105° 28' 14"					E-48-31-B-b
nhà thờ Bảo Nham	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 55"	105° 28' 22"					E-48-31-B-b
Chợ Bộng	KX	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 37"	105° 28' 37"					E-48-31-B-b
xóm Cựa Truồng	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 54' 09"	105° 27' 58"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Mỹ	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 09"	105° 28' 02"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Mỹ	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 15"	105° 28' 02"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Sơn	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 45"	105° 28' 32"					E-48-31-B-b
Suối Hạc	TV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 53' 36"	105° 27' 59"	18° 55' 23"	105° 27' 33"	E-48-31-B-b
núi Hòn Ngang	SV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 53' 45"	105° 28' 23"					E-48-31-B-b
núi Hòn Vung	SV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 53' 29"	105° 27' 20"					E-48-31-B-b
kênh Khe Cát	TV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 55' 34"	105° 27' 40"	18° 57' 17"	105° 28' 55"	E-48-31-B-b
xóm Khe Hạc	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 53' 47"	105° 28' 03"					E-48-31-B-b
xóm Làng Cũ	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 54' 12"	105° 27' 42"					E-48-31-B-b
kênh N201	TV	xã Bảo Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
Xóm Quánh	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 54' 44"	105° 28' 13"					E-48-31-B-b
xóm Tây Sơn	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 53"	105° 28' 24"					E-48-31-B-b
xóm Yên Vinh	DC	xã Bảo Thành	H. Yên Thành	18° 55' 34"	105° 28' 24"					E-48-31-B-b
quốc lộ 7	KX	xã Công Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Công Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b
xóm Bùi Bùi	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 44"	105° 26' 32"					E-48-31-B-b
xóm Cao Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 11"	105° 27' 06"					E-48-31-B-b
xóm Cồn Chuối	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 32"	105° 27' 31"					E-48-31-B-b
xóm Công Luận	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 49"	105° 26' 00"					E-48-31-B-b
sông Đào Đạo Lý	TV	xã Công Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"	E-48-31-B-b
xóm Đông Châu	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 03"	105° 26' 48"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Hiền	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 43"	105° 26' 42"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Muống	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 39"	105° 26' 25"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Rào	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 03"	105° 25' 57"					E-48-31-B-b
xóm Đông Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 56"	105° 27' 09"					E-48-31-B-b
Suối Hạc	TV	xã Công Thành	H. Yên Thành			18° 53' 36"	105° 27' 59"	18° 55' 23"	105° 27' 33"	E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Hồng Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 57"	105° 26' 57"					E-48-31-B-b
xóm Long Tiến	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 25"	105° 25' 38"					E-48-31-B-b
kênh N201	TV	xã Công Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
xóm Nam Châu	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 33"	105° 24' 51"					E-48-31-B-b
xóm Ngã Tư	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 24"	105° 26' 18"					E-48-31-B-b
xóm Ngọc Hạ	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 19"	105° 26' 18"					E-48-31-B-b
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 24"	105° 26' 36"					E-48-31-B-b
xóm Ngọc Thượng	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 16"	105° 26' 31"					E-48-31-B-b
Xóm Rú	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 49"	105° 25' 26"					E-48-31-B-b
xóm Sơn Long	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 55"	105° 24' 41"					E-48-31-B-b
xóm Sơn Long	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	105° 26' 08"	105° 26' 08"					E-48-31-B-b
xóm Tân Long	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 23"	105° 26' 12"					E-48-31-B-b
xóm Thái Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 55' 00"	105° 26' 48"					E-48-31-B-b
xóm Trung Sơn	DC	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 54' 48"	105° 26' 59"					E-48-31-B-b
núi Tu Líp	SV	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 53' 35"	105° 27' 10"					E-48-31-B-b
núi Tù Và	SV	xã Công Thành	H. Yên Thành	18° 53' 53"	105° 26' 22"					E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 24"	105° 23' 01"					E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 32"	105° 23' 04"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 49"	105° 23' 26"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 56"	105° 23' 41"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 56' 16"	105° 22' 57"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 58"	105° 22' 46"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 56' 13"	105° 22' 14"					E-48-31-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 56"	105° 22' 12"					E-48-31-B-a
xóm Thuận Lạc	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 56' 16"	105° 22' 57"					E-48-31-B-b
núi Tủ Và	SV	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 53' 53"	105° 26' 22"					E-48-31-B-b
xóm Tuy Nen	DC	xã Đại Thành	H. Yên Thành	18° 55' 31"	105° 22' 21"					E-48-31-B-a
kênh Vếch Bắc	TV	xã Đại Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-31-B-a, E-48-31-B-b
xóm Bắc Vực	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 28"	105° 33' 54"					E-48-20-C-c
xóm Dạ Sơn	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 04' 18"	105° 32' 47"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Đông Thị	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 04' 46"	105° 34' 10"					E-48-20-C-c
xóm Gia Mỹ	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 49"	105° 33' 22"					E-48-20-C-c
xóm Hạc Linh	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 20"	105° 34' 18"					E-48-20-C-c
xóm Hoàng Lồ	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 25"	105° 33' 16"					E-48-20-C-c
núi Hòn Rồng	SV	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 05' 02"	105° 33' 39"					E-48-20-C-c
xóm Kim Chi	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 53"	105° 33' 58"					E-48-20-C-c
xóm Nam Vực	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 13"	105° 33' 52"					E-48-20-C-c
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 04' 37"	105° 33' 44"					E-48-20-C-c
xóm Phú Vinh	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 04' 17"	105° 34' 04"					E-48-20-C-c
xóm Phú Xuân	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 34' 09"					E-48-20-C-c
xóm Sung Yên	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 43"	105° 34' 22"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Đô Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Xuân Lai	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 03' 58"	105° 33' 29"					E-48-20-C-c
xóm Yên Hội	DC	xã Đô Thành	H. Yên Thành	19° 04' 15"	105° 34' 21"					E-48-20-C-c
dãy Ba Khe	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành			19°0' 16"	105°20' 47"	19° 02' 01"	105°22' 37"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
núi Chấn Thuỷ	*SV*	*xã Đồng Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 00' 27"*	*105° 21' 44"*					*E-48-19-D-c*
Hòn Dài	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 46"	105° 24' 59"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Hoa	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 37"	105° 24' 41"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Long	*DC*	*xã Đồng Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 01' 40"*	*105° 25' 28"*					*E-48-19-D-d*
xóm Đồng Nhân	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 25' 17"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Phú	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 11"	105° 24' 49"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Phúc	*DC*	*xã Đồng Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 02' 51"*	*105° 25' 45"*					*E-48-19-D-d*
núi Động Quách	SV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 04"	105° 22' 59"					E-48-19-D-c
xóm Đồng Trổ	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 05"	105° 24' 19"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Trung	*DC*	*xã Đồng Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 00' 40"*	*105° 23' 12"*					*E-48-19-D-d*
xóm Đồng Xuân	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 49"	105° 24' 39"					E-48-19-D-d
xóm Hồng Kỳ	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 18"	105° 25' 12"					E-48-19-D-d
núi Lèn Cò	*SV*	*xã Đồng Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 01' 05"*	*105° 24' 13"*					*E-48-19-D-d*
xóm Nam Viên	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 40"	105° 26' 07"					E-48-19-D-d
hồ Quản Hài	TV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"					E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Trần Phú	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 55"	105° 25' 08"					E-48-19-D-d
Suối Vàu	TV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành			19°1' 34"	105° 24' 20"	19° 00' 31"	105°28' 46"	E-48-19-D-d
đập Vệ Vừng	TV	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 39"	105° 24' 02"					E-48-19-D-d
xóm Vũ Kỳ	DC	xã Đồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 21"	105° 25' 30"					E-48-19-D-d
xóm Bắc Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 55"	105° 32' 12"					E-48-20-C-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 35"	105° 32' 11"					E-48-20-C-c
xóm Canh Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 58"	105° 31' 23"					E-48-20-C-c
xóm Châu Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 04' 59"	105° 32' 06"					E-48-20-C-c
núi Chùa Đen	SV	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 06' 13"	105° 33' 31"					E-48-20-C-c
xóm Dẫu Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 09"	105° 31' 41"					E-48-20-C-c
xóm Đức Liên	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 35"	105° 33' 23"					E-48-20-C-c
xóm Đức Quảng	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 06' 40"	105° 32' 50"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 38"	105° 33' 07"					E-48-20-C-c
xóm Hồng Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 34"	105° 32' 58"					E-48-20-C-c
xóm Lĩnh Sơn	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 09"	105° 32' 04"					E-48-20-C-c
xóm Nam Lĩnh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 42"	105° 32' 11"					E-48-20-C-c
xóm Phúc Thọ	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 06' 12"	105° 31' 27"					E-48-20-C-c
xóm Phúc Trường	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 06' 02"	105° 32' 09"					E-48-20-C-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 04' 40"	105° 32' 12"					E-48-20-C-c
Sông Sanh	TV	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 07' 19"	105° 30' 57"	19° 03' 54"	105° 31' 29"	E-48-20-C-c
xóm Tây Canh	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 36"	105° 31' 19"					E-48-20-C-c
xóm Thọ Bằng	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 04' 49"	105° 31' 59"					E-48-20-C-c
xóm Trung Nam	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 05' 25"	105° 32' 09"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Đức Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Yên Định	DC	xã Đức Thành	H. Yên Thành	19° 04' 21"	105° 32' 12"					E-48-20-C-c
đập Bàu Ganh	TV	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 54"	105° 28' 01"					E-48-19-D-d
xóm Cầu Thượng	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 09"	105° 28' 34"					E-48-19-D-d
xóm Chợ Mỏ	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 35"	105° 28' 29"					E-48-19-D-d
xóm Đông Phú	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 27"	105° 28' 48"					E-48-19-D-d
xóm Đông Sơn	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 03' 10"	105° 28' 35"					E-48-19-D-d
xóm Phú Thọ	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 43"	105° 28' 58"					E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Sơn	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 03' 43"	105° 28' 12"					E-48-19-D-d
xóm Thọ Trà	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 47"	105° 28' 18"					E-48-19-D-d
xóm Thượng Thọ	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 29"	105° 28' 37"					E-48-19-D-d
xóm Trần Phú	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 19"	105° 28' 23"					E-48-19-D-d
xóm Trung Nam	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 21"	105° 28' 42"					E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Hậu Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
xóm Yên Thịnh	DC	xã Hậu Thành	H. Yên Thành	19° 02' 49"	105° 29' 10"					E-48-19-D-d
xóm 3	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 07"	105° 29' 27"					E-48-19-D-d
xóm 4	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 02"	105° 29' 21"					E-48-19-D-d
xóm 6	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	18° 59' 40"	105° 29' 04"					E-48-19-D-d
đường tỉnh 538	KX	xã Hoa Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d, E-48-31-B-b
xóm Chu Trạc	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 20"	105° 29' 24"					E-48-19-D-d
kênh Nông Giang	TV	xã Hoa Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-19-D-d
xóm Phan Đăng Lưu	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	18° 59' 58"	105° 29' 31"					E-48-31-B-b
xóm Phan Đình Phùng	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 11"	105° 29' 41"					E-48-19-D-d
xóm Tân Quang	DC	xã Hoa Thành	H. Yên Thành	19° 00' 19"	105° 29' 51"					E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Hoa Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
xóm Bắc Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 16"	105° 31' 07"					E-48-20-C-c
xóm Đa Cảnh	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 44"	105° 31' 02"					E-48-20-C-c
xóm Đông Ngô	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 19"	105° 32' 09"					E-48-20-C-c
xóm Đông Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 03"	105° 31' 08"					E-48-20-C-c
xóm Nam Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 07"	105° 31' 02"					E-48-20-C-c
xóm Phú Đa	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 42"	105° 30' 53"					E-48-20-C-c
xóm Tân Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 32"	105° 31' 23"					E-48-20-C-c
xóm Tây Xuân	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 15"	105° 31' 01"					E-48-20-C-c
xóm Thiện Lợi	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 34"	105° 30' 29"					E-48-20-C-c
xóm Thiện Tiến	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 30"	105° 30' 46"					E-48-20-C-c
xóm Triều Cảnh	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 50"	105° 31' 06"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Hồng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Xuân An	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 35"	105° 31' 51"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Xuân Yên	DC	xã Hồng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 07"	105° 31' 58"					E-48-20-C-c
đường tỉnh 538	KX	xã Hợp Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d, E-48-20-C-c
Xóm Chùa	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 20"	105° 30' 13"					E-48-20-C-c
Xóm Định	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 44"	105° 30' 27"					E-48-20-C-c
xóm Đình Phụng	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 21"	105° 30' 22"					E-48-20-C-c
xóm Đông An	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 12"	105° 30' 57"					E-48-20-C-c
xóm Đông Tiến	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 44"	105° 30' 27"					E-48-20-C-c
Sông Hói	TV	xã Hợp Thành	H. Yên Thành			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 28"	105° 31' 24"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
xóm Hưng Lập	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 15"	105° 30' 18"					E-48-20-C-c
xóm Làng Phan	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 49"	105° 30' 13"					E-48-20-C-c
xóm Lý Nhân	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 24"	105° 30' 14"					E-48-20-C-c
Xóm Mới	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 49"	105° 30' 03"					E-48-20-C-c
xóm Vĩnh Hoà	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	19° 00' 35"	105° 30' 50"					E-48-20-C-c
xóm Xuân thượng	*DC*	*xã Hợp Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 00' 00"*	*105° 30' 07"*					*E-48-20-C-c*
xóm Xuân Tiêu	DC	xã Hợp Thành	H. Yên Thành	18° 59' 42"	105° 30' 18"					E-48-20-C-c
hồ Đồn Húng	TV	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 05' 12"	105° 26' 55"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Trạch	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 41"	105° 27' 16"					E-48-19-D-d
xóm Giai Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 09"	105° 27' 47"					E-48-19-D-d
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 22"	105° 27' 26"					E-48-19-D-d
xóm Khe Răm	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 05' 15"	105° 26' 21"					E-48-19-D-d
xóm Kim Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 10"	105° 26' 17"					E-48-19-D-d
xóm Lạc Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 49"	105° 27' 43"					E-48-19-D-d
xóm Ngọc Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 42"	105° 26' 52"					E-48-19-D-d
đập Quản Hài	TV	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 26' 17"					E-48-19-D-d
hồ Quản Hài	TV	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"					E-48-19-D-d
xóm Sơn Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 18"	105° 26' 02"					E-48-19-D-d
xóm Tân Thành	DC	xã Hùng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 46"	105° 27' 14"					E-48-19-D-d
quốc lộ 7	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Đào Đạo Lý	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"	E-48-31-B-b
xóm Đông Phú	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 10"	105° 27' 40"					E-48-31-B-b
Suối Hạc	TV	xã Khánh Thành	H. Yên Thành			18° 53' 36"	105° 27' 59"	18° 55' 23"	105° 27' 33"	E-48-31-B-b
xóm Khánh Hoà	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 55' 55"	105° 27' 07"					E-48-31-B-b
kênh Khe Cát	TV	*xã Khánh Thành*	*H. Yên Thành*			*18° 55' 34"*	*105° 27' 40"*	*18° 57' 17"*	*105° 28' 55"*	*E-48-31-B-b*
xóm Phú An	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 17"	105° 27' 20"					E-48-31-B-b
xóm Phú Khánh	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 17"	105° 27' 33"					E-48-31-B-b
xóm Phú Tập	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 55' 53"	105° 28' 01"					E-48-31-B-b
xóm Phú Văn	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 08"	105° 27' 32"					E-48-31-B-b
xóm Quan Trồng	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 55' 12"	105° 28' 00"					E-48-31-B-b
xóm Quỳnh Khôi	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 02"	105° 27' 22"					E-48-31-B-b
xóm Tiên Khánh	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 03"	105° 26' 56"					E-48-31-B-b
xóm Vân Đình	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 00"	105° 27' 39"					E-48-31-B-b
xóm Vân Đồng	DC	xã Khánh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 55"	105° 27' 28"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Bản	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 44"	105° 23' 32"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Luốc	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 31"	105° 24' 48"					E-48-19-D-d
núi Đồng Nhạn	SV	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 04' 29"	105° 23' 17"					E-48-19-D-d
núi Hòn Dài	SV	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 02' 40"	105° 24' 45"					E-48-19-D-d
xóm Hồng Liên	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 17"	105° 23' 33"					E-48-19-D-d
xóm Hợp Khánh	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 46"	105° 23' 47"					E-48-19-D-d
xóm Ngọc Liên	*DC*	*xã Kim Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 03' 04"*	*105° 23' 19"*					*E-48-19-D-d*
xóm Nhà Đụa	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 05' 37"	105° 23' 59"					E-48-19-D-d
hồ Quản Hài	TV	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"					E-48-19-D-d
xóm Sao Vàng	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 03' 34"	105° 24' 06"					E-48-19-D-d
xóm Trại Mắt	DC	xã Kim Thành	H. Yên Thành	19° 02' 57"	105° 24' 11"					E-48-19-D-d
xóm 3	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 02' 57"	105° 29' 28"					E-48-19-D-d
xóm 4	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 02"	105° 29' 36"					E-48-19-D-d
xóm 5	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 06"	105° 29' 43"					E-48-19-D-d
xóm 6	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 04"	105° 29' 52"					E-48-19-D-d
xóm 7	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 30' 03"					E-48-19-D-d
xóm 8	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 35"	105° 29' 59"					E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9A	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 30' 18"					E-48-20-C-c
xóm 9B	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 31"	105° 30' 24"					E-48-20-C-c
xóm Cựa Truông	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 21"	105° 28' 43"					E-48-19-D-d
Suối Dọc	TV	xã Lăng Thành	H. Yên Thành			19° 08' 52"	105° 23' 17"	19° 07' 37"	105° 26' 45"	E-48-19-D-d, E-48-19-D-b
hồ Đồn Hủng	TV	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 05' 12"	105° 26' 55"					E-48-19-D-d
xóm Động Cầu	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 06' 00"	105° 24' 53"					E-48-19-D-d
xóm Hóc Nông	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 03' 30"	105° 28' 55"					E-48-19-D-d
xóm Phú Sơn	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 59"	105° 27' 38"					E-48-19-D-d
xóm Tây Phú	DC	xã Lăng Thành	H. Yên Thành	19° 04' 36"	105° 27' 49"					E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Lăng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
xóm 2	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 33"	105° 26' 40"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 22"	105° 26' 38"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 08"	105° 27' 08"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 12"	105° 26' 27"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 58"	105° 25' 57"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 56"	105° 26' 36"					E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 23"	105° 25' 41"					E-48-31-B-b
xóm 9	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 37"	105° 25' 39"					E-48-31-B-b
xóm 10	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 13"	105° 25' 37"					E-48-31-B-b
xóm 22	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 06"	105° 25' 10"					E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Liên Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b
xóm Bắc Phong	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 03"	105° 25' 36"					E-48-31-B-b
sông Bàu Chèn	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			18° 56' 42"	105° 26' 41"	18° 56' 22"	105° 26' 07"	E-48-31-B-b
xóm Chùa Thàng	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 57"	105° 26' 01"					E-48-31-B-b
xóm Liên Giang	DC	xã Liên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 33"	105° 26' 18"					E-48-31-B-b
kênh N201	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
kênh Vếch Bắc	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-31-B-b
sông Vũ Giang	TV	xã Liên Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"	E-48-31-B-b
đường tỉnh 534	KX	xã Long Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b
xóm Bắc Sơn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 54"	105° 28' 13"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bắc Yên	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 50"	105° 28' 15"					E-48-31-B-b
xóm Đông Sơn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 08"	105° 28' 31"					E-48-31-B-b
xóm Đông Yên	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 42"	105° 28' 20"					E-48-31-B-b
xóm Giáp Bổn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 58"	105° 28' 32"					E-48-31-B-b
xóm Giáp Ngói	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 59"	105° 28' 26"					E-48-31-B-b
kênh N82A	TV	xã Long Thành	H. Yên Thành			18° 55' 34"	105° 27' 40"	18° 57' 17"	105° 28' 55"	E-48-31-B-b
xóm Nam Sơn	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 06"	105° 28' 23"					E-48-31-B-b
xóm Phan Thanh	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 30"	105° 28' 12"					E-48-31-B-b
xóm Phú Thọ	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 06"	105° 29' 29"					E-48-31-B-b
xóm Quang Trung	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 23"	105° 28' 00"					E-48-31-B-b
xóm Tây Yên	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 48"	105° 27' 59"					E-48-31-B-b
xóm Vạn Thành	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 20"	105° 28' 58"					E-48-31-B-b
xóm Văn Trai 6	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 33"	105° 28' 35"					E-48-31-B-b
xóm Văn Trai 7	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 31"	105° 28' 55"					E-48-31-B-b
xóm Văn Tràng	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 55"	105° 28' 53"					E-48-31-B-b
xóm Vạn Tràng	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 58' 30"	105° 29' 07"					E-48-31-B-b
xóm Yên Mội	DC	xã Long Thành	H. Yên Thành	18° 57' 44"	105° 29' 14"					E-48-31-B-b
xóm 1	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 30"	105° 24' 33"					E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 46"	105° 24' 28"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 06"	105° 24' 35"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 58"	105° 24' 52"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 35"	105° 25' 07"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 15"	105° 25' 44"					E-48-31-B-b
xóm 7	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 27"	105° 25' 23"					E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 33"	105° 25' 09"					E-48-31-B-b
xóm 9	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 38"	105° 24' 19"					E-48-31-B-b
xóm 10	DC	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 58"	105° 24' 29"					E-48-31-B-b
động Chùa Mẹ	SV	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 56' 40"	105° 24' 25"					E-48-31-B-b
động Ô Cuông	SV	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 27"	105° 24' 14"					E-48-31-B-b
Suối Thai	TV	xã Lý Thành	H. Yên Thành			18° 56' 06"	105° 26' 33"	18° 56' 47"	105° 25' 34"	E-48-31-B-b
động Truông Gió	SV	xã Lý Thành	H. Yên Thành	18° 57' 59"	105° 23' 38"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh Vách Bắc	TV	xã Lý Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-31-B-b
Xóm Chùa	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 55"	105° 31' 12"					E-48-20-C-c
đập Chùa Lụi	TV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 24"	105° 29' 30"					E-48-19-D-d
xóm Chùa Sơn	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 25"	105° 30' 56"					E-48-20-C-c
xóm Đá Dựng	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 47"	105° 29' 51"					E-48-19-D-d
Xóm Đình	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 41"	105° 30' 56"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Bàu 1	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 25"	105° 29' 56"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Bàu 2	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 19"	105° 29' 46"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Đức	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 46"	105° 31' 16"					E-48-20-C-c
núi Động Mòng	SV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 08"	105° 30' 54"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Nhân	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 13"	105° 31' 04"					E-48-20-C-c
xóm Hòn Nen	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 05' 01"	105° 30' 40"					E-48-20-C-c
núi Hòn Riềng	SV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 04' 50"	105° 31' 04"					E-48-20-C-c
đập Khe Bai	TV	*xã Mã Thành*	*H. Yên Thành*	19° 05' 19"	105° 30' 30"					E-48-20-C-c
Xóm Luỹ	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 03' 31"	105° 30' 45"					E-48-20-C-c
Núi Nguộc	SV	xã Mã Thành	H. Yên Thành	18° 45' 01"	105° 21' 24"					E-48-31-B-c
Sông Sanh	TV	xã Mã Thành	H. Yên Thành			19° 07' 19"	105° 30' 57"	19° 03' 54"	105° 31' 29"	E-48-20-C-c
xóm Thanh Đà	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 05' 29"	105° 30' 19"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Mã Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Yên Thịnh	DC	xã Mã Thành	H. Yên Thành	19° 05' 14"	105° 30' 07"					E-48-19-D-d
xóm 1	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 49"	105° 23' 17"					E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 00"	105° 23' 17"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 17"	105° 22' 13"					E-48-31-B-a
xóm 4	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 39"	105° 22' 01"					E-48-31-B-a
xóm 5	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 54"	105° 21' 44"					E-48-31-B-a
xóm 6	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 42"	105° 21' 27"					E-48-31-B-a
xóm 7	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 04"	105° 21' 22"					E-48-31-B-a
xóm 8	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 40"	105° 23' 15"					E-48-31-B-a
xóm 9	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 46"	105° 22' 34"					E-48-31-B-a
xóm 10	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 24"	105° 23' 02"					E-48-31-B-b
xóm 11	DC	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 40"	105° 20' 42"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Gốc Lim	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 42"	105° 21' 06"					E-48-31-B-a
đập Hố Cầu	TV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 45"	105° 22' 36"					E-48-31-B-b
núi Khe Dong	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 23"	105° 21' 23"					E-48-31-B-a
suối Khe Dong	TV	xã Minh Thành	H. Yên Thành			18° 57' 54"	105° 21' 24"	18° 56' 27"	105° 23' 17"	E-48-31-B-a
núi Kon Cai	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 57"	105° 21' 25"					E-48-31-B-a
núi Lèn Dan	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 50"	105° 23' 48"					E-48-31-B-b
núi Ngọc Giai	SV	xã Minh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 19"	105° 23' 18"					E-48-31-B-b
Suối Thai	TV	xã Minh Thành	H. Yên Thành			18° 56' 56"	105° 23' 52"	18° 56' 47"	105° 25' 34"	E-48-31-B-b
quốc lộ 7	KX	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-b
làng Bắc Đình	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 20"	105° 23' 49"					E-48-31-B-b
làng Bục Trại	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 03"	105° 25' 05"					E-48-31-B-b
núi Cao Sơn	SV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 14"	105° 23' 05"					E-48-31-B-b
sông Đào Đạo Lý	TV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành			18° 56' 12"	105° 24' 18"	18° 55' 36"	105° 27' 37"	E-48-31-B-b
làng Động Sơn	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 26"	105° 25' 36"					E-48-31-B-b
làng Giáp Quán	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 43"	105° 23' 54"					E-48-31-B-b
làng Hậu Mỹ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 36"	105° 24' 38"					E-48-31-B-b
làng Nam Đình	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 12"	105° 24' 14"					E-48-31-B-b
làng Niên Hoà	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 15"	105° 24' 51"					E-48-31-B-b
làng Phong Niên A	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 05"	105° 23' 46"					E-48-31-B-b
làng Phong Niên B	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 47"	105° 23' 23"					E-48-31-B-b
làng Quảng Đông 1/5	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 13"	105° 24' 07"					E-48-31-B-b
làng Quảng Đông 14B	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 24"	105° 23' 53"					E-48-31-B-b
làng Tân Mỹ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 53' 49"	105° 25' 31"					E-48-31-B-b
làng Tân Quảng	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 33"	105° 24' 14"					E-48-31-B-b
làng Thánh Từ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 32"	105° 25' 02"					E-48-31-B-b
làng Thượng Lô	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 33"	105° 24' 23"					E-48-31-B-b
làng Tiền Mỹ	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 28"	105° 24' 46"					E-48-31-B-b
làng Trang Niên	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 55' 00"	105° 24' 29"					E-48-31-B-b
làng Trung Lô	DC	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 54' 45"	105° 24' 31"					E-48-31-B-b
núi Tù Và	SV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 53' 53"	105° 26' 22"					E-48-31-B-b
núi Tùng Tạo	SV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành	18° 53' 50"	105° 23' 32"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh Vếch Bắc	TV	xã Mỹ Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Nam Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b
xóm Bội Châu	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 31"	105° 26' 25"					E-48-31-B-b
xóm Đăng Lưu	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 18"	105° 26' 25"					E-48-31-B-b
xóm Hợp Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 58"	105° 24' 46"					E-48-31-B-b
xóm Lâm Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 41"	105° 27' 20"					E-48-31-B-b
núi Lên Cờ	SV	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 30"	105° 25' 39"					E-48-31-B-b
xóm Lộc Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 06"	105° 27' 02"					E-48-31-B-b
xóm Sơn Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 28"	105° 25' 55"					E-48-31-B-b
kênh Sông Đào	TV	xã Nam Thành	H. Yên Thành			18° 55' 25"	105° 22' 23"	18° 58' 04"	105° 25' 59"	E-48-31-B-b
xóm Tân Hợp	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 43"	105° 26' 29"					E-48-31-B-b
xóm Trần Phú	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 29"	105° 25' 48"					E-48-31-B-b
xóm Vĩnh Thành	DC	xã Nam Thành	H. Yên Thành	18° 57' 18"	105° 26' 58"					E-48-31-B-b
xóm Bắc An	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 28"	105° 30' 56"					E-48-31-B-b
sông Cầu Bà	TV	xã Nhân Thành	H. Yên Thành			19° 01' 08"	105° 30' 16"	18° 58' 29"	105° 31' 24"	E-48-20-C-c, E-48-32-A-a
xóm Đông Hà	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 24"	105° 29' 53"					E-48-31-B-b
xóm Đông Yên 2	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 18"	105° 31' 25"					E-48-32-A-a
xóm Đông Yên1	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 15"	105° 31' 41"					E-48-32-A-a
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 42"	105° 30' 02"					E-48-32-A-a
xóm Nhân Cao	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 21"	105° 30' 40"					E-48-32-A-a
xóm Phú Điền	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 29"	105° 30' 27"					E-48-32-A-a
xóm Thọ Vinh	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 27"	105° 30' 18"					E-48-32-A-a
xóm Trung Hậu	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 33"	105° 30' 11"					E-48-32-A-a
xóm Trung Thuận	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 11"	105° 31' 11"					E-48-32-A-a
xóm Trung Xuân	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 16"	105° 30' 53"					E-48-32-A-a
xóm Văn Bắc	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 29' 40"					E-48-31-B-b
xóm Văn Nam	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 05"	105° 29' 39"					E-48-31-B-b
xóm Văn Tây	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 22"	105° 29' 18"					E-48-32-A-a
xóm Vĩnh Tiến	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 26"	105° 30' 46"					E-48-32-A-a
xóm Xuân Miêu	DC	xã Nhân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 30' 28"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Bắc Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 02' 03"	105° 30' 41"					E-48-20-C-c
xóm Bắc Tiên	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 52"	105° 30' 36"					E-48-20-C-c
xóm Cồn Vòng	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 43"	105° 31' 03"					E-48-20-C-c
xóm Đông Hồng	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 27"	105° 31' 27"					E-48-20-C-c
xóm Đông Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 48"	105° 30' 19"					E-48-20-C-c
xóm Đông Tiên	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 23"	105° 29' 50"					E-48-19-D-d
xóm Nam Hồng	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 31' 30"					E-48-20-C-c
xóm Nam Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 31' 55"					E-48-20-C-c
xóm Nam Tiên	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 36"	105° 30' 45"					E-48-20-C-c
xóm Tân Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 06"	105° 30' 14"					E-48-20-C-c
xóm Tây Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 38"	105° 31' 27"					E-48-20-C-c
xóm Thanh Sơn	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 20"	105° 30' 24"					E-48-20-C-c
xóm Thanh Tân	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 49"	105° 30' 06"					E-48-20-C-c
xóm Thanh Tân	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 55"	105° 30' 53"					E-48-20-C-c
xóm Thanh Thuỷ	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 20"	105° 30' 16"					E-48-20-C-c
xóm Trung Lai	DC	xã Phú Thành	H. Yên Thành	19° 01' 12"	105° 30' 21"					E-48-19-D-d
xóm Bình Nguyên	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 51"	105° 26' 40"					E-48-19-D-d
xóm Đông Nam	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 24"	105° 28' 28"					E-48-19-D-d
xóm Đông Tây Hồ	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 43"	105° 27' 30"					E-48-19-D-d
xóm Đông Thịnh	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 28' 47"					E-48-19-D-d
xóm Đông Yên	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 32"	105° 28' 01"					E-48-19-D-d
xóm Kỳ Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 14"	105° 26' 28"					E-48-19-D-d
xóm Liên Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 21"	105° 27' 53"					E-48-19-D-d
xóm Nam Chính	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 35"	105° 27' 56"					E-48-19-D-d
xóm Nam Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 57"	105° 27' 40"					E-48-19-D-d
xóm Nam Thịnh	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 28' 40"					E-48-19-D-d
xóm Phúc Giang	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 26' 16"					E-48-19-D-d
xóm Phương Tô	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 57"	105° 27' 05"					E-48-19-D-d
đập Quản Hài	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 26' 17"					E-48-19-D-d
hồ Quản Hài	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 33"	105° 25' 55"					E-48-19-D-d
xóm Tây Nam	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 37"	105° 27' 52"					E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Thung Chè	SV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 27"	105° 26' 37"					E-48-19-D-d
xóm Trung Nam A	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 26"	105° 28' 14"					E-48-19-D-d
xóm Trung Nam B	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 25"	105° 28' 20"					E-48-19-D-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
Suối Vàu	TV	*xã Phúc Thành*	*H. Yên Thành*			*19° 01' 34"*	*105° 24' 20"*	*19° 00' 31"*	*105° 28' 46"*	E-48-19-D-d
đập Vệ Vung	TV	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 05"	105° 25' 50"					E-48-19-D-d
xóm Xuân Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 48"	105° 28' 13"					E-48-19-D-d
xóm Xuân Viên	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 43"	105° 28' 26"					E-48-19-D-d
xóm Yên Bang	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 02' 03"	105° 28' 11"					E-48-19-D-d
xóm Yên Sơn	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 01' 45"	105° 27' 02"					E-48-19-D-d
xóm Yên Trung	DC	xã Phúc Thành	H. Yên Thành	19° 03' 17"	105° 26' 45"					E-48-19-D-d
xóm Bắc Sơn	*DC*	*xã Quang Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 03' 21"*	*105° 21' 54"*					*E-48-19-D-c*
xóm Đông Thành	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 01' 57"	105° 22' 02"					E-48-19-D-c
xóm Hồng Nam	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 00"	105° 21' 34"					E-48-19-D-c
xóm Quang Long	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 15"	105° 21' 13"					E-48-19-D-c
xóm Quang Nhân	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 35"	105° 22' 35"					E-48-19-D-d
xóm Sơn Thành	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 31"	105° 22' 04"					E-48-19-D-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 03' 13"	105° 22' 35"					E-48-19-D-d
xóm Thị Tứ	*DC*	*xã Quang Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 02' 34"*	*105° 20' 46"*					*E-48-19-D-c*
xóm Tiên Long	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 51"	105° 20' 55"					E-48-19-D-c
Núi Trọc	SV	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 04' 18"	105° 21' 00"					E-48-19-D-c
xóm Trung Bắc	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 03' 04"	105° 21' 24"					E-48-19-D-c
xóm Trung Nam	DC	xã Quang Thành	H. Yên Thành	19° 02' 54"	105° 21' 42"					E-48-19-D-c
xóm 1	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 04"	105° 28' 48"					E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 32"	105° 28' 36"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 16"	105° 29' 25"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 58"	105° 28' 46"					E-48-31-B-b
xóm 5	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 10"	105° 28' 37"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 05"	105° 29' 15"					E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 09"	105° 29' 38"					E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 25"	105° 29' 56"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 9	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 38"	105° 30' 02"					E-48-32-A-a
xóm 10	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 29"	105° 29' 05"					E-48-31-B-b
xóm 11	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 35"	105° 29' 03"					E-48-31-B-b
xóm 12	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 34"	105° 28' 51"					E-48-31-B-b
xóm 13	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 54' 56"	105° 30' 04"					E-48-32-A-a
xóm 14	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 27"	105° 29' 03"					E-48-31-B-b
xóm 15	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 17"	105° 29' 03"					E-48-31-B-b
xóm 16	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 10"	105° 28' 48"					E-48-31-B-b
xóm 17	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 11"	105° 28' 40"					E-48-31-B-b
xóm 18	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 08"	105° 28' 36"					E-48-31-B-b
xóm 19	DC	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 55' 13"	105° 28' 32"					E-48-31-B-b
đường tỉnh 534	KX	xã Sơn Thành	H. Yên Thành			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-b
Suối Cát	TV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"	E-48-31-B-b, E-48-32-A-a
núi Động Hổ	SV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 45"	105° 28' 23"					E-48-31-B-b
núi Động Rẩy	SV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành	18° 53' 45"	105° 29' 48"					E-48-31-B-b
kênh N201	TV	xã Sơn Thành	H. Yên Thành			18° 56' 26"	105° 25' 04"	18° 57' 40"	105° 36' 17"	E-48-20-C-a
núi Hòn Gai	SV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
núi Hòn Sường	SV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 39"	105° 29' 33"					E-48-19-D-b
đập Mả Tổ	TV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 59"	105° 30' 45"					E-48-20-C-c
đập Nhà Trò	TV	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 08' 00"	105° 30' 08"					E-48-20-C-c
Sông Sanh	TV	xã Tân Thành	H. Yên Thành			19° 07' 19"	105° 30' 57"	19° 03' 54"	105° 31' 29"	E-48-20-C-c
xóm Tân Bình	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 22"	105° 30' 37"					E-48-20-C-c
xóm Tân Đông	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 10"	105° 32' 15"					E-48-20-C-c
xóm Tân Đức	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 05"	105° 31' 44"					E-48-20-C-c
xóm Tân Hoa	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 00"	105° 30' 30"					E-48-20-C-c
xóm Tân Hợp	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 15"	105° 30' 36"					E-48-20-C-c
xóm Tân Lộc	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 33"	105° 31' 59"					E-48-20-C-c
xóm Tân Nhân	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 10"	105° 31' 24"					E-48-20-C-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 39"	105° 29' 58"					E-48-19-D-b
xóm Tân Thắng	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 45"	105° 31' 20"					E-48-20-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tân Triều	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 50"	105° 30' 04"					E-48-20-C-c
xóm Tân Triều	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 43"	105° 30' 11"					E-48-20-C-c
xóm Tân Trung	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 05' 58"	105° 30' 58"					E-48-20-C-c
xóm Tân Vĩnh	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 07' 04"	105° 31' 14"					E-48-20-C-c
xóm Thị Tứ	DC	xã Tân Thành	H. Yên Thành	19° 06' 34"	105° 31' 08"					E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 01' 18"	105° 26' 12"					E-48-19-D-d
xóm 2	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 51"	105° 26' 27"					E-48-19-D-d
xóm 3A	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 22"	105° 26' 42"					E-48-19-D-d
xóm 3B	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	19° 00' 12"	105° 26' 43"					E-48-19-D-d
xóm 4	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 36"	105° 28' 02"					E-48-19-D-d
xóm 5	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 28"	105° 27' 51"					E-48-19-D-d
xóm 6	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 39"	105° 28' 34"					E-48-19-D-d
xóm 7	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 18"	105° 28' 47"					E-48-19-D-d
xóm 8	DC	xã Tăng Thành	H. Yên Thành	18° 59' 43"	105° 27' 31					E-48-19-D-d
đường tỉnh 538	KX	xã Tăng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d, E-48-31-B-b
kênh Vách Bắc	TV	xã Tăng Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-19-D-d
Suối Vàu	TV	xã Tăng Thành	H. Yên Thành			19° 01' 34"	105° 24' 20"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-19-D-d
xóm Ân Quang	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 20"	105° 20' 28"					E-48-19-D-c
xóm Ân Tiên	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 36"	105° 19' 58"					E-48-19-D-c
dãy Ba Khe	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành			19° 00' 16"	105° 20' 47"	19° 02' 01"	105° 22' 37"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
núi Chấn Thuỷ	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 00' 27"	105° 21' 44"					E-48-19-D-c
xóm Châu Thành 1	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 00' 46"	105° 20' 32"					E-48-19-D-c
xóm Châu Thành 2	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 01"	105° 20' 40"					E-48-19-D-c
xóm Đồn Kén	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 45"	105° 19' 26"					E-48-19-D-c
xóm Hậu Thành 1	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 31"	105° 21' 10"					E-48-19-D-c
xóm Hậu Thành 2	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 16"	105° 21' 08"					E-48-19-D-c
núi Hồ Du	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 20' 03"					E-48-19-D-c
xóm Khánh Thành	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 38"	105° 19' 28"					E-48-19-D-c
xóm Lê Lai	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 19' 22"					E-48-19-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Rạng Đông 1	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 18"	105° 19' 02"					E-48-19-D-c
xóm Rạng Đông 2	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 47"	105° 18' 38"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 24"	105° 20' 35"					E-48-19-D-c
xóm Thành Sơn	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 00"	105° 20' 21"					E-48-19-D-c
xóm Tiên Quang	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 30"	105° 19' 53"					E-48-19-D-c
Núi Trạch	SV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 11"	105° 20' 07"					E-48-19-D-c
xóm Trung Phong	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 01' 55"	105° 20' 32"					E-48-19-D-c
xóm Trung Tâm	DC	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 02' 25"	105° 20' 13"					E-48-19-D-c
hồ Vẹ Riềng	TV	xã Tây Thành	H. Yên Thành	19° 00' 14"	105° 20' 40"					E-48-19-D-c, E-48-31-B-a
Đập Am	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 21' 02"					E-48-31-B-a
đập Bàu Cửa	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 50"	105° 20' 42"					E-48-31-B-a
núi Chấn Thuỷ	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 27"	105° 21' 44"					E-48-19-D-c
xóm Công Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 02"	105° 18' 44"					E-48-19-D-c
xóm Diễn Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 06"	105° 19' 04"					E-48-19-D-c
xóm Đô Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 42"	105° 19' 17"					E-48-19-D-c
núi Đồng Quan	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 25"	105° 18' 48"					E-48-31-B-a
xóm Đồng Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 24"	105° 20' 15"					E-48-31-B-a
núi Hồ Du	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 35"	105° 20' 03"					E-48-19-D-c
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 59"	105° 19' 31"					E-48-31-B-a
xóm Hưng Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 45"	105° 19' 45"					E-48-31-B-a
xóm Khánh Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 03"	105° 20' 55"					E-48-31-B-a
suối Khe Ngang	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành			18° 58' 48"	105° 20' 28"	18° 59' 17"	105° 19' 43"	E-48-31-B-a
núi Kon Cai	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 57"	105° 21' 25"					E-48-31-B-a
xóm Mỹ Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 32"	105° 19' 40"					E-48-31-B-a
xóm Nam Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 57"	105° 19' 56"					E-48-31-B-a
xóm Tam Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 58"	105° 20' 12"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 05"	105° 18' 24"					E-48-19-D-c
Núi Trạch	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 11"	105° 20' 07"					E-48-19-D-c
núi Tràng Sinh	SV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 20"	105° 19' 16"					E-48-31-B-a
xóm Tràng Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 06"	105° 19' 25"					E-48-31-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Trung Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 01' 02"	105° 19' 41"					E-48-19-D-c
xóm Trường Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 28"	105° 19' 02"					E-48-31-B-a
xóm Văn Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 26"	105° 18' 20"					E-48-31-B-a
hồ Vẹ Riềng	TV	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	19° 00' 14"	105° 20' 40"					E-48-19-D-c, E-48-31-B-a
xóm Vĩnh Thịnh	DC	xã Thịnh Thành	H. Yên Thành	18° 59' 41"	105° 19' 12"					E-48-31-B-a
xóm Bắc Nhân Trạch	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 05"	105° 33' 00"					E-48-20-C-c
xóm Bái Trạch	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 53"	105° 32' 44"					E-48-20-C-c
xóm Đại Hữu	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 06"	105° 32' 11"					E-48-20-C-c
xóm Dinh Khoa	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 10"	105° 32' 00"					E-48-20-C-c
xóm Đồn Dừa	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 12"	105° 32' 20"					E-48-20-C-c
xóm Đồng Trung	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 43"	105° 31' 54"					E-48-20-C-c
xóm Lạc Thổ	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 31' 27"					E-48-20-C-c
xóm Nam Nhân Trạch	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 01"	105° 33' 01"					E-48-20-C-c
xóm Tam Đa	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 37"	105° 32' 04"					E-48-20-C-c
xóm Tam Hợp	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 16"	105° 32' 21"					E-48-20-C-c
xóm Tây Trung	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 53"	105° 31' 47"					E-48-20-C-c
xóm Trung Tâm	DC	xã Thọ Thành	H. Yên Thành	19° 03' 30"	105° 32' 20"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Thọ Thành	H. Yên Thành			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-c
xóm Bắc Tiến	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 07' 00"	105° 28' 55"					E-48-19-D-d
xóm Cầu Máng	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 24"	105° 29' 25"					E-48-19-D-d
xóm Cựa Thờ	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 42"	105° 29' 23"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Tròn	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 04' 49"	105° 29' 20"					E-48-19-D-d
núi Hóc Giác	SV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 25"	105° 29' 03"					E-48-19-D-d
núi Hòn Sường	SV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 07' 39"	105° 29' 33"					E-48-19-D-b
ke Kên Kên	TV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành			19° 07' 10"	105° 26' 57"	19° 08' 53"	105° 23' 17"	E-48-19-D-b
xóm Nhân Tiến	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 07"	105° 28' 14"					E-48-19-D-d
xóm Rộc Lúa	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 23"	105° 30' 01"					E-48-20-C-c
Đập Sặt	TV	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 17"	105° 28' 23"					E-48-19-D-d
xóm Tân Yên A	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 36"	105° 28' 14"					E-48-19-D-d
xóm Tân Yên B	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 00"	105° 28' 02"					E-48-19-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Tây Tiến	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 06' 51"	105° 28' 00"					E-48-19-D-d
xóm Yên Viên	DC	xã Tiến Thành	H. Yên Thành	19° 05' 44"	105° 29' 47"					E-48-19-D-d
đường tỉnh 538	KX	xã Trung Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-31-B-b
xóm Chợ Bùi	*DC*	*xã Trung Thành*	*H. Yên Thành*	*18° 58' 47"*	*105° 25' 14"*					*E-48-31-B-b*
xóm Đội Cung	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 57' 49"	105° 26' 38"					E-48-31-B-b
xóm Đồng Lèn	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 58' 27"	105° 24' 13"					E-48-31-B-b
xóm Hoa Thám	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 57' 54"	105° 27' 27"					E-48-31-B-b
xóm Hoàng Diệu	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 57' 59"	105° 26' 36"					E-48-31-B-b
xóm Trại Dâu	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 58' 16"	105° 25' 33"					E-48-31-B-b
xóm Vệ Giá	DC	xã Trung Thành	H. Yên Thành	18° 58' 31"	105° 24' 53"					E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Văn Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d
xóm Công Trung	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 44"	105° 29' 48"					E-48-19-D-d
xóm Lạch Vằng	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 14"	105° 26' 57"					E-48-19-D-d
xóm Long Chu	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 31"	105° 29' 27"					E-48-19-D-d
xóm Minh Châu	*DC*	*xã Văn Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 00' 43"*	*105° 28' 33"*					*E-48-19-D-d*
xóm Nam Sơn	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 15"	105° 28' 24"					E-48-19-D-d
kênh Nông Giang	TV	xã Văn Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-19-D-d
xóm Thạch Sơn	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 32"	105° 27' 22"					E-48-19-D-d
xóm Thượng Sơn	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 26"	105° 27' 06"					E-48-19-D-d
xóm Văn Mỹ	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 41"	105° 27' 51"					E-48-19-D-d
xóm Văn Yên	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 37"	105° 29' 22"					E-48-19-D-d
Suối Vàu	TV	xã Văn Thành	H. Yên Thành			19° 01' 34"	105° 24' 20"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-19-D-d
xóm Xuân Châu	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 09"	105° 28' 02"					E-48-19-D-d
xóm Yên Hoà	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 01' 04"	105° 28' 52"					E-48-19-D-d
xóm Yên Phú	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 33"	105° 29' 50"					E-48-19-D-d
xóm Yên Thịnh	*DC*	*xã Văn Thành*	*H. Yên Thành*	*19° 00' 42"*	*105° 29' 39"*					*E-48-19-D-d*
xóm Yên Vằng	DC	xã Văn Thành	H. Yên Thành	19° 00' 56"	105° 26' 48"					E-48-19-D-d
xóm 1	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 41"	105° 28' 42"					E-48-31-B-b
xóm 2	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 45"	105° 28' 58"					E-48-31-B-b
xóm 3	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 46"	105° 29' 05"					E-48-31-B-b
xóm 4	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 56' 08"	105° 29' 26"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 57"	105° 29' 20"					E-48-31-B-b
xóm 6	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 42"	105° 29' 12"					E-48-31-B-b
quốc lộ 7	KX	xã Viên Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-31-B-b, E-48-32-A-a
xóm 7	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 43"	105° 29' 13"					E-48-31-B-b
xóm 8	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 52"	105° 28' 58"					E-48-31-B-b
xóm 9	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 47"	105° 29' 40"					E-48-31-B-b
xóm 10	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 40"	105° 29' 58"					E-48-31-B-b
xóm 11	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 21"	105° 30' 07"					E-48-32-A-a
Suối Cát	TV	xã Viên Thành	H. Yên Thành			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"	E-48-31-B-b, E-48-32-A-a
xóm Đình Hát	DC	xã Viên Thành	H. Yên Thành	18° 55' 39"	105° 28' 47"					E-48-32-A-a
kênh Khe Cát	TV	xã Viên Thành	H. Yên Thành			18° 55' 34"	105° 27' 40"	18° 57' 17"	105° 28' 55"	E-48-31-B-b
kênh N2	TV	xã Viên Thành	H. Yên Thành			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
quốc lộ 7	KX	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			19° 28' 15"	104° 05' 04"	18° 58' 42"	105° 35' 55"	E-48-32-A-a
xóm Bắc Tháp	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 48"	105° 30' 04"					E-48-32-A-a
xóm Cao Sơn	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 13"	105° 30' 05"					E-48-32-A-a
Suối Cát	TV	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"	E-48-31-B-b, E-48-32-A-a
sông Cầu Bùng	TV	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			19° 00' 18"	105° 35' 24"	19° 01' 43"	105° 36' 04"	E-48-20-C-c
xóm Đông Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 31"	105° 30' 01"					E-48-32-A-a
xóm Đông Tháp	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 41"	105° 30' 20"					E-48-32-A-a
kênh N2	TV	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a E-48-20-C-b
xóm Nam Tháp	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 30"	105° 30' 20"					E-48-32-A-a
xóm Ngọc Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 30"	105° 31' 08"					E-48-32-A-a
xóm Phi Bắc	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 40"	105° 30' 42"					E-48-32-A-a
xóm Phi Nam	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 19"	105° 30' 38"					E-48-32-A-a
xóm Phú Văn	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 25"	105° 29' 24"					E-48-31-B-b
xóm Tân Vĩnh	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 56' 15"	105° 30' 12"					E-48-32-A-a
xóm Tiên Trung	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 58' 00"	105° 30' 17"					E-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm Trung Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 39"	105° 29' 52"					E-48-31-B-b
xóm Tương Lai	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 25"	105° 30' 21"					E-48-32-A-a
xóm Văn Điển	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 36"	105° 30' 42"					E-48-31-B-b
xóm Vĩnh Phúc	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 04"	105° 29' 56"					E-48-31-B-b
xóm Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Thành	H. Yên Thành	18° 57' 07"	105° 29' 46"					E-48-31-B-b
đường tỉnh 538	KX	xã Xuân Thành	H. Yên Thành			19° 00' 42"	105° 35' 09"	18° 55' 25"	105° 26' 30"	E-48-19-D-d
xóm Bắc Phượng Sơn	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 55"	105° 26' 47"					E-48-31-B-b
xóm Bùi Sơn Ngoài	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	19° 00' 28"	105° 25' 37"					E-48-19-D-d
xóm Bùi Sơn Trong	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	19° 00' 13"	105° 25' 00"					E-48-19-D-d
Đập Đầm	TV	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	19° 00' 38"	105° 25' 07"					E-48-19-D-d
xóm Đồng Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 21"	105° 28' 06"					E-48-31-B-b
xóm Liên Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 27' 48"					E-48-31-B-b
xóm Minh Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 58' 29"	105° 28' 34"					E-48-31-B-b
xóm Mỹ Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 12"	105° 28' 05"					E-48-31-B-b
xóm Nam Phượng Sơn	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 20"	105° 26' 49"					E-48-31-B-b
kênh Nông Giang	TV	xã Xuân Thành	H. Yên Thành			18° 58' 04"	105° 25' 59"	19° 00' 31"	105° 28' 46"	E-48-31-B-b, E-48-19-D-d
xóm Tân Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 39"	105° 27' 25"					E-48-31-B-b
xóm Thọ Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 06"	105° 27' 51"					E-48-31-B-b
xóm Thượng Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 15"	105° 27' 48"					E-48-31-B-b
xóm Yên Xuân	DC	xã Xuân Thành	H. Yên Thành	18° 59' 02"	105° 27' 57"					E-48-31-B-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cù Ngọc Linh Ngọc